

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN BA TƠ
TỈNH QUẢNG NGÃI

LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ
HUYỆN BA TƠ
TẬP I
(1930 - 1975)



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA



LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ
HUYỆN BA TƠ

TẬP I
(1930 - 1975)

Mã số: $\frac{3K1(V.223)}{CTQG-2005}$

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN BA TƠ
TỈNH QUẢNG NGÃI

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ HUYỆN BA TƠ

TẬP I

(1930 - 1975)

(Tái bản có sửa chữa, bổ sung)



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HÀ NỘI - 2005

BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY BA TÔ

Ban biên soạn:

1. PHẠM VĂN THỌ
2. ĐINH UÔNG
3. TRẦN THANH VÂN
4. TRƯƠNG CÔNG HÙNG
5. TRẦN TRUNG CHÍNH
6. ĐINH KA RÚP
7. PHẠM VIỆT NHO
8. PHẠM THANH NGHÌN
9. PHẠM CÔNG PHÍP
10. P. RA VI ÔN
11. ĐÀO VĂN KÍNH
12. LÊ HÀN PHONG
13. ĐINH TẤN LẠC
14. PHẠM VĂN TREO
15. ĐINH THỊ Y DUNG
16. PHẠM NGỌC ÁNH
17. HUỲNH THƯƠNG

Biên soạn:

TẠ THANH

Tham gia giúp đỡ biên soạn:

PHẠM VĂN UNG

TRẦN NGỌC THƯƠNG

TRẦN NHƯ VINH



Chủ tịch Hồ Chí Minh (1890 - 1969)



Đồng chí Phạm Văn Đồng (1906 - 2000)

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Nhân dịp kỷ niệm 75 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3-2-1930 – 3-2-2005); 60 năm ngày khởi nghĩa Ba Tơ (11-3-1945 – 11-3-2005); 60 năm Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2-9-1945 – 2-9-2005) và chào mừng Đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội lần thứ X của Đảng, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia phối hợp với Ban Thường vụ Huyện uỷ Ba Tơ tái bản có sửa chữa, bổ sung cuốn sách ***Lịch sử Đảng bộ huyện Ba Tơ (1930 - 1975)***. Cuốn sách ghi lại lịch sử đấu tranh kiên cường, bất khuất của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Ba Tơ anh hùng từ năm 1930 đến 1975 nhằm ôn lại truyền thống đấu tranh anh dũng chống thực dân, đế quốc; thể hiện đạo lý "uống nước nhớ nguồn"; đồng thời qua đó góp phần giáo dục thế hệ trẻ, cổ vũ cán bộ và nhân dân các dân tộc trong huyện tiếp tục nỗ lực phấn đấu trên con đường xây dựng và bảo vệ quê hương, đất nước.

Nội dung cuốn sách gồm bốn phần chính:

- ***Phần mở đầu:*** Đặc điểm địa lý - kinh tế - xã hội và truyền thống quê hương Ba Tơ anh hùng.

- ***Phần thứ nhất:*** Sự ra đời của tổ chức Đảng ở Ba Tơ; nhân dân Ba Tơ dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ Ba Tơ trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945).

- *Phần thứ hai:* Đảng bộ và nhân dân Ba Tơ trong giai đoạn cùng cả tỉnh, cả nước đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đến thắng lợi (1945 - 1954).

- *Phần thứ ba:* Đảng bộ và nhân dân Ba Tơ trong giai đoạn kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975).

Xin giới thiệu cuốn sách với bạn đọc, nhất là thế hệ trẻ của nhân dân các dân tộc huyện Ba Tơ.

Tháng 8 năm 2005

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

LỜI NÓI ĐẦU

Ba Tơ là một trong 6 huyện miền núi, nằm về phía tây nam của tỉnh Quảng Ngãi, có vị trí địa lý quan trọng mang tầm *chiến lược* trong sự nghiệp đấu tranh bảo vệ và xây dựng quê hương của nhân dân Quảng Ngãi từ xưa đến nay.

Trước khi có Đảng Cộng sản ra đời, các dân tộc ở Ba Tơ gồm dân tộc Hrê và dân tộc Kinh đã dũng cảm, kiên cường liên tục đấu tranh chống thiên tai và các thế lực phong kiến, thực dân đế quốc phản động để tồn tại và phát triển. Từ năm 1930 cho đến khi kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, tháng 4 năm 1975 dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam ... mà trực tiếp là của Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi, Đảng bộ và nhân dân Ba Tơ đã kế thừa và phát huy truyền thống đoàn kết, đấu tranh kiên cường, lao động cần cù, anh dũng chiến đấu chống lại mọi kẻ thù, vượt qua mọi khó khăn gian khổ để giành quyền làm chủ và bảo vệ vững chắc quê hương, duy trì và phát triển mối quan hệ tốt đẹp với các huyện trong tỉnh và một số huyện giáp ranh thuộc các tỉnh Bình Định, Gia Lai, Kon Tum... góp phần xứng đáng vào thắng

lợi chung của các cuộc kháng chiến vĩ đại, tô đậm thêm những trang sử vàng của nhân dân Quảng Ngãi nói riêng, cả nước nói chung.

Ba Tơ là nơi đã diễn ra cuộc khởi nghĩa Ba Tơ lịch sử (11-3-1945), nơi ra đời Đội du kích Ba Tơ anh hùng và là một trong những địa phương được giải phóng sớm nhất trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Trong mọi hoàn cảnh, điều kiện xã hội diễn biến phức tạp, nhân dân các dân tộc Ba Tơ đã thể hiện rất rõ tinh thần cách mạng triệt để, đi theo Đảng đến cùng, vững tin vào sự tất thắng của sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc. Ba Tơ là nơi biểu hiện khá đậm nét tinh thần đoàn kết giữa các dân tộc, đặc biệt là giữa người H'rê và người Kinh. Trong quá trình đấu tranh cách mạng và xây dựng quê hương, nhiều tên núi, tên sông, tên đất, tên làng, những con người cần cù và dũng cảm của Ba Tơ đã đi vào lịch sử vẻ vang của dân tộc, trở thành các biểu tượng anh hùng, minh chứng cho ý chí bất khuất, kiên cường của người dân nơi đây.

Sau khi đất nước thống nhất năm 1975, Đảng bộ Ba Tơ hết sức chú trọng công tác sưu tầm tài liệu, tư liệu, nghiên cứu, biên soạn và xuất bản các tập sách lịch sử truyền thống, ghi chép và phổ biến cho các thế hệ đi sau về truyền thống yêu nước, quá trình đấu tranh của các giai đoạn cách mạng đã đi qua. Từ nhận thức đúng đắn đó, các tập sơ thảo lịch sử Đảng bộ huyện đã được biên soạn và xuất bản (tập I (giai đoạn 1930 - 1954) vào năm

1989; tập II (giai đoạn 1954 - 1975) vào năm 1995), góp phần tích cực trong việc giáo dục truyền thống cho Đảng bộ và nhân dân trong huyện, giới thiệu cùng nhân dân cả tỉnh, cả nước về vùng đất và sự nghiệp đấu tranh anh dũng của đồng bào các dân tộc Ba Tơ trước và sau khi có Đảng lãnh đạo. Các tập sơ thảo trên đã được đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân trong, ngoài huyện đón nhận, đánh giá cao.

Ghi nhận ý kiến góp ý, bổ sung của cán bộ, đảng viên và nhân dân về nội dung hai tập sơ thảo đã xuất bản, từ năm 2001, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Ba Tơ đã quyết định tổ chức chỉnh biên và tái bản toàn bộ lịch sử Đảng bộ huyện từ năm 1930 đến năm 1975, tiếp tục giới thiệu một cách trung thực và có hệ thống hơn, đầy đủ hơn về các sự việc, sự kiện, con người tiêu biểu của địa phương, làm rõ hơn vai trò lãnh đạo của Đảng bộ nhằm đẩy mạnh công tác giáo dục truyền thống cho các thế hệ kế tiếp, nhất là đội ngũ thanh thiếu niên. Cũng qua đó, Đảng bộ đúc kết rõ ràng hơn những thành công, những kinh nghiệm để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị tại địa phương trong thời gian hiện nay và những năm tiếp theo.

Sau một thời gian tích cực triển khai thực hiện, bản thảo chính thức phục vụ việc tái bản lịch sử Đảng bộ huyện (1930 - 1975) đã được phê duyệt. Thiết thực kỷ niệm các ngày lễ lớn của dân tộc trong năm 2005, đặc biệt chào mừng kỷ niệm 75 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03-02-1930 – 03-02-2005), 60 năm ngày

khởi nghĩa Ba Tơ (11-3-1945 – 11-3-2005) và chào mừng Đại hội Đảng bộ các cấp, Ban Thường vụ Huyện uỷ Ba Tơ quyết định cho xuất bản tập sách này.

Đây là một công trình khoa học được sự đóng góp trí tuệ, công sức của toàn Đảng bộ và nhân dân trong huyện, của nhiều đồng chí đã từng giữ cương vị lãnh đạo tỉnh, huyện qua các thời kỳ. Ban Thường vụ Huyện uỷ Ba Tơ xin chân thành cảm ơn sự quan tâm, tạo điều kiện giúp đỡ của các cơ quan, ban, ngành và cán bộ, đảng viên, đồng bào trong và ngoài huyện để tập sách này đến với bạn đọc.

Mùa Xuân năm 2005

BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY BA TƠ



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỦ TỊCH

VIỆT NAM DÂN CHỦ

TẶNG QUÂN QUẢN

ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN

Lưu lượng vũ trang nhân dân hùng dũng

Chưa hề bị đánh bại

Đã lập nên nhiều chiến công vẻ vang và đã góp phần vào chiến thắng cuối cùng của dân tộc ta trong cuộc kháng chiến chống thực dân và đế quốc.

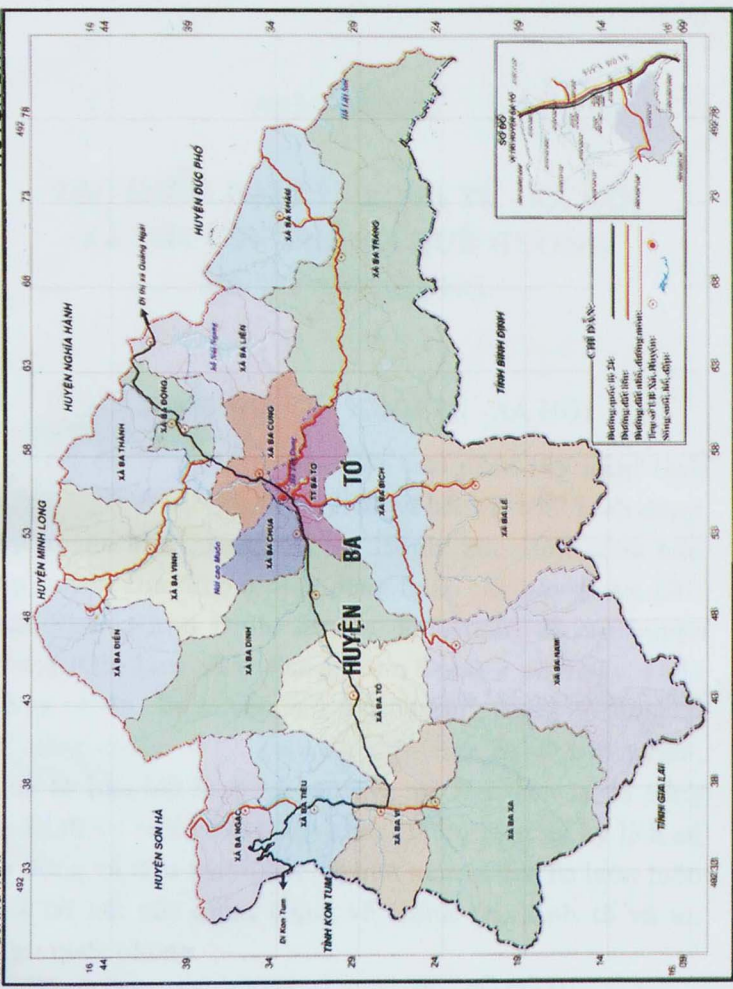
Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 1960



BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH

HUYỆN BÀ TÔ

TỈNH QUẢNG NGÃI



**ĐẶC ĐIỂM ĐỊA LÝ - KINH TẾ - XÃ HỘI
VÀ TRUYỀN THỐNG QUÊ HƯƠNG
BA TƠ ANH HÙNG**

I- ĐẶC ĐIỂM ĐỊA LÝ - KINH TẾ - XÃ HỘI

Ba Tơ là một huyện miền núi phía tây nam tỉnh Quảng Ngãi, ở vào khoảng 14,46° vĩ bắc và 108° kinh đông; giáp huyện Minh Long, Nghĩa Hành, Sơn Hà ở phía bắc, giáp huyện Đức Phổ ở phía đông, giáp các huyện An Lão, Hoài Nhơn (Bình Định) ở phía đông nam và các huyện KBang (Gia Lai), Kon Plong (Kon Tum) ở phía tây. Diện tích tự nhiên của huyện là 1.132,54 km², trong đó rừng và đất rừng chiếm 7/10. Dân số hiện nay có 47.273 người, trong đó hầu hết là đồng bào dân tộc Hrê, còn lại là đồng bào Kinh và một số dân tộc khác. Trong trường kỳ lịch sử xây dựng và đấu tranh bảo vệ quê hương, Ba Tơ luôn luôn có vị trí hết sức quan trọng về chính trị, kinh tế và an ninh - quốc phòng.

Dưới thời phong kiến và thực dân, Ba Tơ là một trong 4 châu miền núi của tỉnh Quảng Ngãi. Sau Cách mạng

Tháng Tám năm 1945, châu Ba Tơ được tổ chức thành một đơn vị hành chính cấp huyện. Trong giai đoạn kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, do điều kiện và yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng, huyện Ba Tơ có lúc chia làm 2: huyện Ba Tơ và huyện Sông Hrê¹. Hiện nay, Ba Tơ có 18 xã và 1 thị trấn. Đó là thị trấn Ba Tơ và các xã: Ba Ngạc, Ba Tiêu, Ba Vì, Ba Xa, Ba Tô, Ba Nam, Ba Dinh, Ba Chùa, Ba Lễ, Ba Bích, Ba Cung, Ba Thành, Ba Động, Ba Liên, Ba Trang, Ba Khâm, Ba Vinh, Ba Điền.

Trong vùng đất Ba Tơ có nhiều đồi núi. Ngọn núi cao hiểm trở và nổi tiếng nhất là ngọn Cao Muôn nằm ở phía bắc huyện. Nó nối liền với các dãy núi ở Minh Long, Sơn Hà vùng Vômôn, Mang Bút, với dãy núi Ngọc Linh (Kon Tum) là nơi có ngọn núi cao nhất ở miền Nam. Dãy núi ở phía đông là núi Ba Huyện (thường gọi là núi Dầu Rái). Núi Dầu Rái nối liền với các vùng của Đức Phổ như Tân Hội, Hùng Nghĩa, đồn Vạn Lý, núi Xương Rồng. Đây là những nơi đã diễn ra nhiều sự kiện lịch sử như việc ra đời của tổ chức Cộng sản đầu tiên, chi bộ đầu tiên và Đảng bộ

1. Trong kháng chiến chống Mỹ xâm lược, huyện Sông Hrê được lập di lập lại 3 lần:

- *Lần thứ nhất:* Từ năm 1959 đến năm 1960 gọi là huyện khu VI gồm các xã: Ba Ngạc, Ba Tiêu, Ba Vì, Ba Xa, Ba Tô của Ba Tơ; Sơn Kỳ, thôn Hải Giá của xã Sơn Thủy, Sơn Hà.

- *Lần thứ hai:* Từ cuối năm 1962 đến năm 1965 gọi là C.33 gồm các xã: Ba Ngạc, Ba Tiêu, Ba Xa, Ba Vì, Ba Tô của Ba Tơ; Sơn Thủy, Sơn Kỳ của Sơn Hà.

- *Lần thứ ba:* Từ cuối năm 1966 đến tháng 10-1975 gọi là huyện Sông Hrê gồm các xã: Ba Ngạc, Ba Tiêu, Ba Xa, Ba Giang, Ba Vì, Ba Nam của Ba Tơ; Sơn Kỳ của Sơn Hà. Xã Ba Xa lúc này tách ra thành Ba Xa và Ba Hrê; xã Sơn Kỳ tách ra thành Sơn Ba và Sơn Kông.

Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Quảng Ngãi. Dãy núi phía nam Ba Tơ gắn với khu rừng cấm Kon Hà Nừng, vốn là khu rừng nguyên thủy với nhiều hang động, thảm thực vật phong phú, nhiều loại gỗ quý và là nơi từng được xây dựng thành một trong những căn cứ của nghĩa quân Tây Sơn. Ở các vùng Ba Xa, Giá Vụt cũng có nhiều núi, rừng nổi tiếng. Các dãy núi cao ở Ba Tơ đã liên kết nhau thành "dãy núi bảo hộ" - thành trì vững chắc cho sự nghiệp chiến đấu và xây dựng tại địa phương.

Đất Ba Tơ còn lưu giữ nhiều dấu tích của các cuộc biến động, thiên di và chiến tranh giữa các bộ tộc, bộ lạc, liên minh bộ lạc, v.v..

Điều đặc biệt và dễ nhận thấy ở các dãy núi của Ba Tơ là có nhiều hang động, nhiều cụm núi có thể "hồ ngồ". Ở giữa các vùng đồi núi, chạy dọc theo các triền sông, suối có nhiều thung lũng đất bằng rộng, có thể trồng trọt, chăn nuôi, v.v..

Ba Tơ còn là vùng đất đầu nguồn của bốn con sông, đó là sông Trà Khúc, sông Vệ, sông Trà Câu của Quảng Ngãi và sông Lại Giang chảy qua An Lão xuống Hoài Nhơn của Bình Định.

Sông Vệ bắt nguồn từ dãy núi nam Giá Vụt với nguồn chính là sông Liêng chảy theo Quốc lộ 24 và chia huyện theo hướng bắc nam. Con sông này đã mang tải thuyền, bè, người buôn bán, đánh cá từ miền xuôi lên miền núi và làm cho biển nối liền nguồn. Sông Vệ có vai trò hết sức quan trọng trong sự nghiệp đấu tranh của

nhân dân, giành độc lập, bảo vệ quê hương, rõ nhất là trong và sau cuộc khởi nghĩa Ba Tơ¹.

Sông Re bắt nguồn từ vùng núi cực nam của huyện chạy qua địa giới các xã Ba Xa, Ba Vì, Ba Ngạc (Ba Tơ) đến Sơn Kỳ, Sơn Thủy (Sơn Hà) nhập với các nhánh sông như Xà Lò, Sông Rình thành sông Trà Khúc. Sông Re chạy song song cùng con đường 5B đi Sơn Hà và giáp nối với Quốc lộ 24 tại Ba Tiêu, chia cắt huyện theo hướng đông tây.

Sông Trà Câu xuất phát từ xã Ba Trang, Ba Liên ở phía đông nam của huyện chảy qua một số xã phía bắc huyện Đức Phổ rồi đổ ra cửa biển Mỹ Á.

Ở đầu nguồn của các con sông trên có nhiều suối lớn, nhỏ chạy dọc, ngang, tạo điều kiện cho việc khai thác nước dễ dàng để phát triển sản xuất. Nằm dọc theo các triền sông lớn có nhiều vùng đất tốt và bằng phẳng, hình thành nhiều đồng ruộng lớn, nhỏ như Ba Động, Ba Đình, Ba Dinh, Ba Vinh, Ba Xa, Ba Vì, Ba Ngạc... Những vùng này có điều kiện tốt để phát triển thành các vùng sản xuất lương thực, thực phẩm phong phú vừa bảo đảm cho nhu cầu vật chất tại chỗ và trao đổi hàng hóa với các địa phương khác.

Với địa hình đa dạng và có nhiều thuận lợi, Ba Tơ có hệ thống giao thông thủy bộ tương đối tốt, nối liền các vùng, các xã, một số huyện và với trung tâm tỉnh lỵ, đóng

1. Trên dòng sông này, Đội du kích Ba Tơ và nhân dân trong huyện, trong tỉnh đã chuyên chở quân nhu, lương thực, vũ khí từ Nghĩa Hành, Mộ Đức lên Ba Động, Bến Buôn... để ủng hộ kháng chiến.

vai trò rất quan trọng trong việc phát triển đời sống kinh tế, văn hóa - xã hội và an ninh quốc phòng. Lịch sử đã ghi lại: Vào năm 1773 một cánh quân của Tây Sơn do Đô đốc Trần Quang Diệu chỉ huy đã theo triền sông Re từ Giá Vụt rẽ về Ba Tơ theo sông Vệ tiến quân ra đánh chiếm thành Quảng Ngãi. Trận đánh tại khu vực Bến Đá (giáp suối Bùn, Nghĩa Hành và Ba Tơ) diễn ra vào ngày 01 tháng 11 là một thắng lợi lớn của quân Tây Sơn trước khi chiếm được thành Quảng Ngãi, v.v..

Vào năm 1945, viên quan cai trị cáo già người Pháp tên là Đambô đã phải viết: "Cho đến nay (1945), thật rõ đại nếu như một người da trắng dám mạo hiểm đi sâu vào vùng của họ".

Cũng giống như các huyện miền núi khác trong tỉnh, khí hậu ở Ba Tơ có hai mùa rõ rệt: mùa mưa và mùa nắng, lượng mưa trung bình hàng năm từ 1.400mm đến 3.400mm. Hàng năm, mùa mưa bắt đầu từ tháng 7 (sớm hơn hai, ba tháng so với đồng bằng) và kết thúc khoảng tháng 1 năm sau. Lượng mưa ở mùa này chiếm từ 75% đến 80% lượng mưa cả năm. Vào mùa này khí hậu ở vùng núi cao lạnh hơn rất nhiều so với vùng thấp, đồng bằng. Độ ẩm khá lớn. Mùa nắng diễn ra từ tháng 2 đến tháng 7. Nhiệt độ trung bình hàng năm là 25,3°C.

Đồng bào các dân tộc ở Ba Tơ phần lớn sống bằng nghề làm ruộng. Nhiều thửa ruộng tốt vào loại "nhất đẳng điền" nằm dọc theo các triền sông, suối. Ở hầu khắp các xã trong huyện đều có ruộng bậc thang nhiều nấc, nhiều

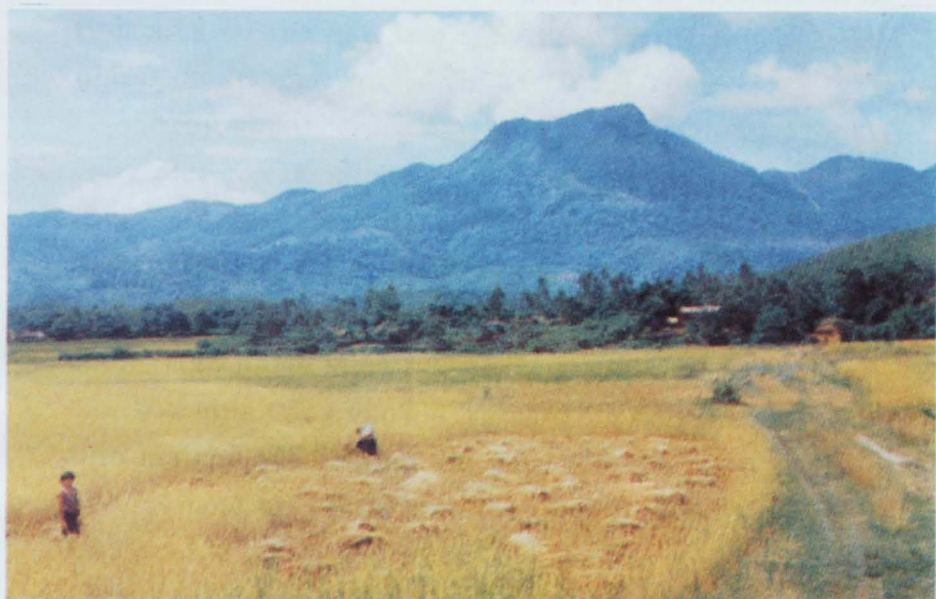
tầng. Từ lâu đồng bào nhiều nơi đã biết cày bừa bằng trâu nhưng việc bón ruộng bằng các nguồn phân hữu cơ thì chưa được phổ biến rộng rãi, trừ vùng có đồng bào Kinh sinh sống. Ngoài làm ruộng, nhân dân còn làm rẫy và có những vùng rẫy được khai thác lâu ngày đã trở thành đất thổ cư, đất vườn. Ngày trước phương thức canh tác trong làm rẫy là chọc lỗ, trỉa hạt. Ngoài làm ruộng và làm rẫy, đồng bào Ba Tơ còn làm vườn, tạo nên nhiều khu vườn phong phú gồm các loại cây ăn quả và cau, tiêu, v.v..

Rừng, núi Ba Tơ có nhiều loại gỗ quý như hương, kiền kiền, dẻ, lim, sơn, trắc, gõ... và nhiều cây thuốc có giá trị như thổ phục linh, thiên niên kiện, sa nhân, ngũ gia bì, có nguồn hoa quả và rau xanh tự nhiên như sim, móc, chà là, dủ dẻ, hạt xoay, củ mài, củ tam lang, khoai riềng, rau má... và nhiều loại cây dùng làm nguyên liệu cho sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp như chuối, chè, thuốc lá, mây, dó, sắt... Ba Tơ có nhiều loại thú quý hiếm như voi, hươu, nai, gấu, v.v.. Ngày trước, Ba Tơ còn nổi tiếng về cộp.

Việc chăn nuôi gia súc, gia cầm như trâu, bò, heo, dê, gà, vịt... rất phát triển trong từng gia đình, từng buôn làng.

Trước đây, làng nào cũng có người làm nghề đan tre, mây, rên. Nghề dệt thổ cẩm truyền thống của địa phương xuất hiện ở một số vùng từ lâu đời như ở Làng Teng (Ba Thành), trồng dâu nuôi tằm ở Ba Động.

Trong chế độ thực dân - phong kiến, việc buôn bán, trao đổi hàng hóa giữa các địa bàn ở Ba Tơ diễn ra tương



Núi Cao Muôn

đổi chậm, trừ vùng người Kinh. Từ trước năm 1932, toàn huyện Ba Tơ, trừ vùng người Kinh, đồng bào dân tộc thiểu số chỉ biết vật đổi vật, chưa biết dùng tiền¹. Các mặt hàng trao đổi, buôn bán chủ yếu là các loại lương thực, thực phẩm, thóc được lấy làm vật ngang giá để trao đổi và có tính mùa vụ sau gặt, trả xong hoặc vào thời gian trước những dịp lễ hội.

Nhìn chung, trước đây kinh tế của đồng bào Ba Tơ cũng như của đồng bào các huyện miền núi khác trong tỉnh còn ở trình độ tự cung tự cấp nên đời sống gặp nhiều khó khăn, thiếu đói thường xảy ra.

Tuy nhiên, cùng với thời gian và trình độ phát triển chung trên phạm vi cả nước, việc giao lưu về vật chất và văn hóa giữa đồng bào Ba Tơ và đồng bào các nơi trong tỉnh mà chủ yếu là giao lưu giữa đồng bào Hrê và đồng bào Kinh, đã từng bước hình thành và ít nhiều phát triển. Ba Tơ lại là nơi có nhiều lúa, lâm thổ sản nên sự trao đổi giữa miền xuôi và vùng đất này không ngừng mở rộng. Những nơi tụ hội buôn bán, trao đổi tập trung dần dần hình thành những chợ quán sầm uất ở Ba Tơ là Trường An, Tân Long, Suối Loa, Bến Buôn, Dốc Mốc, Tài Năng, Mang Đốc...

Do địa thế gắn liền với một số huyện vùng đồng bằng và giao thông tương đối thuận lợi nên một số đồng bào Kinh sớm có mặt tại Ba Tơ. Vùng Trường An, Tân Long

1. Xem: *Quảng Ngãi tỉnh chí* của Nguyễn Bá-Trắc. - - -

(Ba Động), Ba Đình là những nơi đồng bào Kinh từ các huyện Đức Phổ, Mộ Đức, Nghĩa Hành lên cư trú, làm ruộng, buôn bán, trồng dâu nuôi tằm, làm các nghề thủ công, dạy học... Qua trao đổi kinh tế, văn hóa, dần dần giữa người Hrê và người Kinh hiểu biết lẫn nhau, cùng tham gia đấu tranh chống thiên tai, địch họa và xây dựng cuộc sống tốt đẹp ở địa phương, khiến cho tình đoàn kết keo sơn gắn bó giữa các dân tộc ở huyện Ba Tư ngày càng được bồi đắp, vun trồng. Vì thế, trước mọi kẻ thù, trước muôn ngàn thử thách khó khăn trong chiến đấu và lao động sản xuất, nhân dân Ba Tư luôn kề vai sát cánh giúp nhau sinh tồn và xây dựng quê hương.

Trong thời thực dân - phong kiến, hầu hết nhân dân Ba Tư đều thất học. Trước năm 1932, trong toàn huyện chỉ có một trường tiểu học.

Đến năm 1932, Ba Tư có thêm một trường dự bị (một trong 91 trường toàn tỉnh) tại Trường An (Ba Động). Trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, số người Hrê có trình độ văn hóa tiểu học rất ít.

Ngày trước, đồng bào dân tộc Hrê theo đa thần giáo và kiêng cử khá nhiều điều phức tạp. Nhiều lễ nghi, tập tục cúng trời, tế tổ tiên, cầu mưa, cưới xin, coi việc sinh tử, v.v. thường diễn ra trong đời sống cộng đồng. Bên cạnh những mặt tốt, những tập tục này cũng gây nhiều trở ngại cho sản xuất, sinh hoạt và đấu tranh cách mạng. Các tục lệ cà răng, cắn tai, bắt nhuộm, phạt vạ, dao cửa dùi, dùi đâm thịt, lửa đốt ngực, v.v. đã xâm hại nhiều tính mạng

con người, gây nhiều cuộc xung đột có tính bạo lực, chém giết lẫn nhau giữa các play (làng) và làm nhiều người mang thương tật hoặc bị hủy hoại sức khỏe.

Những ảnh hưởng tiêu cực do phong tục tập quán lạc hậu để ra cùng với ách bóc lột, đàn áp, thống trị của bọn thực dân, phong kiến đã làm cho nhân dân Ba Tơ rơi vào tình cảnh sống cơ cực, đói nghèo, lầm than. Nạn đói kinh niên và các bệnh dịch liên tiếp xảy ra đã đem lại sự chết chóc cho nhiều người, cản trở sự phát triển sản xuất ở từng vùng. Vì vậy, tuy Ba Tơ đất tốt, rừng vàng, con người chăm chỉ, cần cù, sáng tạo trong lao động nhưng sự nghèo khổ vẫn đeo bám từ thế hệ này sang thế hệ khác. Ngày xưa, việc vay mượn, nợ nần đã đẩy nhiều người dân sống kiếp ngựa trâu, làm tôi tớ để trả nợ truyền kiếp từ đời cha đến đời con, đời cháu hoặc phải bỏ làng ra đi sống cách biệt như ở làng Vờ, Vùng Khâm, Ba Nhà...

Ruộng, rẫy ở Ba Tơ xưa kia là sở hữu riêng của từng gia đình được cha truyền con nối hoặc được bán đổi cho người khác bằng chinh, ché, trâu, nôi đồng... Do vậy, sự phân hóa thành phần giai cấp trong đồng bào làm ruộng tuy chưa rõ như ở đồng bằng hoặc ở vùng người Kinh trong huyện, nhưng so với vùng rẫy thì đã có mức độ cao hơn. Có thể thấy ở Ba Tơ có ba tầng lớp dân cư như sau:

Một là tầng lớp có nhiều ruộng, nhiều đất rẫy, nhiều rừng, nhiều vườn, nhiều nôi đồng, chinh, ché, trâu, bò, dê, heo, gà, nhiều con cháu và nhiều tôi tớ. Hình thức bóc lột chính là lao động không công hoặc trả công rẻ mạt. Tầng

lớp này phần lớn là những người hưởng tài sản của cha ông, hoặc người có tài trong sản xuất, sản bán và giành thắng lợi trong các vụ tranh chấp giữa làng này với làng khác. Người giàu có nhất ở Ba Tơ là Già Kiêu tại xã Ba Xa có rất nhiều ruộng rẫy, vườn rừng và hàng trăm tô tô trong nhà... Tuy về sau, tầng lớp này còn có thêm một số người trong hàng ngũ chức sắc của Nam triều phong kiến và số ít bọn làm tay sai cho thực dân Pháp, song nhìn chung phần lớn tầng lớp này có sự gắn bó với nhân dân trong việc làm ăn và có người trực tiếp tham gia lao động cùng dân làng. Tầng lớp giàu có là những người cầm đầu trong việc bảo vệ làng và giao tiếp, trao đổi với quan lại cai trị và với các làng khác. Trong tầng lớp này, nhiều người có tinh thần yêu nước, có ý chí chống ngoại xâm, chống thực dân phong kiến. Rất ít người theo giặc.

Hai là tầng lớp đủ ăn hoặc nếu có thiếu thì chỉ vài tháng trong năm do bị thiên tai làm mất mùa hay bị dịch họa, bị đau ốm bệnh tật và gia đình có biến cố lớn. Tầng lớp này đông và sống chủ yếu là nhờ sức lao động của gia đình và bản thân.

Ba là tầng lớp thiếu ăn quanh năm vì thiếu đất đai, ruộng rẫy, rừng, vườn, thiếu lao động hoặc nợ nần chồng chất qua các đời. Nhiều người trong tầng lớp này phải đi làm không công để trả nợ hoặc làm tô tô cho tầng lớp thứ nhất. Tầng lớp này chiếm đa số.

Với đặc điểm nêu trên cho thấy rõ tầng lớp thứ hai và thứ ba đều là nhân dân lao động, cần cù và nhẫn nại,

có tinh thần chống ngoại xâm, chống áp bức bóc lột, có ý chí tiến thủ và luôn mơ ước được thoát khỏi cảnh ràng buộc của các thế lực cai trị để xây dựng cho mình cuộc sống ngày càng tốt đẹp. Song, do còn mang đậm nét cuộc sống chậm phát triển, còn bị nhiều ảnh hưởng tiêu cực do phong tục tập quán lạc hậu ràng buộc và bị uy thế chính trị của tầng lớp giàu có chi phối nên trước kia họ không sao đổi đời được.

Ở những nơi có người Kinh sinh sống, làm ăn như ở các xã Ba Đình, Ba Động thì sự phân hóa diễn ra giống như ở vùng đồng bằng. Họ là những người làm chiếc cầu nối đồng bào, nhân dân miền núi với miền xuôi, tiếp nhận những mặt tốt trong sinh hoạt tinh thần và đời sống vật chất ở các vùng, xây dựng và bảo vệ, phát triển tình đoàn kết giữa các vùng, các dân tộc qua các giai đoạn lịch sử.

II- TRUYỀN THỐNG CẦN CÙ TRONG LAO ĐỘNG VÀ KIÊN CƯỜNG BẤT KHUẤT TRONG ĐẤU TRANH

Vào thế kỷ XV, sau cuộc thân chinh của vua Lê Thánh Tông cầm quân đánh chiếm thành Đồ Bàn (Bình Định), cư dân sinh sống tại Ba Tư đã sớm cùng các dân tộc anh em góp phần vào công cuộc mở rộng, giữ gìn và xây dựng đất nước. Thời gian đầu, nhà nước phong kiến còn áp dụng rộng rãi chính sách "khoan dân" ở cả miền xuôi và miền ngược nhằm củng cố và mở rộng cương vực. Sau khi ổn định, các thế lực quan lại phong kiến bắt đầu thực hiện

việc khai thác, bóc lột nhân dân. Mâu thuẫn giữa các tầng lớp nhân dân với bọn quan lại phong kiến cứ mỗi ngày càng thêm gay gắt, quyết liệt. Đó chính là nguồn gốc kinh tế - xã hội khiến nhân dân Ba Tư có những hoạt động chống đối lại bọn vua quan phong kiến và các thế lực cai trị ở địa phương. Đã có lúc mâu thuẫn gay gắt đến mức vua Lê phải sai Bùi Tá Hán, một quan đại thần của triều đình, đem quân vào đánh dẹp. Ông đã cho đắp lũy để ngăn chặn ảnh hưởng của cuộc nổi dậy của nhân dân Ba Tư lan rộng xuống đồng bằng. Cuộc đấu tranh của nhân dân sau đó lắng xuống song chỉ là tạm thời, vì chẳng bao lâu, các cuộc đấu tranh vẫn liên tiếp nổ ra.

Năm 1750, trước sức ép của các cuộc đấu tranh của quần chúng, triều đình phải cho đặt 6 đạo đồn binh ở đây để phòng ngừa sự nổi dậy chống đối của nhân dân các dân tộc miền tây Quảng Ngãi, trong đó có đồng bào Ba Tư. Triều đình đã sai Tuần vũ Quảng Ngãi lúc bấy giờ là Nguyễn Cư Trinh đem quân lên đóng giữ và xây thành đắp lũy để ngăn chặn "sự kiện đá vách" bắt nguồn từ đó. Tình hình phải mãi đến 10 năm sau mới tạm yên.

Tiếp đó, vào năm 1761, đồng bào Ba Tư lại nổi dậy chống đối quyết liệt. Triều đình buộc phải sai quân lên chống đỡ. Năm 1770, đồng bào đã tràn xuống tận đoạn trường lũy đã đắp trước đó.

Từ năm 1773 đến năm 1802, hưởng ứng phong trào khởi nghĩa Tây Sơn, đồng bào Ba Tư đã tích cực tham gia mở đường, góp công sức và của cải cho quân Tây Sơn tiến

ra đánh chiếm thành Quảng Ngãi. Các đồn lính, đạo quân của triều đình lập trước đó đều bị xóa bỏ. Trong thời gian gần 30 năm này, đồng bào sống tương đối yên ổn và làm ăn. Nhân dân tự cử những người có tín nhiệm trong làng, trong giới thổ hào, thổ mục ra trông coi công việc ở địa phương.

Năm 1804, đồng bào Ba Tư lại nổi dậy chống lại triều đình nhà Nguyễn. Quân nổi dậy kéo xuống vùng trung châu để đánh phá. Triều đình phải đem quân lên đánh dẹp. Sau khi tình hình tạm ổn định, triều đình Nguyễn đặt ra 6 cơ, chia thành nhiều trấn và đóng nhiều quân ở đây để phòng ngừa. Sáu cơ bao gồm toàn bộ miền tây Quảng Ngãi nhưng phần lớn là trên địa bàn huyện Ba Tư.

Trước khí thế sôi nổi của phong trào quần chúng, năm 1818, Đội Tri, một trong những viên đội của Lê Văn Duyệt đã liên kết với đồng bào, nổi dậy chống lại triều đình. Vua Gia Long phải cử Lê Văn Duyệt từ Nam ra đàn áp quyết liệt và cuộc nổi dậy của đồng bào sau đó mới chấm dứt. Đến năm 1819, để phòng hậu họa, Lê Văn Duyệt còn tâu lên vua xin đắp thêm đoạn lũy kéo dài đến Bồng Sơn (Bình Định), gọi là "Tĩnh man trường lũy"¹ với hàm ý Khinh thị: "một con lũy dài để tỉnh ngộ bọn man di lạc hậu". Hiện nay, dấu tích của "Tĩnh man trường lũy" vẫn

1. Dọc lũy có đào hào, trồng tre. Trên lũy là chỗ ở của dân, dưới lũy có đặt sở bảo, bắt dân sung vào lính. Lúc bấy giờ quân lính phải túc trực tại chỗ, vỡ ruộng cày cấy làm ăn. Đến năm 1844 có tất cả 45 bảo.

còn khá rõ từ đèo Đá Chát vào đến An Lão (Bình Định).

Đến giữa thế kỷ XIX là lúc thực dân Pháp ở bên ngoài lăm le xâm lược nước ta, thì ở bên trong triều đình Huế vẫn không nổi tay, trái lại vẫn ra sức vơ vét, bóc lột nhân dân. Vì thế, từ năm 1858 đến năm 1861, nhân dân Ba Tơ đã nhiều lần nổi dậy phá lũy, giết lính canh phòng, phá đồn bảo (đồn bảo an) và kéo quân đến gần cửa biển Cổ Lũy. Bọn quan lại trong tình hoảng hốt, lo sợ. Triều đình Huế phải gọi Nguyễn Tấn đang làm Án sát tỉnh Thái Bình về đối phó. Cuối năm 1863, Nguyễn Tấn giữ chức Tấn tương, sau cải là Tiểu phủ sứ Sơn Phòng. Nguyễn Tấn phải mất 4 năm mộ quân, lập phương án chống lại và tìm cách thuyết phục, dụ dỗ, mua chuộc đồng bào. Tình hình tuy có lúc tạm thời lắng xuống song về cơ bản vẫn tiềm ẩn những bột phát mới vì sự áp bức bóc lột vẫn còn đó, ngày một nặng nề hơn. Vì thế, năm 1885, nhân dân Ba Tơ lại nổi dậy buộc triều đình phải sai quân đến đàn áp và thành lũy được đắp thêm kiên cố hơn. Số đồn bảo tăng lên đến 80 và 800 người được huy động vào đội nghĩa đồng, bổ sung cho lính. Nhiều người dân miền xuôi cũng như miền ngược bị bắt vào lính.

Việc xác lập dinh cơ của tên Tiểu phủ sứ gần đất Ba Tơ để kiểm soát nhiều vùng của Ba Tơ chứng tỏ sự đối phó của triều đình phong kiến đối với phong trào đấu tranh của nhân dân ở đây.

Trong thời kỳ có phong trào Cần Vương, nhân dân Ba Tơ với lòng căm phẫn sâu sắc đã nổi dậy đấu tranh

chống bọn thực dân Pháp xâm lược và triều đình nhà Nguyễn uơ hèn. Đồng bào khắp vùng đã hăng hái tham gia phong trào yêu nước, chống lại các cuộc hành quân của thực dân Pháp lên lập đồn bốt, chống bắt lính và đấu tranh chống xấu, chống thuế kéo dài đến đầu thế kỷ XX.

Sau thời gian này, việc tổ chức cai trị của triều đình Huế ở miền núi có sự thay đổi. Các đồn bảo bị triệt bỏ và miền núi được chia thành các tổng thuộc các châu. Huyện Ba Tơ lúc này nằm trong châu Đức Phổ.

Hưởng ứng phong trào chống xấu - thuế, trong ba ngày 24, 25 và 26-3-1908, hàng trăm đồng bào vùng Trường An, Hóc Kè, Suối Loa, Hoàn Đồn, Tài Năng... kéo về châu ly đấu tranh, đưa yêu sách đòi giảm xấu, khất thuế. Tiếp sau đó, đồng bào nổi dậy chống địch bắt đi xây đồn Đức Phổ (đồn Ba Tơ lúc này dời xuống Vạn Lý, Đức Phổ). Cầm thù trước các thủ đoạn bắt xấu, xiết thuế khắc nghiệt của địch, khi đồn mới xây xong, đồng bào lập tức tập hợp nhau lại, kéo đến đánh phá và cướp đồn. Bọn địch hoảng hốt huy động quân lính đến đàn áp dã man làm chết gần 100 người. Nhiều người bị bắt, bị đánh đập tàn nhẫn nhưng không ai chịu khuất phục, hơn nữa còn khảng khái chửi thẳng vào mặt kẻ thù.

Đến năm 1916, địch dời đồn Đức Phổ về lại Ba Tơ để tăng cường kiểm soát, khai thác nhân công làm đồn điền, làm đường lên Tây Nguyên nhằm mở rộng sự kiểm soát lên vùng Tây Nguyên theo phương sách "tầm ăn dâu". Nhân dân Ba Tơ tiếp tục đấu tranh quyết liệt, nhiều lần phá đồn bốt của địch.

Vào năm 1925, miền núi Quảng Ngãi được chia thành 4 đồn, trong đó có đồn Ba Tư. Ở Ba Tư lúc này đã hình thành 4 tổng và 63 sách. Thời điểm này, đồng bào Kinh lên ở xung quanh huyện lỵ hiện nay của Ba Tư rất đông và lập nên một số ấp. Cũng trong thời gian này, các cụ Nguyễn Quang Mao, Trần Trạch, Trần Hàm lập ra Trại cày Bãi Rì với một số hộ sản xuất. Hoạt động của Trại cày rất thiết thực, góp phần bồi dưỡng lòng yêu nước, ý chí đấu tranh cho nhân dân. Tới thời vụ, người dân khắp nơi kéo đến làm ăn rất đông vui, nhất là từ các xã Đức Phong, Đức Lân, Đức Tân (Mộ Đức), Phổ Phong, Phổ Văn (Đức Phổ). Trại cày Bãi Rì vừa là nơi làm ăn tập thể, vừa là nơi các trại viên và nhân dân học văn, luyện võ, trị bệnh cứu người. Vì vậy, nhân dân các dân tộc xung quanh lui tới rất thân thiết. Các tổ chức, đoàn thể cách mạng đầu tiên của Ba Tư đều được vận động thành lập từ nơi này. Hầu hết đảng viên và quần chúng ở đây đều bị địch bắt, tra khảo, tù đày, nhiều người đã hy sinh trong nhà tù thực dân. Trại cày Bãi Rì tồn tại từ lúc mới thành lập cho đến sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đã đóng vai trò, vị trí rất quan trọng đối với phong trào cách mạng ở Ba Tư.

Vào thời gian này, trong cả nước cũng như trong tỉnh có rất nhiều sự kiện mới. Tư tưởng cộng sản, chủ nghĩa Mác - Lênin được truyền bá trong nhân dân. Nhiều tổ chức cách mạng mới ra đời, tích cực hoạt động xây dựng phong trào. Nhiều người ở Ba Tư tham gia tổ chức Hội

Việt Nam Cách mạng Thanh niên Quảng Ngãi, được tiếp thu tư tưởng đấu tranh cách mạng mới từ các đồng chí Nguyễn Nghiêm, Trương Quang Trọng, Nguyễn Thiệu... Các hoạt động này đã có ảnh hưởng rất lớn đối với đời sống của nhân dân Ba Tơ, tuy bước đầu chỉ giới hạn ở một số người Kinh đã lưu trú, làm ăn sinh sống ở đây như Nguyễn Quang Mao, Trần Hàm, Trần Toại, Huỳnh Thanh, Nguyễn Du, Nguyễn Thị Thảng, Huỳnh Cư...

Cuối năm 1929, chi bộ "Dự bị cộng sản" đầu tiên của tỉnh ra đời và đến tháng 3-1930, Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Quảng Ngãi được thành lập. Sự kiện này mở ra một giai đoạn lịch sử cách mạng mới vô cùng quan trọng trong quá trình đấu tranh và xây dựng của nhân dân các dân tộc ở Quảng Ngãi. Đảng bộ Quảng Ngãi ra đời trên mảnh đất Phổ Phong (Đức Phổ), sát với mảnh đất Ba Tơ, đã có ảnh hưởng tích cực và tạo thuận lợi cho phong trào cách mạng ở Ba Tơ phát triển nhanh.

Có thể nói, quá trình đấu tranh của nhân dân Ba Tơ trước khi có Đảng ra đời và lãnh đạo cách mạng là quá trình phát triển liên tục, bền bỉ, sôi nổi, qua nhiều sự kiện, lúc quyết liệt, lúc tạm yên. Phong trào yêu nước của nhân dân các dân tộc Ba Tơ có sự liên kết hữu cơ với nhân dân toàn tỉnh để chống lại chính sách cai trị, ách bóc lột tàn bạo của thực dân Pháp và các thế lực phong kiến. Mục tiêu của cuộc đấu tranh là giành lại quyền sống cho bản thân và góp phần vào sự nghiệp đấu tranh chung của nhân dân cả nước giành độc lập tự do.

Truyền thống cần cù trong lao động và kiên cường bất khuất trong đấu tranh cách mạng của nhân dân Ba Tơ cùng với thế đất hiểm yếu của vùng này là những thuận lợi hết sức cơ bản cho các chiến sĩ cách mạng Ba Tơ nhanh chóng xây dựng cơ sở và phát triển phong trào quần chúng tại địa bàn làng xã của mình, góp phần quan trọng vào sự nghiệp giải phóng quê hương, đất nước.

**SỰ RA ĐỜI TỔ CHỨC ĐẢNG Ở BA TƠ;
NHÂN DÂN BA TƠ DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO
CỦA ĐẢNG BỘ BA TƠ TRONG THỜI KỲ
ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN
(1930 - 1945)**

Chương I: ĐẢNG BỘ BA TƠ RA ĐỜI
**LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN THAM GIA CAO TRÀO
CÁCH MẠNG 1930 - 1931**

Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, để hàn gắn vết thương chiến tranh và bù đắp những thiệt hại nhằm khôi phục và củng cố địa vị của mình trong thế giới tư bản chủ nghĩa, từ năm 1919 thực dân Pháp một mặt tăng cường bóc lột nhân dân lao động ở chính quốc, đồng thời đẩy mạnh đầu tư khai thác và bóc lột trên toàn hệ thống thuộc địa của chúng, trong đó chúng đặc biệt chú ý tới thị trường Việt Nam.

Sau 10 năm khôi phục và phát triển kinh tế, với quy luật phát triển không đều vốn là đặc trưng của chủ nghĩa tư bản, thế giới lại đứng trước một cuộc khủng hoảng mới

khá gay gắt diễn ra giữa những nước tư bản chủ nghĩa "già cỗi" với một số nước tư bản "trẻ" đầy sung sức đang muốn phân chia lại thị trường và hệ thống thuộc địa đã hình thành từ lâu và bị những nước tư bản "già" thao túng. Vì thế, cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới diễn ra từ năm 1929 đến năm 1933 đã gây ra cuộc khủng hoảng trầm trọng trong hệ thống tư bản chủ nghĩa. Đông Dương, một thuộc địa của đế quốc Pháp, tất nhiên phải gánh chịu những hậu quả sâu sắc của cuộc khủng hoảng đó, nằm trong vòng xoáy của cuộc cạnh tranh quyết liệt giữa các thế lực đế quốc thực dân.

Đế quốc Pháp và Nam triều ra sức bóc lột, vơ vét tiền của của nhân dân ta. Nạn đói diễn ra ở nhiều nơi trên đất nước ta. Cũng như nhân dân trong toàn tỉnh, đồng bào các dân tộc ở Ba Tơ lâm vào tình trạng đói kém, kéo theo đó là dịch bệnh hoành hành. Chính sách sưu thuế nặng nề, sự bóc lột nhân công tàn tệ của chế độ thực dân phong kiến cùng với hậu quả của thiên tai, bão lụt, giá cả đắt đỏ đã làm cho đời sống của nhiều tầng lớp nhân dân ở Ba Tơ vô cùng điêu đứng.

Trong hoàn cảnh đó, phong trào cách mạng trong cả nước đã có những bước đi mới. Các tổ chức cộng sản đã được thành lập và đẩy mạnh hoạt động trên cả ba miền đất nước. Ngày 3-2-1930, Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản họp tại Hương Cảng (Trung Quốc), dưới sự chủ trì của đồng chí Nguyễn Ái Quốc. Hội nghị đã quyết định hợp nhất ba tổ chức cộng sản trong nước thành một tổ chức cộng sản duy nhất, thống nhất lấy tên là Đảng Cộng

sản Việt Nam. Hội nghị đã thông qua *Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt* của Đảng, v. v., vạch ra cho cách mạng Việt Nam đường lối đúng đắn. Đó là đường lối giải phóng dân tộc với giải phóng giai cấp và giải phóng xã hội khỏi ách áp bức bóc lột của chế độ thực dân câu kết chặt chẽ với chế độ phong kiến. Việc thống nhất ba tổ chức cộng sản thành một Đảng Cộng sản là một bước ngoặt to lớn trong lịch sử phát triển của cách mạng Việt Nam. Từ đây, phong trào cách mạng nước ta đã vượt qua được sự khủng hoảng về đường lối và đã được một tổ chức cách mạng duy nhất lãnh đạo.

Nằm trong bối cảnh chung của cả nước, phong trào cách mạng ở Quảng Ngãi những năm 30 của thế kỷ XX cũng có những biến chuyển mới. Lúc bấy giờ trong các khuynh hướng và đảng phái chính trị ở Việt Nam nói chung và ở Quảng Ngãi nói riêng thì tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên là theo khuynh hướng vô sản, là tổ chức cách mạng tiêu biểu, có tính chất tiến bộ và triển vọng nhất.

Tại Quảng Ngãi, sau khi dự Đại hội Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (tháng 5 năm 1929), đồng chí Trương Quang Trọng cùng các đồng chí Phạm Văn Đồng, Nguyễn Sĩ Sách, Nguyễn Thiệu bàn luận với nhau nhiều lần, thống nhất nhận định rằng đã đến lúc phải giải tán tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên và thành lập tổ chức cộng sản.

Sau đó, đến tháng 3 năm 1930, tại Quảng Ngãi, đồng chí Nguyễn Nghiêm triệu tập hội nghị tại làng Tân

Hội, Đức Phổ, tuyên bố chính thức thành lập chi bộ cộng sản đầu tiên của tỉnh Quảng Ngãi. Hội nghị đã bầu ra Tỉnh uỷ lâm thời do đồng chí Nguyễn Nghiêm làm Bí thư. Đồng chí Trần Hàm¹, hoạt động ở Trại cày Bãi Rì, Ba Động, Ba Tơ, là một trong những đảng viên của chi bộ đầu tiên, được cử vào Tỉnh uỷ lâm thời ở Quảng Ngãi. Tin tức về sự kiện này lan truyền nhanh chóng đến các hội viên Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên của tỉnh còn đang hoạt động. Các đồng chí Trần Toại, Nguyễn Quang Mao... hoạt động ở Ba Tơ cũng đã kịp thời nắm rất rõ sự kiện lịch sử này. Sự ra đời của tổ chức đảng đầu tiên ở Quảng Ngãi là kết quả tất yếu của phong trào yêu nước, sự hoạt động tích cực của các tổ chức cách mạng như Công ái xã, Tân Việt, đặc biệt là của Tỉnh bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên Quảng Ngãi. Nó thật sự đáp ứng yêu cầu cách mạng của nhân dân lao động Quảng Ngãi.

Ngày 1-5-1930, nhân dịp kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động, các truyền đơn, khẩu hiệu của Đảng được rải, phân phát và treo ở nhiều nơi trong cả nước. Tại Quảng Ngãi, truyền đơn và cờ đỏ búa liềm xuất hiện ở nhiều địa điểm, nhất là dọc tuyến Quốc lộ I đoạn từ Bình Sơn đến Đức Phổ.

Tại Ba Tơ, truyền đơn và cờ đỏ búa liềm được rải và treo dọc Đường 5A², xung quanh Ba Đình, Đồng Lớn (Ba

1. Đồng chí Nguyễn Nghiêm nhiều lần lên Trại cày Bãi Rì thăm đồng chí Trần Hàm và đã tuyên truyền, giác ngộ, giới thiệu đồng chí Trần Hàm vào chi bộ đầu tiên, Tỉnh uỷ đầu tiên ở Quảng Ngãi.

2. Nay là Quốc lộ 24A.



Đồng chí Trần Toại - Bí thư Huyện uỷ Ba Tư (1930 - 1931)

Trần Toại (sinh năm 1900, tại xã Xuân Mỹ, huyện Xuân Mỹ, tỉnh Nghệ An) là một trong những người lãnh đạo cách mạng ở địa phương này. Ông đã tham gia vào các hoạt động cách mạng từ năm 1925 và trở thành một trong những người lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam ở địa phương này.



Trường An - Nơi diễn ra các cuộc đấu tranh, rải truyền đơn, treo cờ Đảng, mít tinh, biểu tình hô to các khẩu hiệu kéo về châu lý Ba Tơ trong cao trào đấu tranh 1930 và tháng 2-1931.



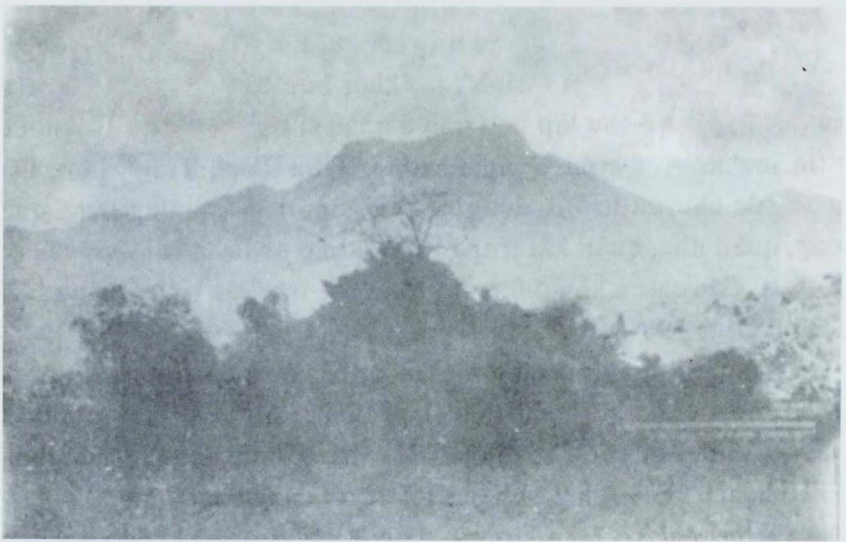
Trại dâu tằm (Trường An, Ba Động) nơi hình thành tổ chức Đảng đầu tiên huyện Ba Tơ, nơi quy tụ các phong trào cách mạng ở huyện nhà.



Cuộc mít tinh lớn của nhân dân Ba Tơ chào mừng thắng lợi khởi nghĩa Ba Tơ sáng 12-3-1945.



Dốc ông Tài, thôn Tài Năng (Ba Đình) nơi treo cờ Đảng (1930 - 1931). Nơi đây Tỉnh ủy lâm thời Quảng Ngãi họp bàn về cuộc khởi nghĩa Ba Tơ.



Khu đồi Pa Dòn, Nước Lá (Ba Vinh) nơi Đội du kích Ba Tơ cùng đồng bào ở địa phương (Hrê) chích máu người hòa lẫn máu "Đâm trâu ăn thề" đoàn kết đánh Pháp đuổi Nhật để giành độc lập, tự do.



Nước Lầy (Ba Ngạc) nơi diễn ra trận tiêu diệt địch trong cuộc hành quân LATERÍT, làm phá sản hoàn toàn âm mưu cài cấy của thực dân Pháp ra vùng tự do Liên khu V (5-1952).



Tượng đài khởi nghĩa Ba Tờ.



Bảo tàng khởi nghĩa Ba Tơ.

Động), Cây Ươi (xóm Ông Tài), Cây Vông Đồng (xóm Ông Kỳ), Nam Lân...

Sau khi Tỉnh uỷ lâm thời được thành lập, theo đề nghị của đồng chí Trần Hàm là người trực tiếp chuẩn bị xây dựng tổ chức đảng ở Ba Tơ, tháng 4-1930, đồng chí Nguyễn Nghiễm đã lên Ba Tơ kiểm tra công việc chuẩn bị và quyết định thành lập Chi bộ Bãi Ri gồm các đồng chí Trần Hàm, Trần Toại, Nguyễn Quang Mao, Nguyễn Du, Huỳnh Cư, Huỳnh Châu, Huỳnh Mau và Nguyễn Thị Thảng, do đồng chí Trần Toại làm Bí thư. Một thời gian sau, đồng chí Trần Toại¹ đi nhận công tác khác, đồng chí Nguyễn Quang Mao² được cử làm Bí thư.

Sau khi có tổ chức đảng, phong trào cách mạng ở Ba Tơ phát triển mạnh, nhất là ở các làng xung quanh Ba Động, Ba Đình. Nhân dân hướng về Đảng với niềm tin lớn

1. Đồng chí Trần Toại sinh năm 1890, người làng Thi Phổ Nhất, đã tham gia hai cuộc vận động yêu nước vào những năm 1908, 1916 và là một trong những người tham gia thành lập tổ chức "Thiếu niên ái quốc". Đồng chí lên Ba Động ở cùng người anh ruột, lập trại chăn nuôi tằm và dạy học, đồng thời tích cực truyền bá tư tưởng cách mạng trong nhân dân. Khi tổ chức đảng ở Quảng Ngãi ra đời, đồng chí được kết nạp vào Đảng, trở thành một trong những đảng viên của chi bộ đầu tiên ở Quảng Ngãi. Đầu năm 1931, đồng chí được cử vào làm Bí thư Tỉnh uỷ Phú Yên với bí danh là Kim Tương. Tháng 7-1931, đồng chí bị bắt tại nhà thương Quy Nhơn, bị kết án tù khổ sai chung thân tại nhà lao Buôn Ma Thuột, sau đó dịch đưa đồng chí về quản thúc tại địa phương. Đồng chí tiếp tục hoạt động cách mạng và sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, đồng chí được cử làm Chủ tịch đầu tiên của chính quyền cách mạng tỉnh Quảng Ngãi.

2. Đồng chí Nguyễn Quang Mao sinh năm 1888 tại thôn Văn Hà, Đức Phong, Mộ Đức, từng tầy chay khoa thi của triều đình Huế và tham gia hoạt động trong các phong trào yêu nước từ năm 1905. Sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, đồng chí giữ nhiều cương vị công tác khác nhau ở nhiều địa phương. Đồng chí mất năm 1958.

lao. Ảnh hưởng của Đảng còn lan rộng đến một số binh lính ở đồn Ba Tơ. Các tổ chức quần chúng lần lượt được xây dựng ở các thôn Hoàng Đồn, Đá Bàn...

Trại cây Bãi Rì lúc này trở thành cơ sở làm công tác tài chính và tuyên truyền của tổ chức đảng. Nhờ vậy, việc liên lạc giữa Tỉnh uỷ lâm thời và Chi bộ Đảng ở Ba Tơ khá thuận tiện từ mọi hướng ở đồng bằng lên và ngược lại.

Từ khi Đảng Cộng sản ra đời lãnh đạo phong trào đấu tranh cách mạng, nhân dân lao động trong cả nước đã vùng lên đấu tranh mạnh mẽ chống chế độ thực dân phong kiến. Ở Nghệ Tĩnh, các tầng lớp nhân dân từ nông thôn đến thành thị nhất tề nổi dậy tham gia nhiều cuộc biểu tình đòi lật đổ chính quyền tay sai của địch, thành lập các Xôviết. Phong trào đấu tranh của đồng bào Nghệ Tĩnh ngày càng ảnh hưởng sâu rộng đến các địa phương trong cả nước. Thực dân Pháp và bọn tay sai ra sức đàn áp, khủng bố.

Tháng 6-1930, Tỉnh uỷ Quảng Ngãi chính thức được thành lập do đồng chí Nguyễn Nghiêm làm Bí thư. Đồng chí Trần Hàm là một trong những Tỉnh uỷ viên được phân công về hoạt động ở một số huyện để xây dựng cơ sở Đảng.

Hưởng ứng phong trào Xôviết Nghệ Tĩnh, Tỉnh uỷ Quảng Ngãi đã phát động một phong trào đấu tranh lớn. Vào tối ngày 7-10-1930, nhân dân Đức Phổ tổ chức một cuộc biểu tình kéo dài đến ngày 8-10-1930 và kéo đến đốt phá huyện đường buộc tên Tri huyện Phan Lang phải bỏ chạy. Tiếp theo, hàng loạt các cuộc biểu tình của quần

chúng diễn ra ở các huyện Sơn Tịnh, Mộ Đức, Bình Sơn, Trà Bồng, Nghĩa Hành, Tư Nghĩa. Phong trào đấu tranh của nhân dân kéo dài đến ngày 1-5-1931, sau khi đồng chí Nguyễn Nghiêm bị địch xử chém tại bãi sông Trà Khúc, thị xã Quảng Ngãi.

Từ cuối năm 1930, Chi bộ Bãi Ri (Ba Động) đã cử cán bộ hoạt động ở các vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Các tổ chức thanh niên, phụ nữ, xích vệ, nông hội... phát triển được thêm nhiều hội viên mới. Đồng chí Nguyễn Qua, người làng Ôn, xã Ba Thành (cha người Kinh, mẹ người Hrê), là đảng viên từ năm 1931 được tổ chức đảng phân công đi hoạt động xây dựng phong trào ở Cơ Nhất. Đồng chí Nguyễn Qua đã hòa mình vào cuộc sống sinh hoạt, sản xuất của đồng bào các dân tộc ở đây để tuyên truyền, giác ngộ quần chúng nhân dân. Tại Cơ Nhất, đồng chí đã xây dựng được nhiều cơ sở cách mạng, trong đó có Bốn Đố, Cha Chuông, Vọt Huỳnh, Vọt Tài, Ông Ua, Cha Ría, Vọt Rài... Đồng chí Huỳnh Hựu - Huyện uỷ viên Đức Phổ - được cử lên Ba Tư hoạt động hợp pháp, dạy học tại nhà đồng chí Trần Lâm và đã xây dựng được một tổ chức dự bị có 6 người ở Hoàng Đôn, trong đó có Phạm Xuân là cháu ruột của lính lệ Phạm Quang. Đồng chí Phạm Xuân đã bí mật rải truyền đơn trong đồn, bị một tên lính lệ phát hiện và báo cho tên Kiểm lý Trương Quang Uý. Tên Uý tra hỏi và với chứng cứ khá rõ (trong đó có thư của đồng chí Xuân gửi về cho gia đình để lẫn trong tập truyền đơn) nên đồng chí Xuân bị bắt.

Thời gian này, ở Ba Tư đã thành lập Huyện uỷ lâm

thời do đồng chí Nguyễn Quang Mao làm Bí thư. Hưởng ứng cao trào cách mạng 1930 - 1931, tháng 2-1931, Huyện uỷ lâm thời Ba Tơ lãnh đạo nhân dân ở làng Ôn, Tân Long, Chối Liêm, Hóc Kè, Trường An, Suối Loa... nổi dậy đấu tranh. Quần chúng nhân dân được tổ chức hàng ngũ chính tề do đồng chí Nguyễn Quang Mao trực tiếp chỉ huy và nữ đồng chí Nguyễn Thị Thắng cầm cờ dẫn đầu, kéo về châu ly, vừa đi vừa hô vang các khẩu hiệu:

- Đả đảo khủng bố!
- Đả đảo đế quốc Pháp và Nam triều phong kiến!
- Ủng hộ Xôviết Nghệ Tĩnh!
- Việt Nam độc lập vạn tuế!...

Đến châu ly, một cuộc mít tinh nhanh chóng được tổ chức. Đồng chí Trương Thanh Liêm đứng lên diễn thuyết vạch rõ tội ác của đế quốc phong kiến và kêu gọi quần chúng vùng lên đấu tranh. Trước khí thế cách mạng của nhân dân, binh lính trong đồn án binh bất động. Tên kiểm lý khiếp sợ phải nhận bản yêu sách của quần chúng. Cả vùng đất Ba Tơ rộng lớn được hưởng không khí tự do từ đêm ngày 16 đến ngày 23-2-1931. Lo sợ trước tình hình đấu tranh của quần chúng cách mạng ở Ba Tơ, địch phải điều lính lê dương ở tỉnh lên đàn áp và bắt một số cán bộ cốt cán của phong trào. Tuy bị tổn thất nhưng tổ chức đảng và quần chúng ở Ba Tơ vẫn tiếp tục duy trì phong trào đấu tranh cách mạng.

Tiếp sau đó, không khí đấu tranh cách mạng của quần chúng ở các xã Ba Động, Ba Đình... diễn ra khá sôi nổi. Truyền đơn được rải ở nhiều nơi. Vào đêm ngày 1-5-1931,

truyền đơn cách mạng được rải từ Hóc Kè, Trường An (Ba Động), cờ đỏ búa liềm được treo ở Hoàng Đồn (Ba Đình) tác động lớn đến tinh thần đấu tranh cách mạng, gây niềm phấn khởi cho nhân dân ở các xã Ba Thành, Ba Vinh... Nhân dân Ba Tơ lên án mạnh mẽ sự đàn áp, khủng bố của địch đối với phong trào đấu tranh của nhân dân Đức Phổ và các nơi trong tỉnh, nhất là sau khi bọn giặc dê hèn xử chém đồng chí Nguyễn Nghiêm. Từ trưa ngày 2-5-1931, bộ máy cai trị của thực dân và tay sai ở Ba Tơ do tên kiểm lý cầm đầu đã bắt đầu lồng lộn, bắt bớ lung tung và báo động cho bọn ở tỉnh có biện pháp phòng ngừa, khủng bố. Bọn cai trị ở tỉnh đã lệnh cho một trung đội đoàn phu, đoàn thập từ Nghĩa Hành kéo lên Ba Tơ vây bắt, hăm dọa, đàn áp nhân dân. Chúng nổ súng uy hiếp tinh thần của nhân dân tại Trường An, hạ cờ búa liềm mà ta đã treo trước đó. Chúng lừa bắt, tập trung nhiều người, hăm dọa, nói xấu cách mạng và bắt giải về tỉnh lỵ Quảng Ngãi 30 đồng chí, đồng bào và cơ sở của ta. Tuy nhiên, do có tổ chức chặt chẽ, được địa thế núi rừng và quần chúng nhân dân che chở, bảo vệ nên đường dây liên lạc từ huyện về tỉnh vẫn được bảo toàn và hoạt động có hiệu quả. Trong những chiến sĩ liên lạc thời gian này có anh Bốn Đố, người Hrê, làm liên lạc cho tuyến liên tỉnh từ cuối năm 1930, bị địch bắt tại Quảng Nam. Chúng đưa anh về giam tại nhà lao Quảng Ngãi, tra tấn tàn nhẫn nhưng anh vẫn một lòng kiên trung với cách mạng và căm giận chửi thề vào mặt kẻ thù. Cuối cùng, không khuất phục được anh, chúng dùng xe chở anh đến Đồng Cát

(Đức Tân, Mộ Đức), cắt gót chân anh rồi thả. Đồng bào ở đây đã tận tình cứu chữa vết thương cho anh nhưng anh đã không qua khỏi. Anh đã hy sinh và được bà con ở đây chôn cất tại Vạn Tây.

Sợ hãi trước sự phát triển mạnh mẽ của phong trào cách mạng, địch ra sức tăng cường khủng bố, đàn áp, ngăn chặn việc đi lại làm ăn của nhân dân Ba Tơ. Chúng ráo riết kiểm tra thẻ tùy thân của người đi lại, lục soát các gánh hàng hóa, quần áo, nhà cửa của nhân dân, nhất là đối với những người bị chúng nghi ngờ tham gia cách mạng. Bọn tay sai và binh lính thay phiên nhau đi tuần tra, rình mò ở khắp mọi nơi. Đêm đêm, lính đoàn phu, đoàn thập tập trung canh gác, sẵn sàng ứng phó. Trước sự bao vây, khủng bố gắt gao của địch, các đồng chí cán bộ và cơ sở cách mạng ở Ba Tơ vẫn kiên định hoạt động giữ gìn phong trào với ý chí, tinh thần "có cách mạng thì sống, không có cách mạng thì chết". Ở Ba Tơ thời gian này phổ biến rộng rãi bài thơ kêu gọi:

*Tiến lên hơn nữa,
Mặc địch trả đũa,
Cướp của phá làng,
Bắn giết tràn lan,
Ta không lùi bước.
Nó càng lấn lướt,
Trong cuộc hơn thua,
Nhiều trận gió mưa,
Mới thành lụt bão.*

*Đời chưa tận ráo,
Máu lửa càng dâng,
Nhiều trận ra quân,
Cuối cùng tất thắng.*

Cuối năm 1930, do sự đàn áp khốc liệt của kẻ thù, hàng vạn đồng bào, đồng chí trong tỉnh bị địch bắt, trong đó có đồng chí Nguyễn Quang Mao. Các nhà lao chật ních người, nhiều đồng chí, đồng bào bị địch xử án chém, án tù chung thân. Đồng chí Nguyễn Quang Mao và nhiều đồng chí khác bị đưa đi giam giữ ở các nhà lao Kon Tum, Buôn Ma Thuột...

Sau khi phong trào Xôviết Nghệ Tĩnh bị đàn áp, từ tháng 5 đến tháng 8-1931, tại Quảng Ngãi không có những cuộc đấu tranh và biểu tình sôi nổi như trước. Hầu như khắp trong toàn tỉnh, các tổ chức đảng và tổ chức quần chúng yêu nước bị kẻ thù khủng bố, đàn áp khốc liệt. Nhiều nơi không còn Huyện uỷ và tổ chức đảng. Hầu hết các đồng chí trong Tỉnh uỷ bị địch bắt. Nhiều cán bộ, đảng viên đã anh dũng hy sinh hoặc bị kẻ địch bắt giam ở những nơi rừng thiêng nước độc, trong chế độ lao tù khắc nghiệt. Phong trào cách mạng và tổ chức đảng ở Ba Tư cũng ở trong hoàn cảnh đó. Các cán bộ, đảng viên còn lại phải tìm nơi ẩn náu và tìm cách hoạt động khéo léo hơn.

Sự ra đời và lãnh đạo nhân dân đấu tranh trong cao trào cách mạng 1930 - 1931 của Đảng bộ Ba Tư cho thấy:

1. Kế thừa truyền thống yêu nước của nhân dân Ba Tư trong các phong trào đấu tranh liên tục trên một địa

bàn hiểm trở và gần gũi, sát kề với các huyện đồng bằng Đức Phổ, Nghĩa Hành, Mộ Đức; nhờ sự hoạt động tích cực và mối liên lạc chặt chẽ của những đảng viên cộng sản đầu tiên của Ba Tơ với các đảng viên cộng sản và các tổ chức đảng đầu tiên của các địa phương khác trong tỉnh; nhờ sự chỉ đạo sát sao của Tỉnh uỷ lâm thời đầu tiên của tỉnh Quảng Ngãi và sự vận động, chuẩn bị tích cực của các tổ chức cách mạng tại Ba Tơ nên Đảng bộ Ba Tơ đã được thành lập khá sớm, phù hợp với thực tế khách quan và quy luật phát triển của lịch sử.

2. Đảng bộ Ba Tơ là Đảng bộ của một huyện miền núi, lúc đầu được xây dựng ở các xã gần vùng đồng bằng, có đông người Kinh sinh sống và chỉ mới bắt đầu gây được ảnh hưởng ra các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở gần đó như Ba Đình, Ba Động. Vì vậy, ngay từ khi mới thành lập, Đảng bộ đã chú ý giúp đỡ, động viên nhằm phát huy truyền thống yêu nước của đồng bào các dân tộc thiểu số ở Ba Tơ, xây dựng trong đồng bào lòng tin vào con đường cách mạng đúng đắn do Đảng lãnh đạo.

3. Ra đời vào tháng 4 năm 1930, hoạt động của tổ chức đảng đầu tiên ở Ba Tơ khá rõ nét. Đồng bào gồm cả người Kinh và người dân tộc thiểu số ở Ba Tơ đều hưởng ứng khá mạnh cao trào đấu tranh 1930 - 1931. So với các huyện miền núi khác của Quảng Ngãi, Ba Tơ là nơi sớm có tổ chức đảng ra đời và đã có tác dụng góp phần rất to lớn vào sự nghiệp cách mạng ngay từ buổi đầu dưới sự lãnh đạo của Đảng: "dẫn dắt giai cấp vô sản và dân cày ra chiến

trường cách mạng"¹. Đó chính là niềm vinh dự, tự hào lớn lao và sâu sắc của Đảng bộ và nhân dân Ba Tơ.

X
- \

**Chương II: ĐẢNG BỘ BA TƠ LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN
ĐẤU TRANH TRONG PHONG TRÀO
CHỐNG PHẢN ĐỘNG THUỘC ĐỊA,
ĐÒI HÒA BÌNH, DÂN SINH VÀ DÂN CHỦ
TRONG NHỮNG NĂM 1932 - 1939**

Tình hình thế giới đầu những năm 30 của thế kỷ XX chịu ảnh hưởng mạnh của cuộc khủng hoảng kinh tế của chủ nghĩa tư bản. Mâu thuẫn giai cấp trong các nước tư bản cũng như mâu thuẫn giữa chủ nghĩa tư bản đế quốc với các dân tộc thuộc địa ngày càng gay gắt. Bối cảnh quốc tế này khiến cho nội bộ phe tư bản có sự phân hóa sâu sắc. Dưới tác động của quy luật phát triển không đều, một số nước tư bản "sinh sau đẻ muộn" như Đức, Ý, Nhật nhờ có "sức trẻ" đã tìm cách vượt qua khủng hoảng bằng mọi giá kể cả bằng "hạ bệ" các nước tư bản "đàn anh" như Anh, Pháp, Mỹ. Những nước tư bản trẻ mới trỗi dậy này đã đẩy mạnh chiến lược phân chia lại ảnh hưởng và thị trường thế giới từ tay các nước tư bản "già" và làm xuất hiện nguy cơ chiến tranh và chế độ phát xít - một nền chuyên chính tư sản độc tài phản động nhất. Về đối nội, chủ nghĩa phát xít thủ tiêu tất cả mọi tự do dân chủ kể cả mọi quyền tự do dân chủ tối thiểu trong xã hội tư bản. Về đối ngoại,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, t.1, tr. 70.

nó chuẩn bị cuộc chiến tranh thế giới mới để chia lại thị trường thế giới và tiêu diệt Nhà nước Xôviết. Sự ra đời của chủ nghĩa phát xít đã đặt loài người trước nguy cơ cực kỳ nghiêm trọng. Nhân loại đứng bên bờ vực thẳm của thảm họa chiến tranh thế giới.

Trước tình hình trên, Đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản đã họp tại Mátxcơva (tháng 7-1935) với sự tham gia của 65 đoàn đại biểu các Đảng Cộng sản trong đó có đoàn đại biểu của Đảng Cộng sản Đông Dương do đồng chí Lê Hồng Phong làm Trưởng đoàn.

Đại hội đã nhất trí vạch rõ kẻ thù trước mắt của nhân dân thế giới lúc này không phải là chủ nghĩa tư bản hay chủ nghĩa đế quốc nói chung mà là chủ nghĩa phát xít. Nhiệm vụ trước mắt của giai cấp công nhân chưa phải là đấu tranh đánh đổ chủ nghĩa tư bản, thiết lập chuyên chính vô sản và xây dựng chủ nghĩa xã hội, mà là đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít, chống chiến tranh, giành dân chủ, hòa bình và bảo vệ Liên Xô, xây dựng sự thống nhất hành động của giai cấp công nhân từng nước và trên toàn thế giới. Trên cơ sở đó hình thành mặt trận nhân dân rộng rãi đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít, chống chiến tranh, đòi quyền dân chủ và dân sinh. Đây là sự chuyển hướng chỉ đạo rất kịp thời của Quốc tế Cộng sản.

Dưới ánh sáng Nghị quyết của Quốc tế Cộng sản, phong trào đấu tranh chống phát xít dâng lên mạnh mẽ trên thế giới. Tháng 1-1936, Mặt trận nhân dân chống phát xít ở Pháp được thành lập. Tháng 4-1936, Đảng Cộng sản Pháp giành được thắng lợi lớn trong cuộc Tổng tuyển

cử; tháng 6-1936, chính phủ phái "tả" lên cầm quyền. Chính phủ mới này đã thi hành một số chính sách tiến bộ, trong đó có những chính sách đối với Đông Dương như thả tù chính trị, hứa ban bố các quyền tự do dân chủ, v.v.. Đối với nhân dân Đông Dương, một nơi hoàn toàn không có tự do dân chủ thì những chính sách trên có ý nghĩa rất lớn. Đảng ta đã biết triệt để lợi dụng vấn đề này để đẩy lên một phong trào đấu tranh dân chủ rộng lớn. Đáng tiếc rằng hình hình trên không kéo dài được bao lâu. Ở ngay nước Pháp, Chính phủ bình dân đã nhanh chóng bị các thế lực "hữu và cực hữu" lật đổ tức bị các thế lực thỏa hiệp và đầu hàng chủ nghĩa phát xít giành lại quyền lực để bảo vệ quyền lợi ích kỷ của bọn đầu xỏ tư bản cực đoan và phản động. Đương nhiên một khi ở chính quốc đã như vậy, thì ở thuộc địa, tình hình còn tồi tệ hơn nhiều.

Nhảy cảm với thời cuộc và nắm bắt nhanh sự thay đổi của cục diện thế giới trong những năm 1936 - 1939, ở trong nước, Đảng Cộng sản Đông Dương đã liên tiếp tiến hành các Hội nghị trung ương trong các năm 1936, 1937 và 1938 để thảo luận và ra Nghị quyết về sự chuyển hướng chỉ đạo mới. Nội dung cơ bản của sự chuyển hướng là:

- Xác định kẻ thù chủ yếu trước mắt của cách mạng Đông Dương là bọn phản động thuộc địa và tay sai chứ không phải là thực dân Pháp nói chung và toàn bộ giai cấp địa chủ phong kiến.

- Lúc này mục tiêu dân tộc và dân chủ chỉ đặt ra ở mức độ thấp. Mục tiêu trực tiếp trước mắt lúc này của cách mạng Việt Nam là đấu tranh chống bọn phản động

thuộc địa, chống phát xít, chống chiến tranh, đòi tự do dân chủ, cơm áo và hòa bình.

- Hình thức tổ chức thích hợp lúc này là Mặt trận dân chủ Đông Dương vừa coi trọng liên minh của các tầng lớp và giai cấp cơ bản là công nông vừa thực hiện đoàn kết và liên minh rộng rãi với các giai cấp khác cũng như với các cá nhân và thế lực nào tán thành chống chiến tranh phát xít, chống phản động thuộc địa, đòi dân sinh dân chủ, đòi hòa bình, v.v..

Trong những năm 1932 - 1939 mà đặc biệt là trong những năm 1936 - 1939 với phong trào Mặt trận dân chủ, các tổ chức của Đảng Cộng sản Đông Dương đã từng bước được phục hồi sau những tổn thất của thời kỳ 1930 - 1931. Hoạt động của Đảng đã khởi sắc trên mọi miền đất nước. Phong trào cách mạng đã trưởng thành lên nhiều và diễn ra phong phú. Tình hình chung đã như vậy. Tình hình riêng của tỉnh Quảng Ngãi cũng là như vậy. Cụ thể, các hình thức tổ chức và các hoạt động cách mạng trong tỉnh ngày càng được mở rộng, được tiến hành khéo léo và có hiệu quả hơn. Nhiều đồng chí từng tham gia hoạt động trong Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên mãn hạn tù trở về và các đồng chí hiện ở trong các nhà lao Quảng Ngãi tìm cách bắt liên lạc với cơ sở còn lại bên ngoài để tiến hành công việc khôi phục các tổ chức đảng. Đầu năm 1932, nhiều tổ chức cơ sở Đảng, nhiều Tổng uỷ, Huyện uỷ trong tỉnh được xúc tiến xây dựng lại. Tỉnh uỷ lâm thời tỉnh Quảng Ngãi cũng được xây dựng lại do đồng chí Võ Sỹ làm Bí thư.

Ngay sau khi thành lập lại, Tỉnh uỷ đã phát động một cuộc rải truyền đơn và treo cờ Đảng rộng khắp tỉnh và tổ chức nhiều cuộc mít tinh quần chúng đòi quyền lợi hàng ngày. Ở Ba Tơ, các đồng chí còn hoạt động tại Trường An (Ba Động) đã tổ chức cho đông đảo đồng bào tham gia một cuộc biểu tình kéo dài mấy tiếng đồng hồ nhằm hưởng ứng phong trào cách mạng toàn tỉnh và biểu lộ sự đồng tình với 4.500 công nhân làm đường xe lửa ở Đức Phổ bãi công và biểu tình ngày 12 tháng 3 năm 1932 cũng như biểu lộ sự đồng tình với công nhân làm đường xe lửa ở Bình Sơn vào tháng 5 năm 1932. Cũng trong năm này, ở Ba Tơ diễn ra một sự kiện đầy cảm động. Đó là sau khi địch bắt các đồng chí Trần Hàm, Nguyễn Quang Mao và tịch thu toàn bộ tài sản của hai đồng chí tại trại cày Bãi Ri, đem ra bán đấu giá. Cha Chuông (Ba Thành) đứng ra vận động nhân dân ở đây đem chinh ché, tài sản riêng của mình mua lại và gìn giữ đến khi đồng chí Trần Hàm thoát tù rồi trả lại đầy đủ cho đồng chí Hàm. Đây là sự kiện đẹp đẽ, nét son tiêu biểu cho sự đoàn kết chiến đấu, sống chết có nhau, gian khổ cùng nhau, hoạn nạn có nhau và tấm lòng đối với Đảng, với cách mạng của đồng bào các dân tộc Ba Tơ.

Sau một thời gian ngắn hoạt động, tổ chức cơ sở Đảng ở Ba Tơ và ở nhiều nơi trong tỉnh lại bị địch đánh phá một lần nữa. Đến tháng 6 năm 1932, một số anh chị em bị địch giam (không kết án) được trả về đã cùng với các đồng chí còn lại và quần chúng tích cực khôi phục các tổ chức đảng, cũng như các tổ chức quần chúng. Các hội "Vòng công", "đổi công", các "đoàn cấy", "đoàn cày", "đoàn

gặt" ở Ba Đình, Ba Động được tổ chức và đấu tranh đòi địa chủ, cà rá tăng tiền công cày, công cấy và chống cho vay nặng lãi. Đi đôi với việc tập hợp, tổ chức, giáo dục quần chúng đấu tranh đòi các quyền lợi dân sinh, dân chủ, tổ chức đảng Ba Tư còn tích cực giáo dục tư tưởng trong nội bộ, động viên từng đồng chí giữ vững ý chí chiến đấu, chống tư tưởng cầu an, run sợ trước kẻ thù.

Tháng 3 năm 1933, tại Đức Phổ, Tỉnh uỷ lâm thời Quảng Ngãi được tái lập và đề ra nhiệm vụ cấp bách là tìm mọi biện pháp chấp nối và xây dựng lại hệ thống tổ chức đảng từ trên xuống dưới, cũng như tìm cách bắt liên lạc với các tỉnh bạn và cấp trên. Tổ chức đảng đã được khẩn trương xây dựng củng cố lại ở các huyện Mộ Đức, Sơn Tịnh, Bình Sơn, Ba Tư... Các tổ chức quần chúng cũng được củng cố và phát triển. Nhiều cuộc đấu tranh của công nhân, nông dân, tù chính trị liên tiếp nổ ra. Đáng chú ý có vụ hơn 300 nông dân Nghĩa Hành biểu tình phản đối bọn chủ thầu đập suối Đá tự ý tăng tiền thủy lợi phí.

Cuối năm 1933, được sự uỷ nhiệm của cấp trên, sau nhiều lần quan hệ với các tỉnh, Tỉnh uỷ lâm thời Quảng Ngãi đã đứng ra triệu tập Hội nghị, mời đại biểu các tỉnh Quảng Nam, Bình Định (vắng mặt đại biểu Phú Yên, Khánh Hòa) để họp bàn chương trình và kế hoạch hành động chung, chuẩn bị cho việc họp liên tỉnh sắp tới. Thời gian sau, từ đầu năm 1934, Tỉnh uỷ Quảng Ngãi đã được chấn chỉnh lại. Đồng chí Phạm Xuân Hòa thay thế đồng chí Phạm Quy làm Bí thư Tỉnh uỷ và cũng là Bí thư Chấp uỷ địa phương Trung Trung Kỳ.

Tại Ba Tơ, trong thời gian này đồng chí Trần Toại đã được dịch đưa về địa phương quản thúc. Đồng chí đã hết sức khéo léo thông qua việc dạy học để làm công tác tuyên truyền cách mạng trong các tầng lớp đồng bào và xúc tiến tổ chức cơ sở Đảng. Một cuộc họp có sự tham dự của các đồng chí đảng viên và cơ sở cách mạng ở Ba Tơ được tiến hành tại Hố Trầu (Đồng Quang, Ba Động) để thảo luận và đề ra các mặt công tác. Tổ chức đảng ở Ba Đình, Ba Động được chấp nối trở lại, các hội viên quần chúng được phát triển, mở rộng thêm.

Đánh hơi thấy khí thế cách mạng được phục hồi, thực dân Pháp và bọn tay sai ở Quảng Ngãi liền tiến hành khủng bố, đàn áp, bắt bớ các đồng chí đảng viên và cơ sở cách mạng. Ngày 12 tháng 7 năm 1935, chúng mở một phiên tòa tại thành Quảng Ngãi, xử án 44 đồng chí trong vụ chúng gọi là "tái tổ cộng sản Đông Dương". Tại phiên tòa, các đồng chí đã dùng diễn đàn để vạch mặt và buộc tội bọn cướp nước và tay sai bán nước. Tinh thần các chiến sĩ cộng sản Quảng Ngãi ảnh hưởng tích cực đến tâm tư, tình cảm, ý chí cách mạng của đồng bào trong tỉnh và trong cả nước.

Tại Ba Tơ, nhiều đồng chí dự phiên tòa trên kể lại cụ thể và thông qua sách báo, dư luận để tuyên truyền động viên nhau giữ vững tinh thần đảng viên và ý chí cách mạng của đồng bào. Đảng viên và quần chúng cách mạng Ba Tơ đã bày tỏ lòng kính trọng đến các đồng chí bị xử án, xem họ là những người "gan sắt, dạ đồng", đồng tâm, đồng chí, đồng lòng. Những cuộc đấu tranh ở trong huyện đòi

tăng công cấy, công cày, công gặt và chống cho vay nặng lãi tiếp tục diễn ra. Các tổ chức quần chúng vẫn duy trì được hoạt động. Công tác tư tưởng và tổ chức trong Đảng bộ được củng cố một bước, tạo điều kiện cho việc lãnh đạo có hiệu quả những cuộc đấu tranh tiếp theo.

Trong giai đoạn 1932 - 1935, tuy phong trào cách mạng trong tỉnh bị địch đánh phá ác liệt và Tỉnh uỷ phải xây dựng lại tổ chức nhiều lần, nhưng ở Ba Tư tổ chức đảng vẫn duy trì được hoạt động liên tục, lãnh đạo kịp thời các cuộc đấu tranh của đồng bào tuy còn giới hạn trong phạm vi 2 xã người Kinh và một số xã lân cận. Có được như thế là nhờ một phần ở sự viện trợ của các đồng chí, các cơ sở cách mạng ở Đức Phổ, Nghĩa Hành, Mộ Đức và chủ yếu là có nhiều đồng chí, nhiều cơ sở cách mạng ở huyện vượt qua mọi khó khăn thử thách dù có bị địch đàn áp, bắt bớ, tù đầy vẫn tích cực tổ chức, xây dựng phong trào, chuẩn bị lực lượng cho giai đoạn mới.

*

* *

Vào cuối năm 1935 một số tù chính trị được địch trả về đã tìm cách liên lạc với nhau để thành lập Ban Tỉnh uỷ lâm thời do đồng chí Nguyễn Công Phương làm Bí thư. Một số đồng chí được phân công tìm bắt liên lạc với Xứ uỷ và Trung ương đã mang về nhiều thông tin, tài liệu hướng dẫn hoạt động. Phong trào cách mạng trong tỉnh có điều kiện để phát triển mạnh. *Tạp chí Đỏ* - cơ quan tuyên truyền của Đảng bộ tỉnh ra đời. Các tài liệu *Kiên cố Đảng*, *Điều lệ Đảng* đã được in thành tập. Cơ quan ấn loát của

Tỉnh uỷ được đặt tại Trường An (Ba Động) và do tổ chức đảng Ba Tư đảm nhiệm công việc.

Hòa vào khí thế chung, các đảng viên Ba Tư tích cực hoạt động, tuyên truyền và lãnh đạo quần chúng. Đồng chí Trần Toại thể hiện vai trò rất lớn trong việc củng cố và phát triển tổ chức, xây dựng cơ sở cách mạng. Các nhóm Thanh niên dân chủ, hội đá bóng, hội đọc sách, các hội tương tế (lợp nhà, trợ táng, đi cấy, đi gặt, hái củi, đánh tranh) được thành lập và tập hợp đông đảo quần chúng. Để hưởng ứng phong trào Đông Dương Đại hội, Tỉnh uỷ đã vận động thu thập chữ ký "dân nguyện" đòi tự do đi lại, mở hội. Chỉ trong một thời gian ngắn, phong trào phát triển nhanh và rộng.

09.09.1936 09.35.11.18.33

Đầu tháng 9 năm 1936, tại Thiết Trường, Mộ Đức, Tỉnh uỷ tổ chức một cuộc họp với thành phần đại biểu là chính trị phạm các huyện trong tỉnh, trong đó có Ba Tư, bàn việc đẩy lên phong trào "Đông Dương Đại hội". Tại Ba Tư, phong trào lên khá mạnh ở các xã Ba Đình, Ba Động.

Ngày 01 tháng 3 năm 1937, được sự vận động của Đảng, Đảng bộ Ba Tư tổ chức 1 đoàn đồng bào về tỉnh lỵ tham gia đón phái viên của Chính phủ Pháp là Giuytxtanh Gôđa, đưa dân nguyện đòi các quyền dân sinh dân chủ. Đồng bào hô to các khẩu hiệu:

- Ủng hộ Mặt trận Bình dân Pháp!
- Đả đảo bọn phản động thuộc địa!
- Ủng hộ Mặt trận Bình dân Tây Ban Nha!
- Ủng hộ cuộc kháng chiến của nhân dân Trung Hoa!

Cuộc biểu dương lực lượng của nhân dân Quảng Ngãi trong đó có đồng bào Ba Tơ đã làm cho bọn thực dân và tay sai cay cú, tức tối. Các đồng chí và đồng bào Ba Tơ tham gia đợt đấu tranh chính trị này trở về với niềm phấn khởi và truyền tin tức thắng lợi cho đồng bào tại địa phương.

Trong năm 1937, nhiều cuộc đấu tranh chống sưu cao thuế nặng, đòi chia lại công điền ở các huyện Nghĩa Hành, Mộ Đức, Tư Nghĩa, Ba Tơ nổi lên rất quyết liệt, gây tiếng vang trong tỉnh. Nhiều cán bộ, đảng viên từ các nhà tù cũng được thả ra trong thời gian này. Đồng chí Phạm Văn Đồng về thăm quê và góp nhiều ý kiến về công tác Đảng, về đấu tranh chống bọn tởrớtxkít, về vận dụng các hình thức đấu tranh công khai hợp pháp, đòi thả tù chính trị... Cũng như các nơi trong tỉnh, tại Ba Tơ lúc này hầu như việc tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, được diễn ra công khai và việc đi lại hoạt động cũng được tự do, ít dè dặt hơn trước, chẳng những đối với vùng thấp mà ngay ở vùng cao.

Cùng lúc này, phong trào "Nước xu đỏ" từ nam Tây Nguyên lan nhanh và mạnh ra bắc Tây Nguyên. Khi đến miền tây Quảng Ngãi, phong trào đi theo hai hướng (được chuẩn bị từ năm 1937, nổi lên giữa năm 1938) với nhiều hình thức và mức độ khác nhau.

Ở Ba Tơ, một số đồng bào nhất là ở các xã Ba Tô, Ba Vì, Ba Xa, Ba Vinh, Ba Ngạc... khi nghe nói nước thần nếu bôi vào người thì đạn địch bắn không thủng nên đã cử người đi đổi nước thần tại Kom Plong về. Họ loan

truyền tin trong nhân dân và lúc đầu đã tạo nên nhiều phấn khích. Cũng trong lúc này, tin tức đấu tranh của đồng bào ở miền xuôi buộc thực dân Pháp và Nam triều phải có nhiều nhượng bộ. Điều đó càng cổ vũ đồng bào Ba Tơ. Họ đã tập hợp nhau lại, chuẩn bị cung tên, giáo mác, làm lễ tuyên thệ, chia nhau nước thần và liên kết nhiều vùng cùng nhau nhện nhàng nổi dậy kéo đi đánh đồn Giá Vụt... Nổi nhất là các ông Prua, Prôi (Ba Vinh) đã chỉ huy đồng bào trong vùng nhiều lần chặn đánh địch đi càn quét, cướp bóc tài sản, cùng nhân dân tổ chức lễ đâm trâu ăn thề tại Gò Tum. Ở Tà Noát (Ba Ngạc), ông Đinh Ó không nghe theo lời dụ dỗ của Pháp làm chánh tổng, đã thành lập đội nghĩa quân 30 người cùng đồng bào chống lại địch quyết liệt, giết nhiều tên trong đó có 10 tên do Cai Xác là tên chỉ huy đến nhà trực tiếp đe dọa, dụ dỗ ông. Bọn quan và binh lính ở đồn Giá Vụt phải hết sức khó khăn mới đối phó nổi cuộc nổi dậy của đồng bào suốt nhiều năm liền. Những đồn làng Rí, làng Danh của địch gần Ba Tơ cũng bị đánh phá thường xuyên. Địch đã phải huy động nhiều lực lượng khố xanh, khố đỏ ứng chiến và đàn áp, đối phó. Mặc dù nước thần không ngăn được súng đạn kẻ thù, nhiều nghĩa quân hy sinh anh dũng nhưng nhiều đồn địch trong các vùng ở Giá Vụt, Ba Tơ đã bị tấn công. Địch phải tốn nhiều sinh lực, thời gian đi đàn áp. Nghĩa quân ở Ba Tơ đã tổ chức nhiều đợt phục kích địch ở vùng Tà Noát, Nước Sung.. làm cho chúng bị thiệt hại nặng.

Sau khi bị địch đàn áp khủng bố đẫm máu, thần linh

"Nước xu đỏ" không cứu được, những người nổi dậy chống Pháp ở Ba Tơ rủ nhau chạy khỏi làng, kéo lên núi cao xây dựng căn cứ chờ cơ hội đánh lại kẻ thù.

Trong năm 1939, ở nhiều nơi trong tỉnh, đồng bào tham gia những cuộc biểu tình chống dự án thuế mới của thực dân và biến cuộc vui chơi trong dịp lễ "chánh chung" kỷ niệm 150 năm ngày cách mạng dân chủ tư sản Pháp (14-7-1789 – 14-7-1939) thành cuộc mít tinh tại thị xã Quảng Ngãi đòi tự do, cơm áo, hòa bình, "chống phát xít gây chiến tranh", chống tăng thuế... Các cuộc biểu tình, mít tinh bị thực dân Pháp và bọn tay sai đàn áp, bắt bỏ tù, xử án một số đồng chí, đồng bào, nhưng nhiều đồng chí đứng đầu các phong trào đã sử dụng diễn đàn tại các phiên tòa xử án để tố cáo, vạch mặt kẻ thù.

Phong trào cách mạng ở Ba Tơ trong thời kỳ Mặt trận dân chủ cũng phối hợp nhịp nhàng với phong trào đồng bằng. Sự đấu tranh trong thời kỳ này mang màu sắc vừa có tính hợp pháp như tổ chức biểu tình, mít tinh, đưa dân nguyện, ra tranh cử hội đồng ở các xã người Kinh, lại vừa có tính bất hợp pháp như dùng vũ lực, sử dụng vũ khí ở đồng bào các vùng dân tộc thiểu số của huyện.

Ngày 01 tháng 9 năm 1939, Chiến tranh thế giới thứ hai nổ ra. Mặt trận Bình dân Pháp sụp đổ. Bọn phản động ở các nước thuộc địa có cơ hội phục thù, trả đũa phong trào cách mạng. Tại Quảng Ngãi nhiều tổ chức đảng, nhiều đồng chí đảng viên và cơ sở bị lộ. Địch tổ chức đợt đàn áp dã man, vây bắt triệt để các đồng chí lãnh đạo các cấp bộ

đảng. Cuộc đàn áp của địch trong tháng 10 năm 1939 đã gây nên tổn thất khá lớn và phong trào tạm lắng. Nó báo hiệu thời kỳ hoạt động dân chủ, công khai hợp pháp không còn thích hợp nữa.

Có thể đánh giá, vào thời kỳ này, Ba Tơ là một trong những huyện miền núi có phong trào cách mạng tương đối mạnh và rộng. Đảng bộ địa phương đã biết vận dụng các hình thức hợp pháp, các khẩu hiệu chính trị, kinh tế, dân sinh, dân chủ thích hợp trong đời sống hàng ngày của đồng bào để động viên và lãnh đạo họ nhận thức được sự sống còn của đất nước, của dân tộc mà đấu tranh đòi quyền tự do, đòi độc lập.

Phong trào đấu tranh ở Ba Tơ đã góp phần mở ra một bước liên kết mới giữa các vùng, các thành phần cư dân dưới sự lãnh đạo của Đảng với các hình thức hợp pháp công khai kết hợp vũ trang vây đánh, phục kích địch.

Tuy nhiên, do chưa dự báo được đầy đủ tình hình để ngăn ngừa những yếu tố bất lợi xảy ra nên có lúc, có nơi tổ chức đảng, cơ sở cách mạng và đồng bào phải chịu tổn thất. Ngay ở Ba Tơ, tổ chức đảng cũng chưa làm tốt công tác chính trị và tư tưởng để tăng cường khối đoàn kết giữa người Kinh với đồng bào các dân tộc thiểu số, cũng như chưa phát triển được đảng viên trong đồng bào các dân tộc thiểu số. Những hạn chế vừa nêu có lúc đã gây nên nhiều khó khăn cho sự phát triển của phong trào quần chúng nhất là ở vùng sâu, vùng xa.

**Chương III: KHỎI NGHĨA BA TỶ,
KHỎI NGHĨA GIÀNH CHÍNH QUYỀN
TRONG CAO TRÀO CÁCH MẠNG THÁNG TÁM
(1939 - 1945)**

Chiến tranh thế giới thứ hai chính thức nổ ra khi phát xít Đức tấn công Ba Lan ngày 1-9-1939. Ngày 3-9-1939 sau khi đòi Đức rút quân không có kết quả, Chính phủ Anh và Chính phủ Pháp tuyên chiến với Đức.

Đến tháng 6 năm 1940, phát xít Đức tấn công Pháp, Chính phủ Pétanh đã nhanh chóng đầu hàng. Tại Đông Dương, bọn phản động cầm quyền đã đầu hàng Nhật. Nhân dân Đông Dương rơi vào tình cảnh "một cổ hai tròng" xiềng xích: Pháp và Nhật. Các tổ chức thân Nhật mọc lên như nấm. Bọn cơ hội, hữu khuynh, bọn đầu thú, đầu hàng, bọn AB¹ đoàn cấu kết cùng các đảng phái chính trị thân Nhật ráo riết hoạt động. Bọn thực dân Pháp dùng chính sách cai trị thời chiến bóp nghẹt dân chủ, vơ vét của cải phục vụ chiến tranh, xô đẩy nhiều đồng bào đi phu, đi lính làm bia đỡ đạn cho chúng. Đảng ta bị chúng cấm hoạt động, tài liệu, báo chí cách mạng bị tịch thu. Tình cảnh của nhân dân ta vô cùng thê thảm, điêu đứng. Cùng với ách áp bức bóc lột đến tận tột của thực dân Pháp, lúc này nhân dân ta còn bị bọn quân phiệt Nhật bòn rút, cướp bóc đến tận xương tủy. Chúng còn bắt nhân dân "phá lúa trồng đay" để cung cấp quân nhu cho quân đội Nhật trong

1. Bọn AB đoàn tức bọn chống Cộng (dịch từ tiếng Pháp Antibolchvich).

chiến tranh châu Á - Thái Bình Dương. Tội ác đó đã là nguyên nhân trực tiếp làm cho trên 2 triệu đồng bào ta chết đói năm 1945. Càng bị áp bức bóc lột nặng nề, tinh thần đấu tranh và khí thế vùng lên của nhân dân càng mạnh mẽ. Chẳng những thế vào thời điểm cách mạng Việt Nam đã trải qua 2 cuộc tổng diễn tập lớn trong các năm 1930 - 1931 và 1936 - 1939, sự lãnh đạo của Đảng đã có thêm nhiều kinh nghiệm, v.v. thì phong trào cách mạng càng sâu rộng hơn, càng mau lẹ hơn, càng có sự phối hợp và chỉ đạo chặt chẽ hơn, kịp thời hơn. Một trong những dẫn chứng dễ thấy nhất là chỉ trong vòng 6 tháng - từ tháng 9 năm 1940 đến tháng 1 năm 1941, ở nước ta trên cả 3 miền đã liên tiếp nổ ra ba cuộc khởi nghĩa. Đó là cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn ngày 27-9-1940, khởi nghĩa Nam Kỳ ngày 23-11-1940 và cuộc nổi dậy của binh lính Đô Lương ngày 13-1-1941. Tuy tất cả những cuộc khởi nghĩa có tính chất từng phần vừa nêu đều chưa giành được thắng lợi, nhưng đó là những tiếng súng báo hiệu một thời kỳ đấu tranh mới, báo hiệu cho cuộc khởi nghĩa toàn quốc, là bước đầu đấu tranh bằng vũ trang của nhân dân Việt Nam. Rõ ràng thực tiễn cách mạng Việt Nam diễn ra trong giai đoạn từ năm 1939 đến năm 1945 đã được thể hiện trên những nét cơ bản tinh thần của các Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ sáu (tháng 11-1939), lần thứ bảy (tháng 11-1940) và lần thứ tám (tháng 5-1941) liên quan đến nội dung chính của đường lối giải phóng dân tộc với nhiệm vụ hàng đầu là chống đế quốc, giành bằng được giải phóng dân tộc. Còn nhiệm vụ chống phong kiến

và các nhiệm vụ dân chủ khác phải thực hiện rải ra từng bước, phục tùng và phục vụ nhiệm vụ chống đế quốc.

Cuối năm 1939, Hội nghị Trung ương Đảng đã họp lần thứ sáu và ra Nghị quyết nêu rõ sự chuyển hướng chiến lược cho phù hợp với tình hình mới. Đảng nêu ra nhiệm vụ: "Bước đường sinh tồn của các dân tộc Đông Dương không còn có con đường nào khác hơn là con đường đánh đổ đế quốc Pháp, chống tất cả ách ngoại xâm, vô luận da trắng hay da vàng để tranh lấy giải phóng độc lập..."¹. Sau đó tại Hội nghị Trung ương lần thứ tám, Đảng ta nhấn mạnh hơn nữa nhiệm vụ giải phóng dân tộc: "... trước hết phải làm sao giải phóng cho được các dân tộc Đông Dương ra khỏi ách của giặc Pháp - Nhật..."².

Hội nghị Trung ương lần thứ tám mang một ý nghĩa lịch sử to lớn, quyết định sự phát triển của phong trào cách mạng nhanh chóng, đón chờ cơ hội lớn trên mọi miền đất nước suốt từ Bắc đến Nam.

Tại Quảng Ngãi, sau sự đàn áp của thực dân và tay sai vào tháng 10 năm 1939, số đảng viên còn lại cùng với các đồng chí tù chính trị ở Cánh an trí Ba Tư, Trà Bồng, Sơn Hà tìm cách chấp nối cơ sở, bắt mối liên lạc với Xứ uỷ để khôi phục lại tổ chức và lãnh đạo Đảng bộ các cấp. Trong năm 1940, Tỉnh uỷ lâm thời được thành lập lại, do đồng chí Võ Xuân Hào làm Bí thư. Sau một thời gian, Đảng bộ lại bị địch đánh phá và nhiều cán bộ, đảng viên bị bắt.

1,2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.6, tr. 536; t. 7, tr. 112.

Vào những ngày nửa đầu tháng 11 năm 1940, đồng chí Đỗ Xáng từ Nam Bộ về Quảng Ngãi đã nắm được tinh thần các Nghị quyết sáu, bảy của Trung ương và liên lạc với các đồng chí trong tỉnh, trong đó có Ba Tơ để hoạt động. Tại Ba Tơ, đồng chí Trần Toại đã giới thiệu và hướng dẫn đồng chí Đỗ Xáng về vùng Ba Vinh chuẩn bị các công việc cần thiết cho vấn đề lập căn cứ.

Bọn mật thám, chỉ điểm, bọn AB đoàn phát hiện và mật báo với thực dân Pháp tại Quảng Ngãi về các hoạt động của những người cộng sản. Tỉnh uỷ bị địch đánh phá liên tục, tổn thất nặng nề.

Vào cuối năm 1940, địch sắp xếp lại số tù chính trị bị giam ở các căng an trí trong tỉnh. Một số bị đày, một số bị chuyển từ nơi này sang nơi khác để chúng dễ kiểm soát. Căng an trí Trà Bồng không còn nữa.

Địch còn chuyển một số tù chính trị từ Di Lăng (Sơn Hà) sang Căng an trí Ba Tơ, trong đó có các đồng chí Nguyễn Đôn, Nguyễn Khoách (Thạnh). Sau khi ổn định nơi ăn, chốn ở và sơ bộ tìm hiểu tình hình, địa thế ở Ba Tơ, các đồng chí đã hình thành một nhóm hoạt động có 3 người. Nhóm đề ra nhiệm vụ thành lập Uỷ ban vận động cách mạng hoạt động tại Căng an trí Ba Tơ và xây dựng mối liên lạc với các cơ sở còn lại ở đồng bằng. Đồng chí Nguyễn Đôn giữ vai trò trung tâm của nhóm.

Cũng vào thời gian này, nhiều tin tức và sự kiện ở trong và ngoài nước dồn dập truyền đến Quảng Ngãi, đến Căng an trí Ba Tơ. Điều này đã trực tiếp ảnh hưởng đến

tinh thần và sự chỉ đạo hoạt động của Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi.

Các đồng chí ở Căng an trí Ba Tơ vừa phải tự sản xuất nuôi sống bản thân, đối phó với địch, vừa tiếp tục thăm dò, tiếp xúc, chấp nối quan hệ với các đồng chí chính trị phạm đang ở Ba Tơ từ trước, trong đó có đồng chí Trần Toại tại Trường An. Sự liên lạc, giúp đỡ nhau thường xuyên được tổ chức tốt.

Cũng từ cuối năm 1940, đồng chí Trần Từ được Tỉnh uỷ phái về hoạt động, đã giúp huyện củng cố tổ chức và đến cuối năm 1941 ở Ba Tơ đã có trên 20 đảng viên, không kể những tổn thất qua các cuộc lùng bắt của địch.

Tháng 4 năm 1942, đồng chí Huỳnh Tấu, nguyên Uỷ viên Thường vụ Ban cán sự Trung Nam của Xứ uỷ Trung Kỳ từ Nhà đày Buôn Ma Thuật được chuyển về Căng an trí Ba Tơ. Đồng chí mang theo tinh thần và nội dung các Nghị quyết sáu, bảy và nhất là Nghị quyết tám của Trung ương. Khi về đến Ba Tơ, đồng chí Huỳnh Tấu đã nhanh chóng tham gia hoạt động. Đồng chí lấy việc bốc thuốc bắc làm nghề làm ăn hợp pháp để hoạt động gây dựng phong trào. Lúc bấy giờ tại Căng an trí Ba Tơ anh em tù chính trị tương đối đông đã ổn định nơi ở và công việc làm ăn. Tuy có một số sống yên phận, một số tìm cách nắm tin chờ thời cơ nhưng còn nhiều đồng chí tích cực hoạt động xây dựng phong trào. Mối quan hệ, tình cảm giữa những người tù an trí và đồng bào Ba Tơ rất khăng khít và thể hiện rất rõ sự thương yêu, đùm bọc, giúp đỡ lẫn nhau. Theo quy định của địch, những người an trí hàng ngày phải trình

diện ở đồn hai lần và không được đi xa nơi an trí quá 500 mét. Anh em an trí với sự giúp đỡ của đồng bào và một số binh lính đã đấu tranh đòi địch phải nhượng bộ, mỗi ngày chỉ phải trình diện một lần và được đi xa hơn quy định ban đầu.

Vào giữa năm 1943, đồng chí Phạm Kiệt từ Nhà dầy Buôn Ma Thuột về Ba Tơ có mang theo nhiều tài liệu và kinh nghiệm đấu tranh quân sự.

Đồng chí Huỳnh Tấn và các đồng chí an trí đã thành lập Ủy ban Vận động cách mạng với nhiệm vụ khẩn cấp là tìm mối liên lạc với cơ sở cách mạng trong toàn tỉnh và với cấp trên. Mối quan hệ, liên lạc được thiết lập từ trước giữa Trường An và Nghĩa Hành nay được củng cố và mở rộng thêm. Chi bộ Đảng Cảnh an trí Ba Tơ ra đời gồm có 5 đảng viên, do đồng chí Huỳnh Tấn làm Bí thư. Chi bộ Đảng đã định ra chương trình hành động theo tinh thần Nghị quyết Trung ương tám (5-1941). Các tổ chức quần chúng mới xuất hiện và các thành viên gia đình đồng chí Trần Toại đều tham gia hoạt động cách mạng. Ủy ban Vận động Cách mạng ở Ba Tơ đã trở thành Ủy ban Vận động Cứu quốc Quảng Ngãi làm nhiệm vụ của Tỉnh ủy, lãnh đạo phong trào cách mạng, xây dựng các tổ chức đảng trong tỉnh. Một số lớp huấn luyện phương pháp đấu tranh và giáo dục tư tưởng cho cốt cán cơ sở ở miền núi và đồng bằng được tổ chức tại bãi dâu tằm của đồng chí Trần Toại, ở Bằng Chay, Trường An.

Ủy ban Vận động Cứu quốc Quảng Ngãi tích cực chuẩn bị điều kiện và phương tiện làm công tác in ấn và

phát hành tài liệu. Đồng bào Ba Tơ tích cực hưởng ứng sự vận động của đồng chí Nguyễn Đôn trong việc mua thuyền, bảo vệ việc in ấn các tài liệu, chương trình và Điều lệ của Việt Minh, của các đoàn thể cứu quốc và của các cuộc họp của tổ chức đảng.

Ít lâu sau, một cuộc Hội nghị cán bộ gồm đại biểu các huyện Mộ Đức, Đức Phổ, Nghĩa Hành, Ba Tơ... được triệu tập tại trại dâu tằm của đồng chí Trần Toại ở Trường An nhằm đánh giá tình hình, quán triệt Nghị quyết tám của Trung ương và bàn việc phát động treo cờ, rải truyền đơn trong tỉnh và một số tỉnh bạn. Về dự hội nghị này có rất nhiều đại biểu trong các tổ chức cứu quốc ở Ba Tơ. Người trước tiên phải kể đến là đồng chí Trần Toại, các đồng chí Mau, Tiểu và các con gái của đồng chí Toại. Người thì trực tiếp tham dự hội nghị, người thì chịu trách nhiệm lo việc đón đại biểu, dẫn đường, tổ chức địa điểm, phục vụ và bảo vệ hội nghị. Hội nghị đã bầu Tỉnh uỷ lâm thời Quảng Ngãi, do đồng chí Huỳnh Tấn làm Bí thư.

Vào đêm 16 rạng ngày 17 tháng 7 năm 1943, nhiều truyền đơn, cờ đỏ sao vàng được treo và rải khắp nơi trong tỉnh. Riêng ở Ba Tơ không thực hiện việc này vì các đồng chí lãnh đạo Tỉnh uỷ lâm thời cho rằng cần phải bảo vệ lực lượng cách mạng vừa được tập hợp.

Các hoạt động cách mạng vừa nêu làm cho kẻ thù tức tối, lồng lộn. Chúng ra sức đánh phá phong trào, truy lùng, bắt bớ cán bộ. Một số cơ sở cách mạng bị vỡ, đường dây liên lạc với cấp trên bị lộ và một số đảng viên bị sa

lưới dịch, trong đó có đồng chí Huỳnh Tấn. Mặc dù dịch bùng nhiều thủ đoạn tra tấn, nhục hình, nhưng các đồng chí vẫn kiên định lòng trung thành với Đảng, dũng cảm đấu tranh và giữ vững bí mật. Cơ sở cách mạng ở Ba Tơ nhờ đó vẫn được bảo toàn và hoạt động bình thường.

Vào năm 1944, lần lượt nhiều đồng chí từ một số nhà tù trong nước đã có mặt tại Căn an trí Ba Tơ. Lúc đầu có đồng chí Trương Quang Giao, sau đó có các đồng chí Trần Quý Hai, Trần Lương... Các đồng chí an trí cũ và mới đã họp cùng nhau và bàn luận công tác tổ chức. "Ủy ban Vận động Cứu quốc" của tỉnh tại Căn an trí Ba Tơ tiếp tục làm nhiệm vụ của Tỉnh uỷ lâm thời do đồng chí Trương Quang Giao lãnh đạo.

Ở đồng bằng, các mối quan hệ với cơ sở được móc nối lại và được phát triển thêm. Tại Ba Tơ, trung tâm là Ba Đình, Ba Động, đồng chí Trần Toại và các đồng chí khác lo phát triển tổ chức, giữ mối quan hệ chặt với các đồng chí ở căn an trí, vừa lo lãnh đạo, chỉ đạo phong trào đấu tranh của nhân dân địa phương, vừa đáp ứng yêu cầu phục vụ của tỉnh. Đầu năm 1945, các tổ chức nông hội, thanh niên cứu quốc đã hình thành và phát triển khá nhanh. Hầu hết ở các thôn trong 2 xã Ba Đình, Ba Động đã có các tiểu tổ thanh niên, nông dân, phụ nữ, thuyền nhân cứu quốc... tập hợp những anh chị em nòng cốt trong đồng bào. Các cơ sở binh vận trong đồn Ba Tơ được củng cố, được tăng cường giáo dục, nắm bắt tình hình và chuẩn bị điều kiện chờ đón thời cơ hành động. Cơ sở trong đồng bào dân tộc thiểu số được xúc tiến thành lập ở Ba Vinh, Ba Tô, Ba Đình.

Lúc này, Nhật và Pháp đang lăm le như "hai con chó" cùng "cắn chung một miếng mồi". Cái ung nhọt sắp vỡ. Tại Kon Pờ Leng gần sát Ba Tơ, Sơn Hà, bọn Pháp chuẩn bị đón sự chi viện của Mỹ.

Các đồng chí lãnh đạo trong Ủy ban Vận động Cứu quốc (Tỉnh ủy lâm thời) đã chuẩn bị các điều kiện thoát ly về địa phương hoạt động đưa phong trào cách mạng tiến kịp tình hình. Theo dự đoán của các đồng chí, nếu điều kiện đến sớm hơn dự định, cần phải chớp lấy thời cơ khởi nghĩa từng phần, từng nơi trong tỉnh, nhất là ở miền núi để chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa về sau giành thắng lợi to lớn hơn. Ủy ban Vận động Cứu quốc đã nắm chắc tinh thần cách mạng của 20 đồng chí trong Căn an trí. Cũng trong thời gian này đồng chí Trương Quang Giao từ đồng bằng trở về và tổ chức họp, phân công các đồng chí đi các hướng, kể cả các tỉnh bạn lân cận, để hoạt động vì tình hình chuyển biến mau lẹ.

Công tác chuẩn bị đang được tiến hành khẩn trương thì ngày 09 tháng 3 năm 1945, Nhật đảo chính Pháp trên toàn Đông Dương. Ở Quảng Ngãi, chính quyền của thực dân Pháp tan rã, quân Pháp như rắn mất đầu. Từ các hướng Nghĩa Hành, Mộ Đức, Tư Nghĩa... các cơ sở cách mạng cấp tốc báo tin về Ba Tơ. Thời cơ lịch sử đã đến!

Ngay trong đêm 10 tháng 3 năm 1945, Ủy ban Vận động Cứu quốc (Tỉnh ủy lâm thời) triệu tập cuộc họp bất thường tại dốc Ông Tài, cách đồn Ba Tơ 700 mét, thảo luận tình hình và quyết định chớp lấy thời cơ, huy động lực lượng quần chúng đứng lên khởi nghĩa giành chính quyền

từng phần trong toàn tỉnh, trước hết là ở ngay tại Ba Tơ. Cuộc họp đã chỉ ra kẻ thù trực tiếp của ta lúc này là Nhật và thống nhất cách tiến hành khởi nghĩa là kỳ tập để chiếm đồn Ba Tơ và thành lập Ban khởi nghĩa. Ủy ban Vận động Cứu quốc cử người đi báo tin cho các đồng chí trong tổ chức đảng ở Ba Tơ mà trực tiếp là đồng chí Trần Toại để tuyên truyền, tập hợp, lãnh đạo quần chúng tham gia chiếm đồn. Dự định của Ủy ban Vận động Cứu quốc là sáng ngày 11 tháng 3 sẽ tiến hành việc khởi nghĩa, chiếm đồn.

Chấp hành sự chỉ đạo và kế hoạch của trên, các đồng chí ở Ba Đình, Ba Động lập tức vừa huy động lực lượng quần chúng, tự vệ cứu quốc, tiểu tổ du kích, thanh niên, nông dân, phụ nữ ở dọc Đường số 5A (Quốc lộ 24) kéo lên hướng đồn Ba Tơ, vừa báo tin cho đồng bào ở các nơi sát Ba Tơ như Khánh Giang, Trường Lệ (Nghĩa Hành), Mộ Đức, Đức Phổ biết để hưởng ứng cuộc khởi nghĩa.

Cuộc khởi nghĩa đã không diễn ra như thời gian đã định vì trong đêm 10 tháng 3 Pháp đã nhận được tin Nhật đảo chính nên ra lệnh "cấm trại" quân lính và đóng chặt cửa đồn, sẵn sàng đối phó với ta. Đồng thời bọn quan, lính ở châu lỵ Ba Tơ đã nắm biết tình hình và liền có kế hoạch đối phó.

Sau đó, Ban lãnh đạo khởi nghĩa được tin bọn Pháp đang theo đường Nghĩa Hành kéo lên Ba Tơ, trong đó có tên giám binh người Pháp chỉ huy lính khố xanh ở thị xã. Ban lãnh đạo liền quyết định sử dụng bạo lực vũ trang để buộc chúng phải giao đồn. Gần 20 đồng chí ở Cánh an trí,

trong đó có các đồng chí Trương Quang Giao, Trần Lương, Nguyễn Đôn, Trần Quý Hai, Phạm Kiệt... đã mang gậy, rựa, dao đi xuống Trường An đón bắt. Khi gặp tên giám binh Pháp, ta cử người tiếp xúc, bàn việc phối hợp cùng đánh Nhật và bắt chúng giao đồn lại cho cách mạng. Song việc này cũng không thành vì sau khi vào đồn, tên giám binh trở mặt, nuốt lời hứa. Kế hoạch chiếm đồn Ba Tơ một lần nữa không thực hiện được.

Trước diễn biến tình hình như vậy, Ban lãnh đạo khởi nghĩa đã họp khẩn cấp vào trưa ngày 11 tháng 3 tại chòi canh Suối Loa (Ba Động) kiểm điểm và bàn việc chuyển hướng kế hoạch khởi nghĩa, phân công các đồng chí Phạm Kiệt, Nguyễn Đôn, Nguyễn Khoách chịu trách nhiệm chỉ huy cuộc khởi nghĩa ở Ba Tơ. Một số đồng chí an trí được bố trí vào lực lượng nòng cốt khởi nghĩa và chuẩn bị cho việc xây dựng lực lượng vũ trang, căn cứ miền núi sau này.

Trước khi về đồng bằng lãnh đạo cuộc khởi nghĩa nơi đó, đồng chí Trương Quang Giao đã nắm chặt tay các đồng chí chịu trách nhiệm tại Ba Tơ, dặn dò: "Bất kỳ phải hy sinh giá nào, chúng ta cũng phải khởi nghĩa, giành cho bằng được chính quyền Ba Tơ...".

Bộ phận lãnh đạo khởi nghĩa Ba Tơ, một mặt ra sức tăng cường thêm lực lượng vũ trang, mặt khác tỏa về các làng chung quanh: Trường An, Tân Long, Suối Loa, Hoàng Đôn, Nước Gia, Nước Lá, Mang Đốc... phát động đồng bào Kinh - Thượng nổi dậy giành chính quyền ở cơ sở, sau đó phối hợp giành chính quyền ở châu ly. Công tác binh vận cũng được xúc tiến.

Quần chúng cách mạng ở Ba Động, Suối Loa, Trường An và nhiều nơi khác lần lượt được tổ chức Việt Minh và các tổ chức cứu quốc tập hợp, huy động. Chiều ngày 11 tháng 3 theo sự chỉ huy chung, tất cả mọi người cầm giáo mác, dao rựa, cờ đỏ sao vàng, giương cao biểu ngữ kéo về châu ly Ba Tơ. Truyền đơn và cờ đỏ sao vàng tung bay khắp nơi. Cơ sở nội ứng của ta trong đồn Ba Tơ đã được Ban chỉ huy trực tiếp giao nhiệm vụ và đã gửi ra cho lực lượng khởi nghĩa 4 khẩu súng và đạn. Khí thế cách mạng của quần chúng và không khí của cuộc khởi nghĩa đang hùng hực, sôi sục.

Chiều tối ngày 11 tháng 3, đội quân khởi nghĩa đã được sắp xếp hàng ngũ chỉnh tề. Quần chúng đã kéo đến đông chung quanh đồn, tại sân vận động. Một cuộc mít tinh lớn được tiến hành tại sân vận động. Ban chỉ huy khởi nghĩa nêu rõ tình hình và phát động quần chúng tham gia khởi nghĩa. Ngay sau đó, cuộc mít tinh biến thành cuộc biểu tình tuần hành, đèn đuốc sáng rực châu ly. Quần chúng hô vang các khẩu hiệu: "Đánh đổ phát xít Nhật, tẩy sạch phát xít Pháp; Việt Nam hoàn toàn độc lập; Đảng Cộng sản Đông Dương muôn năm; ủng hộ Mặt trận Việt Minh...". Sau đó đồng bào chia nhau tỏa ra các ngã đường rồi tản vào nhà đồng bào chung quanh châu ly bàn tán sôi nổi chờ hiệu lệnh.

Trước khí thế cách mạng như nước vỡ bờ, tên giám binh Pháp hoảng sợ tháo chạy khỏi đồn Ba Tơ.

Theo kế hoạch, lực lượng khởi nghĩa phối hợp với

quần chúng vũ trang xông vào Nha kiểm lý¹, bắt tên Bùi Danh Ngũ cùng bọn nha lại phải nộp vũ khí, đạn dược, hồ sơ, tiền bạc. Lúc đầu Ngũ ra mặt phản ứng nhưng sau đó xin hàng. Việc giành chính quyền ở châu ly Ba Tư diễn ra tương đối nhanh, gọn. Thừa thắng, lực lượng khởi nghĩa chuyển sang chia thành ba mũi, bao vây tấn công đồn khởi nghĩa châu ly. Các mũi khởi nghĩa do các đồng chí Nguyễn Đôn, Phạm Kiệt, Nguyễn Khoách chỉ huy trực tiếp. Lực lượng xung kích vừa nổ súng, vừa gọi hàng. Đội quân khởi nghĩa xông vào đồn, lực lượng quần chúng bên ngoài nổi trống, mõ, tù và âm vang cả một góc trời. Tiếng hô khẩu hiệu chi viện của đồng bào vang lên không ngớt. Đền đuốc sáng rực, tiếng hò reo của quần chúng càng lúc càng dồn dập và khí thế cách mạng càng dâng cao. Bên trong đồn, cơ sở nội ứng tiến hành làm công tác binh vận.

Trước khí thế áp đảo của quần chúng khởi nghĩa, bọn địch trong đồn hoang mang, dao động. Bọn chỉ huy binh lính lúc đầu định chống trả nhưng trước đòn tiến công mãnh liệt của các lực lượng khởi nghĩa, chúng phải hạ vũ khí. Ta phá tung cửa đồn xông vào, binh lính trong đồn đầu hàng. Quân khởi nghĩa thu toàn bộ súng, đạn, lương thực. Cờ địch bị hạ xuống và cờ đỏ sao vàng được kéo lên.

Để chi viện cho cuộc khởi nghĩa ở châu ly, cùng lúc này, đồng bào dọc ven Đường số 5A (Quốc lộ 24) từ Hóc Kè xuống Vực Liêm, Hùng Nghĩa, Tân Hội đồn ngã cây, phá

1. Cơ quan hành chính trực thuộc ngụy quyền tỉnh.

cầu, lăn đá làm các ụ chướng ngại vật để ngăn chặn quân Nhật kéo lên, đồng thời tịch thu triện đồng của bọn hương lý, phá bỏ bộ máy chính quyền phong kiến cấp xã. Cũng trong đêm 11 tháng 3 năm 1945, quần chúng cách mạng ở Khánh Giang, Trường Lệ, Suối Bùn, Phú Khương, Phú Thọ (Nghĩa Hành) nổi trống mõ kéo tới đình làng dự mít tinh, nghe cán bộ Việt Minh giải thích về nhiệm vụ chống Nhật, cứu nước, về khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền, về sự chi viện cho cuộc khởi nghĩa Ba Tơ.

Đối với binh lính địch, quân khởi nghĩa tuyên bố: "Làm cách mạng sẽ còn gặp nhiều khó khăn, có thể hy sinh, nếu ai muốn tham gia, cách mạng sẽ xem xét từng người; còn ai muốn về quê làm ăn thì sẽ giải quyết cụ thể. Song tất cả đều không được trở lại làm việc cho địch. Ai còn theo giặc chống phá cách mạng thì nhất định sẽ bị trừng trị. Đây là sự biểu hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của cách mạng".

Thắng lợi nhanh chóng, quần chúng ở Ba Tơ vô cùng phấn khởi, reo hò, vui mừng, tập hợp lực lượng đông nghịt. Ban lãnh đạo khởi nghĩa cử người đi lên phía tây truyền tin thắng trận và huy động thêm đồng bào từ các nơi kéo về châu ly.

Từ chiều ngày 11 đến sáng ngày 12, rừng núi Ba Tơ mang không khí sôi động. Các tổ chức quần chúng cách mạng, các lực lượng có tổ chức và chịu ảnh hưởng của cách mạng, từ đồng bào Kinh đến đồng bào các dân tộc thiểu số, từ gần đến xa đều náo động, sôi nổi với khí thế lạ thường, đều như mở cờ trong bụng, như sự đổi đời. Họ thức suốt

đêm, bàn tán việc nước, việc đời. Nhiều cơ sở đến gặp Ban chỉ huy xin được trực tiếp tham gia đoàn quân khởi nghĩa. Nhân dân ở các cơ sở, các vùng nổi chiêm trống, mang gươm giáo, đèn đuốc sáng rực trời từ các ngã đường, hô vang các khẩu hiệu rầm rập kéo về Ba Tơ tham dự mít tinh. Hầu hết các chánh tổng, chủ làng, già làng và cơ sở đều cùng đồng bào kéo xuống châu lỵ và Trường An tham gia biểu tình. Có thể nói trong phạm vi toàn tỉnh, toàn miền Nam Trung Bộ, chưa có nơi nào mà đồng bào tham gia, chứng kiến sự kiện lịch sử đã diễn ra trên quê hương mình như ở Ba Tơ.

Cuộc khởi nghĩa ở Ba Tơ và ở một số vùng phụ cận đã tạo ra làn sóng cách mạng có tiếng vang lớn lan nhanh đi khắp nơi. Việt Minh, quần chúng cách mạng Ba Tơ và một số xã các huyện chung quanh đã quản lý hầu hết mọi mặt hoạt động. Bộ máy xã thôn của địch đã đầu hàng và có người xin tham gia khởi nghĩa. Đồn địch đã bị đánh chiếm, ngục quyền châu lỵ đã nhào. Nhân dân các vùng Khánh Giang, Trường Lệ (Nghĩa Hành), dọc Đường số 5A và hai bên bờ sông Bến Thóc... hưởng ứng tham gia khá mạnh mẽ và rầm rộ.

Rạng sáng ngày 12 tháng 3 năm 1945, tại sân vận động trước đồn Ba Tơ, một cuộc mít tinh lớn được tổ chức trong không khí phấn khởi, tự hào, đông vui và rất trang nghiêm. Các đồng chí Nguyễn Đôn, Phạm Kiệt đã nói lên thắng lợi, ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa và kêu gọi đồng bào tham gia sự nghiệp cách mạng. Cờ Đảng, cờ đỏ sao vàng phấp phới tung bay. Đội du kích Ba Tơ anh hùng chính

thức ra mắt đồng bào. Đoàn quân khởi nghĩa với vũ khí trong tay đứng trang nghiêm, đồng bào Ba Tơ với giáo mác tua tủa, đông nghịt, ánh mắt long lanh, tiếng cười xen lẫn tiếng khóc vì quá xúc động, nhất loạt hưởng ứng từng lời kêu gọi của cách mạng. Ban lãnh đạo khởi nghĩa tuyên bố xóa bỏ chính quyền địch, xóa bỏ các loại sưu thuế và tuyên bố thành lập Ủy ban nhân dân Cách mạng Ba Tơ và đọc bản tuyên cáo của Ủy ban nhân dân Cách mạng Ba Tơ. Bản Tuyên cáo có đoạn viết: "Ủy ban nhân dân Cách mạng Ba Tơ theo tiếng gọi của giang sơn, nhận lấy nhiệm vụ nặng nề của lịch sử phó thác đã mạnh mẽ tiên phong phát cờ khởi nghĩa, tiếp tục hưởng ứng đồng bào Nam Kỳ và Đội Du kích Cứu quốc Bắc Sơn, dựng lên chính quyền cách mạng Ba Tơ...". Ủy ban kêu gọi đồng bào: "Lúc này hơn lúc nào hết, đồng bào hãy mau đoàn kết lại, không phân biệt già, trẻ, trai, gái, không phân biệt giàu nghèo sang hèn... chung lưng đấu cật, góp tài góp lực tham gia vào cuộc cách mạng giải phóng, để đem lại độc lập chân chính cho nước nhà...". Và Ủy ban tuyên thệ: "Chúng tôi, Ủy ban nhân dân Cách mạng Ba Tơ xin tuyên thệ trước đồng bào: cố noi theo vết máu tiền nhân quyết rửa hờn cho giống nòi, phục thù cho Tổ quốc...".

Ủy ban kêu gọi đồng bào gia nhập các Hội Cứu quốc, tiếp tục hưởng ứng, ủng hộ chính quyền cách mạng Ba Tơ và hô các khẩu hiệu cách mạng:

- Đánh đổ phát xít Nhật!
- Tẩy sạch phát xít Pháp ở Đông Dương!
- Trừng trị bọn Việt gian thân Nhật!

- Việt Nam hoàn toàn độc lập muôn năm!
- Đảng Cộng sản Đông Dương muôn năm!

Trong giờ phút thiêng liêng của đời mình, được sống với chính quyền cách mạng, đồng bào Ba Tơ đã tự hứa hẹn với lòng là phải làm gì để đóng góp cho cách mạng, cho quê hương và cũng không ít người ngỡ ngàng trước sự đổi đời nhanh chóng như vậy.

Lương thực và các vật dụng tịch thu của địch được đem ra chia cho nhân dân, chỉ để lại một con ngựa, một máy chữ, súng đạn. Mặc dù của cải chia không nhiều, nhưng qua đó đồng bào thấy rõ tấm lòng của các chiến sĩ cách mạng. Nó thể hiện bản chất tốt đẹp của chế độ mới, thể hiện quan điểm, tình cảm của Đảng, của cách mạng đối với đồng bào nghèo khổ. Ai nấy đều rất cảm động. Có người nói: "Đã được xóa bỏ sưu thuế, lại được chia của cải nữa. Cách mạng là thế...". Sau khi trang bị đủ cho đội quân khởi nghĩa, tất cả súng đạn còn lại được cất giấu.

Lực lượng tham gia khởi nghĩa ngày càng đông thêm. Nhiều người tình nguyện tham gia đội quân cách mạng (trong đó có nhiều người quê Thanh Hóa và một số tỉnh bạn). Cuối cùng, cuộc mít tinh đã cử hành lễ "ăn thề" giữa đồng bào Kinh, lực lượng khởi nghĩa với đồng bào các dân tộc thiểu số miền núi để cùng nhau thắt chặt đoàn kết, đấu tranh đánh đổ phát xít Nhật, tẩy sạch phát xít Pháp và bè lũ tay sai của chúng, giành lấy chính quyền.

Cuộc mít tinh đã kết thúc, nhưng đồng bào còn lưu luyến với đội quân khởi nghĩa.

Sau đó, từng đoàn người đổ về các hướng, mang theo

khí thế và trách nhiệm mới là phải làm gì để quê hương sạch bóng quân thù.

Trong không khí hào hùng, sôi động, đồng bào Ba Tơ ai ai cũng muốn tham gia bất cứ việc gì mà cách mạng cần đến. Các thuyền đánh cá trên sông Ba Tơ nhận nhíp chở người lên xuống, cất giấu vũ khí, tiếp tế lương thực, cá mắm. Đồng bào Ba Tơ sẵn sàng cống hiến và phục vụ mọi nhu cầu của cách mạng.

Do chưa đủ điều kiện giành chính quyền cho nên ở vùng đồng bằng các tổ chức cách mạng nhanh chóng lãnh đạo quần chúng thực hiện việc giúp đỡ cho đội quân khởi nghĩa ở Ba Tơ, đẩy mạnh phát triển hàng ngũ cứu quốc, gây thanh thế chống lại các hoạt động của Nhật và tay sai.

Trong khi phác thảo kế hoạch, Ban lãnh đạo khởi nghĩa đã dự lường tình huống nếu quân Nhật kéo lên chiếm lại Ba Tơ, tiêu diệt chính quyền cách mạng non trẻ thì thực hiện các việc:

- Chuyển chính quyền cách mạng vào hoạt động nửa công khai (công khai với quần chúng, bí mật với địch).

- Chuyển lực lượng vũ trang vào căn cứ núi Cao Muôn, nơi ta có chuẩn bị cơ sở từ trước, tiến hành vũ trang tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia xây dựng chiến khu chống Nhật, cứu nước.

Trong ba ngày, tại trung tâm châu ly Ba Tơ, Đội du kích cứu quốc Ba Tơ đã đi đến từng nhà, từng vùng, từng làng để tuyên truyền giác ngộ quần chúng, phát huy thắng lợi, ổn định tình hình và chuẩn bị việc chuyển hướng hoạt động.

Để bảo vệ khối đoàn kết Kinh - Thượng và bảo vệ đồng bào sau khi Đội du kích chuyển quân, Ban chỉ huy đã triệu tập cuộc họp gồm các chánh tổng, sách trưởng và lý hương vùng phụ cận châu lỵ làm lễ ăn thề, đánh tan những ngờ vực lo sợ gây ra trong dư luận, chuẩn bị lý lẽ cho đồng bào đấu tranh với Nhật nếu chúng có đàn áp, tra khảo, thì cứ một mực nói rằng: "Mọi việc đều do những người ở Căng an trí làm và họ đã đi đâu chúng tôi không biết". Còn số ngục quyền đã bị bắt giam, ta phóng thích và dặn chúng nên nhận rõ tình hình mà có cách ăn ở, đối xử tốt với nhân dân, có thái độ đúng với cách mạng và chịu trách nhiệm về các việc làm của mình sau này.

Được cơ sở các nơi báo về là quân Nhật kéo lên Ba Tơ theo Đường 5A (Quốc lộ 24), Đội du kích Ba Tơ đã rời khỏi châu lỵ vào chiều ngày 14 tháng 3 năm 1945 ngược dòng sông Liên hướng về núi Cao Muôn để xây dựng căn cứ cách mạng. Đến khuya, đội dừng chân tại Bãi Hang Én và cử hành lễ tuyên thệ. Tại buổi lễ, toàn Đội du kích Ba Tơ đứng nghiêm dưới cờ, long trọng giơ cao nắm tay trái ngang vai tuyên thệ: "Hy sinh vì Tổ quốc" và thề làm tròn 3 nhiệm vụ: Ra sức vận động nhân dân tham gia cách mạng, xây dựng chiến khu kháng Nhật, cứu nước; không ngừng củng cố và phát triển lực lượng vũ trang cách mạng; sẵn sàng hoàn thành mọi nhiệm vụ chiến đấu khi có lệnh. Đội quân từ đây dưới sự lãnh đạo của các đồng chí Phạm Kiệt, Nguyễn Đôn, gồm một số đảng viên và có 28 người, 24 khẩu súng với tên gọi chính thức "Du kích Cứu

quốc Ba Tơ", được tổ chức chặt chẽ, lập trường chính trị vững vàng.

Như vậy, vào đêm 14 tháng 3 năm 1945, lịch sử đã trao cho những chiến sĩ của Đội du kích Cứu quốc Ba Tơ trách nhiệm nặng nề, chiến đấu bảo vệ quê hương, đất nước.

Trời vừa sáng, đồng chí Trần Lương từ đồng bằng lên đã gặp Đội để phổ biến chủ trương của lãnh đạo tỉnh. Sau khi trao đổi, bàn biện pháp thực hiện chủ trương của trên và có cơ sở dẫn đường, đội quân theo Bến Buôn đi về vùng núi Cao Muôn hùng vĩ.

Sau khởi nghĩa Ba Tơ, tình hình địch - ta trong tỉnh có sự thay đổi. Bộ máy thống trị của Pháp đã tan rã nhưng chúng đang âm mưu chống lại Nhật. Phát xít Nhật thì chưa thiết lập được hệ thống cai trị mới. Vì vậy, chúng phải tạm dùng số tay sai của Pháp còn lại, vừa ra sức đào tạo bọn tay chân mới. Chúng rêu rao: "Nhật đánh Pháp trao trả độc lập cho Việt Nam"... Trong lúc đó, bọn thân Nhật cũng ra sức quảng cáo cái "độc lập bánh vẽ" của vua bù nhìn Bảo Đại. Những phần tử phản động thân Nhật ra sức lôi kéo quần chúng ủng hộ phát xít Nhật, chống lại Việt Minh.

Tại Ba Tơ, sau khi Đội du kích chuyển lên xây dựng căn cứ và phát triển lực lượng, bọn tay sai của Nhật tiến hành việc ổn định lại tình hình, rà soát dân chúng và tuyên truyền thuyết "đồng văn đồng chủng" da vàng mị dân. Mặt khác, chúng dùng quân đội tổ chức các cuộc hành quân, càn quét vùng rừng núi Ba Tơ nhằm tiêu diệt

lực lượng vũ trang, tiêu diệt phong trào đấu tranh cách mạng của đồng bào các dân tộc miền tây Quảng Ngãi.

Trước tình hình như vậy, Tỉnh uỷ lâm thời đã triệu tập hội nghị tại Mộ Đức vào cuối tháng 3 năm 1945. Trong các nội dung hành động đề ra, Tỉnh uỷ đặt mạnh vấn đề phải bảo toàn lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang. Đội du kích tiến hành ngay việc vũ trang tuyên truyền và xây dựng căn cứ địa... Nhờ vậy, Tỉnh uỷ đã tạo được một sự chuyển biến lớn về nhận thức trong quần chúng. Thanh thế của cuộc khởi nghĩa Ba Tơ, Đội du kích Ba Tơ ngày càng lan rộng, giục giã, động viên mọi người tham gia cách mạng. Nhiều đồng bào Ba Tơ tham gia các tổ chức, đoàn thể cứu quốc của Mặt trận Việt Minh. Hai chiến sĩ người địa phương đứng vào hàng ngũ của Đội du kích Ba Tơ là Đinh Nếp và Đinh Béo. Đó là những người dân tộc thiểu số tốt bụng, dũng cảm, đã đứng vào hàng ngũ quân đội của Đảng để góp sức gánh vác việc nước. Sau Hiệp định Giơnevơ 1954, đồng chí Đinh Nếp tập kết ra Bắc. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, đồng chí Đinh Nếp trở lại miền Nam chiến đấu, đã hy sinh anh dũng ở chiến trường Tây Nguyên năm 1964.

Chiều ngày 15 tháng 3 đoàn quân đã đến làng ông Run, một tù trưởng nổi tiếng chống Pháp ở trong vùng. Ông Run tiếp đón Đội du kích, đãi cơm nước rồi hướng dẫn đường đi và hứa sẽ tìm cách giúp Đội hoạt động, huy động nhân dân trong vùng cùng làm cách mạng đánh Nhật, đuổi Tây giành độc lập.

Rời làng ông Run, đoàn quân tiếp tục đi về hướng

Minh Long. Đến chân đèo Eo Chim, rẽ trái, Đội đi vào Nước Nê, cùng là nơi nổi tiếng đánh Tây. Tại đây Đội tiến hành công tác dân vận và liên lạc với Phó Nía, người có uy tín trong vùng, bàn bạc nơi ăn ở và tiến hành công việc. Các chiến sĩ ở đây một tuần lễ, triển khai một số công việc: tìm hiểu đường sá, địa hình, thăm hỏi giúp đỡ, chữa bệnh cho nhân dân, tuyên truyền đánh Nhật, đuổi Tây. Sau mấy ngày ở Nước Nê, Đội du kích kéo quân lên phía bắc xây dựng chiến khu, nơi đồng bào đã chỉ hướng. Đó là ngọn Nước Sung. Đến đây Đội không ở trong nhà dân. Các đồng chí đã nhanh chóng tổ chức xây dựng trại, ổn định nơi ăn chốn ở tại vùng ruộng Cờ Lâm, tổ chức canh gác và triển khai luyện tập quân sự ở hai bãi tập Nước Vết, gần đỉnh Ràng Bà Điều và ở bót gác Nóc Tà Lách. Hằng ngày Đội phân công từ ba đến năm đồng chí xuống làm công tác tuyên truyền cho đồng bào hiểu và giúp đỡ anh em du kích hoàn thành nhiệm vụ. Các đồng chí đã giúp đồng bào những việc như mang nước, chẻ củi, chữa bệnh, và sống hòa mình với nhân dân, tôn trọng phong tục tập quán tốt đẹp của đồng bào để thực hiện nhiệm vụ dân vận của Đội.

Qua các việc làm đó, các đồng chí trong Đội đã nhanh chóng được đồng bào tin yêu, thương mến và cảm phục. Đồng bào đã cùng Đội làm lễ ăn thề theo phong tục "cúng trời, cúng đất" cùng nhau đánh Nhật, đuổi Tây, nếu ai làm sai lời thề sẽ bị cách mạng, nhân dân và "Giàng" xử phạt. Tại vườn nhà tổng Phương gần Nước Sung, hàng trăm đồng bào trong vùng, cô cả già làng, tù trưởng cùng với Đội du kích cắt máu hòa chung vào rượu uống thề.

Buổi lễ rất trang nghiêm đúng theo phong tục của người Hrê. Tất cả súng và kiếm chúc vào ché rượu rồi cùng cất cao lên thành biểu tượng "đoàn kết", thề với nhau chiến đấu đến giọt máu cuối cùng, ai phản bội sẽ bị lưỡi kiếm và cây súng trừng trị.

Trong muôn ngàn khó khăn của buổi đầu xây dựng đội ngũ giữa núi rừng, các chiến sĩ cộng sản tuy có chí khí cách mạng và lòng quyết tâm cao, nhưng cũng không sao tránh khỏi những điều chưa chuẩn bị trước. Bởi vì lúc này đồng bào đang vào mùa suốt lúa. Mùa suốt lúa cũng là mùa kiêng cử. Lúa mới chưa được ăn, cũng chưa được xuất ra khỏi nhà. Anh em trong Đội phải chịu đói, chờ tiếp tế lương thực từ trung châu lên, nếu không có tiếp tế thì đành nhịn đói.

Đêm cũng như ngày anh em trong Đội phải thay nhau canh gác, nhất là ban đêm ở giữa núi rừng, gió lạnh thấu xương, không đủ áo che thân, bọ chét rúc cắn khắp mình, bắt đầu sinh bệnh và lở ghẻ. Tình cảnh gian khổ đó phần nào đã làm nao núng một số đồng chí, không trụ lại được buộc phải về xuôi công tác. Trong lúc Đội đang gặp khó khăn đồng bào đã hết lòng giúp đỡ, động viên anh em. Tấm lòng của mẹ Thía thật vô cùng cảm động. Mẹ đem đến cho anh em một ổ khoai do mẹ đi mót về, trong khi nhà mẹ bếp lạnh đã lâu ngày. Anh em trong Đội đã hiểu tấm lòng cao cả của mẹ đối với cách mạng, và nỗi khó của mẹ nên một mực từ chối, nhưng mẹ nài nỉ đến mức như trách móc, giận hờn, buộc Đội phải nhận.

Tấm lòng của mẹ Thía đã nhắc nhở, động viên anh

em, củng cố thêm lòng tin của ~~Đội~~ đối với đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là những người nghèo. Các đồng chí trong Ban chỉ huy lấy đó làm bài học thực tế sinh động và cụ thể về nghĩa Đảng, tình dân để động viên tinh thần chiến đấu của ~~Đội~~ trong những ngày gian khổ nhất.

Sau đợt huấn luyện quân sự, củng cố một bước đội ngũ, ~~Đội~~ tiếp tục cuộc hành quân di chuyển lên vùng núi cao hơn. Theo triền núi đi về hướng nam, ~~Đội~~ chuyển lên xóm Gò Rinh, rồi vượt Nước Nẻ lên một vùng hiểm trở có địa thế cheo leo, heo hút, gọi là "Xóm Tám nhà". Đồng bào nơi đây cũng có truyền thống kiên cường đánh Pháp.

Dựa vào Xóm Tám nhà, ~~Đội~~ đã bắt liên lạc với anh em Rua và Rói, đây là hai nhân vật nổi tiếng cầm đầu việc bất hợp tác và chống Pháp quyết liệt trên vùng núi hiểm trở này. Anh em du kích đã tổ chức kết nghĩa, cùng bàn bạc với anh em Rua, Rói và ~~đồng bào~~ về cách đánh Nhật, đuổi Pháp, bảo vệ quê hương.

Ở đây tình đoàn kết giữa ~~Đội~~ và đồng bào rất thấm thiết, nhưng khí hậu khắc nghiệt và sự tiếp tế lương thực quá khó khăn nên ~~Đội~~ quyết định chuyển xuống Gò Rinh để tiếp tục chuyển dân xuống thấp. Anh em trong ~~Đội~~ bắt đầu đau ốm quá nhiều. Khi trở lại Gò Rinh, anh em phải bước ngay vào công tác dân vận và phải giải quyết một số công việc cụ thể của ~~Đội~~.

~~Đội~~ có khẩu súng trung liên tìm được tại Suối Bùn, do Pháp vớt xuống suối khi tháo chạy vào ngày 9 tháng 3 năm 1945. Vì súng mất lò xo không bắn được lại phải

mang theo công kênh mà anh em lại đau yếu quá nhiều, nên Đội quyết định gửi lại cho một cụ già trong làng cất giữ. Cụ đem gói vào mo cau, treo trên nhà và nói "hai mươi năm, ba mươi năm sau đến lấy vẫn còn. Tôi có chết đi con cháu tôi sẽ giữ súng cho cách mạng". Để làm tin cho nhau, đồng chí Phạm Kiệt đã lấy một hào bạc cất đôi, mỗi người giữ một nửa và hẹn rằng sau này ai muốn lấy súng thì đem nửa hào bạc đó đến lắp vào cho khớp. Khi Cách mạng Tháng Tám 1945 thành công, đồng chí Phạm Kiệt đang công tác ở Nha Trang thì có người gặp lấy nửa hào bạc ấy để đi lấy khẩu súng đó về.

Từ vùng Gò Rìng, Đội lại chuyển xuống Ruộng Hòa và tiến hành chấn chỉnh lại đội ngũ, giải quyết cho một số đồng chí về đồng bằng làm công tác khác vì đau ốm liên tục.

Vào cuối tháng 4 năm 1945 được tin cơ sở ở Trường An cho biết, địch kéo lên và đang khủng bố quần chúng, tra hỏi tung tích Đội du kích Ba Tơ. Tiếp đến ông Run cho người lên báo tin địch đang ùn ùn kéo lên Ea Tơ truy lùng đánh phá Đội du kích, với lực lượng gồm 30 lính Nhật, 100 lính bảo an và 200 dân vệ của tổng Ngùi.

Được tin này, Ban chỉ huy Đội họp khẩn cấp và nhận định: tin địch kéo lên vây đánh là có thật. Ta có khả năng cùng nhân dân tiêu hao một phần lực lượng địch và bảo toàn lực lượng ta. Bằng mọi giá, ta cũng không để địch vây bắt người của Đội và cũng không để địch lấy cố đàn áp đồng bào. Nếu địch và ta có hay không đánh nhau thì ta

cũng phải dời chỗ ở, chuyển dần về đồng bằng như kế hoạch đã định.

Khoảng 9 giờ sáng, ông Run ở làng đã cho người lên báo "Nhật chưa dám lên". Bọn chúng bắt đồng bào đánh đập, tra hỏi lung tung. Ai cũng trả lời chúng "không biết", "không có". Chúng bắt em bé 9 tuổi, con ông Run tra hỏi chỗ ở của Đội du kích, cho ngựa cắn trầy da cổ chảy máu, em bé vẫn kiên quyết không nói. Tranh thủ thời gian, Ban chỉ huy Đội cho lệnh nấu cơm bằng nửa số gạo hiện có, vắt cho mỗi người một nắm nhỏ. Phần gạo còn lại để dự phòng chuyển quân theo kế hoạch. Từ lúc địch đóng quân án ngữ tại Trường An, uy hiếp quần chúng, kiểm soát gắt gao đường sông, Đội gặp phải không ít khó khăn, trở ngại về tiếp tế.

Khoảng trưa, cơ sở lại báo tin: Địch bắt ông Run dẫn đường, dọa sẽ cửa cổ ông, nhưng ông không đi và nói: "Từ ngày an trí về đây không ai dám lên núi Cao Muôn cả. Họ kéo về làng một bữa lại đi ngay, nay ở chỗ này mai ở chỗ khác, đi về như con ma. Họ đông hơn quân của các ông, lại có súng to bằng đầu gối. Bây giờ họ ở đâu, khó biết lắm". Lời ông Run nói làm cho chúng có phần hoang mang lo sợ, nhưng vẫn lộng lộn đe dọa, tra hỏi đồng bào.

Đến chiều, bọn Nhật không dám hành quân mà chỉ thúc quân của tổng Ngủi đi trước dẫn đường. Tổng Ngủi cũng sợ, chân chừ, chúng bắt ông Run rời cửa cổ chảy máu buộc ông phải dẫn đường. Ông Run vẫn ung dung đồng dạc thét vào mặt chúng "Tao già rồi, chết cũng được. Nhưng

tao chết đi, con cháu tao sẽ nổi lên làm loạn thì bọn bây chịu lấy. Ở đây không có du kích, không có cộng sản". Trước lời lẽ đanh thép đó, bọn chúng phải thả ông và đành phải ở lại trong làng qua đêm. Nhân dân phối hợp cùng Đội du kích định bao vây đánh úp chúng, nhưng ngại bọn chúng đốt phá xóm làng gây thiệt hại cho quần chúng nên đã để cho chúng "ngủ tạm một đêm" rồi sẽ bàn tính. Sáng hôm sau địch phải rút đi.

Đội tiến hành hành quân theo kế hoạch về đồng bằng. Trước khi hành quân, Đội phải gửi lại hai đội viên người Thanh Hóa vì quá yếu không thể cùng đội vượt qua nhiều dãy núi trong đêm. Đội phân công đồng chí Hoa ở lại chăm sóc và chuẩn bị tư tưởng đối phó với mọi tình huống bất trắc có thể xảy ra. Đội đã bàn giao cho ông Run nuôi nấng, bảo vệ và tìm cách đưa hai đồng chí về trung châu an toàn.

Rất nhiều bà mẹ, cụ già, thiếu nhi Ba Tơ mà đa số là người Hrê đã nêu những tấm gương sáng, nhiều chiến công trước mũi súng của kẻ thù. Họ xứng đáng được ghi tên vào sử sách, xứng đáng với niềm tin yêu của các dân tộc miền tây Quảng Ngãi. Tình đoàn kết chiến đấu giữa đồng bào dân tộc Ba Tơ với Đội du kích đã được thể hiện rõ trong các cuộc "uống máu ăn thề" chung quanh Ba Vinh, các chiến khu và các vùng Ba Vì, Ba Xa, Ba Ngạc, Ba Tô... Già Kiêu và nhiều già làng đã có sự đồng tình, giúp đỡ Đội du kích nhiều lương thực, cất giấu và bảo vệ vũ khí, chăm sóc và nuôi dưỡng số anh em chiến sĩ bị đau ốm, dẫn đường

cho một số cán bộ về xuôi và chuyển thư từ, tin tức, hàng tiếp tế từ đồng bằng lên chiến khu. Địa điểm bến Buôn trên đường đi Ba Vinh, nơi các dòng sông tụ hợp lại đã trở thành nơi tập trung nhận hàng tiếp tế và các đồng chí đảng viên, cơ sở quần chúng ở các xã Ba Đình, Ba Động thực hiện nhiệm vụ canh gác, chuyển hàng hóa đi. Các đoàn thuyền đánh cá đã chở người và hàng hóa lên xuống giữa hai miền. Gia đình đồng chí Trần Toại đã góp công lớn trong việc mua hàng tiếp tế và thực hiện nhiều công việc khác mà cách mạng giao cho.

Trải qua mấy tháng, Đội du kích Ba Tơ đã đẩy mạnh tuyên truyền vận động quần chúng, xây dựng căn cứ trong vùng rừng núi Ba Tơ, đã trải qua muôn vàn gian khổ và thiếu thốn, đã học tập được nhiều điều có ý nghĩa. Đội đã để lại trong nhân dân, đồng bào các dân tộc Ba Tơ hình ảnh sinh động của những người cách mạng cộng sản và Đội quân vũ trang do Đảng lãnh đạo. Đội đã được đồng bào chăm sóc, giúp đỡ, nuôi nấng, che chở với tình nghĩa gắn bó thủy chung son sắt. Rời chiến khu trở về đồng bằng với bao lưu luyến và thương yêu, Đội luôn tâm niệm rồi sẽ có ngày đền ơn đáp nghĩa đồng bào.

Các đồng chí Nguyễn Quang Giao (Cống), Trần Thanh Dân (Hóa)... là những cán bộ cốt cán của phong trào cách mạng Ba Tơ lúc bấy giờ, đã hăng hái huy động các hội viên của thanh niên cứu quốc và các đoàn thể tham gia công tác. Hàng ngũ hội viên các tổ chức, đoàn thể cứu quốc Ba Tơ phát triển nhanh chóng về số lượng và chất lượng. Tình

hình tham gia và hoạt động cách mạng của đồng bào Ba Tơ có bước nhảy vọt khá rõ. Hai tiếng "Ba Tơ" đã trở thành lời kêu gọi, động viên, thôi thúc người dân Quảng Ngãi ở cả miền xuôi lẫn miền núi đứng lên cứu nước, cứu nhà.

Ngược lại, địch ở Ba Tơ ngày càng co dân, từ do dự, hoang mang đến một số ngã theo cách mạng.

Hầu như ở khắp nơi trong toàn tỉnh từ sau cuộc khởi nghĩa Ba Tơ thắng lợi, tương quan lực lượng giữa địch và ta có nhiều thay đổi. Khí thế cách mạng nổi lên trong mọi tầng lớp nhân dân. Hàng ngũ quân thù ngày càng ít và yếu thế. Các tổ chức, đảng phái Tân Việt Nam, Thanh niên tiền tuyến, Hướng Đạo, Quốc dân Đảng, Cao Đài... không thể nào lôi kéo được quần chúng đang ủng hộ cách mạng.

Gần xa trong và ngoài tỉnh ngày càng có nhiều người tìm đến Quảng Ngãi, tìm đến mảnh đất Ba Tơ anh hùng.

Dưới ánh sáng Chỉ thị của Trung ương Đảng "Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta" ngày 12 tháng 3 năm 1945, vào cuối tháng 4 năm 1945, Tỉnh uỷ lâm thời tổ chức Hội nghị và đề ra những công tác mới nhằm đẩy mạnh cao trào cách mạng giành chính quyền trong cả nước nói chung và ở tỉnh nhà nói riêng. Tỉnh uỷ quyết định xây dựng các căn cứ ở đồng bằng và đưa Đội du kích Ba Tơ về đồng bằng đứng chân, làm nòng cốt xây dựng và phát triển lực lượng tự vệ, tiểu tổ du kích, chuẩn bị điều kiện tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền.

Các báo *Chơn độc lập* của Việt Minh tỉnh và báo *Xung phong* của Đội du kích ra đời. Các tiểu tổ tự vệ, du kích từ

huyện đến xã đêm đêm tích cực tập luyện tại địa phương hoặc thay phiên nhau lên các chiến khu. Nhân dân Ba Tơ cùng với nhân dân cả tỉnh lo vận động, quyên góp tiếp tế lương thực, quân nhu, vũ khí khắp nơi trong tỉnh và một số tỉnh bạn. Các chiến khu cách mạng được mở rộng và nối liền với các tỉnh xung quanh.

Thời cơ đã đến, Nhật tuyên bố đầu hàng Đồng minh vô điều kiện. Vào chiều ngày 14 tháng 8 năm 1945, Tỉnh uỷ Quảng Ngãi đã phát lệnh khởi nghĩa toàn tỉnh, kêu gọi mọi tầng lớp quần chúng nổi dậy vũ trang khởi nghĩa, đánh đổ toàn bộ chính quyền địch, giành chính quyền về tay nhân dân. Cuộc tổng khởi nghĩa tháng tám ở Quảng Ngãi đã nổ ra và lan nhanh khắp các vùng, miền và đến đêm 16 rạng ngày 17 tháng 8 năm 1945 đã thành công trọn vẹn, Việt Minh đã nắm trong tay chính quyền các cấp.

Ủy ban nhân dân Cách mạng các cấp lần lượt ra đời. Ngày 30 tháng 8 năm 1945, Ủy ban nhân dân Cách mạng tỉnh Lê Trung Đình (tên gọi của Quảng Ngãi sau khởi nghĩa thành công) đã ra mắt toàn thể đồng bào trong tỉnh. Đồng chí Trần Toại, một trong những đảng viên của mảnh đất Ba Tơ kiên cường được bầu làm Chủ tịch tỉnh đầu tiên của tỉnh.

Ở Ba Tơ, trước ngày khởi nghĩa, phong trào cách mạng của quần chúng hầu như đã công khai. Đồng bào ở các vùng tích cực, khẩn trương chuẩn bị cho ngày khởi nghĩa. Trong quá trình phát triển của cách mạng, lực lượng khởi nghĩa của đồng bào 2 xã Ba Động, Ba Đình có sự chuẩn bị kỹ. Bộ máy hương lý, binh lính dần dần bị ta

vô hiệu hóa, chỉ còn trên danh nghĩa. Được sự lãnh đạo của Đảng, quần chúng giác ngộ cách mạng rất cao đã tự giác hành động, chỉ chờ có thời cơ là đứng lên khởi nghĩa.

Đồng chí Nguyễn Trí, một trong những chiến sĩ cách mạng từ thời Đảng mới ra đời được Tỉnh uỷ phái lên Ba Tơ để tham gia lãnh đạo cuộc khởi nghĩa. Các tổ chức quần chúng cách mạng phát triển lực lượng nhanh chóng. Lực lượng tự vệ, du kích ở các thôn xã đồng bào Kinh và một số xã nơi đã có Đội du kích Ba Tơ hoạt động, nhất là ở Ba Vinh, ngày càng đông và được huấn luyện tốt. Nhiều nơi trong huyện là cơ sở rèn vũ khí cho du kích như Bàn Cờ.

Nhận được lệnh khởi nghĩa vào lúc 6 giờ sáng ngày 15 tháng 8, Uỷ ban khởi nghĩa huyện Ba Tơ đã kịp thời thông báo mệnh lệnh cho cơ sở và sơ bộ hướng dẫn kế hoạch thực hiện. Ngay sau đó, tiếng trống khởi nghĩa vang lên. Từ 8 giờ sáng, bão táp cách mạng đã bùng lên từ trung tâm Ba Tơ. Các xã dọc Đường số 5 (Quốc lộ 24A), từ Bằng Chay đến Mang Đốc và sau đó là các làng xã vùng cao, quần chúng nhất tề nổi dậy khởi nghĩa. Đến 10 giờ sáng cùng ngày, quần chúng cách mạng đã chiếm lĩnh châu ly, đồn Ba Tơ trước khi một trung đội của Đội du kích Ba Tơ kéo đến hỗ trợ. Tên Kiểm lý Bùi Danh Ngũ bị bắt cùng với toàn bộ hồ sơ, vũ khí, tiền bạc.

Cờ đỏ sao vàng tung bay trước cơ quan châu ly, đồn Ba Tơ, và cùng với rừng cờ lớn, nhỏ của đồng đảo đồng bào từ các vùng trong huyện kéo về. Cuộc khởi nghĩa ở các xã có địch cũng lần lượt giành thắng lợi.

Chính quyền thực dân phát xít và tay sai ở Ba Tơ đã

bị lật đổ. Không khí phấn khởi, tự hào được thể hiện rõ khắp rừng núi Ba Tơ. Ủy ban nhân dân Cách mạng lâm thời Ba Tơ đã ra mắt đồng bào, lúc đầu do đồng chí Huỳnh Thanh phụ trách, sau đó là ông Đinh Khanh, một chánh tổng đã ngã về với cách mạng làm Chủ tịch. Các đồng chí Huỳnh Thanh, Đinh Thái làm Phó Chủ tịch.

Ủy ban nhân dân Cách mạng lâm thời Ba Tơ còn có 5 uỷ viên phụ trách các mặt: thư ký, tài mậu, quân sự, giao thông, nông lâm.

Như vậy, trong giai đoạn cách mạng từ năm 1939 đến tháng 8 năm 1945, phong trào đấu tranh cách mạng của đồng bào Ba Tơ phát triển không ngừng. Điểm đáng lưu ý là các đồng chí, đồng bào ở đây vừa trực tiếp cùng các đồng chí trung kiên cách mạng của tỉnh làm nên sự kiện lịch sử khởi nghĩa Ba Tơ, biến mảnh đất Ba Tơ thành trung tâm phong trào cách mạng của tỉnh, là nơi đi đầu trong cả khu vực miền Nam Trung Bộ trong cao trào cách mạng 1939 - 1945, vừa cùng nhau mở rộng không gian hoạt động cách mạng giữa các dân tộc anh em lên một bước lớn cả lượng lẫn chất. Điều đó đã được minh chứng rất rõ trong các hoạt động: tham gia nuôi dưỡng, chăm sóc chiến sĩ, bảo vệ trung tâm lãnh đạo và xây dựng Đội du kích Ba Tơ - hạt nhân của phong trào cách mạng Quảng Ngãi trong thời gian này.

Đồng bào Ba Tơ dưới sự lãnh đạo của Việt Minh đã tiến hành cuộc khởi nghĩa thắng lợi nhanh, gọn trong toàn huyện, được nhìn thấy tận mắt cờ đỏ sao vàng, được nghe lời kêu gọi của đồng chí Nguyễn Ái Quốc, thấu hiểu được

cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản là như thế nào, những đảng viên cộng sản là ai, họ đã hoạt động, sống và gắn bó sâu sắc như thế nào với đồng bào Ba Tơ, mà phần lớn ở đây là đồng bào dân tộc Hrê. Đảng và các dân tộc anh em đã hiểu thêm sâu sắc về tấm lòng trung trinh, ý chí bất khuất, sự dũng cảm, thông minh và tình cảm chân thành, sâu nặng của đồng bào Ba Tơ.

*

* *

Quá trình đấu tranh cách mạng của đồng bào Ba Tơ trước và sau ngày có Đảng cho đến khi khởi nghĩa thành công trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là quá trình đấu tranh nhằm đạt được ước nguyện từ bao đời của mọi tầng lớp nhân dân, đó là tạo nên cảnh đổi đời cho những con người bị áp bức, bóc lột, nhất là đồng bào ở vùng sâu, vùng xa. Mảnh đất Ba Tơ rất đổi tự hào về tính liên tục của phong trào cách mạng ở địa phương và về sự phối hợp nhịp nhàng trong đấu tranh nhiều lúc như ngẫu nhiên, ngay từ khi có Đảng ra đời và lãnh đạo. Điều đó đã nói lên ước muốn tự do, độc lập in sâu trong lòng nhân dân các dân tộc biết nhường nào. Lòng tin ở Đảng từ đầu đã được thừa nhận và ngày càng sâu sắc trong một vùng đất mà sự phân hóa giai cấp chưa rõ, chưa sâu, tổ chức của Đảng ở vùng sâu, vùng xa còn chưa được hình thành chặt chẽ.

**ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN BA TÔ
TRONG GIAI ĐOẠN CÙNG CẢ TỈNH,
CẢ NƯỚC ĐƯA CUỘC KHÁNG CHIẾN
CHỐNG THỰC DÂN PHÁP ĐẾN THẮNG LỢI
(8-1945 – 7-1954)**

*Chương IV: NĂM ĐẦU XÂY DỰNG CHẾ ĐỘ MỚI,
CHUẨN BỊ THAM GIA KHÁNG CHIẾN
(8-1945 – 12-1946)*

Ngày 2 tháng 9 năm 1945, tại thủ đô Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, trình trọng đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập*, tuyên bố Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á ra đời.

Cách mạng Tháng Tám thành công, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời đã mở ra một bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước của nhân dân Việt Nam. Nhân dân Việt Nam, từ những ngày đầu được sống trong chế độ mới, đã đoàn kết nhất trí xung quanh Đảng Cộng sản và Chủ tịch Hồ Chí Minh, kiên

quyết đem tính mạng và tài sản, chung sức chung lòng cùng nhau xây dựng chế độ mới, bảo vệ nền độc lập dân tộc vừa giành được. Sau những tháng năm dài tối tăm, sống dưới chế độ thuộc địa nửa phong kiến, đồng bào các dân tộc Ba Tơ bị bóc lột, bị đối xử tàn tệ, không được sống tự do, nay đã tự đứng lên làm chủ cuộc đời mình, núi rừng quê hương mình. Hơn lúc nào hết, đồng bào các dân tộc ở Ba Tơ đã cùng nhau thi đua tham gia các công tác, công việc xã hội không kể ngày đêm, ra sức thực hiện mọi chủ trương, nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân Cách mạng lâm thời Ba Tơ đề ra. Tinh thần yêu nước của đồng bào lên rất cao, khí thế cách mạng thể hiện ở mỗi người dân Ba Tơ rất rõ. Mọi người gặp nhau đều giơ tay chào "Hy sinh vì Tổ quốc".

Dưới sự lãnh đạo và chỉ đạo của cấp uỷ Đảng, chính quyền huyện, Ủy ban nhân dân Cách mạng lâm thời các xã hình thành và một số người có uy tín trong quần chúng, trong đó có một số chánh tổng, chủ làng cũ lâu nay có quan hệ tốt với phong trào cách mạng, tham gia điều hành.

Tổ chức Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể quần chúng ở huyện, xã được phát triển và củng cố. Ban Chấp hành các tổ chức, đoàn thể ở xã, huyện được kiện toàn, bổ sung và tiến hành hoạt động sôi nổi, ngày càng có uy tín trong lãnh đạo nhiệm vụ. Đồng bào các vùng ở Ba Tơ hăng hái tham gia các đoàn thể Nông dân Cứu quốc, Phụ nữ Cứu quốc, Thanh niên Cứu quốc,... Tổ chức Đảng đã chỉ định một số cốt cán có uy tín vào vị trí lãnh đạo các tổ

chức, đoàn thể quần chúng. Đồng chí Nguyễn Trí được cử làm Chủ nhiệm Mặt trận Việt Minh Ba Tơ.

Lực lượng bán vũ trang của huyện gồm tự vệ và dân vệ đã có từ trước, đến đầu năm 1946 được chuyển thành lực lượng dân quân.

Về tổ chức Đảng, sau ngày Cách mạng Tháng Tám thành công, ở Ba Tơ chỉ mới có một số đảng viên cũ tích cực hoạt động, điều hành công việc và vẫn chưa hình thành được Huyện uỷ. Trong tình hình chung của tỉnh còn phải giải quyết, sắp xếp mặt tổ chức ở nhiều nơi, Ba Tơ giống như một số địa phương khác là chưa có chi bộ chính thức. Các đảng viên ở Ba Tơ vẫn còn phải sinh hoạt với chi bộ ghép ở Đức Phổ. Hệ thống tổ chức Đảng từ huyện xuống xã chưa được hình thành.

Trong những ngày đầu sau Cách mạng Tháng Tám, rất nhiều vấn đề phức tạp về kinh tế, văn hóa, xã hội diễn ra trong toàn quốc cũng như ở Quảng Ngãi, ở Ba Tơ. Nền kinh tế cạn kiệt do thực dân Pháp và phát xít Nhật để lại, nền văn hóa giáo dục thấp kém do chính sách ngu dân của thực dân đã tác động rất xấu đến việc xây dựng đất nước. Hơn thế nữa, kẻ thù bên ngoài đã tiến hành việc cướp nước ta một lần nữa. Nam Bộ đã bắt đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Nạn đói khủng khiếp diễn ra từ tháng giêng đến tháng 7-1945 đã làm hơn 2 triệu người chết, vẫn còn hậu quả nghiêm trọng.

Ở Ba Tơ, nhân dân cũng đang thiếu đói và lạt muối. Đời sống đại đa số đồng bào còn phải chịu nhiều khó khăn trong cuộc sống hàng ngày. Tuy vậy, mọi người đã sôi nổi,

hào hứng tham gia các cuộc biểu tình, biểu dương lực lượng tại huyện, xã và cử người về thị xã Quảng Ngãi dự lễ ra mắt Ủy ban nhân dân Cách mạng tỉnh Lê Trung Đình.

Đồng bào Ba Tơ đã hưởng ứng lời kêu gọi cứu đói của Chủ tịch Hồ Chí Minh:

"Lúc chúng ta nâng bát cơm mà ăn, nghĩ đến kẻ đói khổ, chúng ta không khỏi động lòng.

Vậy tôi đề nghị với đồng bào cả nước, và tôi xin thực hành trước:

Cứ 10 ngày nhịn ăn một bữa, mỗi tháng nhịn 3 bữa. Đem gạo đó (mỗi bữa một bơ) để cứu dân nghèo"¹.

Trong thời gian từ ngày 17 đến ngày 24 tháng 9 năm 1945, Ủy ban nhân dân Cách mạng lâm thời tỉnh đã phải huy động viện trợ và bán rẻ nhiều gạo, muối cho đồng bào 2 huyện Trà Bồng và Ba Tơ. Tuy được cứu đói, nhưng đồng bào Ba Tơ cũng đã góp phần xứng đáng vào quỹ cứu đói của tỉnh.

Đặc biệt, trong tuần lễ vàng, đồng bào Ba Tơ đã góp 2,4 kg cho quỹ độc lập. Một số đồng bào còn đóng góp nổi đồng, chiêng, chinh, ché quý giá của ông bà để lại. Đối với một huyện miền núi nhiều khó khăn, nhân dân đói cơm lạt muối kinh niên, ý nghĩa của việc làm và con số đó không phải là nhỏ.

Việc động viên nuôi quân, góp sức xây dựng các công trình kinh tế, văn hóa - xã hội đầu tiên sau ngày giành

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, t. 4, tr. 31.

được độc lập đều được đồng bào Ba Tư nhiệt liệt hưởng ứng với tinh thần cách mạng cao.

Để khắc phục nạn đói, ổn định cuộc sống của đồng bào, Tỉnh uỷ Quảng Ngãi đã kêu gọi đồng bào toàn tỉnh nỗ lực tăng gia sản xuất, tiết kiệm, thực hiện lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh "Tăng gia sản xuất! Tăng gia sản xuất ngay! Tăng gia sản xuất nữa!". Đồng bào Ba Tư vừa hăng hái bắt tay vào việc khai phá ruộng rẫy, trồng thêm hoa màu trên khắp các vùng, vừa bước đầu thực hiện tiết kiệm. Đồng bào ý thức được việc phải tự mình vươn lên, tự mình khắc phục nạn đói kinh niên kéo dài từ trước đến nay. Cần phải nhắc lại rằng, tuy ở một địa bàn đất khá rộng, người lao động cần cù, thông minh và dư khả năng tạo dựng cho mình cuộc sống đầy đủ nhưng thời gian trước do thiếu quyền làm chủ, bị các thế lực của chế độ cũ bóc lột tận xương tủy và ảnh hưởng của một số tập tục lạc hậu nên đời sống nhân dân Ba Tư vô cùng cực khổ, tối tăm¹.

Khi thực dân Pháp gây hấn ở Nam Bộ, mở rộng việc đánh chiếm các tỉnh phía nam đất nước, đồng bào Ba Tư cũng như đồng bào toàn tỉnh đã hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Thà chết tự do hơn sống nô lệ". Một số thanh niên Ba Tư lên đường nhập ngũ. Nhiều đội viên Du kích Ba Tư đã trở thành chiến sĩ giải phóng quân, dẫn đầu nhiều đơn vị lên đường vào Nam giết giặc. Đồng bào Ba Tư góp quà, bánh, mua vải, may sắm quần áo,

1. Nếu đồng bào Ba Tư sử dụng số lúa gạo sản xuất tại địa phương thì chỉ chiếm 1/2 tổng sản lượng, số còn lại chuyển về đồng bằng.

chăn màn cho các đơn vị Nam tiến và tiến đưa các đoàn quân lên đường giết giặc.

Thực hiện chỉ thị kháng chiến kiến quốc của Đảng, các đồng chí đảng viên và chính quyền Ba Tơ đã triển khai việc học tập, quán triệt trong các cơ quan, đoàn thể quần chúng và đồng bào. Việc tổ chức thực hiện đã từng bước được tiến hành hết sức khẩn trương. Các mặt công tác được xúc tiến, Hũ gạo Cứu tế được tổ chức khắp các vùng.

Vào cuối năm 1945, đầu năm 1946, cũng như toàn tỉnh, Ba Tơ tiến hành sắp xếp lại hình thức tổ chức chính quyền nhân dân các cấp. Cấp tổng được bãi bỏ. Đơn vị huyện đã chính thức ra đời ở Ba Tơ thay thế "châu" trước đây. Các làng, sách được nhập lại thành 26 xã: Ba Lục, Ba Bích, Ba Tầng, Ba Điền, Ba Lễ, Ba Sơn, Ba Lang, Ba Khâm, Ba Dinh, Ba Chi, Ba Tô, Ba Gia, Ba Vi, Ba Tiêu, Ba Lương, Ba Trang, Ba Liên, Ba Lâm, Ba Lãnh, Ba Động, Ba Đình, Ba Cung, Ba Chùa, Ba Dung, Ba Xa, Ba Ngạc.

Dân số ở Ba Tơ lúc này có khoảng trên dưới 20.000 người.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh về việc tham gia ngày lịch sử trọng đại của đất nước: Tổng tuyển cử bầu Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ngày 6 tháng 1 năm 1946, chính quyền, các tổ chức đoàn thể quần chúng ở Ba Tơ đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền bằng nhiều hình thức, làm cho nhân dân nhận rõ tầm quan trọng của việc bầu cử Quốc hội, nâng cao vai trò và trách nhiệm của người dân một nước độc lập, tự do, giúp họ sáng suốt lựa chọn những đại biểu xứng

đáng tham gia Quốc hội. Sáng ngày 6 tháng 01 năm 1946, tại Ba Đình và một số nơi trong huyện, các địa điểm bầu cử được tổ chức trang nghiêm và đồng bào với quần áo chỉnh tề, lần lượt đi bỏ phiếu. Lần đầu tiên thực hiện quyền công dân ai cũng thấy lòng mình hết sức xúc động, tự hào và nhận thấy rõ trách nhiệm của mình.

Sau đó, các cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân tỉnh và xã vào các tháng 2, 4 năm 1946 cũng được tổ chức chu đáo. Ủy ban Hành chính các cấp được bầu thay thế cho Ủy ban nhân dân Cách mạng lâm thời trước đó.

Ngày 18 tháng 3 năm 1946, Huyện đội Ba Tơ được thành lập, do đồng chí Trần Thanh Dân (Hóa), Ủy viên quân sự Ủy ban nhân dân Cách mạng lâm thời làm Huyện đội trưởng, đồng chí Nguyễn Như Côn (Cống) làm Chính trị viên. Một đơn vị tập trung được hình thành gồm có 33 chiến sĩ do đồng chí Nguyễn Tiến Công làm Trung đội trưởng. Mỗi xã có một trung đội du kích. Riêng ở 2 xã Phạm Đức (Ba Đình) và Nguyễn Già (Ba Động)¹ thì mỗi xã có một trung đội nam và một trung đội nữ. Ở các xã đều đã thành lập Ban chỉ huy xã đội, thôn đội và ở một số xã anh em du kích được trang bị súng trường của Pháp mà ta thu được.

Địa điểm tập luyện và rèn vũ khí ở núi Bàn Cờ vẫn tiếp tục duy trì hoạt động, vũ khí chủ yếu lúc bấy giờ là lưỡi kiếm và dao găm. Chiến khu Lý Văn Bé (lúc đầu lấy tên là chiến khu Phạm Đức), một trong những nơi đóng

1. Hai đồng chí người của Ba Đình, Ba Động, là đội viên Du kích Ba Tơ, hy sinh tại trận Mỏ Cày.

quân, tập luyện của Đội du kích Ba Tơ, ở tại Ba Trang là nơi rèn súng ống, sản xuất lựu đạn. Cơ sở này sau được chuyển cho Ủy ban Kháng chiến Hành chính miền Nam Việt Nam.

Về mặt tổ chức đảng ở Ba Tơ, vào cuối năm 1945, đầu năm 1946 đã được các cấp đặc biệt quan tâm. Sau khi các đồng chí đảng viên tách khỏi chi bộ ghép ở Đức Phổ, tại Ba Tơ hình thành chi bộ xã đầu tiên ở Ba Động và tiếp đến là Chi bộ Ba Đình. Lúc đầu, đồng chí Nguyễn Trí chịu trách nhiệm xây dựng và phụ trách việc hoạt động và tổ chức của các chi bộ. Sau đó đồng chí Nguyễn Trí được điều đi nhận công tác khác, đồng chí Huỳnh Thanh thay thế. Khi hình thành hai chi bộ và Huyện uỷ đầu tiên, đồng chí Huỳnh Thận giữ nhiệm vụ Bí thư Huyện uỷ.

Đồng bào Ba Tơ khẩn trương tăng gia sản xuất cứu đói. Các loại cây lương thực ngắn ngày như khoai lang, bắp, đậu, rau xanh... được trồng nhiều nơi. Đầu năm 1946 huyện đã tổ chức thí điểm một "Hội đồng canh" gồm có 20 gia đình ở thôn Hóc Kè (Ba Động) chung tài sản, nông cụ để sản xuất và chia sản phẩm chung. Về sau, tổ chức này giải thể vì chưa phù hợp với trình độ kinh tế - xã hội lúc bấy giờ.

Bên cạnh việc "diệt giặc đói", mặc dù công việc còn đầy khó khăn và bế bộn, Huyện uỷ và chính quyền nhân dân ở Ba Tơ rất chú trọng đến việc "diệt giặc dốt" trong dân.

Do hậu quả chính sách ngu dân của chế độ thực dân phong kiến và sự ngăn trở của các tập tục lạc hậu, đa phần nhân dân Ba Tơ thất học. Vì vậy, công tác xóa mù

chữ trong thời gian này có ý nghĩa hết sức quan trọng. Phong trào thi đua xóa nạn mù chữ được phát động khắp các vùng và được đồng bào sôi nổi hưởng ứng. Với khẩu hiệu: "Đi học là yêu nước", nhiều lớp xóa mù, bình dân học vụ được tổ chức. Từ thiếu nhi đến các cụ già đều đua nhau đi học chữ. Việc học được tiến hành mọi lúc, mọi nơi: lúc sản xuất, lúc đi chợ, lúc sinh hoạt đoàn thể. Trường tiểu học được khôi phục, mở cửa đón con em trong độ tuổi đến học.

Chế độ cũ đã gây ra và để lại cho đồng bào Ba Tư dịch bệnh khắp các vùng và gây tác hại nghiêm trọng đến cuộc sống, sản xuất hàng ngày. Trong những ngày đầu sau khi giành được độc lập, chính quyền và các đoàn thể quần chúng đã vận động nhân dân thực hiện đời sống mới, vệ sinh xóm làng và thu được một số kết quả đáng khích lệ, góp phần vào việc giữ gìn sức khỏe cho mọi người.

Việc giúp đỡ, tương trợ nhau trong cuộc sống, bảo vệ an ninh trật tự được chú ý đề cao.

Các phong tục lạc hậu, mê tín dị đoan, rượu chè, cờ bạc... đã giảm đi nhiều. nếp sống văn hóa mới lành mạnh được phổ biến rộng rãi. Một số sách báo từ trên được đưa về cơ sở. Thanh niên, nhân dân tham gia đọc và nghe các nội dung viết trong sách báo. Một số bài hát, câu hò được sáng tác nhằm động viên đồng bào tích cực sản xuất, thanh niên hăng hái tòng quân...

Với những chủ trương cùng những việc làm đúng đắn và cần thiết, tổ chức Đảng và chính quyền nhân dân Ba Tư đã xây dựng khối đoàn kết mọi tầng lớp đồng bào,

các dân tộc anh em ở quê hương để xây dựng chế độ mới và bảo vệ thành quả cách mạng đã giành được.

Trong lúc nhân dân ta đang ra sức xây dựng đời sống mới của mình thì giặc Pháp lại ra sức dựa vào quân Đồng minh vào tước khí giới quân Nhật, thực hiện việc đem quân vào nước ta, đánh chiếm một số nơi ở Nam Bộ và gây hấn nhiều nơi ở miền Bắc. Tình hình đất nước ta khi vừa mới giành được chính quyền lại phải đứng trước nguy cơ "Ngàn cân treo sợi tóc".

Trong tỉnh cũng như trong huyện, bọn Quốc dân Đảng ráo riết hoạt động chống đối. Nhiều phần tử phản động tập hợp nhau, hoạt động gây rối và tranh giành ảnh hưởng trong quần chúng.

Trước âm mưu, thủ đoạn của địch, Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ thị cho các cấp: Phải luôn luôn tích cực chuẩn bị về quân sự và chính trị để sẵn sàng đối phó với mọi bất trắc có thể xảy ra. Thực hiện chỉ thị này, nhân dân cả nước gấp rút chuẩn bị cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trong toàn quốc.

Ngày 19 tháng 4 năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết thư gửi Đại hội các dân tộc thiểu số được tổ chức tại PleiCu. Bức thư có đoạn viết:

"Cùng các đồng bào dân tộc thiểu số,

Hôm nay đồng bào khai hội, sum họp một nhà thật vui vẻ.

Tiếc vì đường xá xa xôi, tôi không đến dự hội được. Tôi tuy xa, nhưng lòng tôi và Chính phủ vẫn gần gũi đồng bào.



Đồng chí Huỳnh Thanh - Chủ tịch Ủy ban nhân dân Cách mạng lâm thời Ba Tơ (1945 - 1946).



Đồng chí Lê Phó - Bí thư Huyện uỷ Ba Tơ (1946 - 1947).



Đồng chí Đinh Khanh - Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành
chính Ba Tơ.



Đồng chí Đinh Nếp, dân tộc Hrê, quê Nước Lá (Ba Vinh) chiến sĩ du kích Ba Tơ (11-3-1945). Trong chống Mỹ, cứu nước là tiểu đoàn trưởng, đã anh dũng hy sinh ở chiến trường Gia Lai - Kon Tum 1964.



Đồng chí Hồng Kỳ - Bí thư Huyện uỷ Ba Tơ (1951 - 1952).

Chi cục Văn thư - Lưu trữ, Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước



Đồng chí Đinh Núi, dân tộc Hrê (Ba Cung, Ba Tơ) chiến sĩ
thi đua toàn quân 1952, được gặp Bác Hồ.

Đồng bào Kinh hay Thổ (Tày), Mường hay Mán (Dao), Gia Rai hay Ê Đê, Xê Đăng hay Ba Na và các dân tộc thiểu số khác, đều là con cháu Việt Nam, đều là anh em ruột thịt. Chúng ta sống chết có nhau, sướng khổ cùng nhau, no đói giúp nhau.

Trước kia chúng ta xa cách nhau, một là vì thiếu giấy liên lạc, hai là vì có kẻ xui giục để chia rẽ chúng ta.

Ngày nay nước Việt Nam là nước chung của chúng ta. Trong Quốc hội có đủ đại biểu các dân tộc. Chính phủ thì có "Nha dân tộc thiểu số" để săn sóc cho tất cả các đồng bào.

Giang sơn và Chính phủ là giang sơn và Chính phủ chung của chúng ta. Vậy nên tất cả dân tộc chúng ta phải đoàn kết chặt chẽ để giữ gìn nước non ta, để ủng hộ Chính phủ ta"¹.

Đảng bộ, Mặt trận Việt Minh cùng các đoàn thể huyện Ba Tơ đã tổ chức cho cán bộ, đảng viên, hội viên và đông đảo quần chúng học tập thư Bác nhằm động viên tinh thần, ý chí, niềm tin vào chế độ mới, vào sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ. Bác đã trở thành *biểu tượng* tình thương của Đảng và Chính phủ đối với đồng bào các dân tộc anh em. Bên cạnh các mặt công tác đang thực hiện, Đảng bộ Ba Tơ đã nghiêm chỉnh trong việc điều động một số cán bộ người Kinh đi làm công tác dân vận ở các xã vùng cao.

Tuy tiến hành có chậm so với nhiều nơi khác, Hội

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr. 217.

Liên hiệp Quốc dân Việt Nam của huyện ra đời nhằm tập hợp đông đảo các tầng lớp đồng bào vào khối đoàn kết bảo vệ và xây dựng quê hương.

Trong tháng 6 năm 1946, sau khi chiếm được Tây Nguyên, quân Pháp tìm cách tiến xuống trung châu theo nhiều hướng trong đó có hướng đi theo dọc Đường 5A (Quốc lộ 24A) xuống Ba Tơ. Chúng nhanh chóng tiến xuống Kon Plong (Kon Tum) và đóng tại các đồn, nối lại các cơ sở kinh tế - xã hội cũ của chúng dọc theo địa giới ba tỉnh Gia Lai, Kon Tum và Quảng Ngãi.

Đồng bào các dân tộc Ba Tơ dưới sự lãnh đạo của Đảng và chính quyền địa phương đã tổ chức canh gác, dựng những chướng ngại vật trên dọc đường giao thông, thống nhất kế hoạch hợp đồng tác chiến giữa lực lượng du kích, đơn vị vũ trang tập trung của huyện và tỉnh. Nhân dân thực hiện việc "vườn không nhà trống", cất giấu tài sản khá chu đáo. Công tác bố phòng bằng các hình thức cắm chông, gài thò, bẫy đá, mang cung được triển khai khắp nơi. Lực lượng dân quân được tổ chức luyện tập các khoa mục cơ bản theo chương trình, kế hoạch đã định, chuẩn bị sẵn sàng tác chiến đánh địch.

Lúc bấy giờ, thực dân Pháp chơi trò "Lá mặt lá trái", vừa đàm phán, vừa lấn chiếm. Tình hình các nơi trong nước xấu đi hơn trước nhiều.

Mọi công việc chuẩn bị cho kháng chiến được gấp rút tiến hành. Ngày 11 tháng 11 năm 1946, đại diện đồng bào các dân tộc Ba Tơ đã cùng với đồng bào toàn tỉnh tập trung tại đầu cầu Trà Khúc (phía bắc thị xã Quảng Ngãi)

đón đồng chí Phạm Văn Đồng, người con yêu quý của quê hương núi Ấn, sông Trà, (người mà sau này đồng đảo đồng bào Ba Tơ mang họ), là Trưởng đoàn Chính phủ ta tại Hội nghị Phôngttennơbolô, đại diện cho Trung ương Đảng và Chính phủ về tổ chức, lãnh đạo cuộc kháng chiến ở miền Nam Trung Bộ.

Đảng bộ Ba Tơ tiếp nhận chủ trương của tỉnh, ý kiến của đồng chí Phạm Văn Đồng, đã tiếp tục phát động xây dựng lực lượng, xây dựng chế độ mới, bảo vệ quê hương và sẵn sàng tham gia các mặt hoạt động kháng chiến chống Pháp.

**Chương V: XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ
CĂN CỨ ĐỊA CÁCH MẠNG, ĐÓNG GÓP
SỨC NGƯỜI, SỨC CỦA CHO THỜI KỲ ĐẦU
CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG
THỰC DÂN PHÁP (1947 - 1949)**

Qua hơn một năm, sau Cách mạng Tháng Tám thành công, dưới sự lãnh đạo của Đảng mà trực tiếp là Đảng bộ huyện, nhân dân Ba Tơ từng bước xây dựng và bảo vệ quê hương, bảo vệ chế độ mới. Không khí tự do, độc lập ngày càng rõ trong cuộc sống, lao động sản xuất của mọi người. Bên cạnh đó, còn nhiều việc phải tiếp tục thực hiện, giải quyết tốt hơn. Tuy buổi đầu, Đảng bộ và chính quyền, đoàn thể có sự nỗ lực cao song vẫn còn nhiều hạn chế trong việc học tập cách nắm giữ chính quyền, xây dựng cơ cấu hệ thống chính quyền mới của nhân dân, xây dựng và

phát triển tổ chức đảng ở huyện và một số xã. Việc chăm lo tăng gia sản xuất, giải quyết nạn đói, ốm đau và cùng nhân dân toàn tỉnh chuẩn bị kháng chiến có nhiều kết quả nhưng cần phải tích cực đẩy mạnh hơn nữa.

Công việc còn bề bộn, thử thách trước mắt còn nhiều và vô cùng phức tạp, song nhờ có lòng tin vào Đảng, vào Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh, có sự chỉ đạo trực tiếp tại địa phương của đồng chí Phạm Văn Đồng nên cùng với nhân dân toàn tỉnh, đồng bào Ba Tơ nguyện đem hết sức mình góp phần vào cuộc kháng chiến.

Thực dân Pháp đã bội ước và từng bước lấn tới. Khả năng hòa hoãn đã không còn nữa.

Trong 2 ngày 18 và 19 tháng 12 năm 1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp mở rộng tại làng Vạn Phúc (Hà Đông) dưới sự chủ tọa của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã chủ trương phát động một cuộc kháng chiến trong cả nước, nêu rõ đường lối kháng chiến. Đêm 19 tháng 12 năm 1946 cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ.

Ngay sau đó, quân và dân Ba Tơ cùng với nhân dân cả nước được nghe *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tỉnh uỷ và Uỷ ban Hành chính Quảng Ngãi đã lập kế hoạch cụ thể và kêu gọi nhân dân toàn tỉnh sẵn sàng chiến đấu.

Nhân dân Ba Tơ từ già đến trẻ, cả nam lẫn nữ được tổ chức phổ biến học tập lời kêu gọi của Bác, tham gia nhiều cuộc mít tinh rộng rãi và nêu quyết tâm gửi lên Trung ương Đảng, Chính phủ, Tỉnh uỷ hưởng ứng lời kêu

gọi của Bác, chủ trương của Đảng được nêu trong chỉ thị toàn dân kháng chiến.

Huyện uỷ Ba Tơ đã họp để nhận định tình hình, thảo luận và đề ra biện pháp thực hiện chủ trương của cấp trên. Nhiều vấn đề được đưa ra trao đổi, bàn luận rất kỹ như nếu giặc đến rừng núi Ba Tơ thì đánh giặc như thế nào, bằng những vũ khí gì để thắng địch. Uỷ ban Kháng chiến huyện được thành lập.

Ở các vùng của các tỉnh giáp với Ba Tơ, địch đã ra sức nống lán, xây dựng đồn bót ở nhiều điểm, ráo riết thực hiện âm mưu dùng Đường số 5A (Quốc lộ 24A) đánh phá trung châu đồng bằng và ngược lại có thể từ biển đổ bộ lên đánh phá, xâm chiếm. Vì vậy, Đảng bộ đã nhận thức rõ công tác bảo đảm cho nhân dân sẵn sàng có nơi trú ẩn, cất giấu tài sản, lương thực, nơi lánh cư, tản cư và đã gấp rút vận động thực hiện. Mặt khác, chuẩn bị giáo mác sẵn sàng, tên nổ làm thêm, mang cung, thò chặn các ngã đường giặc có thể đến; toàn Đảng bộ và nhân dân Ba Tơ sẵn sàng bước vào chiến đấu.

Dân quân thường xuyên tập luyện, thường xuyên canh gác, tăng cường ý thức cảnh giác để phòng địch tung biệt kích, gián điệp đội lọt bọn thương lái xâm nhập vào địa bàn huyện.

Ngày 2 tháng 1 năm 1947, tàu thủy và máy bay của địch đã bắn phá thị xã và một số nơi ở đồng bằng. Các cơ quan và nhân dân phải sơ tán về nông thôn đồng bằng và miền núi. Nhân dân Ba Tơ đã tích cực hưởng ứng chủ trương của tỉnh, tiếp nhận và chia sẻ, tạo điều kiện ăn ở

và sản xuất cho đồng bào từ các vùng, miền tản cư đến. Tình cảm, sự đoàn kết của nhân dân Ba Tơ đối với đồng bào các nơi trong những ngày tháng này thể hiện rõ tấm lòng của nhân dân trong giai đoạn kháng chiến, để lại nhiều hình ảnh đẹp trong lòng chúng ta và các thế hệ mai sau.

Tháng 2 năm 1947, sau khi được Ủy ban Kháng chiến hành chính tỉnh phổ biến mệnh lệnh của cấp trên là phá hoại để kháng chiến thì tại Ba Tơ, Đảng bộ và chính quyền đã phát động đồng bào hưởng ứng, thực hiện. Con đường 5A (Quốc lộ 24A) từ Thạch Trụ đi Ba Tơ, Giá Vụt đã được băm nát từng đoạn. Không kể ngày đêm, gái trai, già trẻ đã dùng cuốc, xẻng, xà beng xeo nạy, đào đắp. Cầu cống bị đánh sập bằng mìn hoặc bằng sức người. Trên đoạn đường hướng về Kon Plong (Kon Tum), ở nhiều địa điểm đất được đào lên thành hào, hố sâu có nông có, lớn có nhỏ có và nhiều chướng ngại vật, ồ tác chiến được dựng lên. Dân quân phân công nhau canh gác, báo động ngày đêm khi có tình huống xấu xảy ra.

Đi đôi với công tác phá hoại, việc đào hầm bí mật, hầm trú ẩn cho người, đề phòng máy bay oanh tạc và xây dựng giao thông hào, chiến hào từ làng này sang làng khác xung quanh Ba Đình, Ba Động, xây dựng ụ chiến đấu, cải tạo địa hình ở các xã vùng cao cũng được tiến hành. Trên các gò hoang, đồi trống mọc lên những bãi cọc nhọn bằng tre, gỗ tua tủa giương lên trời để chống địch nhảy dù đổ bộ.

Khẩu hiệu ba không: Không nghe, không biết, không

thấy và thực hiện việc "vũ khí bất ly thân" để sẵn sàng đánh địch, vây bắt biệt kích xuyên sơn được đồng bào Ba Tơ chấp hành triệt để làm cho địch có mắt như mù, có tai như điếc. Cơ quan của Đảng bộ, chính quyền, quân đội ở Ba Tơ được bảo vệ bí mật, an toàn.

Đi đôi với việc tổ chức tập luyện, củng cố hàng ngũ dân quân tự vệ về số lượng và chất lượng, Đảng bộ và chính quyền tăng cường bộ máy chỉ huy huyện, xã, chuyển ban dân quân tự vệ thành ban quân sự. Đơn vị vũ trang tập trung của huyện được củng cố và phát triển. Ủy ban Kháng chiến và Ủy ban Hành chính huyện được sáp nhập thành Ủy ban Kháng chiến Hành chính huyện.

Phong trào sản xuất nông nghiệp được đẩy mạnh. Đồng bào trồng lúa, rau màu khắp nơi theo câu ca "lúa khoai ta gắng trồng, từ sườn non đến bờ sông" với tinh thần ý thức cao. Quý dân quân, các quý kháng chiến ở từng làng, từng xã được nhân dân hưởng ứng tích cực.

Các cơ xưởng vũ khí, xưởng in được chuyển dời đến những nơi bí mật, an toàn. Đồng bào Ba Tơ đã góp nhiều công sức vào việc di chuyển xưởng Lý Văn Bé đến địa điểm mới.

Lời thề "Hy sinh vì Tổ quốc" của Đội du kích Ba Tơ lại vang lên khắp các vùng.

Ngày 11 tháng 3 năm 1947, kỷ niệm hai năm cuộc khởi nghĩa Ba Tơ lịch sử, đồng chí Phạm Văn Đồng đã thay mặt Đảng và Chính phủ trao tặng cho tỉnh Huân chương Kháng chiến hạng II. Lễ kỷ niệm được tổ chức trọng thể tại thị xã Quảng Ngãi và huyện lỵ. Đông đảo

đồng bào cả tỉnh, cả huyện cùng một số đại biểu, cán bộ lãnh đạo, chỉ huy cuộc khởi nghĩa đã về tham dự và góp phần động viên tinh thần, bàn luận kế hoạch cụ thể triển khai cuộc kháng chiến. Lòng tự hào của nhân dân Ba Tơ được nâng lên một bước.

Chấp hành Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ nhất (trong kháng chiến chống Pháp), công tác xây dựng và phát triển Đảng ở Ba Tơ được chú ý đẩy mạnh. Các đồng chí đảng viên của Đảng bộ được phân công đi sâu sát các vùng như Ba Thành, Ba Dinh... để phát động quần chúng, làm công tác dân vận và phát triển đảng viên mới. Chi bộ Cao Muôn được tách ra thành hai chi bộ: Chi bộ Hoàng Đồn (Chi bộ Phạm Đức) và Chi bộ Trường An (Chi bộ Nguyễn Giã). Sau khi kết nạp thêm các đồng chí Đinh Hòa, Đinh Bút, Đinh Rà, Huyện uỷ lập thêm Chi bộ Ba Chùa do đồng chí Đinh Hòa làm Bí thư. Số đảng viên toàn Đảng bộ Ba Tơ lúc này có khoảng 30 đồng chí.

Mùa xuân năm 1947, tại Trường Bình dân học vụ (sau nhà đồng chí Trần Toại), Đại hội Đảng bộ huyện Ba Tơ lần thứ nhất (trong kháng chiến chống Pháp) được tiến hành. Đại hội đã đánh giá tình hình ở huyện trong thời gian qua, tổ chức phổ biến và học tập Nghị quyết của Đảng bộ tỉnh và đề ra nhiệm vụ, kế hoạch công tác mới, đặc biệt chú trọng việc đẩy mạnh sản xuất, xây dựng tổ chức đảng, chính quyền đủ mạnh và chú trọng công tác an ninh, trật tự vùng giáp các tỉnh Kon Tum, Gia Lai. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành mới do đồng chí Nguyễn Tiến Cang (Hùng) làm Bí thư thay đồng chí Lê Phó.

Thời gian này, Ba Tơ cùng các huyện miền tây Quảng Ngãi trực thuộc phân khu 15 của Liên khu V¹.

Công tác xây dựng Đảng được tiếp tục đẩy mạnh. Nhiều chi bộ mới ra đời, ghép lại rồi tách ra, dọc theo các tuyến đường giao thông và ở các xã Ba Đình, Ba Vinh...

Tháng 6 và tháng 7 năm 1947, Ba Tơ đã cử cán bộ xã đội đi dự nhiều lớp huấn luyện dài ngày về kỹ chiến thuật như bắn súng, ném lựu đạn... do Trung đoàn 126 đảm nhiệm. Đồng bào ở các vùng đã đóng góp gạo, tiền, thực phẩm để nuôi anh em trong thời gian tập luyện. Ngày 27 tháng 7 năm 1947, hưởng ứng ngày toàn dân giúp đỡ thương bệnh binh và gia đình liệt sĩ được tổ chức lần đầu tiên trong tỉnh, đồng bào Ba Tơ đã đóng góp hàng vạn đồng. Chị em ở các xã Ba Đình, Ba Động còn tổ chức đan áo ấm. Chị em các vùng tích cực phát triển việc nuôi con gà kháng chiến, quỹ đồng tâm, hưởng ứng ngày mùa đông binh sĩ... lương thực, thực phẩm được gửi ra chiến trường để anh em bộ đội ăn no, đánh thắng.

Cuộc kháng chiến anh dũng, kiên cường của quân và dân ta trên cả nước giáng trả địch những đòn đánh đáng đã làm cho cục diện chiến trường xuất hiện những dấu hiệu cho thấy tương quan lực lượng giữa ta và địch đã thay đổi có lợi cho ta và bất lợi cho địch.

Từ ngày 3 đến ngày 6 tháng 4 năm 1947, Ban Chấp hành Trung ương Đảng triệu tập Hội nghị cán bộ toàn quốc để đánh giá tình hình kháng chiến trong cả nước thời gian qua và đề ra nhiệm vụ mới, trong đó nhấn mạnh việc

1. Gồm tỉnh Kon Tum, bắc Gia Lai, miền tây Quảng Nam và miền tây Quảng Ngãi.

mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất, phát động phong trào dân quân, phong trào du kích chiến tranh, xây dựng Đảng, đoàn thể quần chúng và đào tạo cán bộ nhất là cán bộ nữ và đồng bào dân tộc thiểu số.

Quán triệt chủ trương và Nghị quyết cấp trên, Đảng bộ Ba Tơ đã tổ chức học tập, phổ biến nội dung nhiệm vụ trong toàn Đảng bộ và quân dân của huyện, tổ chức một số lớp bồi dưỡng tại địa phương và đưa cán bộ, đảng viên đi dự các lớp huấn luyện do tỉnh mở. Đi đôi với công tác dân vận được đẩy mạnh ở các vùng Ba Tô, Ba Chùa, Ba Xa, Ba Vĩ, Ba Ngạc..., công tác phát triển đảng viên mới có nhiều tiến bộ. Cán bộ, đảng viên là người Kinh có mặt ở nhiều vùng. Nhiều đối tượng tốt được tổ chức cơ sở giới thiệu, đưa đi học các lớp bồi dưỡng kết nạp Đảng.

Để tiến tới giành thắng lợi to lớn hơn nữa, tháng 6-1948, Bác Hồ viết *Lời kêu gọi thi đua ái quốc* nêu rõ mục đích:

"Làm cho mau, làm cho tốt, làm cho nhiều"

*"Diệt giặc đói, diệt giặc dốt, diệt giặc ngoại xâm"*¹.

Đến đầu năm 1949, Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước:

"Người người thi đua.

Ngành ngành thi đua.

Ngày ngày thi đua.

Ta nhất định thắng.

Địch nhất định thua"².

1,2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr. 444, 557.

Thực hiện lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân và các lực lượng vũ trang, bán vũ trang Ba Tơ đã hăng hái đẩy lên phong trào tăng gia sản xuất, tham gia luyện tập quân sự, học tập bình dân học vụ, thực hiện việc ăn sạch, ở sạch, uống sạch... Cùng với việc đẩy mạnh tăng gia sản xuất, phong trào "bớt mía trồng bông", "áo ta chưa ấm lòng thay mía ta trồng bông", trồng dâu nuôi tằm, dệt vải, làm giấy, làm phân, đào ao, vét giếng, khai mương, đắp đập giữ nước được chú ý hơn trước. Phong trào đấu quân giết giặc trong thanh niên Ba Tơ lên rất cao. Trong phong trào luyện quân lập công, tham gia các chiến dịch ở vùng bị tạm chiếm Quảng Nam - Đà Nẵng, đợt nào Ba Tơ cũng có chiến sĩ tham gia, kể vai sát cánh cùng bạn bè chung sức chung lòng phục vụ tiền tuyến giết giặc.

Đảng bộ đã ra sức học tập chỉnh phong, thực hiện phê bình và tự phê bình, thi đua trau dồi đạo đức, tác phong, chú ý sửa đổi lề lối làm việc. Huyện uỷ đã cố gắng mở rộng hàng ngũ Đảng ở các ngành, các giới trong huyện và đặc biệt là ở các xã đồng bào dân tộc thiểu số. Các xã Ba Tô, Ba Chùa, Ba Trang... đã có đảng viên người dân tộc Hrê. Nhiều thanh niên tiến bộ được chú ý kèm cặp, bồi dưỡng kiến thức về Đảng, về công cuộc kháng chiến. Ngày càng có nhiều cán bộ, đảng viên được cử đi tham dự các lớp huấn luyện, học tập do huyện, tỉnh mở liên tục hết đợt này đến đợt khác để có trình độ, khả năng đáp ứng yêu cầu mới của cách mạng.

Nhìn lại chặng đường đã qua, các mặt hoạt động phục vụ sự nghiệp kháng chiến ngày càng phát triển, xúc tiến theo đúng phương hướng, kế hoạch đã vạch. Các phong trào cách mạng của quần chúng nhân dân di dân vào nề nếp. Đội ngũ cán bộ Ba Tư được bồi dưỡng về chính trị, nghiệp vụ và tích lũy được nhiều kinh nghiệm thực tế.

Chính quyền và các đoàn thể quần chúng ngày càng được củng cố, kiện toàn. Đơn vị vũ trang tập trung của huyện được tăng cường trang bị, tập luyện và học tập đạo đức, tư tưởng cách mạng, đi đôi với hàng ngũ dân quân xã, thôn được phát triển và củng cố. Mặt trận dân tộc thống nhất mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân. Thực tiễn kháng chiến cho thấy kinh tế tự túc tự cấp ngày càng đem lại kết quả khả quan. Nạn đói, nạn đau đã được khắc phục khá nhiều.

Năm 1949, thực hiện chủ trương của trên, Đảng bộ Ba Tư tiến hành phong trào thi đua phát triển Đảng thành Đảng quần chúng. Ngoài kết quả tích cực, phong trào này cũng còn một số hạn chế nhất định và đã dẫn đến một số thiếu sót. Đảng viên mới được phát triển chưa có kinh nghiệm lãnh đạo quần chúng nên rất lúng túng khi giải quyết công việc và gặp nhiều trở ngại. Số đông được kết nạp là người thuộc tầng lớp trên trong đó có chánh tổng, chủ làng cũ - những người ít nhiều có học trong thời Pháp thuộc, đang được huy động tham gia vào chính quyền và các đoàn thể cứu quốc.

Tình hình trong và ngoài nước lúc bấy giờ đang có nhiều thuận lợi cho công cuộc kháng chiến. Công tác vùng sau lưng địch, trong đó có Quảng Ngãi đang đòi hỏi lớn về nhiều mặt: nhân, tài, vật lực. Thực hiện chủ trương của Tỉnh uỷ, vào những tháng cuối năm 1949, công tác phát triển Đảng mang tính ồ ạt, không chắc chắn, phản ánh sự nhận thức lệnh lạc: Đảng thành một Đảng quần chúng rộng rãi. Vì vậy, sau một thời gian ngắn hầu hết các xã đồng bào dân tộc thiểu số, từ gần đến xa trong huyện đều có chi bộ. Số đảng viên tăng lên gần chục lần, số chi bộ ở Ba Tư đã lên đến gần 20. Thiếu sót coi trọng số lượng ít chú ý đến chất lượng, sau đó đã được khắc phục dần dần.

Các mặt công tác: Cải thiện dân sinh, thực hiện một bước giảm tô, giảm tức, quy chế lãnh canh, tạm cấp ruộng đất ở đồng bào Kinh theo Sắc lệnh ngày 14 tháng 7 năm 1949 của Chính phủ, thực hiện đời sống mới, tăng công cày công cấy... đã giải phóng nhiều người nghèo khổ thoát khỏi sự ràng buộc từ các khoản nợ cũ tích tụ từ thế hệ cha đến thế hệ con cháu, đã cột chặt họ vào chủ nợ là tầng lớp trên giàu có. Việc ăn sạch, uống sạch, cắt tóc ngắn, ăn dưa hai đầu, làm chuồng gia súc, gia cầm xa nhà cũng được đồng bào các nơi hưởng ứng.

Nói chung, những phương hướng, chủ trương phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội và kết quả đạt được đã tạo nên sự phấn khởi, tin tưởng trong đông đảo đồng bào Ba Tư. Nhiều người thực sự được hưởng quyền lợi thiết thực

do cách mạng đem lại. Tuy còn những biểu hiện, suy nghĩ phức tạp trong một số người chậm tiến nhất là ở tầng lớp trên, nhưng ở Ba Tơ không xảy ra vấn đề nào gây phản ứng gay gắt trong cộng đồng như ở một số nơi trong tỉnh.

Vào cuối năm 1949, quân và dân Ba Tơ đã đánh lui cuộc càn quét của địch từ Kon Plong xuống địa bàn huyện nhà.

Hòa chung với niềm phấn khởi của đồng bào toàn tỉnh, Ba Tơ đã cử đoàn đại biểu về thị xã Quảng Ngãi tham dự lễ đón nhận "Nghị quyết khen thưởng Đảng bộ Quảng Ngãi" của Ban Chấp hành Trung ương ký ngày 31 tháng 10 năm 1949 về thành tích: "Trong lịch sử đấu tranh cách mạng ở miền Nam Trung Bộ trong khoảng 20 năm nay, Quảng Ngãi là nơi có phong trào sâu và rộng. Quảng Ngãi có công giúp đỡ phong trào các tỉnh Bình Định, Phú Yên trong những năm 1936 - 1939 và Bình Định tiến khởi nghĩa...". Quảng Ngãi là tỉnh đứng đầu trong việc chống Nhật, giành chính quyền ở miền Nam Trung Bộ..., là tỉnh cung cấp cán bộ và bộ đội cho cuộc kháng chiến nhiều nhất; là nơi gây cơ sở cho việc sản xuất vũ khí đầu tiên ở miền Nam Trung Bộ...¹.

Phần thưởng đó là niềm vinh dự, tự hào, nguồn động viên toàn Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi, trong đó có Ba Tơ đã và đang góp phần xứng đáng vào sự nghiệp chung của Đảng và nhân dân Việt Nam anh hùng.

1. Xem: Tài liệu lưu tại Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Quảng Ngãi.

Chương VI: ỔN ĐỊNH VÀ BẢO VỆ
**HẬU PHƯƠNG VỮNG CHẮC, ĐÁNH BẠI ÂM MƯU
LẤN CHIẾM CỦA ĐỊCH, TÍCH CỰC GÓP PHẦN
ĐƯA CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP
ĐẾN THẮNG LỢI HOÀN TOÀN (1950 – 7-1954)**

Thắng lợi mọi mặt trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đã tạo ra những tiền đề về vật chất và tinh thần rất cơ bản, tạo cơ sở cho việc xây dựng Quảng Ngãi thành căn cứ địa, hậu phương vững chắc của Liên khu V, đập tan mọi âm mưu và hành động phá hoại, lấn chiếm của địch, góp phần to lớn cho cuộc kháng chiến đi đến thắng lợi.

Tình hình trong nước và thế giới đầu năm 1950 có nhiều chuyển biến mới thuận lợi nhưng cũng vô cùng phức tạp đối với cuộc kháng chiến của ta. Sau thắng lợi của chiến dịch Biên Giới, năm 1950, nước ta đã nối được quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa anh em và bạn bè gần xa. Quân và dân cả nước đang gấp rút hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị chuyển mạnh sang tổng phản công. Trong các vùng tự do, đồng bào hăng hái sản xuất, đóng góp cho cuộc kháng chiến. Ở các thành phố và các vùng bị địch tạm chiếm đã nổ ra nhiều cuộc đấu tranh sôi nổi, rầm rộ của công nhân, học sinh, sinh viên và các tầng lớp nhân dân chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ.

Bên cạnh những thuận lợi lớn như Đảng bộ tỉnh đã đề ra những nhiệm vụ quan trọng, động viên được toàn

Chương VI: ỔN ĐỊNH VÀ BẢO VỆ
HẬU PHƯƠNG VỮNG CHẮC, ĐÁNH BẠI ÂM MƯU
LẤN CHIẾM CỦA ĐỊCH, TÍCH CỰC GÓP PHẦN
ĐƯA CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP
ĐẾN THẮNG LỢI HOÀN TOÀN (1950 – 7-1954)

Thắng lợi mọi mặt trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đã tạo ra những tiền đề về vật chất và tinh thần rất cơ bản, tạo cơ sở cho việc xây dựng Quảng Ngãi thành căn cứ địa, hậu phương vững chắc của Liên khu V, đập tan mọi âm mưu và hành động phá hoại, lấn chiếm của địch, góp phần to lớn cho cuộc kháng chiến đi đến thắng lợi.

Tình hình trong nước và thế giới đầu năm 1950 có nhiều chuyển biến mới thuận lợi nhưng cũng vô cùng phức tạp đối với cuộc kháng chiến của ta. Sau thắng lợi của chiến dịch Biên Giới, năm 1950, nước ta đã nối được quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa anh em và bạn bè gần xa. Quân và dân cả nước đang gấp rút hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị chuyển mạnh sang tổng phản công. Trong các vùng tự do, đồng bào hăng hái sản xuất, đóng góp cho cuộc kháng chiến. Ở các thành phố và các vùng bị địch tạm chiếm đã nổ ra nhiều cuộc đấu tranh sôi nổi, rầm rộ của công nhân, học sinh, sinh viên và các tầng lớp nhân dân chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ.

Bên cạnh những thuận lợi lớn như Đảng bộ tỉnh đã đề ra những nhiệm vụ quan trọng, động viên được toàn

dân trong tỉnh thì đua tham gia các phong trào cách mạng, như đồng bào các dân tộc trong tỉnh phấn khởi, tin tưởng vào kháng chiến thì ta cũng còn bộc lộ nhiều thiếu sót, một vài lệch lạc có cả "tả" khuynh và hữu khuynh, máy móc hoặc quá khích đã xuất hiện trong phong trào cách mạng cả ở đồng bằng và miền núi. Việc đẩy mạnh vấn đề dân chủ và đề cao lập trường giai cấp công nhân trong Đảng đã làm cho nhiều người thuộc các tầng lớp trên có mặt trong và ngoài đoàn thể phản ứng dưới nhiều dạng và mức độ khác nhau.

Trong lúc đó, địch ra sức móc nối các phần tử xấu, sử dụng bọn tay sai, gián điệp, bọn lưu manh, bất mãn, phản động nắm tình hình ta, lôi kéo đồng bào. Mặt khác, do thời tiết không thuận nên sản xuất nông nghiệp gặp nhiều khó khăn. Đời sống đồng bào nhiều vùng đói khổ. Địch lại liên tiếp đánh phá vùng tự do, đổ bộ quân ven biển, bao vây kinh tế ta...

Sau khi tạm ổn định tình hình xung quanh các cứ điểm dọc theo ranh giới giữa Kon Tum, Quảng Ngãi và Quảng Nam, cài cấy được một số gián điệp, quân Pháp liên tiến hành những hoạt động mới táo bạo hơn trước trong âm mưu đánh chiếm vùng tự do Liên khu V. Đối với miền tây Quảng Ngãi, chúng đề ra 4 chủ trương:

- Thu hẹp dải đất phía đông Sông Re từ Giá Vụt đến Di Lăng, giành giật tài nguyên xứ Hrê.

- Phát triển gián điệp, một đầu xuống Đồng Ké là nơi có Hoa Kiều, Công Giáo; một đầu xuống Ba Tơ.

- Tổ chức gôm¹ rộng rãi và đóng đồn hầu hết ở những vị trí yết hầu bên tả ngạn Sông Re để chặn đường tiến quân của bộ đội ta lên miền tây.

- Dọn con đường xuống Ba Tơ, chuẩn bị hành quân đánh sâu vào nội địa Quảng Ngãi.

Liên sau đó, chúng tìm cách móc nối với các phần tử phản động ở địa phương vốn là những tên đã làm tay sai cho Pháp trước kia, thuộc thành phần giàu có và bị động chạm quyền lợi như Chánh Ái, Chánh Ênh, Chánh Lãi... Bọn này lại liên hệ với Đinh Ngô, một tên háms danh lợi, quen thói chơi bời trác táng để làm chỗ dựa gây bạo loạn.

Chúng đã tìm cách khoét sâu những sơ hở, thiếu sót của ta trong việc thực hiện dân chủ và lôi kéo một số đồng bào còn bị ràng buộc bởi thế lực kinh tế của chúng chống lại cách mạng.

Trong khi đó, tổ chức đảng của ta ở các huyện miền tây tuy có phát triển nhiều, song đa số đảng viên còn rất mới, có nhiều người lý lịch không tốt cũng lọt vào hàng ngũ mà chưa được giáo dục, học tập. Vì vậy, Đảng bộ các huyện, nhất là huyện Sơn Hà, không đủ sức lãnh đạo phong trào địa phương. Tỉnh uỷ thiếu sâu sát tình hình miền núi, không nắm chắc tâm tư nguyện vọng của quần chúng nên không kịp thời phát hiện được những hoạt động của địch ở miền núi của tỉnh, đặc biệt là Sơn Hà. Vì vậy, khi vụ Sơn Hà xảy ra, ta đã bị thiệt hại nhiều về người, tài sản.

1. Gôm: Ổ vũ trang của địch.

Ngày 25 tháng 01 năm 1950, vụ Sơn Hà đã nổ ra bắt đầu từ xóm Gò Cao, xã Sơn Cao, huyện Sơn Hà, rồi nhanh chóng lan sang các địa phương khác. Nhân dân ở các vùng trực tiếp xảy ra vụ này rất khiếp sợ, còn các xã chung quanh cũng hoang mang, lo lắng.

Tại Ba Tơ, đồng bào các xã Ba Ngạc, Ba Vì, Ba Tiêu, gần sát Sơn Hà tuy bị kẻ thù lôi kéo, nhưng các đồng chí cốt cán ở đây đa số tỏ rõ lập trường vững vàng, cùng với đồng bào 23 xã trong huyện chống lại các phần tử gây rối. Đa số tầng lớp trên ở Ba Tơ cũng phản đối vụ việc xảy ra.

Ngay sau khi vụ Sơn Hà nổ ra, dưới sự chỉ đạo trực tiếp, cụ thể của Trung ương, Liên khu uỷ V và Uỷ ban Kháng chiến Hành chính miền Nam Trung Bộ, Bộ Tư lệnh Liên khu V đã cử nhiều đoàn cán bộ về cùng với Tỉnh uỷ, Uỷ ban Kháng chiến Hành chính tỉnh tham gia giải quyết vụ Sơn Hà.

Tỉnh uỷ, các huyện uỷ miền tây đã thẳng thắn nhận những khuyết điểm của mình và xác định đúng đắn phương châm hoạt động để trấn áp kẻ thù, đưa tình hình miền núi, nhất là Sơn Hà yên ổn lại như trước.

Đảng bộ đã chỉ ra nguyên nhân căn bản gây ra vụ Sơn Hà là do "không học tập thấm nhuần lý luận, chính sách vận động cách mạng thương du, nên trong chỉ đạo rất sai lầm".

Nắm vững phương châm giáo dục quần chúng nhân dân là cơ bản, ta đã tranh thủ các già làng, nhất là những người có tinh thần yêu nước, chống thực dân Pháp, có uy tín trong buôn làng để tuyên truyền nắm dân, cô lập bọn

đầu sở ngoan cố. Cán bộ, bộ đội phải tự phê bình trước dân.

Trong quá trình giải quyết vụ Sơn Hà, tuy có sai phạm lúc đầu (nặng về quân sự, nhẹ về chính trị) nhưng Đảng bộ tỉnh đã thu được thắng lợi là đã phân hóa được những người lầm lạc với bọn đầu sở phản động. Đến cuối năm 1951, ta đã căn bản dẹp yên vụ Sơn Hà, các lực lượng quân sự, chính trị của ta kiên trì vận động quần chúng lầm lạc trở về. Các cơ sở phiến loạn còn lại dần dần bị quần chúng nhân dân phát hiện và tiêu diệt. Lòng tin của nhân dân đối với Đảng, với cách mạng, với sự nghiệp kháng chiến được khôi phục và củng cố, tình đoàn kết giữa đồng bào các dân tộc Kinh, Thượng ngày càng bền chặt.

Tại Ba Tơ, sau khi vụ Sơn Hà nổ ra, Huyện uỷ liền nhận được lệnh: các đơn vị vũ trang địa phương, cán bộ, đảng viên, hội viên nông cốt các đoàn thể được tăng cường xuống ngay các xã để tuyên truyền, giải thích, giáo dục quần chúng. Hầu hết tình hình các xã trong huyện đều được cán bộ bám sát, nắm bắt cụ thể. Tuy vậy, một số xã vùng cao sát Sơn Hà, nhiều đồng bào vẫn bị địch thúc ép, bắt buộc theo chúng. Bọn gây loạn đêm ngày tìm đến hù dọa cán bộ địa phương, lung lạc tinh thần quần chúng. Và đã có một số người, trong đó có đảng viên hoang mang chạy theo, một số khác thì cầu an, đầu hàng, nằm tại chỗ nhận súng của Pháp. Số cốt cán thì thoát ly, tránh sự ám hại của địch, bám vào lực lượng vũ trang huyện, tìm cách giữ mối liên hệ với cơ sở để hoạt động.

Trong lúc đó, địch chú ý đến Già Kiêu vì thấy đây là

một người có uy tín và uy thế lớn trong vùng. Già Kiêu vốn là một tù trưởng giàu, có nhiều ruộng rẫy, trâu bò, chinh chế... cùng với hàng trăm tôi tớ trong nhà, lại có đông con. Thời gian trước, Già Kiêu là người có tinh thần chống Pháp rất cương quyết để bảo vệ cho quyền lợi của bản thân mình. Ông đã không làm gì cho thực dân Pháp cũng như cho bọn tay sai của Pháp tại địa phương. Khi Đội du kích Ba Tơ lên đóng căn cứ, hoạt động xây dựng tại vùng Nước Sung, Nước Lá, ông đã có sự giúp đỡ kháng chiến trong việc nuôi nấng, che giấu một số cán bộ đi làm công tác liên lạc. Sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, ta có mời ông tham gia chính quyền nhưng ông không nhận. Tuy ông không có địa vị, chức tước nhưng lại có quyền lực của một tù trưởng, già làng. Ở Ba Tơ, từ số chánh tổng cũ đến những người lãnh đạo chính quyền cách mạng, một số đảng viên cũng nể uy lực của ông.

Khi vụ Sơn Hà vừa nổ ra, Già Kiêu còn do dự. Nhưng đa số con ruột, con rể của ông đều thuộc loại người ăn chơi, trác táng, quen thói đua đòi lại là những cánh tay đắc lực của ông nên làm ông khó xử. Định đã lợi dụng số con ông tìm cách tranh thủ, lôi kéo ông nhiều lần và cùng với một số trong tầng lớp trên mà chúng đã nắm được, tìm mọi cách đe dọa, lung lạc ông. Chúng kích động, gây tâm lý thù hằn giữa các dân tộc, xúi giục đồng bào chống lại người Kinh. Chúng nói: "Người Kinh đã tìm cách chiếm giữ núi rừng và tích cực ép buộc đồng bào chống lại Già Kiêu để cướp lấy tài sản". Vừa lo sợ quyền lợi, tài sản bị mất, vừa sợ tính mạng bị đe dọa theo bản chất ích kỷ vốn có của

người tăng lớp trên, Già Kiêu đã ngã theo địch. Một mặt, ông ta cho người đi lãnh súng của địch về phân phát cho đồng bào vùng Ba Xa nơi ông ta ở. Mặt khác, ông ta ra sức lôi kéo một số người có uy tín ở Ba Vì, như đồng chí Hoàng, đảng viên trung kiên, đồng chí Bể đảng viên có uy tín ở Ba Tô và một số nơi khác.

Các đồng chí này đã phản đối âm mưu chia rẽ và nói cho ông biết "không nên chống Kinh". Bác Hồ dạy "đoàn kết Kinh - Thượng mà", nếu "chống thì chống Pháp, chứ sao lại chống Kinh".

Đứng trước tình huống ngày càng phức tạp đó, chấp hành chủ trương của cấp trên, để giữ đúng chính sách của Đảng, giữ nghĩa tình sau trước, Huyện uỷ và chính quyền Ba Tư đã cho người đến tranh thủ, phân tích phải trái để ông ta rõ. Và tháng 2 năm 1950, lễ ăn thề được tổ chức tại nhà riêng ông ta, nhằm ít nhất cũng trung lập được ông, nhưng sau ông ta đã không giữ đúng lời hứa.

Khi tình hình đã diễn biến xấu hơn, sự chống đối lộ rõ, ta có ý định mời ông ta đi nơi khác, tách khỏi vùng này, tránh địch uy hiếp, lôi kéo làm hoen ố, vẩn đục quá khứ của mình, có hại cho nhân dân trong vùng, nhưng ông ta cũng không chấp nhận, lại ngày càng dần sâu vào con đường lầm lạc, chống đối ta mạnh hơn.

Tháng 9 năm 1950, Già Kiêu đã bí mật liên lạc, nhận một số vũ khí của Pháp trao cho, từ đồn Kon Plong mang về. Ta cảnh cáo ông và xác định thái độ trừng phạt ông nghiêm khắc.

Tháng 11 năm 1950, ông ta lại tiếp tục nhận và vũ

trang cho số người chịu sự chi phối của mình ở trong vùng, nhất là ở Ba Xa, có đến 200 tên, với trên 150 súng. Các ổ golum này đã theo lệnh của ông, nếu gặp người của lực lượng kháng chiến là bắn giết.

Để đối phó lại tình hình, được sự giúp đỡ của Liên khu V, Tỉnh uỷ, Ban phụ trách miền tây Quảng Ngãi, cùng với Huyện uỷ Ba Tơ chủ trương mở một đợt tổng hoạt động, mục đích là:

"Dập tắt ngay ổ phiến loạn ở Ba Xa, trừng trị những tên đầu sỏ phản động đã thật sự theo Pháp".

"Phá âm mưu mở rộng hành lang của địch và chính sách chia rẽ của chúng", xây dựng các cơ sở của ta.

Phương châm để giải quyết vấn đề, căn bản vẫn là "chính trị" có kết hợp với quân sự lúc đầu. "Lúc đầu thế giặc còn mạnh thì dùng biện pháp quân sự để giúp chính trị tiến tới", nói chung những nguyên tắc cơ bản đều giống cuộc tổng hoạt động ở miền tây vừa qua. Lực lượng sử dụng gồm có: Tiểu đoàn 50 và Đại đội 9, Tiểu đoàn 120 bộ đội chủ lực quân khu, hai đại đội địa phương (có 1 đại đội của Ba Tơ), 1 đại đội của bắc tỉnh Kon Tum, 1 đại đội của Bình Định và dân quân du kích, cán bộ dân chính xã phối hợp hoạt động.

Cuộc hoạt động được tiến hành trong hai tháng, bắt đầu từ 20 tháng 12 năm 1950. Do cơ sở của địch ở đây khá mỏng, ảnh hưởng chưa sâu rộng nên chỉ trong vòng một tháng thì ta đã đánh tan ổ phản động mà trung tâm ở Ba Xa, xóm Già Kiêu; bắt giữ giáo dục, phân hóa, xử trí tất cả bọn đầu sỏ, thu 120 súng.

Già Kiêu đã cùng số con, rẽ phản động chạy trốn ở hang núi phía đông nam. Các đồng chí cán bộ, đảng viên ở các xã Ba Tô, Ba Vì trực tiếp dẫn quân đi, vận động lôi kéo quần chúng, biết được đường đi nước bước của ông, đã dẫn đường cho bộ đội chủ lực chia làm hai mũi: mũi phía tây Ba Vì đi về hướng nam, một mũi đi về hướng đông nam áp sát tiến công bắt sống toàn bộ tại hang ổ cuối cùng.

Ta đã giải thoát 450 đồng bào dân tộc thiểu số bị khống chế; tịch thu toàn bộ tài sản của Già Kiêu cùng với số ruộng đất của Đình Hâm, Tổng Bênh chia cho nhân dân, tạm cấp 913 mẫu cho 323 người, mỗi người được 2 sào chín thước. Số gia nô, con nợ được "sổ lồng" nợ nần được giữ sạch.

Thắng lợi này đã làm cho số "Chí xẻng" ở Ba Tô không còn cơ sở để tồn tại.

Chính quyền và đoàn thể ở Ba Xa và các xã khác được củng cố. Cấp huyện cũng được tăng thêm thành phần cán bộ là đồng bào dân tộc thiểu số. Các đoàn thể trở lại sinh hoạt bình thường. Tổ chức Đảng được củng cố. Uy tín của Đảng, chính quyền lên cao. Nhân dân Ba Tô phấn khởi, tin tưởng và tự hào. Các mặt công tác văn hóa, giáo dục cũng được phát triển. Đội ngũ dân quân được củng cố và tăng cường. Đơn vị tập trung của huyện được tăng thêm quân số, gồm 126 người. Công tác bố phòng, làm hầm chông, ụ chiến đấu, hầm cá nhân được triển khai mạnh với 5.000 mang cung, cạm bẫy, 10 triệu cây chông, hàng ngàn hầm cá nhân...

Tháng 3 năm 1951, Ban cán sự miền tây Liên khu V

có trách nhiệm xây dựng miền tây Quảng Ngãi và Quảng Nam thành căn cứ địa của Liên khu kết liền với các tỉnh bắc Tây Nguyên.

Với phương châm "Căn bản là chính trị, kết hợp với kinh tế, dựa vào yếu tố thắng lợi của tác chiến củng cố cơ sở chính trị", ta nói rõ cho đồng bào biết là "Chỉ đánh Tây và bọn ngoan cố, không đánh những người lầm đường hoặc bị cưỡng bức theo địch".

Qua một thời gian hoạt động, những hành động thiết thực, đúng đắn của cán bộ, đảng viên, lực lượng vũ trang đã dần dần cảm hóa, thức tỉnh quần chúng lao động nghèo khổ bị địch lung lạc, cưỡng ép. Và chính họ đã tự động đi gọi chồng, con, em đang ở trong hàng ngũ "Chí xẻng" trở về gia đình, làm cho bọn phản động mất dần chỗ dựa.

Vào những ngày đầu tháng 8 năm 1951, đơn vị vũ trang tập trung của Ba Tơ tham gia diệt đồn Kon Plong lần thứ nhất, một chiến sĩ trong đơn vị đã anh dũng hy sinh. Đó là người con thân yêu của xã Ba Thành. Nhân dân địa phương đã lấy tên người đồng chí đặt tên cho xã mình là xã Hiếu. Một việc làm, một biểu tượng đẹp đáng nhớ, đáng được noi gương và lưu truyền mai sau.

Tiếp đến, vào thời gian từ ngày 12 tháng 10 năm 1951 đến cuối tháng 11 năm 1951, Đảng bộ, quân và dân Ba Tơ trực tiếp tham gia và phục vụ đợt hoạt động mạnh của ta, gồm có: Trung đoàn 108, Tiểu đoàn 89 miền tây, bốn đại đội địa phương các huyện đồng bằng, kết hợp với lực lượng chính trị của tỉnh, huyện và lực lượng của bắc Kon Tum. Cuối tháng 12 năm 1951, ta tiêu diệt đồn Tà

Mục, hang ở cuối cùng của bọn phiến loạn. Đại bộ phận địch bị tiêu diệt và tan rã. Số sống sót còn lại tháo chạy lên các cứ điểm địch ở Bắc Tây Nguyên. Nhân dân tiếp tục làm công tác binh, địch vận, kêu gọi số lầm đường trở về, không cho lấy lương thực, dẫn chỉ đường cho ta nơi bọn phản động trú ẩn, vây bắt số ngoan cố lẫn trốn.

Cái ung nhọt đã được mổ xẻ. Từ đó Ba Tơ cũng bớt phần bị uy hiếp và đe dọa. Cán bộ địa phương, cơ sở chính trị ở Ba Tơ cũng như Sơn Hà được phát triển khá nhanh, trưởng thành một bước và đã được thử thách sau những đợt hoạt động thật sự chống thù trong giặc ngoài, kể cả thực dân Pháp xâm lược bằng vũ trang. Quan điểm lập trường cách mạng được nâng lên, tình cảm đoàn kết dân tộc cũng được giác ngộ rõ ràng hơn.

Cuối năm 1951, tại hội trường Bắc Lân, Ba Động, Đại hội lần thứ hai của Đảng bộ Ba Tơ được tiến hành. Đại hội đã thẳng thắn nhìn vào những ưu, khuyết điểm trong thời gian qua, thảo luận rất sâu và rõ về tình hình các xã vùng cao của huyện. Đại hội giao nhiệm vụ cho mỗi cán bộ, đảng viên chịu trách nhiệm trước Đảng bộ và nhân dân về việc bám sát vận động, giáo dục quần chúng, xây dựng và phát triển cơ sở Đảng tại các vùng xa, vùng cao. Đồng chí Hồng Kỳ được bầu làm Bí thư Huyện ủy.

Sau Đại hội, đồng bào các vùng Ba Tơ hưởng ứng chủ trương, nhiệm vụ của Đảng bộ đề ra, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, của chính quyền và tích cực tham gia các mặt hoạt động tổng động viên, tăng gia sản xuất, phát triển lực lượng dân quân du kích, xây dựng chính quyền

và các đoàn thể ở những vùng ta chưa làm được và những nơi ta vừa dẹp yên các phần tử gây loạn.

Từ ngày 26 tháng 3 đến ngày 12 tháng 4 năm 1952, đoàn đại biểu của Đảng bộ Ba Tư đã về tham dự Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ IV (trong kháng chiến chống Pháp). Đại hội đã kiểm điểm các mặt hoạt động qua 2 năm tích cực cầm cự chuyển mạnh sang tổng phản công và đề cập cụ thể công tác vận động đồng bào các dân tộc thiểu số. Đại hội đã đề ra nhiệm vụ phải tăng cường rèn luyện tư tưởng đảng viên, giáo dục nhân dân về nhận thức chính trị, chỉnh đốn tổ chức cơ sở và thực hiện lãnh đạo sâu sát với nguyện vọng, tình cảm, tâm tư của quần chúng. Đại hội lưu ý các Đảng bộ địa phương phải làm tốt công tác thương du vận.

Thực hiện nhiệm vụ của Đảng bộ tỉnh đề ra, hàng ngàn du kích, cán bộ ở đồng bằng lần lượt được điều lên cho vùng miền tây của tỉnh, trong đó có Ba Tư. Sau đợt học tập nội dung thư Bác gửi về vụ Sơn Hà, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, quân và dân Ba Tư càng ra sức đề phòng âm mưu địch lấn chiếm, phá hoại vùng tự do của ta.

Mặc dù thất bại trong nhiều lần hành quân lấn chiếm để cài cấy gôm, phát triển gián điệp, đóng đồn chiếm giữ nhưng thực dân Pháp vẫn không từ bỏ âm mưu lấn chiếm khu vực căn cứ địa quan trọng này. Sau một thời gian thu gom nuôi dưỡng và huấn luyện bọn loạn quân, vào tháng 4 năm 1952 địch mở cuộc hành quân mang tên Latêrit do tên tướng Lơ Cốc chỉ huy đưa bọn "chí xẻng" (rau đắng) về cấy lại cơ sở dọc sông Re để đánh phá ta hòng chiếm lấy

bàn đạp này, mở rộng phạm vi chiếm đóng vùng tự do, kìm giữ chân quân chủ lực của ta.

Ngày 25 tháng 4 năm 1952, quân địch đánh chiếm khu vực làng Trui xã Ba Tiêu, Ba Ngạc và dọc theo sông Re, đặt trận địa trên đồi Viôlắc, xây dựng hệ thống bàn đạp theo trục Kon Plong - Kon Kiểng - Viôlắc - Bliêng và tung quân đánh phá khu vực phía tây Ba Tơ, kiểm soát vùng tả ngạn sông Re - vùng tiếp giáp 2 con đường 5A và 5B đi lên Kon Plong và đi xuống các hướng đồng bằng.

Ngày 27 tháng 4 năm 1952, dưới sự chỉ huy của tên đại úy Hăngtích, 700 loạn quân Hrê tung ra đánh phá khu vực Nước Lầy, Nước Ổ và xã Sơn Kỳ (Sơn Hà); đồng thời chúng cho bọn tay chân luồn về thôn, làng móc nối với bọn phản động còn đang ẩn náu. Mặt khác, chúng tung tiền bạc, hàng hóa để mua chuộc, dụ dỗ nhân dân.

Ngay từ những ngày đầu, địch đã vấp phải sự đánh trả quyết liệt của bộ đội địa phương tỉnh, huyện, du kích, dân quân Ba Tơ. Hầm chông, cạm bẫy mọc lên tua tủa. Mặt khác, nhân dân đã kịp thời báo tin cho cấp trên biết tình hình hoạt động của địch và nhanh chóng cất giấu tài sản, heo, gà, lánh tản cư. Mọi người đều thực hiện khẩu hiệu: không mua, bán, đổi chác. Nương rẫy vắng bóng người. Trừ những tên làm tay sai cho chúng từ trước, địch không hề gặp được một ai. Mũi càn của địch theo hướng Ba Tơ dọc Đường 5A, đã bị nhân dân các địa phương, dưới sự lãnh đạo của chi bộ, chống trả. Trong khi đó, do không tìm được cơ sở móc nối, không ai hợp tác, chúng chỉ quần

quanh trên dãy núi về phía bắc xóm Ba Nhà. Lực lượng du kích Ba Vì, Ba Ngạc ngày đêm bám sát địch, quấy rối, bắn tỉa, gây cho chúng nhiều thiệt hại. Giữa lúc lực lượng vũ trang địa phương tỉnh, huyện, dân quân du kích kìm chân, vây hãm quân địch, thì chiến dịch phản công của chủ lực Liên khu được gấp rút triển khai.

Dưới sự chỉ huy trực tiếp của Bộ Tư lệnh Liên khu¹, Trung đoàn 803 đang đứng chân ở nam Bình Định, được lệnh hành quân bằng chuyến tàu hỏa đặc biệt chạy giữa ban ngày đến Bồng Sơn và ngay trong đêm ra luôn Mộ Đức, hành quân cấp tốc theo Đường 5A lên Ba Tư - Giá Vụt, giữa không khí hào hùng của chiến trận, trước sự phấn khởi chào đón của nhân dân, với hàng trăm nghìn vắt cơm, ống lương khô, kẹo bánh, khăn mặt, được chuẩn bị sẵn cùng với ánh mắt nụ cười của mọi tầng lớp nhân dân Kinh - Thượng trên đường bộ đội hành quân. Sự triu mến, cổ vũ, sự tận tụy hết sức mình của đồng bào được thể hiện trong lúc chỉ dẫn đường và mọi yêu cầu của chiến trường đều được sẵn sàng đáp ứng.

Ngày 5-5-1952, một cuộc tao ngộ chiến diễn ra tại Nước Lầy, vùng Ruộng Hoa, nơi con suối nối với con Sông Re và bên tây sông là cánh đồng Dài và xóm làng xã Ba Ngạc - nơi địch đặt trận địa pháo và sở chỉ huy, giữa 700 loạn quân đang lố nhố vượt sông với đơn vị chủ lực Liên

1. Trung đoàn 108 từ Mộ Đức, Nghĩa Hành hành quân lên Sơn Hà, chặn đánh chính diện quân địch đang tiến dọc lưu vực sông Re theo Đường 5A.

khu. Chớp thời cơ vô cùng thuận lợi, chỉ huy Trung đoàn 108 ra lệnh chuyển đội hình hành quân sang đội hình vận động tiến công. Các cỡ súng của ta nhả đạn trùm kín đội hình địch đang dồn đông, lúc chúng đang chen chúc lên bờ và lội giữa sông. Du kích, bộ đội địa phương cũng nổ súng. Bị tấn công mãnh liệt, quân địch hoảng loạn và bị diệt nhiều tên, số còn sống sót vút súng đạn tháo chạy vào rừng hoặc về chỉ huy sở (Ba Ngạc), 230 tên trong số đó có tên Hăngtích, 40 lính Pháp cùng một số tên đầu sỏ phiến loạn bị chết tại trận. Quân ta tiếp tục truy kích, gọi hàng và bắt sống thêm trên 100 tên khác; băng bó, cứu chữa cho số bị thương, giải thích chính sách và xử trí đem về phía sau giáo dục.

Đòn giáng trả phủ đầu của quân ta đã bẻ gãy cánh quân địch, phá tan âm mưu "cấy" lại loạn quân của chúng, báo hiệu sự cáo chung của chủ nghĩa thực dân Pháp trên mảnh đất Ba Tư lịch sử này.

Cùng lúc, hai đại đội của Tiểu đoàn 89 miền tây, được sự giúp đỡ của bộ đội địa phương, cán bộ, đảng viên, du kích và nhân dân đã tổ chức trận đánh cánh quân địch ở phía sau đồi Viôlắc, diệt tại chỗ hai trung đội địch.

Sự xuất hiện Trung đoàn 803 tại chiến trường là điều hoàn toàn bất ngờ đối với địch. Chúng nhận thấy mục đích cuộc hành quân đã thất bại, các vị trí đóng quân chưa có công sự vững chắc, số gomme cũ nay đã khác trước, không có ai tham gia mà còn chống lại chúng, hết chỗ dựa.

Để tránh thất bại lớn hơn, tên tướng Lơ Cốc vội vã ra lệnh cho toàn bộ lực lượng hành quân tháo chạy.

Thừa thắng, quân ta lập tức chuyển sang truy kích. Nhiều đơn vị địch vội vã rút không kịp mang theo vũ khí đạn dược, quân dụng. Một số lính ngụy trên đường tháo chạy đã trốn lại, chờ quân ta đến, nộp súng đầu hàng. Trước sức truy kích của ta, quân Pháp không chỉ rút bỏ các vị trí mới chiếm đóng mà còn tháo chạy về phía Kon Plong. Quân ta truy kích đuổi chúng đến Công Xu.

Tuy chưa tiêu diệt được toàn bộ quân địch, nhưng chiến dịch phản công kịp thời và kiên quyết của ta đã đập tan âm mưu quấy rối lâu dài vùng căn cứ địa miền tây Quảng Ngãi. Chiến thắng Nước Lầy và việc đánh bại toàn bộ cuộc hành quân của địch mang tên Latorít đã diễn ra trên đất Ba Tơ. Quân và dân Ba Tơ đã mắt thấy, tai nghe, chứng kiến sự kiện lịch sử này. Cả quân Pháp lẫn loạn quân, súng to, súng lớn, "binh nhiều tướng ác" cũng phải đến tột, số sống sót chạy thoát thân, như khỉ, như chó. Chỉ có bộ đội mình gan dạ, nhanh tay, nhanh chân như con sóc, con hổ đánh địch. Nhân dân mình có kẻ làm đường theo Tây, theo "chí xẻng" có dịp mở mắt, nghiệm lòng mà rõ đục trong.

Đồng bào phấn khởi, tin tưởng ở bộ đội tài giỏi, anh hùng; tin tưởng Đảng, Chính phủ Cụ Hồ thêm nhiều "lắm lắm". Mọi việc làm như có thêm chân, thêm tay. Họ trở về xóm làng, góp phần thu dọn chiến trường, tải thương, tiễn đưa bộ đội, làm ruộng, làm nương, chăn nuôi heo gà cho

mau lớn. Buôn rẫy xóm làng từng bước ổn định và cải thiện đời sống, đóng góp nuôi quân, phục vụ chiến trường, tiếp tục tham gia kháng chiến.

Với chiến công của quân và dân huyện nhà, tại Hội nghị thi đua toàn quân (12-4-1952), đồng chí Đinh Nói - người con của xã Ba Cung, là một trong những tấm gương tiêu biểu về tinh thần yêu nước, thi đua giết giặc lập công, khắc phục khó khăn gian khổ, quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ. Thành tích của đồng chí đã được Hội nghị biểu dương, chọn bầu chiến sĩ thi đua toàn quân.

Sau chiến thắng, Đảng bộ Ba Tơ đã lãnh đạo nhân dân trong huyện nhanh chóng ổn định tình hình, sớm đưa dân trở về làng sản xuất, ra sức lo củng cố cơ sở, giải quyết các việc còn lại của chiến trường, tiếp tế mắm muối, rèn sẵn công cụ đã bị mất mát, hư hao trong chiến đấu, sửa chữa công sự, hầm hào, tăng cường luyện tập và đề cao cảnh giác chống chủ quan khinh địch như Bác Hồ đã dạy.

Việc chỉnh Đảng, Trung ương quy định là công tác trung tâm từ tháng 4 năm 1952, được tiếp tục tiến hành từ huyện đến xã với không khí phấn khởi, hăng say của người chiến thắng. Công tác phát triển Đảng cũng được xúc tiến. Đến tháng 12 năm 1954, Đảng bộ Ba Tơ có 24 chi bộ với 217 đảng viên, trong đó có 63 đồng chí là người Hrê. Đồng chí Đồng Xuân Liêu được điều động nhận công tác khác. Đồng chí Trương Quang Bích (Tu) được cấp trên cử về làm Bí thư Đảng bộ Ba Tơ.

Công tác động viên xã hội cũng thuận lợi hơn. Dưới

sự lãnh đạo của Đảng bộ, việc quyên góp giúp đỡ nhân dân các huyện bị địch đánh phá và vùng biển bị nạn đói trầm trọng vì sự bao vây đánh phá ghe mành của địch, v.v. đã được nhân dân Ba Tư với tinh thần "lá lành đùm lá rách", "Kinh - Thượng đoàn kết", cứu đói như cứu lửa, nhiệt tình đóng góp về tiền bạc, về lương thực. Mọi thứ quyên góp đều được gửi đến tận nơi cho nhân dân vùng đói, nhất là cho việc ủng hộ bộ đội, giúp đỡ nuôi dưỡng thương, bệnh binh. Các Hội mẹ chiến sĩ và chị em phụ nữ sôi nổi hưởng ứng phong trào "hũ gạo nuôi quân", "con gà kháng chiến".

Vào những tháng cuối năm 1952 đầu năm 1953, địch ra sức đánh phá vùng tự do Nam, Ngãi, Bình, Phú với mức độ ngày càng ác liệt, tuy âm mưu cơ bản của chúng không có gì thay đổi.

Về phía ta, kiên quyết đẩy mạnh cuộc kháng chiến tiến lên về mọi mặt; xây dựng thế và lực của ta để làm thay đổi lực lượng, liên tục tiến công tiêu diệt địch, giành chủ động trên chiến trường được coi là nhiệm vụ hết sức quan trọng.

Từ tháng 12 năm 1952 đến tháng 01 năm 1953, chiến dịch An Khê đã được mở và giành thắng lợi lớn.

Tháng 1 năm 1953, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp lần thứ tư. Trong báo cáo đọc tại Hội nghị, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vạch rõ:

Để duy trì kháng chiến trường kỳ và đưa kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn, cần phải tập trung lãnh đạo thực hiện tốt hai vấn đề: một là lãnh đạo kháng chiến

và chính sách quân sự; hai là phát động quần chúng triệt để giảm tô, thực hiện giảm tức, tiến tới cải cách ruộng đất.

Vào thời gian này, đồng chí Đồng Xuân Liêu đã được cấp trên điều động về làm Bí thư Huyện uỷ Ba Tơ.

Theo sự hướng dẫn trực tiếp của Ban cán sự miền tây Liên khu V, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Ba Tơ đã ra sức vận động nhân dân đẩy mạnh các mặt công tác, vận động thanh niên ở các xã bổ sung cho bộ đội miền tây Liên khu, tỉnh, huyện. Đồng thời, Đảng bộ huyện ra sức giáo dục chính trị cho quần chúng triệt để giảm tô, giảm tức, thực hiện một bước cải cách ruộng đất nhằm đem lại quyền lợi cho nông dân nghèo, bồi dưỡng sức dân, đẩy mạnh kháng chiến.

Một không khí mới được dấy lên khắp nơi trong huyện. Quần chúng lao động đã vùng lên giành quyền làm chủ, giành lại ruộng đất, thực hiện triệt để giảm tô, giảm tức, khắc phục nạn đói ở những vùng bị địch đánh phá. Cùng với việc phát động quần chúng, Đảng bộ huyện tích cực củng cố hàng ngũ, nhanh chóng tổ chức hệ thống hành lang, kho tàng, tổ chức các đoàn dân công nhằm phục vụ chiến dịch Đông Xuân 1953 - 1954 một cách có hiệu quả nhất.

Vậy trong chiến dịch Đông Xuân 1953 - 1954, quân và dân Ba Tơ đã có những đóng góp trực tiếp gì tạo nên chiến thắng chung rất đỗi tự hào này?

Như chúng ta đã biết, sau những thất bại dồn dập trên chiến trường Đông Dương, thực dân Pháp được đế

quốc Mỹ giúp sức đã lập kế hoạch Nava hồng cứu vãn tình thế. Tại Liên khu V, từ giữa năm 1953 thực dân Pháp tích cực mở chiến dịch Átlăng nhằm chiếm đóng vùng tự do của Liên khu V. Chúng có ý đồ tiến công đánh chiếm tỉnh Quảng Ngãi, bao vây phá hoại kinh tế, giao thông của ta và ngăn chặn sự tiếp viện của tỉnh ta cho chiến trường Liên khu V.

Tỉnh uỷ Quảng Ngãi đã xác định nhiệm vụ trọng tâm số một lúc này là ra sức đánh giặc, nhiệm vụ khẩn cấp là toàn Đảng bộ phải khắc phục khó khăn, tranh thủ thời gian, tích cực giáo dục sâu rộng cho cán bộ, đảng viên, mọi tầng lớp nhân dân thấy rõ âm mưu của địch, quán triệt đường lối của ta, thấy được chỗ mạnh, chỗ yếu của địch cũng như khó khăn và thuận lợi của ta. Đảng bộ phát động toàn quân dân tập trung phục vụ đắc lực cho chiến dịch Tây Nguyên.

Huyện uỷ Ba Tơ đã tiếp thu và quán triệt đầy đủ, nghiêm túc các nội dung công tác do Tỉnh uỷ đề ra.

Công tác động viên nhân tài vật lực cho kháng chiến ở Ba Tơ trở thành phong trào rộng, mạnh khắp các vùng. Các tầng lớp nhân dân, nam cũng như nữ, trẻ cũng như già hăng hái xung phong tham gia công tác cách mạng. Mọi người được tổ chức thành đội ngũ gián tiếp hoặc trực tiếp phục vụ chiến trường. Một số tham gia đào hầm trú ẩn trên các trục đường hành quân phục vụ cho bộ đội và dân quân ra chiến trường. Số khỏe mạnh chuẩn bị dụng cụ, quần áo, nồi niêu, thuốc men đi dân công phục vụ chiến

đầu ở các vùng gần xa trong tỉnh và bắc Tây Nguyên. Mọi người dân Ba Tơ đều tự sắm lấy từ cây kim, sợi chỉ đến quang gánh, đòn dây, áo tơi, nón lá... Ai được điều đi chiến trường nào là lập tức chấp hành, lên đường làm nhiệm vụ. Những đoàn dân công đi xa đều có cán bộ quân, dân, chính Đảng của huyện, xã, thôn trực tiếp đi cùng để lãnh đạo. Số người ở nhà, dưới sự lãnh đạo của các tổ chức đoàn thể như Nông hội, Phụ nữ... lo thu xếp, gánh vác công việc ở hậu phương, giúp nhau sản xuất, canh gác, bảo vệ xóm làng để người ra đi yên tâm phục vụ.

Các cụ già, các mẹ chiến sĩ đi đầu trong việc động viên thanh niên nam nữ lên đường, chăm sóc con cháu. Chị em phụ nữ, các em thiếu nhi lo quà bánh cho bộ đội.

Mùa xuân đến! Tiếng gọi của rừng núi Tây Nguyên giục giã lòng người dân Ba Tơ. Những con đường hành quân bí mật cho bộ đội được đồng bào góp sức mở, nhất là đoạn Giá Vụt - Kon Plong - Mangđen... Dọc các Đường 5A, 5B, nhiều hầm trú ẩn mới được đào, các hầm trú ẩn có từ trước được đào đắp thêm và được ngụy trang kỹ hơn. Các kho tàng quân lương, quân nhu, trạm trại dọc các đường lớn, các trục hành quân được cấp tốc xây dựng. Đồng bào chăm sóc, bảo vệ những đám bắp, nương mì dọc hai bên đường chuyển quân để dành cho lực lượng kháng chiến đi ngang qua sử dụng theo yêu cầu. Vườn ổi dài, rộng của Giá Vụt trĩu đầy quả chín vừa là nguồn lương thực dồi dào vừa là lưới ngụy trang che kín lều trại của các đoàn dân công, bộ đội trú quân chờ lệnh vượt dốc ra chiến trường.

Ngày đêm trên các tuyến đường, dân công Ba Tơ, bằng mọi phương tiện vận chuyển đưa hàng ra tiền tuyến. Các đơn vị bộ đội liên tục hành quân theo nhiều hướng tiến ra các địa bàn đánh địch.

Từ đầu tháng 01 năm 1954, quân đội ta trên các chiến trường trong Liên khu V đã mở cuộc tiến công lên Tây Nguyên, trong đó có 3 cứ điểm của địch: Mangđen, Mangbút, Côngprây mà Mangđen là cứ điểm lớn kiên cố nhất. Địch đã từng thách thức: Khi nào nước sông Re chảy ngược thì Việt Minh mới lấy được đồn này. Sau một đêm chiến đấu, hệ thống án ngữ đầu tiên của địch ở Bắc Tây Nguyên bị sụp đổ. Quân địch còn sống sót hoảng loạn, tháo chạy. Bộ đội, dân công thu dọn chiến trường, truy quét tù binh. Tin vui chiến thắng từ chiến trường lập tức bay nhanh về hậu phương làm nức lòng người.

Thừa thắng, quân đội ta tiến đánh Đắc Tô, Đắc Sút..., truy địch chạy sang biên giới Lào. Cuộc tiến quân như vũ bão. Dân công Ba Tơ đi liền với bộ đội tiếp tế súng đạn, lương thực, tải lương. Ở đâu có chiến đấu là ở đó có dân công. Người hậu phương với người tiền phương luôn gắn bó như hình với bóng.

Trong chiến dịch Bắc Tây Nguyên, Ba Tơ là một trong những nơi gánh vác một phần khá lớn trong việc tổ chức phục vụ chiến trường, bảo vệ hành lang cuộc hành quân, dẫn đường, tải thương... Lực lượng vũ trang cùng dân quân du kích địa phương tham gia cùng với quân chủ lực đánh địch, làm nhiệm vụ của người hậu phương phục vụ dân

công đi chiến trường. Heo, gà, lúa gạo, khoai sắn trong nhà, ngoài rẫy đều được huy động phục vụ chiến dịch. Số dân công phục vụ chiến trường đợt này là đông nhất, ta đã huy động 25.000 lượt người tham gia các đợt.

Thắng lợi của chiến dịch Bắc Tây Nguyên và các chiến trường khác cùng với chiến dịch Điện Biên Phủ là những thắng lợi có ý nghĩa quyết định trong cuộc tiến công chiến lược của quân dân cả nước. Thắng lợi có tính chất quyết định này đã kết thúc cuộc kháng chiến vĩ đại chống thực dân Pháp của nhân dân ta, dẫn đến việc thực dân Pháp phải chịu ký Hiệp định Giơnevơ về việc lập lại hòa bình ở Đông Dương.

Quân và dân Ba Tơ xứng đáng với niềm tin yêu của cả nước vì đã trực tiếp góp phần to lớn vào sự nghiệp vĩ đại của dân tộc.

*

* *

Trải qua nhiều thế kỷ chiến đấu để giành độc lập tự do và bảo vệ quê hương, qua 24 năm dưới sự lãnh đạo có lúc trực tiếp, có lúc gián tiếp của Đảng, nhân dân Ba Tơ đã thể hiện lòng dũng cảm, ngoan cường, truyền thống đấu tranh bất khuất, lòng tin tưởng vào cách mạng, vào Đảng để góp sức làm nên những chiến công rất đáng tự hào. Lịch sử dân tộc, lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi muôn đời chói sáng với cuộc khởi nghĩa Ba Tơ lịch sử và Đội du kích Ba Tơ anh hùng. Trong chín năm kháng chiến chống thực dân Pháp,

tuy Quảng Ngãi là vùng tự do nhưng nhân dân Ba Tư đã trực tiếp tham gia nhiều trận đánh địch, bảo vệ quê hương.

Thực dân Pháp đi rồi đế quốc Mỹ đã đến, quê hương tiếp tục phải đứng lên kháng chiến chống kẻ thù mới hung bạo gấp nhiều lần so với kẻ thù cũ và bè lũ tay sai bạo ngược. Nhưng dù ở hoàn cảnh nào, quân dân Ba Tư vẫn một lòng tin tưởng vào Đảng, vào Bác Hồ, vào cách mạng, quyết chiến quyết thắng mọi kẻ thù.

Tự bản thân lo cho mình là chủ yếu, Đảng bộ và nhân dân Ba Tư dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ Quảng Ngãi, vẫn khẩn trương chuẩn bị mọi điều kiện cho giai đoạn cách mạng nối tiếp.

**ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN BA TỶ
TRONG GIAI ĐOẠN KHÁNG CHIẾN
CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC (7-1954 – 4-1975)**

*Chương VII: ĐẤU TRANH CHÍNH TRỊ
ĐÒI DỊCH THI HÀNH HIỆP ĐỊNH GIỜNEVƠ;
BẢO VỆ VÀ XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG CÁCH MẠNG;
CHỐNG "TỐ CỘNG", "DIỆT CỘNG", TIẾN ĐẾN
DIỆT ÁC, TRỪ GIAN, LÀM CHỦ VÙNG CAO
(7-1954 – 1959)*

Thắng lợi của nhân dân ta trong chiến dịch Đông Xuân 1953 - 1954 mà đỉnh cao là chiến thắng Điện Biên Phủ vĩ đại, có ý nghĩa quyết định đối với cục diện quân sự và chính trị trên toàn chiến trường Đông Dương.

Ngày 20 tháng 7 năm 1954, Hiệp định Giơnevơ được ký kết. Cuộc kháng chiến của nhân dân ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ kết thúc thắng lợi. Sau một thời gian dài đấu tranh anh dũng, vinh quang và trải qua biết bao hy sinh, gian khổ, nhân

dân ta đánh thắng thực dân Pháp, mở đầu cho sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân cũ trên toàn thế giới.

Theo Hiệp định Giơnevơ, đất nước ta tạm thời bị chia cắt làm hai miền và sau hai năm sẽ có cuộc Tổng tuyển cử thống nhất nước nhà. Nhân dân Việt Nam bước vào giai đoạn mới với những nhiệm vụ cụ thể khác nhau ở hai miền Nam, Bắc. Đặc trưng chủ yếu của giai đoạn mới này là: chế độ thực dân cũ của Pháp chấm dứt trên toàn bộ nước ta, thay vào đó là chế độ thực dân mới của Mỹ ở miền Nam; miền Bắc được hoàn toàn giải phóng và bước vào thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội. Như các địa phương khác của miền Nam, tỉnh Quảng Ngãi tạm thời được giao cho đối phương quản lý.

Ở miền Nam, sau khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết, Mỹ đã hất cẳng Pháp và lập bộ máy tay sai mới, ráo riết tìm mọi cách phá hoại việc thực hiện các điều khoản quy định, nhằm chia cắt lâu dài đất nước ta. Nhà cầm quyền Mỹ bắt đầu thực hiện âm mưu của chúng bằng việc đưa tay sai Ngô Đình Diệm về nước. Cuối tháng 3 năm 1955, chúng buộc Pháp phải chuyển cho chính quyền tay sai các khu vực chiếm đóng ở miền Nam và tập trung quân ở Vũng Tàu để trở về nước. Ngày 16 tháng 6 năm 1955, Thủ tướng bù nhìn trong chính quyền tay sai của Pháp ở miền Nam là Bửu Lộc, bị áp lực từ quan thầy Pháp và Chính phủ Mỹ, phải từ chức. Ngô Đình Diệm được đưa lên thay. Ngày 7 tháng 7 năm 1955, nội các Ngô Đình Diệm được thành lập.

Mỹ và bọn tay sai bán nước ở miền Nam tích cực xây

dùng một bộ máy ngục quyền, ngục quân từ trung ương đến cơ sở. Mặt khác chúng tuyên truyền, nói xấu, khiêu khích ta và ngang nhiên chà đạp lên các điều khoản được ký kết tại Giơnevơ. Đối với Quảng Ngãi là một trong những tỉnh tự do suốt 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp, nhân dân có tinh thần yêu nước và truyền thống đấu tranh bất khuất trước mọi kẻ thù, địch tập trung sức để sau khi tiếp quản xong chúng có thể khủng bố, đàn áp dã man nhằm dập tắt tinh thần, ý chí cách mạng của đồng bào ta.

Từ những ngày trước khi Hội nghị Giơnevơ kết thúc, Đảng ta đã đánh giá đúng bản chất và âm mưu của đế quốc Mỹ đối với nước ta. Ngày 22 tháng 7 năm 1954, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi nhắc nhở đồng bào và chiến sĩ cả nước nhận rõ tính chất của cuộc đấu tranh cách mạng mới là "cuộc đấu tranh lâu dài và gian khổ". Ngày 5 tháng 9 năm 1954, Bộ Chính trị họp và ra nghị quyết về 5 đặc điểm của giai đoạn mới. Ngày 6 tháng 9 năm 1954, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra chỉ thị về tình hình và nhiệm vụ mới của cách mạng miền Nam gồm 3 nhiệm vụ cụ thể trước mắt và lâu dài của các cấp uỷ và đồng bào miền Nam là:

1. Đấu tranh đòi địch thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định Giơnevơ.
2. Chuyển hướng đấu tranh cho thích hợp với thời kỳ mới.
3. Tập hợp mọi lực lượng vào khối đoàn kết toàn dân để đối phó hữu hiệu với mọi âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù.

Cùng với cả tỉnh, cả nước, trong suốt chín năm kháng chiến chống thực dân Pháp, đồng bào Ba Tơ đã đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp chung của dân tộc, đồng thời cũng được hưởng nhiều quyền lợi về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp càng làm cho đồng bào các dân tộc Ba Tơ thêm tin yêu và biết ơn Đảng, ơn cách mạng.

Ba Tơ nằm trong khu vực địch tiếp quản sau cùng (khu vực 300 ngày) nên Đảng bộ và chính quyền địa phương có điều kiện sắp xếp, bố trí cán bộ đi tập kết, ở lại và ổn định đời sống nhân dân hơn một số địa phương khác. Việc buộc phải chuyển giao vùng ta làm chủ cho đối phương đã tác động không nhỏ đến tư tưởng, tình cảm, đời sống cán bộ, đảng viên và nhân dân. Sự lo lắng, băn khoăn xuất hiện ở một số đồng chí, đồng bào. Trong lúc đối phương chưa đến tiếp quản Ba Tơ thì trong và ngoài tỉnh đã xảy ra những vụ địch khủng bố đẫm máu đồng bào ta¹ đã tác động xấu đến tâm tư, tình cảm của mọi người.

Trong những ngày đầu tiên của giai đoạn mới, Huyện uỷ Ba Tơ chỉ còn một số đồng chí² và Đảng bộ có ít đảng viên mà công việc thì nhiều và đòi hỏi tính khẩn trương. Chấp hành nghị quyết của Hội nghị Tỉnh uỷ về chuyển hướng đấu tranh (10-1954), Huyện uỷ đã tiến hành họp tại Ba Chi bàn việc thực hiện chủ trương của trên. Để ổn

1. Các vụ Ngân Sơn, Chí Thạnh, Tịnh Thiện, Bình Dương...

2. Đồng chí Trương Quang Bích (Tu) làm Bí thư và 6 đồng chí khác trong Huyện uỷ.

định tình hình địa phương và bảo vệ lực lượng cách mạng, Huyện uỷ đã đề ra các nhiệm vụ cụ thể là:

- Sắp xếp, bố trí lực lượng đi, ở một cách hợp lý, bảo đảm đúng quy định.

- Tổ chức cho cán bộ, đảng viên, đồng bào trong huyện học tập những điều khoản của Hiệp định Giơnevơ. Đồng thời Đảng bộ tiến hành việc chuẩn bị đấu tranh quyết liệt với kẻ thù nếu chúng phá hoại Hiệp định.

- Tiếp tục thực hiện các chính sách của Đảng đối với đồng bào.

- Chú trọng công tác xây dựng tổ chức Đảng trong điều kiện chuyển hướng đấu tranh.

Trong việc sắp xếp, bố trí người đi tập kết, Huyện uỷ gặp một số khó khăn. Một số đồng chí, đồng bào không muốn đi vì chưa từng xa quê hương và sợ đi lâu dài. Huyện uỷ tổ chức học tập, tuyên truyền, giáo dục lòng yêu nước cho cán bộ, đảng viên và đồng bào nên bảo đảm số lượng, chất lượng của những người đi tập kết. Đặc biệt, Huyện uỷ đã tranh thủ vận động được nhiều người thuộc tầng lớp trên ra đi như Chánh Liêu và gửi nhiều thiếu nhi ra miền Bắc học tập để sau này về xây dựng quê hương. Ngày 11 tháng 3 năm 1955, Huyện uỷ tổ chức mít tinh kỷ niệm 10 năm ngày khởi nghĩa Ba Tơ và đưa tiễn những người đi tập kết. Buổi lễ này được tiến hành trọng thể, xúc động, có đâm trâu ăn thề, có đội văn công miền Bắc vào biểu diễn phục vụ đồng bào.

Đối với lực lượng ở lại, Huyện uỷ rất thận trọng và khá chu đáo trong việc bố trí công việc cho từng đồng chí.

Huyện uỷ tiến hành giáo dục tư tưởng, truyền thống trong đội ngũ những người ở lại, xác định cho tất cả mọi người dứt khoát có tinh thần sẵn sàng hy sinh. Các đồng chí ở lại được học tập các gương đảng viên cộng sản trong và ngoài nước để nhận thức đúng đắn, vững vàng về vai trò và trách nhiệm của mình. Huyện uỷ cũng chủ trương cất giấu một số súng đạn để phòng tình hình có thể xấu đi. Đến đầu tháng 5 năm 1955, Huyện uỷ Ba Tơ hoàn thành việc đưa người đi, bố trí người ở lại hoạt động.

Thời gian này, trong toàn Đảng bộ còn lại 5 chi bộ sinh hoạt ở các xã Ba Đình, Ba Động, Ba Ngạc, Ba Tô, Ba Tiêu. Còn ở các xã khác vì số lượng đảng viên ít nên không thành lập được chi bộ và các đồng chí đảng viên chủ yếu sinh hoạt đơn tuyến. Ở hai xã Ba Đình, Ba Động, các chi bộ tổ chức sinh hoạt Đảng theo kiểu hai trông.

Giữa năm 1955, địch bắt đầu tiếp quản Ba Tơ. Đầu tiên chúng đem quân lên đóng ở quận lỵ, chia quận thành 4 khu (Nam, Trung, Đông, Bắc). Ở mỗi khu có một tên phụ trách chung và có nhiều tên hoạt động chuyên từng mặt như: quân sự, tâm lý chiến... Từ trước những ngày tiếp quản, địch đã chuẩn bị một số người trong đồng bào Kinh sẵn sàng tổ chức bộ máy ngụy quyền từ quận xuống xã. Ngay sau khi đến, chúng liền tổ chức một buổi lễ ra mắt chính quyền quận gồm 6 tên và một số tên thuộc thành phần lưu manh, bất mãn ở địa phương. Chúng đưa tên Mạch - một tên khét tiếng gian ác, lên làm quận trưởng. Đến cuối năm 1955, trừ Ba Lế và Ba Nam ra, địch đã hoàn thành việc xây dựng chính quyền của chúng ở các xã.

Năm 1956, chúng đưa lính cộng hòa lên duyệt binh tại quận ly, bắt nhân dân đến xem lễ và bày trò uống máu ăn thề giữa chính quyền xã và quận, giữa đại biểu "nhân dân" với chính quyền của chúng với nội dung nêu ra là quyết tâm đoàn kết chống cộng.

Địch ra sức xây dựng lực lượng quân sự địa phương, đóng quân ở một số chốt điểm quanh quận ly. Rút kinh nghiệm trong việc đàn áp phong trào cách mạng ở các nơi, địch thực hiện khủng bố, đàn áp tinh thần cách mạng của đồng bào Ba Tư rất quyết liệt. Chúng trắng trợn xuyên tạc Hiệp định Giơnevơ, xuyên tạc đường lối của Đảng, nói xấu cách mạng và lôi kéo dân về với chúng. Sau khi thành lập chính quyền xã, địch tiến hành tố cộng ở các xã đồng bào người Kinh. Hình thức tố cộng ban đầu của chúng áp dụng trên đất Ba Tư là bắt đảng viên phải khai báo, làm tờ cam đoan ly khai Đảng, xé ảnh Bác Hồ, xé cờ Đảng, đòi người thân đi tập kết trở về. Số đồng chí, đồng bào nào không làm cam đoan theo ý định của chúng đều bị bắt quản chế. Địch tiếp tục thực hiện việc nắm dân, tuyên truyền cho cái gọi là chính nghĩa quốc gia, lòng sục và phát hiện những cơ sở của ta. Qua việc nắm dân, tố cộng, lòng sục cán bộ của ta, địch phân loại đảng viên và quần chúng thành ba hạng A, B, C¹.

Truyền thống đấu tranh kiên cường, tinh thần yêu quê hương đất nước thiết tha của đồng bào Ba Tư và sự

1. Hạng A gồm cán bộ, đảng viên và những người kháng chiến, hạng B gồm những gia đình có người tập kết, có liên quan đến những người kháng chiến, hạng C gồm những thành phần còn lại.

lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng bộ được thể hiện một cách rõ nét trong những ngày đầy khó khăn này. Trong đợt tố cộng đầu tiên của địch, được Huyện uỷ chỉ đạo rất sâu sát và chủ động đấu tranh, đồng bào các xã người Kinh đều làm tờ cam đoan tự nhận mình là đảng viên nên địch bị động, lúng túng trong việc phân loại quần chúng. Ở các vùng khác, đồng bào rất ít người đi học tập, tham gia việc điều tra, tố cộng của địch. Ở nhiều xã, đồng bào đã nuôi dưỡng và che chở cán bộ tốt như Ba Hrê, Ba Tô. Vì vậy cả đợt đầu này địch thực hiện việc tố cộng không có kết quả.

Sau khi tạm thời ổn định bộ máy quyền tại Ba Tơ, địch bắt đầu thực hiện những việc khủng bố điển hình. Chúng gom dân đến chứng kiến cảnh bắn công khai anh Đinh Lâm và chị Trần Thị Lý ở Trường An (Ba Động) để khủng bố tinh thần của đồng bào. Chúng bắt đồng chí Đinh Khên ở làng Linh Mo (Ba Chùa) đem về Ba Đình tra khảo dã man và đem chôn sống dưới hầm sâu. Chúng còn mổ cả bụng một số đồng chí của ta lấy gan xào ăn. Song song với việc khủng bố và đàn áp, Mỹ - Diệm còn tổ chức các cuộc tập dượt, phô trương lực lượng của chúng mà điển hình là vụ nhảy dù đánh trận giả ở Ba Động. Đầu năm 1956, chúng tổ chức một số cuộc hành quân vào vùng cao nhưng chủ yếu là thăm dò.

Đi đôi với những hành động đàn áp dã man, chính quyền Diệm ở Ba Tơ giở trò mị dân, mua chuộc dụ dỗ một số người trong quần chúng. Chúng khuyến khích và khơi dậy các tập tục lạc hậu, chia rẽ dân với Đảng, tầng lớp trên

với tầng lớp dưới. Chúng tập hợp một số phần tử lưu manh, sa đọa để đào tạo, huấn luyện thành tay sai đắc lực, ru ngủ một số thanh niên bằng tô vẽ sự hào nhoáng giả tạo của xã hội Mỹ. Chúng nắm trong tay một số tên phản động đội lốt thương lái để do thám, tìm hiểu tình hình ta ở các xã vùng cao và móc nối cơ sở hoạt động ở nơi đó. Chúng xuyên tạc miền Bắc đói kém, rét mướt, bệnh tật và số cán bộ, đảng viên, con em ta ra đó chịu gian khổ và chết chóc. Chúng phao tin ông Chánh Liêu bị chìm tàu chết mất xác ngoài biển trên đường đi tập kết.

Từ khi kẻ thù đến, đời sống mọi người gặp nhiều khó khăn, cuộc sống vật chất và tinh thần bị đe dọa hàng ngày. Trong hàng ngũ Đảng và nhân dân có một số người hoang mang, dao động, bi quan. Cán bộ, đảng viên phân hóa thành 3 loại như sau:

- Một số đồng chí nằm trong diện tích cực, bất hợp pháp, hoạt động không ngại khó, ngại khổ, cố gắng tìm mọi cách gìn giữ phong trào cách mạng.

- Một số đồng chí có tư tưởng lưng chừng, chân chừ, hoặc nằm im không hoạt động (số này khá đông).

- Cá biệt một số ít cán bộ, đảng viên đã phản bội Đảng, phản bội lợi ích của đồng bào và dẫn đến làm việc, phục vụ đắc lực cho địch¹.

Vượt qua những khó khăn về lực lượng và điều kiện hoạt động, các đồng chí đảng viên đã thể hiện tinh thần

1. Xem: *Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng từ năm 1954 đến năm 1973 của Huyện uỷ Ba Tư*. Tài liệu lưu tại Văn phòng Huyện uỷ Ba Tư.

yêu nước, chí khí cách mạng của người cộng sản hơn bao giờ hết. Chấp hành chủ trương chung của Đảng và sự chỉ đạo của Tỉnh uỷ, Đảng bộ huyện Ba Tư kiên trì phương châm đấu tranh chính trị, đồng thời có lúc có nơi kết hợp vũ trang thô sơ, hợp pháp của quần chúng với đấu tranh chính trị để tự bảo vệ mình, bảo tồn lực lượng cách mạng. Huyện uỷ tiếp tục đẩy mạnh việc giáo dục tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và đồng bào, bám sát nhiệm vụ bảo toàn lực lượng, xây dựng và củng cố cơ sở trong quần chúng, bố trí số đảng viên, cán bộ ở lại phụ trách từng xã, xây dựng cơ sở mới ở các xã và bảo vệ cơ sở cũ. Các đồng chí được phân công đã nắm bắt kịp thời tình hình, tư tưởng tình cảm của nhân dân và hoạt động của địch. Để hạn chế, ngăn ngừa sự khủng bố, đàn áp của địch, Huyện uỷ gài người vào bộ máy ngục quyền các cấp như anh Nguyễn Đăng Dương làm quận phó, anh Trần Mai (Hỗ) làm công an xã Ba Động... Qua đó, ta phát hiện kịp thời nhiều ý đồ thâm độc của địch và đối phó có kết quả. Huyện uỷ tích cực lãnh đạo nhân dân đấu tranh đòi hiệp thương tổng tuyển cử, giằng co với địch về việc lập tề, vận động con em không đi lính cho giặc, đòi dân sinh, dân chủ, bảo vệ những quyền lợi được hưởng từ những năm kháng chiến chống thực dân Pháp. Hình thức đấu tranh của đồng bào lúc này là đưa đơn kiến nghị đến tận tay bọn chỉ huy, dùng lý lẽ, tình cảm để thuyết phục binh lính địch. Ta cũng có in và rải một số truyền đơn về hiệp thương tổng tuyển cử ở khắp nơi trong huyện.

Nhờ có chủ trương gài người vào bộ máy ngục quân,



Đồng chí Trương Quang Bích (Tu) - Bí thư Huyện uỷ Ba Tơ
(1954 - 1959).



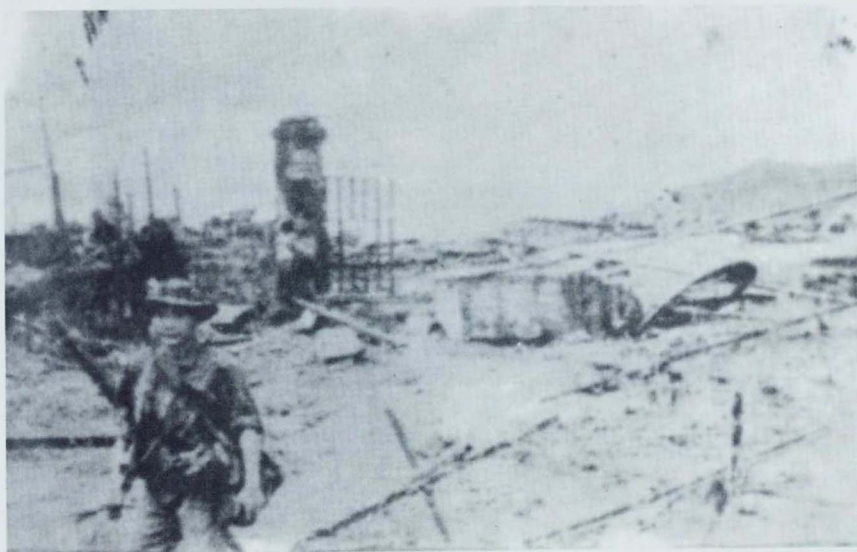
Đồng chí Nguyễn Quang Lưu - Bí thư Huyện uỷ Ba Tơ
(1960 - 1961).



Mẹ Việt Nam Anh hùng Phạm Thị Nhi.



Nơi diễn ra trận đánh tiêu diệt địch tại Trà Nô (Ba Tô)
tháng 10-1961.



Chi khu Đá Bàn bị san bằng.



Đồng chí Đinh Xuân Trâm - Bí thư Huyện uỷ Ba Tơ
(1962 - 1963).



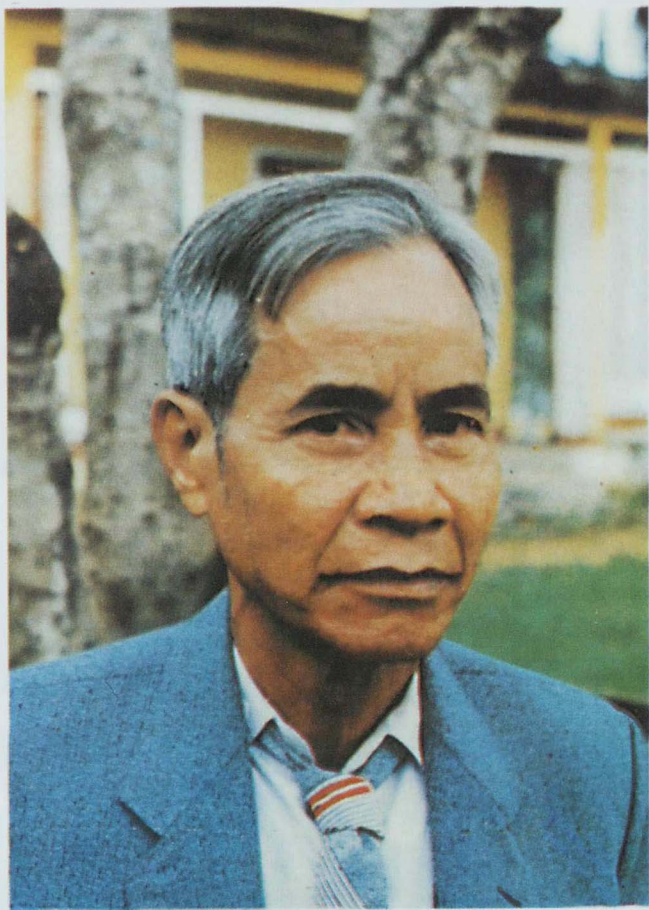
Đồng chí Phạm Văn Sáu - Bí thư Huyện uỷ Ba Tơ
(1963 - 1970, 1973 - 1975).



Đồng chí Phạm Văn Hà - Bí thư Huyện uỷ Sông Re
(1967 - 1975).



Đồng chí Phạm Đức Trinh - Chủ tịch Ủy ban nhân dân Cách mạng lâm thời Ba Tơ (1970 - 1972).

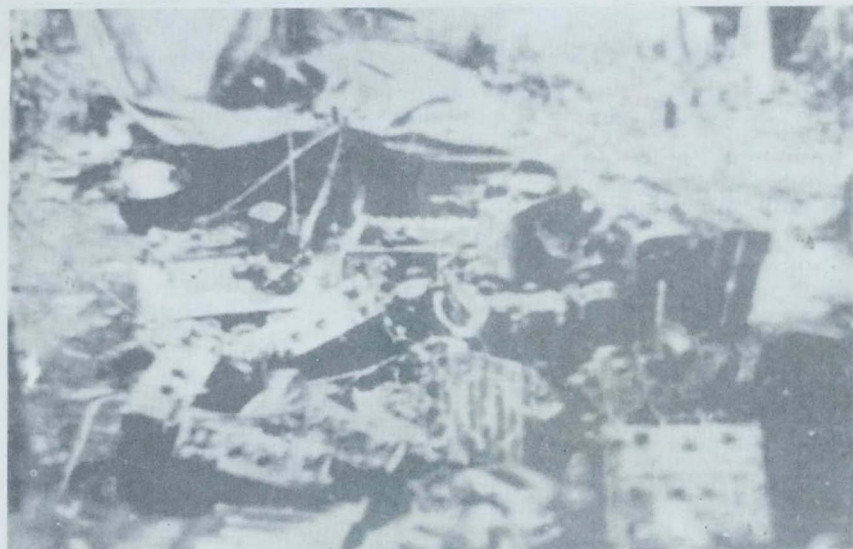


Đồng chí Quốc A Soa - Bí thư Huyện uỷ Ba Tơ (1971 - 1973).

Thường trực Ban chấp hành, đồng chí Quốc A Soa - ngày 14 tháng 10 năm 1971, đồng chí Quốc A Soa - ngày 14 tháng 10 năm 1971, đồng chí Quốc A Soa - ngày 14 tháng 10 năm 1971.



Tiến công giải phóng quận lỵ Ba Tơ năm 1972.



Phương tiện điện đài, thông tin của Mỹ - nguy bị Quân giải phóng tấn công tiêu diệt và thu được tại quận lỵ Ba Tơ.



Ban Thường vụ Huyện uỷ họp thông qua bản thảo
Lịch sử Đảng bộ huyện Ba Tư (1930 - 1975).

con người, gây nhiều cuộc xung đột có tính bạo lực, chém giết lẫn nhau giữa các play (làng) và làm nhiều người mang thương tật hoặc bị hủy hoại sức khỏe.

Những ảnh hưởng tiêu cực do phong tục tập quán lạc hậu để ra cùng với ách bóc lột, đàn áp, thống trị của bọn thực dân, phong kiến đã làm cho nhân dân Ba Tư rơi vào tình cảnh sống cơ cực, đói nghèo, lầm than. Nạn đói kinh niên và các bệnh dịch liên tiếp xảy ra đã đem lại sự chết chóc cho nhiều người, cản trở sự phát triển sản xuất ở từng vùng. Vì vậy, tuy Ba Tư đất tốt, rừng vàng, con người chăm chỉ, cần cù, sáng tạo trong lao động nhưng sự nghèo khổ vẫn đeo bám từ thế hệ này sang thế hệ khác. Ngày xưa, việc vay mượn, nợ nần đã đẩy nhiều người dân sống kiếp ngựa trâu, làm tội tở để trả nợ truyền kiếp từ đời cha đến đời con, đời cháu hoặc phải bỏ làng ra đi sống cách biệt như ở làng Vờ, Vùng Khâm, Ba Nhà...

Ruộng, rẫy ở Ba Tư xưa kia là sở hữu riêng của từng gia đình được cha truyền con nối hoặc được bán đổi cho người khác bằng chinh, ché, trâu, nôi đồng... Do vậy, sự phân hóa thành phần giai cấp trong đồng bào làm ruộng tuy chưa rõ như ở đồng bằng hoặc ở vùng người Kinh trong huyện, nhưng so với vùng rẫy thì đã có mức độ cao hơn. Có thể thấy ở Ba Tư có ba tầng lớp dân cư như sau:

Một là tầng lớp có nhiều ruộng, nhiều đất rẫy, nhiều rừng, nhiều vườn, nhiều nôi đồng, chinh, ché, trâu, bò, dê, heo, gà, nhiều con cháu và nhiều tội tở. Hình thức bóc lột chính là lao động không công hoặc trả công rẻ mạt. Tầng

ngụy quyền nên lúc đầu ta đã hạn chế được một phần sự phá hoại, khủng bố của địch. Chính quyền ở các xã phần lớn là hai mặt, số phản động chỉ đếm được trên đầu ngón tay và nằm ở các xã đồng bào Kinh. Sự hoạt động của địch ở cấp chính quyền xã mang tính chất cầm chừng. Ở vùng cao, địch không kiểm soát được, cán bộ, đảng viên đi lại tự do, đời sống, sinh hoạt của đồng bào ta vẫn giữ mức độ như thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp. Huyện uỷ tích cực chăm lo đời sống nhân dân và phát động tăng gia sản xuất. Cơ quan Huyện uỷ lúc đầu đóng ở khu trung của huyện, sau chuyển sang khu bắc để bảo đảm an toàn và tiện việc theo dõi, nắm tình hình địch. Bằng một số hoạt động, ta buộc kẻ thù phải hạn chế và tránh né việc lùng sục vào một số vùng. Trong báo cáo của Giám đốc Nha Cảnh sát và Công an Trung Việt gửi cho Chính phủ Diệm tại Huế và Sài Gòn có ghi: "Đêm 15-12-1955 từ đường cái Trường An chạy lên Ba Sơn, Ba Điện thẳng trên núi thấy có đèn đuốc chuyển hiệu từ núi về, có thể đây là một ám hiệu của Việt cộng"... "Từ Đức Phổ lên Ba Tư, tại cây số 13 có một con đường đi Thanh Sơn và An Lão (Hoài Nhơn, Bình Định) con đường này luôn luôn có lính của Việt cộng tuần tiễu để canh giới cho cán bộ và đảng viên cộng sản đi lại hoạt động"¹.

Trong những ngày đầu chống Mỹ xâm lược và bẻ lũ tay sai, Đảng bộ Ba Tư tiếp tục thực hiện tốt các chính sách của Đảng đối với đồng bào. Đảng bộ đẩy mạnh việc

1. Trích: *Báo cáo ghi ngày 06-01-1956*. Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Quảng Ngãi.

chỉ đạo sản xuất tự cấp tự túc ở vùng cao để giải quyết đời sống cho cán bộ, đảng viên và đồng bào, đồng thời dự trữ nguồn lương thực, thực phẩm cho kháng chiến. Đồng bào các dân tộc anh em ở Ba Tơ không tiếc bất cứ thứ gì cả tinh thần lẫn vật chất để được đóng góp cho Đảng, cho cách mạng. Không một đồng bào nào khai báo đảng viên, cốt cán của ta cho địch. Tuy có một số tổn thất ở vùng thấp như ở Ba Đình, Ba Động nhưng nhìn chung lực lượng cách mạng ở Ba Tơ được bảo toàn và phát triển. Nhân dân Ba Tơ đã nuôi nấng, che chở đùm bọc những cán bộ, đảng viên với niềm thương yêu và tin tưởng son sắt.

Ngoài các đồng chí đảng viên sinh hoạt tại các chi bộ còn lại, hình thức hoạt động của đảng viên lúc này là bí mật đơn tuyến bán hợp pháp và hợp pháp dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Huyện uỷ.

Sau ngày 20 tháng 7 năm 1956, ngụy quyền Ba Tơ tổ chức ăn mừng, rêu rao thắng lợi của chúng trong việc phá vỡ Hiệp định Giơnevơ. Chúng tuyên truyền nói tốt xã hội miền Nam, nói xấu miền Bắc, nói xấu cách mạng nhằm bóp chết tư tưởng đồng bào về sự thống nhất đất nước. Chúng cố sức khôi phục lại những tệ nạn của xã hội cũ, khuyến khích những tập tục lạc hậu, kìm hãm đời sống của nhân dân. Chúng bắt đầu phát triển tổ chức tôn giáo ở quận lỵ như Tin Lành, Thiên Chúa giáo. Chúng tâng bốc phô trương sức mạnh của quân đội Mỹ và tay sai để hù dọa nhân dân như tổ chức những trận đánh giả với lực lượng đông đảo.

Bộ máy chính quyền của địch từ quận xuống xã được

tăng cường. Các tổ chức, đoàn thể phản động được hình thành đến từng thôn, xóm, liên gia như: Thanh niên Cộng hòa, Phụ nữ Liên đới, Phong trào cách mạng Quốc gia... Hoạt động gián điệp bắt đầu có tổ chức và mục tiêu cụ thể. Bọn ngụy quyền ra sức dôn quân, bắt lính. Ngoài quân đội chính quy chúng còn lập ra các đơn vị bảo an, dân vệ khắp các xã chúng kiểm soát. Chúng chiếm đóng và xây dựng các đồn bót, cứ điểm dọc đường giao thông, các nơi xung yếu, khẩn trương xây dựng sân bay Đá Bàn, mở các đường giao thông mới trên địa bàn huyện để thuận tiện tổ chức các cuộc hành quân, càn quét và dôn dân. Chúng chú trọng đặc biệt đến việc mua chuộc thanh niên và xây dựng thành phần nòng cốt trong họ.

Cuối năm 1956, địch bắt đầu tổ chức những cuộc hành quân quy mô lớn, dài ngày vào các vùng cao, vùng sâu để khủng bố đồng bào và truy lùng tiêu diệt lực lượng ta. Đầu năm 1957, sau khi tạm thời ổn định vùng đồng bằng, địch đẩy mạnh công việc tổ cộng, diệt cộng với mức độ ngày càng khốc liệt, dã man ở toàn bộ miền núi nói chung và Ba Tơ nói riêng. Thời gian này, ở một số xã đã có những tên cầm đầu phản động ra mặt chống lại nhân dân, chống lại cách mạng. Ở Ba Tơ, xã nào cũng có trại giam người, có ban tổ cộng. Địch lừa dân đến học tập chống cộng, tổ cộng rồi bắt bớ một số người tra hỏi nhằm phát hiện đảng viên, cốt cán của ta. Trong các lớp học tổ cộng chúng bày trò coi giò gà để hù dọa đồng bào. Bọn ác ôn, dân vệ lùng sục ngày đêm gây cho ta nhiều khó khăn trong việc đi lại và hoạt động cơ sở. Bọn ngụy quyền ở Ba

Tơ chủ trương thu giáo mác nhằm ngăn ngừa sự phản kháng, chống cự của đồng bào. Bọn gián điệp đội lốt thương lái đi lùng sục, tìm kiếm cán bộ, cơ sở ta khắp nơi và tuyên truyền gây chia rẽ nhân dân các dân tộc ở Ba Tơ, phá vỡ khối đoàn kết giữa Đảng và dân.

Kẻ thù đánh phá ta ác liệt về kinh tế. Chúng trắng trợn nghiêm cấm việc đi lại, làm ăn, buôn bán giữa đồng bào các vùng, cấm giao lưu trao đổi hàng hóa giữa đồng bào Hrê và đồng bào Kinh. Mục đích của chúng là phá hoại triệt để nền kinh tế vùng cao, làm cho đồng bào ta thiếu thốn dụng cụ, giống vốn để sản xuất. Số lượng trâu, bò ngày càng giảm dần.

Tuy gặp khó khăn hơn trước, nhưng với truyền thống cách mạng sẵn có, được Đảng bộ quan tâm lãnh đạo sâu sát nên đại đa số đồng bào vẫn một lòng tin yêu và đi theo Đảng. Đồng bào hiểu rõ âm mưu của bè lũ cướp nước và bán nước và càng thấy được sự tốt đẹp trong chính sách đoàn kết các dân tộc, bình đẳng các thành phần mà Đảng ta đề ra. Mặt hạn chế trong số đông đồng bào là trình độ văn hóa còn thấp, không ít tập tục mê tín dị đoan có hại cho sản xuất và đời sống còn sót lại nên có khi, có lúc còn bị địch lợi dụng để gây chia rẽ, xích mích nội bộ. Tầng lớp trên ở Ba Tơ lúc này nói chung có quan hệ tốt với cách mạng, có ý chí chống xâm lược và tay sai. Phần đông binh lính ngụy bạc nhược tinh thần, họ đi lính chủ yếu vì bị bắt buộc và do đời sống khó khăn.

Sau thời hạn tổng tuyển cử, phong trào cách mạng miền Nam đứng trước những thử thách mới và phức tạp.

Trung ương Đảng chỉ rõ việc hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam là lâu dài và khó khăn, đòi hỏi có sự lãnh đạo đúng đắn, hợp lý, hợp thời. Đảng nhấn mạnh việc cần thiết trước hết là bảo vệ cán bộ và cơ sở Đảng, củng cố các lực lượng vũ trang và bán vũ trang hiện có ở miền Nam. Đảng bộ Liên khu V trong cuộc họp từ ngày 18 đến ngày 21-10-1956 đã đặt đúng mức vấn đề công tác miền núi, xem miền núi của Liên khu là chỗ dựa trước mắt và lâu dài trong cuộc chiến đấu mới.

Ngay từ đầu cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Tỉnh uỷ Quảng Ngãi đã xác định vai trò quan trọng trong việc xây dựng căn cứ địa cách mạng ở miền núi. Tỉnh uỷ đã xác định lấy vùng giáp ranh giữa Ba Diễn và huyện Minh Long làm một trong những căn cứ địa của tỉnh.

Quán triệt chủ trương, đường lối chung của Đảng và sự chỉ đạo của Tỉnh uỷ, Huyện uỷ Ba Tư tiến hành nhiều cuộc họp và đề ra nhiều công việc cụ thể trước tình hình mới. Việc xây dựng cơ sở trong quần chúng ở vùng địch trở thành nhiệm vụ cụ thể của mỗi đồng chí đảng viên. Công tác binh vận được chú trọng và luôn luôn có sự chỉ đạo, theo dõi chặt chẽ của Huyện uỷ. Bên cạnh việc giáo dục truyền thống, củng cố niềm tin trong đồng bào, Huyện uỷ đặt nhiệm vụ trọng tâm của Đảng bộ là xây dựng thực lực cách mạng mạnh về mọi mặt: chính trị, quân sự, kinh tế. Các đồng chí đảng viên đi sâu sát từng đối tượng để làm công tác tư tưởng, lãnh đạo kịp thời nhân dân chống lại mọi thủ đoạn của địch trong tổ cộng, diệt cộng. Nhờ vậy địch không khai thác được gì nhiều ở đồng bào. Đảng viên,

cán bộ ta tích lũy được thêm nhiều kinh nghiệm quý giá trong đấu tranh chống kẻ thù.

Phong trào đấu tranh chính trị đòi địch thi hành hiệp định, đòi được tự do làm ăn, chống cướp phá, khủng bố, chống bao vây kinh tế diễn ra ngày càng rộng rãi. Sau ngày 20 tháng 7 năm 1956, khi kẻ thù tuyên bố phá được hiệp định, đồng bào khắp nơi trong huyện đứng lên phản đối mạnh mẽ và kết tội bè lũ Mỹ - Diệm cướp nước và bán nước. Huyện uỷ nhận định tình hình có lợi cho đấu tranh và quyết định đưa phong trào lên bước mới. Khắp các xã, đồng bào kéo đến trụ sở ngụy quyền đấu tranh, vạch trần bản chất và âm mưu của địch. Huyện uỷ trực tiếp chỉ đạo cuộc đấu tranh của gần 300 người ở 2 xã Ba Lành, Ba Lang kéo xuống Trường An (Ba Động) đưa yêu sách tận tay tên quận trưởng đòi hiệp thương tổng tuyển cử, chống bắt lính, đòi dân sinh dân chủ. Anh Chíp với ngọn giáo trong tay đã dẫn đầu cuộc đấu tranh này. Địch ra tay đàn áp dã man, đánh một số đồng bào bị thương nặng và bắt giữ 8 người. Đồng bào Ba Tư đã thể hiện lòng dũng cảm làm cho địch khiếp sợ. Bị khủng bố uy hiếp, tra tấn dã man nhưng tất cả mọi người vẫn tiếp tục đấu tranh quyết liệt. Cuộc đấu tranh có tính chất tập trung, có sự chỉ đạo chặt chẽ này kéo dài 2 ngày một đêm mới chấm dứt. Bọn ngụy quyền ở Ba Tư phải hứa với đồng bào là kiến nghị lên trên giải quyết những đòi hỏi của đồng bào.

Cùng với đấu tranh chính trị, cán bộ, đảng viên còn tùy lúc, tùy nơi dùng vũ khí thô sơ để tự bảo vệ mình, diệt một số tên ác ôn, răn đe bọn tay sai tích cực của địch. Điều

đáng chú ý là đồng bào Ba Tơ chống lại việc thu giáo của địch rất kiên quyết và cuối cùng buộc địch phải nhượng bộ. Nhờ các hình thức đấu tranh đó, kẻ thù có phần chùn tay trong việc truy lùng, bắt bớ cán bộ và cơ sở ta.

Năm 1957, phong trào cách mạng huyện đứng trước những khó khăn mới. Chính quyền Diệm đã bộc lộ rõ bản chất phản động của chúng trong việc thi hành quốc sách tổ cộng, diệt cộng. Chúng xây dựng nguy quân với số lượng lớn và trang bị vũ khí đầy đủ. Chúng liên tục tổ chức các cuộc càn lớn vào vùng cao để dồn dân về quận lỵ. Chúng tiến hành hoạt động do thám có tổ chức, có định kỳ khắp các vùng cao. Chúng giả dạng cán bộ ta để moi móc tin tức ở quần chúng.

Chúng xây dựng các đồn lớn ở Ba Tơ, Giá Vụt, xây dựng các đồn nhỏ có từ 1 đến 2 tiểu đội chốt giữ ở dọc sông Re, Đường số 5A (Quốc lộ 24A) với ý đồ có thể đi từ 1 buổi đến 1 ngày là đến tận các xóm, xã được. Chúng tập trung xây dựng, sửa chữa đường giao thông từ Ba Tơ, Giá Vụt đi Kon Tum để dễ dàng kiểm soát mọi hoạt động của ta. Tháng 8 năm 1957, chúng tổ chức duyệt binh lớn tại Trường An nhằm phô trương lực lượng để uy hiếp đồng bào.

Để thực hiện âm mưu dồn dân về tập trung xung quanh quận lỵ, địch không từ bỏ một hành động dã man nào. Chúng đưa quân lên khủng bố và đốt phá thôn Gỏi Ren (Ba Liên). Ở Ba Bích chúng bắt đồng bào tra tấn dã man và giết ngay tại chỗ 1 người. Tội ác của bè lũ Mỹ - Diệm gầy trên đất Ba Tơ không sao kể xiết. Lòng căm thù

giặc của mỗi người dân Ba Tư sôi sục, ai ai cũng muốn được cầm vũ khí chống lại kẻ thù chung.

Được sự chỉ đạo của Tỉnh uỷ, Huyện uỷ Ba Tư đã lãnh đạo nhân dân tích cực xây dựng và phát triển lực lượng cách mạng, bảo vệ vùng căn cứ, chống địch càn quét, lùng sục. Các đồng chí đảng viên ngày đêm bên cạnh đồng bào theo dõi và lãnh đạo kịp thời các hình thức chống dồn dân, chống tố cộng, diệt cộng của địch. Huyện uỷ tiến hành việc thành lập các trại bí mật, đưa nhiều thanh niên lên vùng căn cứ và xây dựng các cơ sở sản xuất tập thể nhằm tự cung tự cấp cho lực lượng cách mạng, giảm bớt sự đóng góp của đồng bào. Các nhóm vũ trang tự vệ bằng những vũ khí thô sơ đã kết hợp với đấu tranh chính trị diệt ác trừ gian có kết quả. Huyện uỷ đã lấy số vũ khí giấu trước ngày tập kết trang bị cho các đồng chí lãnh đạo chủ chốt. Đồng thời việc tích trữ lương thực, thuốc men cho cuộc chiến đấu lâu dài được tiến hành chu đáo.

Dù khó khăn gian khổ đến đâu, đồng bào Ba Tư vẫn một lòng đi theo Đảng, bảo vệ cán bộ Đảng đến cùng. Đồng bào ở Ba Tầng đã che chở cho đồng chí Tiến lúc bị kẻ thù bao vây. Bà má Nhanh là người liên lạc giữa khu Đông và khu Bắc đã dũng cảm và sáng tạo trong việc bảo vệ một đồng chí liên lạc của cách mạng tại nhà bà một ngày, thoát khỏi tay địch. Ở Ba Bích, lúc Huyện uỷ đang họp thì địch đến khùng bố cả làng, nhưng nhân dân không một ai khai báo với địch điều gì có hại cho Đảng, cho cách mạng. Anh Đinh Chơi (Thuyền) ở xã Ba Lãnh là một thanh niên cơ sở cách mạng. Anh có giọng hát hay và sáng

tác những bài tiếng dân tộc Hrê ca ngợi Đảng, ca ngợi Bác Hồ. Định rất căm thù anh, tìm mọi cách mua chuộc anh nhưng không kết quả. Cuối cùng chúng đem anh ra xử bắn công khai trước đồng bào. Trước giờ hy sinh anh vẫn ngẩng cao đầu, cất cao giọng hát và chào bà con ở lại. Anh nhấn nhủ bà con bảo vệ Đảng, bảo vệ cán bộ cách mạng đến cùng. Tấm gương sáng ngời của anh đã gây xúc động sâu sắc trong lòng của mọi người dân Ba Tơ.

Ngoài ra, đồng bào còn đóng góp nhiều quần áo, lương thực, thuốc men để nuôi cán bộ Đảng hoạt động. Bằng mọi hình thức và ở mọi lúc, mọi nơi dưới sự lãnh đạo của Đảng, đồng bào Ba Tơ cương quyết và dũng cảm đấu tranh chống mọi thủ đoạn gom dân, bắt thanh niên đi lính cho địch. Có cụ già khi con bị bắt đi lính đã cầm dao đòi chia con với địch làm chúng hoảng sợ phải thả. Lúc này, các cuộc đấu tranh của đồng bào đã mang tính chất tập thể cao. Nhiều làng, cả làng kéo đến tận đồn địch gây áp lực. Địch bắt dân xuống quận lý, nhân dân đấu tranh bằng hình thức chặt bếp, rời xa làng (như ở Gỏi Xi), bất hợp tác với chúng.

Trong điều kiện phải đấu tranh với kẻ thù tàn bạo, xảo quyệt chủ yếu bằng chính trị, vận dụng sáng tạo chủ trương của trên, Huyện uỷ đã có những hình thức đấu tranh tự vệ thích hợp, hạn chế mất mát, bảo vệ được lực lượng cách mạng còn mỏng. Một số cơ sở địch vận trong ngũ quân được hình thành và đóng góp tích cực trong việc giáo dục phần lớn binh lính, bảo an, dân vệ nằm im hoặc miễn cưỡng cầm súng. Nhiều tên ác ôn phải đi thanh minh, xoa dịu quần chúng. Khi địch bắt nhân dân làm căn

cước, phần lớn đồng bào chống lại, không chịu làm. Phong trào chống phá chính quyền tay sai nổ ra ở hầu hết các xã vùng cao, vùng sâu. Ba Trang là xã mở đầu phong trào này, sau đó là các xã Ba Lế, Ba Ngạc, Ba Lâm. Có thể nói là Mỹ - Diệm đã vấp phải cuộc đấu tranh quyết liệt của đồng bào trong việc xây dựng và củng cố chính quyền tay sai ở các xã ngoài khu vực quận lỵ. Bọn ngụy quyền càng ngày càng lo sợ và không dám lên mặt ức hiếp dân.

Trong quần chúng, nhiều người muốn được cầm vũ khí, đấu tranh bằng vũ trang với địch. Nhiều xã có đến vài chục người làm nòng cốt, chuẩn bị cung, nỏ, giáo, mác... với ý thức chờ trên ra lệnh là đánh. Nhóm "Thanh niên đòi xương" (lấy danh nghĩa anh Hối đòi xương cha) ra đòi dựa trên phong tục của đồng bào đã làm cho nhiều tên ác ôn hoang mang, sợ hãi. Huyện uỷ đã chủ trương cướp súng địch trang bị cho lực lượng ta nhằm răn đe kẻ thù và bảo vệ cách mạng. Tháng 8 năm 1958, ở xã Ba Tầng, Huyện uỷ trực tiếp chỉ đạo cho một số đồng chí lấy súng của dân vệ. Mục đích của việc lấy súng này là nhằm trang bị cho ta có thể tự vệ đánh lại địch và bảo vệ tính hợp pháp của đồng bào. Ta đã lấy được 12 khẩu súng của địch đem trang bị cho nhóm anh Hối. Với số súng này ta tổ chức đánh địch tại dốc Đót hỗ trợ cho dân chống địch dồn dân ngay sau đó. Trận đánh địch này làm cho đồng bào rất phấn khởi. Cùng trong thời gian này đồng bào ở các xã Ba Ngạc, Ba Tiêu, Ba Vĩ, Ba Xa nổi dậy tiêu diệt 2 tên đại diện xã, đốt cháy 4 cơ quan hội đồng của ngụy quyền.

Để chống lại âm mưu giả dạng cán bộ len lỏi vào

dân khai thác, dò la tin tức của ta, Huyện uỷ phân công từng đồng chí cán bộ, đảng viên bám sát địch, bám sát đồng bào. Nhờ tinh thần cảnh giác của đồng bào và cách xử trí kịp thời của các đồng chí được phân công, Huyện uỷ đã phá được âm mưu xâm nhập của kẻ thù vào cơ sở, đồng bào ta.

Năm 1959, chính quyền Diệm tăng cường mọi biện pháp, thủ đoạn đàn áp, khủng bố phong trào cách mạng miền Nam. Luật 10-59 ra đời, máy chém lê khắp miền đã gieo rắc oán hận và khủng khiếp đến mọi người dân. Cả miền Nam chìm trong đau thương và tang tóc.

Dựa vào đạo luật này bọn tay sai Mỹ Diệm đã bắt hàng loạt đồng bào ở Ba Ngạc nhốt vào trại giam của xã và sau đó thủ tiêu một lúc bảy người là đảng viên và cơ sở của cách mạng. Cũng ở Ba Ngạc kẻ thù khủng bố điển hình gia đình đảng viên như bắt cha đồng chí Ba bắn chết rồi chặt làm 3 khúc. Ở xã Ba Xa chúng bắn 30 đồng bào một lúc và làm chết tại chỗ 6 người.

Chúng tập trung sức xây dựng lực lượng, huấn luyện binh lính và đào tạo tay sai chuyên nghiệp. Các đồn bót, cứ điểm, sân bay được cải tạo kiên cố hơn trước. Quân nguy thường xuyên có mặt canh giữ các trục giao thông quan trọng, các vùng giáp ranh để kiểm soát việc đi lại và sinh hoạt của nhân dân làm cho đời sống của các xã vùng cao gặp khó khăn hơn trước nhiều. Địch bao vây kinh tế chặt chẽ bằng các hình thức cấm giao dịch, buôn bán, đổi chác giữa người Kinh và đồng bào dân tộc thiểu số, giữa trung du và miền núi. Chúng ra sức cướp phá tài sản, tìm mọi cách

làm cho ta khó khăn về kinh tế dẫn đến khó khăn về chính trị.

Mỗi người dân ở Ba Tư mang trong mình lòng căm thù địch sâu sắc và trông chờ Đảng ta ra Nghị quyết mới kịp thời xác định đường lối và phương pháp Cách mạng miền Nam. Đội vũ trang tuyên truyền của huyện được thành lập. Khắp mọi nơi, Huyện uỷ lãnh đạo việc xây dựng lực lượng mật, làng chiến đấu của nhân dân. Đồng bào các xã gài mang cung, cạm bẫy chống lại sự lung lục, càn quét của địch. Phong trào diệt ác phá kìm phát triển. Thể hiện tinh thần diệt ác dũng cảm, kiên cường điển hình là anh Thổ ở Đá Bàn đã diệt tên quận phó ác ôn, có tác động lớn đến đồng bào lúc đó. Chỉ trong thời gian 06 tháng, nhiều tên ác ôn đầu sỏ đã phải đền tội như tên Thông, tên Chắc ở Ba Dinh, tên Nhi ở Ba Đình, tên Rói ở Ba Điền, tên Kem ở Vực Liêm. Các cuộc đấu tranh chính trị có kết hợp với vũ trang bằng vũ khí thô sơ của đồng bào diễn ra hằng ngày.

Trước tình hình nhân dân miền Nam sống rên xiết dưới sự đàn áp khủng bố đẫm máu của quân thù, phong trào Cách mạng miền Nam gặp muôn vàn khó khăn, Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận định phải đưa phong trào đấu tranh của đồng bào miền Nam chống quân xâm lược và bọn bán nước chuyển sang một bước mới để có thể bảo vệ và phát triển lực lượng. Tháng 1 năm 1959 tại Hà Nội, Hội nghị lần thứ 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa II) họp bàn nhiều vấn đề thiết thực và cấp bách của Cách mạng miền Nam, ra Nghị quyết chỉ rõ:

"... Nhiệm vụ trước mắt là đoàn kết toàn dân, kiên quyết đấu tranh chống đế quốc Mỹ xâm lược và gây chiến, đánh đổ tập đoàn thống trị độc tài Ngô Đình Diệm, tay sai của đế quốc Mỹ, thành lập một chính quyền liên hiệp dân tộc dân chủ ở miền Nam, thực hiện độc lập dân tộc và các quyền tự do dân chủ, cải thiện đời sống nhân dân, giữ vững hòa bình, thực hiện thống nhất nước nhà..."¹.

Nghị quyết 15 còn phân tích và chỉ rõ rằng "các dân tộc thiểu số sống trên một vùng rừng núi rộng lớn, ở vào một vị trí chiến lược quan trọng. Họ có truyền thống chống ngoại xâm, trước đây đã cùng với toàn dân đoàn kết đấu tranh trong Cách mạng Tháng Tám và trong kháng chiến dưới sự lãnh đạo của Đảng. Ngày nay, trừ một số ít bị mua chuộc, còn nói chung các dân tộc vẫn một lòng tin tưởng ở Hồ Chủ tịch, tin tưởng vào thắng lợi cuối cùng của cách mạng và kiên quyết chống Mỹ - Diệm"².

Phương châm mới trong đấu tranh cách mạng miền Nam mà Nghị quyết đề ra là: "Đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang hỗ trợ".

Cùng với nhân dân cả miền Nam, cả tỉnh, đồng bào các dân tộc ở Ba Tơ như vừa được tắm cơn mưa mát, thỏa cơn khát cháy lòng vì phải sống nặng nề và đầy đau thương dưới ách thống trị của kẻ thù. Núi rừng Ba Tơ hơn lúc nào hết, chuẩn bị sẵn sàng vùng lên quật vào kẻ thù là bè lũ Mỹ - Diệm những đòn sấm sét, giành lại quyền làm chủ quê hương.

1,2. Trích: *Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 15 (mở rộng)*. Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

Ngay từ khi Nghị quyết 15 chưa ra đời, Huyện uỷ Ba Tơ đã tiến hành chuẩn bị cho đấu tranh vũ trang với địch nếu trên có chủ trương. Huyện uỷ phát động việc mua lương thực, sắm vũ khí, thúc đẩy phong trào sản xuất tự cấp, tự túc trong nội bộ, đẩy mạnh sản xuất và cải thiện đời sống đồng bào ở vùng cao. Trong lúc này, hình thức lấy danh nghĩa những nhóm thanh niên "đòi xương", nhóm "trả đầu" không còn phù hợp trong đấu tranh cách mạng nữa, Đảng bộ lãnh đạo phong trào với danh nghĩa nhóm "Chánh Khanh" đòi địch giải quyết vấn đề dân tộc ở Ba Tơ và chờ đợi thời cơ diệt địch.

Thời gian này địch thực hiện việc khủng bố các xã người Kinh để uy hiếp quần chúng. Chúng tổ chức các cuộc học tập ở quận lỵ nhằm buộc những đảng viên cũ, những gia đình có người tập kết và những người làm việc trong chính quyền của chúng làm cam đoan, tuyên thệ không tham gia cách mạng và trung thành với chúng.

Những vụ bắt bớ xảy ra làm cho đồng bào vùng thấp, vùng giáp ranh lo ngại. Địch còn liên tiếp tổ chức các cuộc lạc quyền, bắt dân đóng đảm phụ, đánh thuế trâu, bắt chụp ảnh, mua cờ quốc gia, mua ảnh Diệm... Chúng cướp cả 30 chiếc nồi bẫy ở một thôn nhỏ trong một cuộc càn.

Tháng 6 năm 1959, Tỉnh uỷ tổ chức hội nghị nhằm quán triệt Nghị quyết 15 và đề ra các biện pháp thực hiện cụ thể ở tỉnh nhà.

Tiếp thu và quán triệt Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng và Nghị quyết của Hội nghị Tỉnh uỷ, Huyện uỷ Ba Tơ đã họp đánh giá tình hình địch, ta ở huyện và đề ra

nhiều nhiệm vụ cụ thể mới. Chấp hành sự chỉ đạo của Tỉnh uỷ, Đảng bộ Ba Tư lãnh đạo đồng bào tẩy chay cuộc bầu cử quốc hội của Diệm trong cuối tháng 8 đầu tháng 9. Về mức độ chống phá bầu cử thì Huyện uỷ chỉ đạo vùng cao không bỏ phiếu, nếu địch khủng bố thì đấu tranh bằng lý lẽ, không cho địch càn sâu vào làng và chống lại bằng mọi phương tiện hiện có, đối với vùng thấp thì không đi bỏ phiếu, dùng lực lượng vũ trang tuyên truyền diệt ác gây rối loạn trong bầu cử.

Địch tổ chức ở Ba Tư 3 địa điểm bầu cử: Ba Động, Ba Tô, Ba Vĩ.

Huyện uỷ đã phân công cán bộ, đảng viên đi sâu sát bám quần chúng, giáo dục và giải thích cặn kẽ chủ trương của Đảng cho đồng bào rõ. Các cơ sở ta có nhiệm vụ theo dõi tình hình địch, diễn biến tư tưởng của đồng bào và kịp thời xử lý tình huống xảy ra. Nhiều đồng chí đảng viên, cán bộ về tận các khu để lãnh đạo phong trào.

Huyện uỷ đưa lực lượng vũ trang tuyên truyền dưới danh nghĩa nhóm "Chánh Khanh" về khu Trung của huyện phá bầu cử. Lực lượng này phân chia thành 3 cánh: một cánh đón địch ở suối Loa, một cánh chặn đánh ở phía Bắc (dưới Ba Gia), một cánh đi phá phía Nam.

Ngày 28 tháng 8 năm 1959, cuộc khởi nghĩa Trà Bồng bùng nổ và nhanh chóng lan khắp miền tây Quảng Ngãi. Hưởng ứng cuộc nổi dậy của đồng bào Trà Bồng anh em, nhân dân Ba Tư dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện đứng lên bước vào trận chiến đấu quyết liệt chống kẻ thù để giành quyền làm chủ núi rừng, xóm làng.

Ở Ba Tơ, trước ngày bầu cử, địch cho lính và bọn phản động đi đến từng thôn xóm cưỡng bức dân phải đi bầu. Chống lại địch, chiều ngày 29 tháng 8, đồng bào Ba Bích nổi dậy thu súng của bọn dân vệ, đốt trụ sở bầu cử và chạy vào rừng. Ở các nơi khi nghe tin địch chuẩn bị kéo đến khủng bố, đồng bào kéo nhau vào rừng để tránh. Đồng bào ở xã Ba Trang đốt trụ sở ngục quyền và giải tán dân vệ. Ngay ở trung tâm quận lỵ, cơ sở và lực lượng vũ trang tuyên truyền của ta tiến hành việc tuyên truyền chống phá bầu cử. Ở phía Bắc, lực lượng vũ trang tuyên truyền giết một số tên, bọn còn lại rút chạy về quận lỵ. Đồng bào ta không đi đến điểm bầu cử mà bọn địch đã quy định.

Ngày 30 tháng 8, địch đưa quân lên Ba Gia để khủng bố đồng bào. Huyện uỷ đã chuẩn bị cho nhân dân sẵn sàng chống trả địch. Đồng thời Huyện uỷ nhận định rằng để đồng bào ở trong rừng, núi lâu dài sẽ gặp phải khó khăn, không thể giữ được thế hợp pháp. Mặt khác kẻ thù không thể khủng bố tràn lan khắp cả huyện được. Vì vậy Huyện uỷ quyết định phân công các đồng chí đảng viên, cán bộ vận động nhân dân ra hợp pháp để kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang. Huyện uỷ chủ trương đánh địch ở khu Bắc, kéo dài sự chú ý của địch cho đồng bào khu Đông và khu Nam ra về.

Trước khí thế cách mạng dâng cao của quần chúng, bọn ngục quyền quận hoang mang, dao động. Thông qua các cơ sở trong quần chúng và binh lính, ta đánh mạnh vào tư tưởng địch để tạo điều kiện cho đồng bào về hợp pháp. Bọn chính quyền quận có ý định theo chủ trương

của ta, hứa sẽ dùng loa gọi đồng bào về và không trả thù. Ta gửi thư tay tố cáo do chúng khủng bố nên dân phải chạy, nếu quốc gia muốn dân về thì quận trưởng phải đích thân đi gặp đại biểu của dân để bàn. Địa điểm và thời gian do đồng bào sắp đặt, cùng đi với quận trưởng không được quá 6 người, 3 súng. Song song với đấu tranh chính trị, các tổ vũ trang tuyên truyền của ta ở khu Trung và khu Bắc vẫn tiếp tục hoạt động.

Ngụy quyền Ba Tơ chấp nhận đòi hỏi của đồng bào. Cuộc hiệp thương diễn ra ngay sau đó ở Vực Liêm (Ba Liên). Mỗi làng cử một đại biểu về dự. Trong hiệp thương, đồng bào gay gắt tố cáo tội ác, âm mưu và thủ đoạn của ngụy quyền ở Ba Tơ và đòi hỏi quyền lợi dân sinh dân chủ. Bọn ngụy quyền quận phải làm biên bản hứa với dân không để lính đi khủng bố dân, đồng bào được tự do đi lại làm ăn và có cứu tế khi dân gặp khó khăn.

Ngoài việc chống phá bầu cử của ngụy quyền, Huyện uỷ đã chỉ đạo lực lượng vũ trang tuyên truyền đánh phá cầu và một số đoạn đường giao thông giáp tỉnh Kon Tum. Ở Ba Sơn, đồng bào xử tội bọn ác ôn, bọn có nợ máu với cách mạng.

Toàn bộ ở vùng cao Ba Tơ, ban tự quản các xã được hình thành. Bọn ngụy quân, ngụy quyền ở các xã đó phải rút về quận lỵ và nằm im.

Ngày 02 tháng 9 năm 1959, Tỉnh uỷ quyết định thành lập đơn vị 299 trên vùng đất giáp ranh giữa Ba Tơ và Minh Long. Đơn vị 299 lúc mới thành lập có 30 đồng chí do đồng chí Nam làm chỉ huy trưởng, đồng chí Lân làm

chỉ huy phó, đồng chí Nguyễn Tiến là chính trị viên, Bí thư chi bộ.

Sau khi đơn vị 299 được thành lập, tháng 10 năm 1959, Tỉnh uỷ chủ trương lấy một tiểu đội của đơn vị phối hợp, cùng du kích Ba Tiêu, Ba Tô, Ba Ngạc đánh vào đồn Viôlét của địch. Tiểu đội này đã được huấn luyện kỹ càng. Đồng chí Quang Tuyến chỉ huy trận đánh này. Ta đánh vào đồn giữa lúc bọn địch đang say rượu, đã bắt sống 15 tên, thu một số súng cạcbin. Trận đánh này gây tiếng vang ở miền tây lúc đó.

Đối phó với phong trào cách mạng của quần chúng ngày càng mạnh, từ ngày 11 tháng 11 đến giữa tháng 12 năm 1959, địch tổ chức một cuộc càn lớn vào miền tây của tỉnh. Ở Ba Tơ chúng dùng nhiều trung đội, đại đội bảo an lùng sục, càn quét vào vùng sâu. Huyện uỷ kịp thời chỉ đạo các lực lượng vũ trang tuyên truyền của huyện phối hợp với tỉnh chặn đánh ở nhiều nơi gây cho địch tổn thất nặng. Song song với đấu tranh vũ trang, Huyện uỷ phát động đồng bào đấu tranh chính trị hợp pháp với địch.

Vùng nhân dân ta làm chủ ở Ba Tơ được mở rộng gồm các xã Ba Điền, Ba Sơn, Ba Gia, Ba Lang, Ba Lãnh...¹. Ở các xã Ba Lễ, Ba Lục, Ba Nam và một số xã khu VI không có chính quyền địch, nhân dân đứng lên lập chính quyền cách mạng. Các xã Ba Liên, Ba Khâm, Ba Lương, Ba Trang giáp vùng trung châu nhân dân nổi dậy diệt ác

1. Xem: *Báo cáo về tình hình miền tây Quảng Ngãi (1959)*. Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Quảng Ngãi.

ôn, đốt cơ quan nguy quyền xã, thành lập các đội du kích, bố phòng, chuẩn bị đánh địch từ Đức Phổ lên. Ở các nơi này, đồng bào bắt đầu tổ chức các hội sản xuất. Trong mỗi xóm có một tổ sản xuất để tương trợ đời sống lẫn nhau. Tổ chức phụ nữ, thanh niên được xây dựng và củng cố. Dựa vào các tổ sản xuất, phụ nữ, thanh niên, Huyện uỷ phát động phong trào xây dựng tự vệ nhân dân.

Trong khó khăn, Đảng bộ Ba Tơ chú trọng việc chăm lo phát triển văn hóa, quyền lợi tinh thần cho cán bộ, đảng viên và quần chúng. Số cán bộ thoát ly của huyện trở thành những giáo viên dạy chữ cho những người mù chữ. Năm 1958, Huyện uỷ mở lớp dạy chữ tập trung cho một số cán bộ, thanh niên. Công tác vệ sinh phòng chữa bệnh được phát động. Phong trào vận động đồng bào dùng thuốc nam phát triển đều khắp huyện nhà. Đồng bào dần dần bỏ được một số tập tục lạc hậu, có hại cho đời sống và sản xuất.

Từ những ngày đầu của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đến cuối năm 1959 với số lượng đảng viên ít và trải qua nhiều thử thách ác liệt, Đảng bộ Ba Tơ đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm quý giá. Tính đến cuối năm 1959 toàn Đảng bộ đã có 10 chi bộ xã¹. Trước khi thành lập được 10 chi bộ trên, Huyện uỷ dù ít người, phần lớn đảng viên sinh hoạt đơn tuyến nhưng, công tác giáo dục tư tưởng, ý thức giai cấp, ý thức cách mạng, tinh thần yêu nước vẫn luôn luôn được chăm lo và phát triển. Các đồng chí đảng

1. Các chi bộ Ba Lang, Ba Điền, Ba Sơn, Ba Gia, Ba Tăng, Ba Trang, Ba Lương, Ba Lễ, Ba Ngạc, Ba Lâm.

viên của Đảng đã thể hiện lòng trung kiên, niềm tin tưởng sâu sắc vào lý tưởng cao cả, vào sự lãnh đạo của Đảng và thắng lợi ngày mai. Máu chốt dẫn đến thành công của việc giữ gìn và phát triển lực lượng, phát triển phong trào cách mạng ở Ba Tơ là Đảng bộ luôn luôn xác định cho cán bộ, đảng viên kiên trì bám chặt đất, bám sát dân. Đồng bào các dân tộc trên mảnh đất Ba Tơ đoàn kết một lòng đi theo Đảng, không tiếc máu xương để bảo vệ Đảng, bảo vệ cách mạng đến cùng.

Việc phát triển đảng viên mới mãi đến năm 1958 mới đặt thành vấn đề khẩn trương và chỉ có một số ít đồng chí được kết nạp, nhưng Đảng bộ đã có thêm trong hàng ngũ mình những người con ưu tú. Việc phát triển đảng viên mới được chú trọng nhiều trong tầng lớp thanh niên, phụ nữ của đồng bào dân tộc thiểu số. Chất lượng đảng viên mới giai đoạn 1954 - 1959 là tốt, phần lớn các đồng chí là cơ sở của ta đã trải qua nhiều thử thách liên tục và khó khăn. Một số cán bộ, đảng viên trưởng thành và đảm đương tốt nhiệm vụ lãnh đạo phong trào cách mạng địa phương. Ban Chấp hành Đảng bộ do cấp trên chỉ định đã hoàn thành nhiệm vụ lãnh đạo và chỉ đạo của mình.

Trong toàn 26 xã, Huyện uỷ đều xây dựng được cơ sở bí mật. Ngay cả trong lòng ngục quyền quận, xã và hàng ngũ binh lính địch cũng có cốt cán của ta hoạt động. Bởi vậy, Đảng bộ đã tránh được nhiều mất mát có thể xảy ra và chủ động trong chỉ đạo, lãnh đạo phong trào.

Trong giai đoạn 1954 - 1959, ngoài những thắng lợi đã giành được trong cuộc chiến đấu với kẻ thù, Đảng bộ

Ba Tơ còn phải tiếp tục sửa chữa, khắc phục một số hạn chế trong các mặt hoạt động. Bởi trong thực tế, có lúc, có nơi tư tưởng của một số ít đồng chí, đồng bào còn thiếu kiên định, thiếu sự chủ động nhiệm vụ chính trị. Nhiều đồng chí còn lúng túng trong phương pháp đấu tranh với kẻ thù. Những vướng mắc trong tư tưởng một số cán bộ, đảng viên và đồng bào còn chưa giải quyết đến nơi đến chốn.

Nhìn lại đoạn đường đầu trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Đảng bộ và nhân dân Ba Tơ có quyền tự hào về sự đóng góp to lớn của mình trong sự nghiệp cách mạng chung của cả tỉnh, cả nước. Tuy gặp khó khăn và còn phải tiếp tục sửa chữa một số khuyết điểm nhưng Đảng bộ Ba Tơ đã từng bước lớn mạnh và vững vàng. Nhân dân Ba Tơ đã thể hiện truyền thống vinh quang của vùng đất thánh của cách mạng. Bài học về sự đoàn kết, thống nhất, tin yêu gắn bó giữa dân với Đảng được thể hiện rất đáng tự hào trên mảnh đất này.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ - Diệm bước sang giai đoạn mới: Giai đoạn ta làm chủ được nhiều xã, đường lối đấu tranh cách mạng mới đã được vạch ra rõ ràng. Đảng bộ đã được thử thách và bước đầu trưởng thành.

Cuối năm 1959, xuất phát từ yêu cầu và nhiệm vụ cách mạng, một số xã của huyện tách ra hợp cùng một số xã của huyện Sơn Hà thành huyện khu VI (huyện Sông Hrê).

Tháng 12 năm 1959, đồng chí Trương Quang Bích về nhận công tác tại Thường trực Đảng uỷ miền Tây, đồng

chí Nguyễn Quang Lưu được Tỉnh uỷ chỉ định làm Bí thư Huyện uỷ để lãnh đạo cách mạng giai đoạn mới.

Chương VIII: THAM GIA ĐÁNH BẠI CHIẾN LƯỢC "CHIẾN TRANH ĐẶC BIỆT" CỦA ĐẾ QUỐC MỸ (1960 - 1965)

Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền tây Quảng Ngãi mở đầu cho thời kỳ mới của cách mạng tỉnh ta: "Thời kỳ bạo lực cách mạng của quần chúng bùng nổ và phát triển ngày càng mạnh mẽ, tấn công liên tục vào chế độ thối nát của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, đẩy địch vào một tình thế bị động đối phó đi từ thất bại này đến thất bại khác"¹.

Trên toàn bộ chiến trường miền Nam, chính quyền Ngô Đình Diệm rơi vào thế nguy ngập, lúng túng. Để cứu vãn tình thế của bọn tay sai, quan thầy Mỹ ra sức tìm kiếm mọi thủ đoạn đánh phá mới. Chúng đẩy mạnh mọi mặt hoạt động chính trị, quân sự, kinh tế, ngoại giao...

Năm 1961, chiến lược "chiến tranh đặc biệt" với kế hoạch xương sống Stalay - Taylo, bình định miền Nam trong vòng 18 tháng ra đời với các nội dung sau:

1. Tăng cường quân nguy, dùng quân nguy do cố vấn Mỹ chỉ huy, sử dụng nhiều lực lượng để nhanh chóng tiêu diệt lực lượng ta.

1. Trích: Báo cáo Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ II (1-1965). Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Quảng Ngãi.

2. Giữ vững thành thị và bình định nông thôn.

3. Ra sức ngăn chặn biên giới, cắt đứt nguồn chi viện từ miền Bắc để cô lập cách mạng miền Nam.

Bọn nguy quân, nguy quyền ở Ba Tơ được hà hơi tiếp sức, điên cuồng thực hiện ý đồ của Mỹ - Diệm. Nhiệm vụ trọng tâm của địch trong các thủ đoạn đánh phá ta, khủng bố đồng bào là thực hiện quốc sách áp chiến lược nhằm cắt đứt mối liên hệ giữa cách mạng và quần chúng. Chúng mở các chiến dịch hành quân càn quét đốt phá với quy mô lớn, nhiều binh chủng phối hợp. Chúng sử dụng chiến thuật phượng hoàng bay, thiết xa vận, cố sức lấn chiếm vùng ta, dồn dân vào ấp. Chúng chia khoanh địa bàn huyện và càn đi càn lại nhiều lần. Mặt khác chúng củng cố các đồn bót cũ, xây dựng các đồn bót mới như ở làng Trảng, Mò O, đồn Bà Rin, Trà Nô... Chúng đưa tên phản động, ác ôn Ngăn Hru lên làm chánh tổng, tăng quân án ngữ các hành lang chiến lược, xúc tiến mạnh việc xây dựng các tuyến giao thông quan trọng để kiểm soát đồng bào và đối phó với hoạt động của ta. Bước sang thời kỳ này, chúng tung bọn do thám, gián điệp, biệt kích vào vùng ta, dùng máy bay ném bom, dùng phi pháo bắn vào vùng căn cứ, vùng ta với mức độ ngày càng dày đặc. Ngoài ra, ngày nào chúng cũng tiến hành những cuộc lùng ráp, đánh lẻ tẻ, tiến hành những vụ bắt bớ, tra tấn tàn nhẫn. Tại Ba Tiêu năm 1961, chúng bắn chết, mổ bụng moi gan và chặt đầu đồng chí Pa Năng treo lên cây để uy hiếp quần chúng.

Chúng tập trung xây ấp chiến lược, xây dựng rào vi, bắt đồng bào bỏ công sức xây ấp. Ở mỗi xã chúng xây dựng

một áp chiến lược, dùng chính quyền và quân đội kìm kẹp, khủng bố. Thủ đoạn gom dân của chúng cũng khác với ở đồng bằng. Chúng càn vào khu Bắc, xức dân Ba Điền bỏ vào trục thẳng chỗ vào Minh Long, Chúng còn càn vào huyện khu VI không bắt dân được thì lừa trâu bò về một chỗ để câu dẫn dân về. Chúng dồn dân Ba Bích và một số dân Ba Lục vào áp Rượu Con. Năm 1962, hầu hết nhà cửa đồng bào ở huyện khu VI bị chúng đốt sạch (chỉ còn Ba Vi) nhằm xức tát dân nhốt vào nhà tù kiểu mới.

Chúng triệt để kiểm soát giao lưu hàng hóa giữa các vùng. Chúng xây dựng đường giao thông từ Ba Tơ đi An Lão để dễ dàng chuyển quân, kiểm soát các vùng. Chúng cấm nhân dân đi lại làm ăn, kiểm soát gắt gao các vùng giáp ranh, nhất là các trục đường giao thông như Thạch Trụ (Mộ Đức) đi Ba Tơ... Chúng cấm các lò rèn ở đồng bằng bán dụng cụ cho miền núi. Trong lúc đi càn, bọn chúng đốt phá ruộng, nà, bắn giết bữa bãi gia súc làm cho ta khó khăn về giống và sức kéo. Cùng với hoạt động quân sự, chúng dùng chính sách chiêu hồi, chiêu hàng, mua chuộc kinh tế, ru ngủ thanh niên và gây mất đoàn kết trong dân. Chúng tung ra những luận điệu xuyên tạc như đối kém, đau ốm ở vùng ta hồng gây tâm lý cầu an, sợ hãi trong một số đồng bào.

Đảng bộ Ba Tơ lãnh đạo nhân dân toàn huyện bước vào giai đoạn đấu tranh vũ trang kết hợp với đấu tranh chính trị, đánh đổ chính quyền địch, giành dân, làm chủ núi rừng. Địa bàn huyện Ba Tơ hình thành trạng thái ba vùng: vùng cao, vùng tranh chấp và vùng địch kìm kẹp.

Vùng cao (vùng ta làm chủ) đến đầu năm 1960 ta có toàn bộ 4 xã khu Đông và 7 xã khu Bắc. Riêng các xã khu Đông địch bỏ luôn và trở thành vùng tự do của ta và hậu cứ của huyện Đức Phổ trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Ở huyện khu VI ta làm chủ hoàn toàn Ba Ngạc, Ba Xa.

Tháng 2 năm 1960, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ nhất được triệu tập. Đại hội đánh giá nghiêm túc chặng đường cách mạng đã qua và tuyên dương thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền tây tỉnh nhà. Đại hội xác định các nhiệm vụ cách mạng cấp bách của tỉnh mà trong đó vấn đề xây dựng miền tây là quan trọng. Tháng 9 năm 1960, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III được tiến hành tại Hà Nội, xác định đường lối cách mạng miền Nam trong giai đoạn mới, xác định việc cần thiết đẩy mạnh hoạt động vũ trang và dùng bạo lực cách mạng để đánh đổ kẻ thù. Tháng 12 năm 1960, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời tập hợp mọi thành phần, lực lượng quần chúng trong cuộc đấu tranh lâu dài. Ngày 13 tháng 01 năm 1961, Bộ Chính trị ra chỉ thị về phương hướng và nhiệm vụ lâu dài của cách mạng miền Nam. Phương châm đấu tranh mới mà chỉ thị đề ra là ba vùng. Trong đó ở vùng miền núi lấy đấu tranh vũ trang là chủ yếu trong đường lối chung: "Đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang song song".

Học tập và quán triệt đường lối, chủ trương của Trung ương, của Khu uỷ V và của Tỉnh uỷ, Đảng bộ Ba Tơ đã sáng tạo linh hoạt trong lãnh đạo, chỉ đạo kháng chiến ở địa phương.

Bước vào năm 1960, mọi hoạt động của ta được phát động nâng cao. Công tác xây dựng và củng cố lực lượng vũ trang được đẩy mạnh nhằm đáp ứng tình hình và nhiệm vụ mới. Đội dân quân các xã Ba Tô, Ba Ngạc, Ba Vì, Ba Xa được thành lập. Đảng bộ mở hội nghị toàn dân từng thôn để tuyên truyền, giáo dục đường lối cách mạng, đẩy mạnh xây dựng căn cứ, động viên quần chúng thực hiện công tác bố phòng chống địch, phát triển tăng gia sản xuất để phục vụ đời sống cán bộ, nhân dân và nhu cầu cách mạng. Tháng 4 năm 1960, hội nghị Khu uỷ nhận định phong trào miền núi được củng cố và phát triển. Xuất phát từ đó, Khu uỷ chủ trương phát động quần chúng ở căn cứ miền núi vũ trang chống địch, chống càn quét, khủng bố.

Huyện uỷ liên tục chỉ đạo hoạt động du kích đánh địch dọc đường giao thông, ngăn chặn bọn lính đi càn. Các tổ du kích cũng bám sát và thường bất ngờ tập kích vào các đồn, bót của địch. Tháng 8 năm 1960 lực lượng ta tập kích vào đồn Trường An¹ tiêu diệt một số địch làm cho quần chúng phấn khởi hân hoan.

Khu uỷ đã phát động đợt hoạt động vũ trang làm đồn bẫy cho đấu tranh chính trị vào tháng 9 năm 1960, quân và dân Ba Tô đã phục kích vào nhiều đồn bót của địch, tiêu diệt nhiều sinh lực địch và giải phóng hàng ngàn đồng bào trong các ấp chiến lược. Trong đợt hoạt động vũ trang này, Đảng bộ đã khôi phục và phát triển được nhiều cơ sở trong đồng bào và hàng ngũ binh lính địch.

1. Đồn này có 1 trung đội nghĩa quân, có đại liên yểm trợ.

Phong trào bố phòng, chống càn, đấu tranh chính trị, chống khủng bố trong đồng bào được Đảng bộ theo dõi sâu sát và chỉ đạo hợp lý từng lúc, từng nơi. Cùng với Sơn Hà, Ba Tơ có phong trào chống dồn dân diễn ra quyết liệt và kiên trì nhất cả tỉnh. Có nơi quần chúng phá ấp, phá đồn dân lập đi lập lại đến 10 lần.

Đầu năm 1961, Tỉnh uỷ Quảng Ngãi quyết định nhập hai huyện Ba Tơ và Minh Long thành huyện Ba Minh và chỉ định đồng chí Đinh Mô (Mười) làm Bí thư. Trong thực tế, huyện Ba Minh chỉ mang danh nghĩa. Hoạt động của các phong trào cách mạng ở hai huyện Minh Long và Ba Tơ do cán bộ địa phương lãnh đạo. Đầu năm 1962, huyện Ba Minh tách ra hai huyện như cũ. Đồng chí Đinh Xuân Trâm làm Bí thư huyện Ba Tơ ở thời gian này.

Tháng 5 năm 1961, lực lượng vũ trang của huyện và du kích ở các xã khu Bắc phối hợp với lực lượng của tỉnh đã diệt một trung đội địch tại Tà Ma (Sơn Hà). Chiến thắng này gây ra chuyển biến lớn trong đấu tranh vũ trang toàn miền núi. Bằng chiến thắng này, các đơn vị vũ trang và bán vũ trang các huyện miền núi chứng minh đã có đủ khả năng đánh và đánh thắng từng tiểu đội, trung đội lính chính quy của địch. Ngày 9 tháng 10 năm 1961 Khu uỷ mở đợt tấn công tiêu diệt cứ điểm Giá Vụt. Cùng với các đơn vị của tỉnh và khu, lực lượng vũ trang và bán vũ trang của huyện đã tiến công vào cứ điểm và gây cho địch thiệt hại nặng nề. Sau khi ta tấn công vào Giá Vụt, bọn ngụy quyền ở tỉnh liền cho hai tiểu đoàn lính ngụy đi cứu viện, hòng tiêu diệt lực lượng ta. Tiểu đoàn 20 của Quân

khu V được sự hỗ trợ của du kích các xã Ba Tô, Ba Vì chặn đánh bọn này tại Trà Nô (Ba Tô). Với tinh thần chiến đấu dũng cảm, ngoan cường, thông minh, quân chủ lực và du kích của ta đã đánh cho bọn lính ngụy tan tác. Số quân ngụy chết và bị thương là 450 tên, số xe quân sự bị ta phá hủy là 15 xe trong đó có 2 xe bọc thép và 2 xe Jeep. Ta bắt sống gần 100 tù binh và tiêu diệt tên tỉnh đoàn phó bảo an của ngụy¹. Trận đánh tại Trà Nô là trận đánh tiêu diệt địch lớn nhất của quân và dân miền Tây lúc đó. Chiến thắng vang dội này đã góp phần tích cực vào việc nổi dậy giải phóng quê hương của đồng bào toàn miền tây tỉnh nhà. Phát huy thắng lợi của chiến thắng Giá Vụt, Trà Nô, ở khắp nơi trong huyện Ba Tơ, lực lượng vũ trang huyện và du kích các xã cùng nhau phối hợp đánh mạnh ngụy quân, ngụy quyền ác ôn và đốt rụi nhiều khu đồn dân của địch. Ngụy quyền tan vỡ từng mảng và ta giải phóng được nhiều xã như Ba Tô, Ba Chi, Ba Dinh...

Bước sang năm 1962, địch tăng cường mọi hoạt động đánh phá ta nhằm làm lực lượng ta bật ra khỏi quần chúng. Các loại quân địa phương của ngụy được huấn luyện, trang bị mạnh lên. Dân vệ ở Ba Tơ đều luân phiên đi học các khóa huấn luyện, vũ khí được trang bị mới. Một số tổng đoàn bảo an được trang bị 2 trung liên. Một số dân vệ xã cũng được trang bị trung liên. Chúng đóng thêm nhiều cứ điểm lớn ở vùng giáp ranh Ba Diễn (4/8 cứ điểm lớn đóng thêm toàn miền Tây). Ở khu Bắc địch đóng thêm 3 cứ

1. Xem: *Báo cáo tóm tắt những nét lớn về sự ra đời và thành tích 40 năm của lực lượng vũ trang Ba Tơ*. Tài liệu lưu tại Huyện đội Ba Tơ.

điểm mới ở Đèo Nai, Eo Chim, Nước Lang. Như vậy, năm 1962 ở Ba Tơ địch có 7 cứ điểm: Đèo Nai, Đèo Lâm, Eo Chim, Làng So, Làng Hoãn Ròn, Dốc Mốc, Đá Bàn. Ở các chốt điểm, đồn bót địch bắt đầu tổ chức hệ thống viễn thông bằng vô tuyến điện nhẹ hoặc bộ đàm để liên lạc, theo dõi tình hình.

Từ năm 1962, địch chú trọng việc xây dựng và hoạt động của hệ thống tình báo. Vào tháng 2 năm 1962, Nha công tác xã hội miền Thượng đã đào tạo cho ngụy quyền Ba Tơ một tiểu đội biệt kích tình báo và liên tục mở các lớp tình báo cho dân vệ (mỗi lớp một tháng rưỡi). Chúng xúc tiến đào tạo tình báo trong người dân tộc Hrê và thực hiện quân sự hóa cho một số phụ nữ. Chúng bắt 171 thanh niên Ba Tơ vào lính.

Địch thực hiện xây dựng ấp chiến lược, dồn dân năm 1962 có tính chất quy mô và tàn bạo. Chúng xây dựng ấp chiến lược trên địa bàn huyện bằng sức dân. Khi xúc dân phá lúa, bắn bừa bãi vào đồng bào, chúng trắng trợn tuyên bố: "Có chết một nửa cũng cứ làm, ai bị thương thì khiêng ra, người khác tiếp tục xây ấp chiến lược" và "có lúa cũng không sống được, chỉ có ấp chiến lược mới sống". Trong việc xây ấp chiến lược, chúng bắt đầu sử dụng cọc sắt, dây kẽm gai rào vi thay cho tre. Ba Tơ có 7 khu gom dân với 3.572 người trong đó có khu Đá Bàn kiên cố. Địch đánh phá căn cứ cách mạng và vùng sâu, tập kích vào cơ quan của ta; qua đó chúng thực hiện âm mưu cấy điệt vào nội bộ ta và quần chúng. Việc càn của địch năm 1962 có nhiều điểm mới so với trước, đó là tăng cường phi pháo mở

duờng, sử dụng phi cơ trực thăng đổ bộ quân, kết hợp nhiều loại quân trong một lần càn, càn xong thì gài mìn và lựu đạn lại mới rút. Diễn hình trong toàn tỉnh, toàn khu là ngày 2 tháng 4 năm 1962, chúng mở càn lớn ở Ba Điền, dùng phi cơ trực thăng chuyển quân cơ động để đổ quân tiếp viện, bao vây ta, tập kích thẳng từ trên xuống. Trong trận càn này, chúng sử dụng 8 khu trục, 16 trực thăng. Tiếp đó, ngày 18 tháng 4 chúng càn khu Đông, ngày 6 tháng 10 chúng càn vào khu Nước Đang (Ba Trang). Các cuộc càn của địch gây cho ta nhiều tổn thất về người và tài sản. Tổng cộng cả năm 1962 địch càn lớn ở Ba Tư 15 trận, mỗi trận càn kéo dài từ 1 đến 7 ngày với lực lượng bộ binh từ 1 đại đội đến 3 tiểu đoàn có pháo binh, không quân phối hợp, có lúc sử dụng bốn thủy quân lục chiến và quân dù. Chúng nặng về đánh phá vùng giáp ranh và vùng ta đang đấu tranh phá thế kẹp. Ngoài các trận càn lớn địch còn tiến hành nhiều cuộc càn nhỏ từ 1 trung đội đến 2 trung đội nhằm lục lạo, cướp bóc, khủng bố, hãm hiếp, đốt phá của cải và tìm lực lượng, tài liệu của ta. Chúng ra sức làm cho ta khó khăn về hành lang hoạt động, về chỗ đứng của các cơ quan, quân chủ lực khu, lực lượng vũ trang tỉnh và địa phương. Đánh vào khó khăn trong đời sống của một số người, chúng dùng biện pháp mua chuộc, phát triển điệp ngầm trong đồng bào, cho lính giả đào ngũ cấy trong dân, dùng phụ nữ bắt hảo để lôi kéo mua chuộc những người nhẹ dạ. Chúng giết cán bộ ta để cướp tài liệu và nguy hiểm hơn là cài người hoạt động nội tuyến gây cho ta thiệt hại ở một số nơi.

Bên cạnh việc cùng nhau ráo riết đàn áp phong trào cách mạng, trong hàng ngũ ngũ quân, ngũ quyền nảy sinh ra những mâu thuẫn nội bộ nặng nề. Việc lính Diệm đánh cố vấn Mỹ, chửi Mỹ xảy ra thường xuyên. Các lực lượng quân đội Diệm đánh giết nhau. Giữa quân đội và chính quyền có sự tranh chấp, loại trừ nhau. Tinh thần ngũ quân, ngũ quyền trở nên rệu rã dao động sau các đợt bị chiến sĩ và đồng bào ta tiến công tiêu diệt. Đảng bộ các huyện miền núi đã kịp thời phát động phong trào trừng trị bọn ác ôn, trấn áp tề điệp, xây dựng chính quyền tự quản. Chính quyền xã, thôn của địch ở Ba Tơ phần lớn bị tê liệt, bọn lính ngũ ngày đêm lo sợ.

Đời sống nhân dân trong các ấp chiến lược ở Ba Tơ bị địch theo dõi, bóp nghẹt nên gặp nhiều khó khăn. Đồng bào căm thù địch cao độ và hướng về cách mạng, tìm mọi cách ủng hộ cách mạng. Ở vùng giáp ranh, vùng tranh chấp đồng bào sống trong tình trạng bị địch càn quét nhưng vẫn tăng cường sản xuất để đóng góp cho cách mạng. Ở vùng ta làm chủ, Đảng bộ chăm lo đời sống nhân dân, xây dựng và củng cố đội ngũ cách mạng, sẵn sàng đánh địch giành thắng lợi khi có thời cơ.

Được sự chỉ đạo sâu sát của Tỉnh uỷ, Đảng bộ Ba Tơ đã lãnh đạo phong trào cách mạng ở huyện trong thời gian này bằng sự tăng cường sức mạnh của đấu tranh chính trị và vũ trang vào hàng ngũ ngũ quân, ngũ quyền. Vùng ta làm chủ ngày càng được mở rộng và ngày càng có nhiều đồng bào thoát khỏi sự kìm kẹp, theo dõi của địch. Ở vùng căn cứ, mọi mặt đời sống văn hóa, kinh tế, xã hội được

nâng cao. Đồng bào hăng hái tăng gia sản xuất, giải quyết được phần lớn nhu cầu ăn mặc và tích lũy cho kháng chiến nhiều lương thực, thực phẩm. Ta giữ vững thế làm chủ các hành lang chiến lược trong huyện và ngày càng củng cố vững chắc thế hỗ trợ, giúp đỡ nhau mọi mặt giữa Ba Tơ với các huyện miền núi và đồng bằng.

Năm 1962, Tỉnh uỷ phát động bốn phong trào lớn ở miền núi của tỉnh, đó là:

- Phong trào tẩy chay trò hề bầu cử tổng thống.
- Phong trào chống Mỹ 20.7.
- Phong trào chống đồn dân, bắt lính, khủng bố.
- Phong trào phát động quần chúng làm chủ núi rừng, phát huy chiến thắng Tà Ma, Giá Vụt, tăng cường bố phòng và du kích chiến tranh.

Chấp hành chỉ thị của Tỉnh uỷ, Đảng bộ Ba Tơ phát động toàn Đảng bộ, toàn dân trong huyện hăng hái tham gia và lập thành tích xuất sắc trong mọi mặt chiến đấu và xây dựng nhất là đứng lên làm chủ núi rừng, xóa bỏ nguy quân, nguy quyền.

Đảng bộ Ba Tơ chú trọng công tác bố phòng và phát triển phong trào nhân dân du kích chiến tranh trong toàn huyện. Lực lượng bán vũ trang của quần chúng xuất hiện từ năm 1959 đã công khai đánh địch. Đội ngũ du kích hình thành tận thôn xã và có chất lượng chính trị cao, được trang bị tương đối đầy đủ để có thể phối hợp với lực lượng trên đánh mọi nơi. Đồng bào được phát động rào đường, lấp ngõ, bố phòng chống địch.

Ở những nơi xung yếu, đội du kích xã hình thành bộ

phận thường trực bám đồn, cảnh giới và sẵn sàng chống địch càn quét, lùng lội, đồng thời phòng thủ, trị an tại địa phương để nhân dân yên tâm sản xuất. Đảng bộ nắm vững đường lối quân sự của Đảng trong giai đoạn này là phát động một cuộc chiến tranh du kích lâu dài, toàn dân và toàn diện. Khắp các xã thôn, nhân dân cắm chông, đặt bần chông, đào công sự, hầm tránh pháo, hầm bí mật.

Nhìn chung, trong năm 1962 phong trào du kích chiến tranh ở Ba Tơ phát triển từ lẻ tẻ đến chiến tranh nhân dân. Ba Tơ được đánh giá có phong trào nhân dân du kích chiến tranh khá nhất thời gian này¹. Trong lực lượng du kích, đảng viên và đoàn viên đóng vai trò nòng cốt.

Tháng 8 năm 1962, khu và tỉnh phát động xây dựng làng chiến đấu. Đến cuối năm 1962, ở Ba Tơ và các xã huyện Sông Hề có 153 du kích và tự vệ nhân dân².

Phong trào đấu tranh chính trị của đồng bào phát triển mạnh hơn trước về số lượng lẫn chất lượng. Trong năm 1962, nhiều cuộc biểu tình, kiến nghị của nhân dân chống khủng bố, chống càn quét, gom dân, đòi tự do làm ăn đã nổ ra khắp hai huyện. Nhân dân trong các ấp chiến lược đòi về nhà cũ, đòi tự do đi lại làm ăn, đòi bồi thường hoa màu bị phá. Đồng bào Ba Tơ và Minh Long đã có 75 lần kiến nghị, 40 lần biểu tình đấu tranh trực diện với địch. Đồng bào mở 3 cuộc đại náo với 2.163 người tham

1. Xem: *Báo cáo tình hình phong trào du kích chiến tranh Khu V*. Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

2. Xem: *Báo cáo 1962 (khu vực Cô Bắc)*. Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

gia, phá rào vi, phá ấp, phá đường, phá cầu cống, cắt dây điện thoại... gây cho địch nhiều khó khăn. Nổi nhất trong phong trào đấu tranh chính trị ở Ba Tơ thời gian này là 300 gia đình đồng bào ở dọc Đường số 5A tự đốt khu đồn dân trở về quê cũ.

Công tác binh vận được quan tâm thường xuyên. Đảng bộ đã mở các lớp giáo dục cho số nhân viên chính quyền địch bị tan rã, trong hàng ngũ tù binh, trong gia đình binh lính. Qua giáo dục của ta, nhiều nhân viên trong bộ máy ngục quyền, ngục quân bỏ hàng ngũ, mang vũ khí về với ta hoặc về nhà làm ăn. Nhiều nơi, đồng bào biết vận dụng công tác này vào cuộc đấu tranh của mình... Ở cấp huyện có cán bộ chuyên trách công tác binh vận. Tuy nhiên có lúc, có nơi phong trào chưa đều, còn bỏ lỡ cơ hội, nặng về trừng trị hơn giáo dục.

Trong vùng giải phóng và làm chủ, Huyện uỷ đẩy mạnh phong trào tương trợ sản xuất giữa thôn xóm với nhau. Huyện uỷ đã phát động phong trào trồng cây lương thực và cây hoa màu đạt kết quả tốt. Các tổ vắn, đổi công, tương trợ lao động được xây dựng và hoạt động tốt. Huyện đã giúp cho nông dân lúa giống, nông cụ để sản xuất. Việc chăn nuôi được chú ý, cứ 3 người có 1 con heo, 2 người có 1 con gà. Ở một số xã đồng bào khôi phục lại các nghề thủ công như rèn nông cụ, dệt, chằm nón, đóng cối xay... Ta tổ chức các cửa hàng trao đổi nông sản, hàng hóa, nông cụ để giải quyết nhu cầu của đồng bào.

Huyện uỷ cử cán bộ đi học các lớp giáo dục do tỉnh mở. Ở huyện có một số lớp bồi dưỡng giáo viên, học chữ

cho chiến sĩ, cán bộ và nhân dân được tổ chức. Điều đáng chú ý là huyện tổ chức được một lớp đào tạo chữ Hê cho cán bộ, chiến sĩ ở Ba Lế. Trẻ em người dân tộc thiểu số được học cả chữ của dân tộc mình và chữ phổ thông.

Việc giữ gìn vệ sinh phòng bệnh liên tục được phát động. Hằng tháng đồng bào tổ chức các cuộc tổng vệ sinh làng xóm. Cán bộ bám sát quần chúng vận động ăn ở vệ sinh, dời chuồng trâu, chuồng heo xa nhà ở, ăn cơm bằng chén đĩa. Vào tháng 3 và tháng 8 thường xảy ra dịch kiết lỵ và tiêu chảy, ngành y tế hai huyện đã kịp thời chữa trị cho đồng bào và dập tắt bệnh dịch. Phong trào sản xuất thuốc nam ở Ba Tư phát triển mạnh, có cơ sở sản xuất và chế biến. Mỗi xã đều có túi thuốc để kịp thời chữa bệnh cho đồng bào, cán bộ và chiến sĩ.

Năm 1962 đội văn nghệ của Ba Tư được thành lập để phục vụ nhu cầu văn hóa, văn nghệ của đồng bào.

Đến cuối năm 1962 ở huyện Ba Tư và Sông Re có 15 xã gồm 15.000 dân được giải phóng hoàn toàn, 13 xã còn ở trong tình trạng tranh chấp và địch chiếm đóng. Hội viên thanh niên giải phóng có 364 người, phụ nữ giải phóng có 449 người, nông dân giải phóng có 1.742 người.

Năm 1963, trong hoạt động của Mỹ - Diệm nổi lên 4 âm mưu lớn, đó là:

1. Ra sức càn quét, dồn dân, tấn công vào căn cứ ta và các vùng ta đã phá kìm kẹp, đi đôi với lòng rắp tiêu diệt lực lượng ta, phản ứng mạnh trước hoạt động mở ra phía trước của ta.

2. Tăng cường xây dựng quân chính quy và địa phương giữ ấp chiến lược.

3. Đẩy mạnh chính sách chiêu hồi, âm mưu tố cộng.

4. Triệt để phá hoại và bao vây kinh tế.

Trên địa bàn Ba Tơ, địch đóng thêm một số đồn bót dọc theo sông Re, tổ chức các khu phòng thủ Ba Tô, Giá Vụt. Từ đầu năm 1963 ở Ba Tơ và Sông Re địch có 8 cứ điểm lớn, với nhiều đồn bót, cứ điểm nhỏ nằm ở các vị trí quan trọng. Chúng mở đường nối liền các đồn bót để cắt nhỏ từng vùng. Chúng củng cố lại đoạn đường Ba Tơ đi An Lão và sửa chữa lại sân bay. Binh lính địa phương (bảo an, dân vệ) được tăng cường số lượng có thể phối hợp với lính chính quy di căn. Bắt đầu từ năm này chúng tổ chức huấn luyện quân sự cho lực lượng giữ ấp (thanh niên tân trang) và đưa quân số lên trung đội, tăng rất nhiều so với năm 1962.

Địch bắt ở hai huyện Ba Tơ và Sông Hề 725 thanh niên vào lính. Ngoài ra chúng thường xuyên bắt nhân dân tập dùng vũ khí để canh gác.

Chúng mở trung tâm huấn luyện Đá Bàn, Giá Vụt cho các sắc binh lính và cố vấn Mỹ phụ trách việc tập dượt, huấn luyện. Thiếu nhi lứa tuổi 14 đến 15 cũng bị chúng bắt tập quân sự.

Từ tháng 1 đến tháng 6 năm 1963 địch mở chiến dịch Trung - Nghĩa đánh phá vùng căn cứ ta ác liệt. Trong chiến dịch này chúng tổ chức các cuộc càn lớn từ 1 đến 2 trung đoàn và càn vừa từ 2 trung đội đến 2 đại đội. Tính chung trong chiến dịch, chúng thực hiện ở địa phương ta

80 cuộc càn quét, lòng sục lớn nhỏ. Các cuộc càn mang tính chất chà đi xát lại nhiều lần. Đáng chú ý là ở các cuộc càn tháng 2 ở 4 xã khu Đông, tháng 8 ở các xã khu Nam, khu Trung chúng dùng hỏa lực mạnh, càn quét táo bạo, dùng không quân phối hợp. Chúng ném bom và bắn pháo dày đặc vào vùng ta gây thiệt hại lớn cho đồng bào. Trong các cuộc đi càn chúng đốt nhà, ruộng, cướp lúa, muối, mạ, trâu bò, heo, nôi, chiêng, ché của đồng bào theo khẩu hiệu 3 sạch: cướp sạch, bắn sạch, đốt sạch. Mục đích của chúng là làm cho đồng bào ta không yên tâm sản xuất, lực lượng ta không phát triển được.

Đến giữa năm 1963, Mỹ - Diệm đã lập trên địa bàn 2 huyện 16 ấp chiến lược với dân số bị dồn là 8.544 người¹. Sau khi dồn được dân vào ấp, chúng kèm chặt dân, thực hiện âm mưu tố cộng, truy tìm cơ sở ta trong quần chúng.

Chúng thực hiện âm mưu chiêu hồi, chiêu hàng nhằm lũng đoạn tư tưởng cán bộ chiến sĩ ta nhất là số thanh niên mới tham gia cách mạng. Chúng trá hình làm cán bộ, thương lái, ban đêm ra chòi ngủ (ở Ba Giang), ban ngày dò xét, thăm hỏi trong làng. Chúng sử dụng phụ nữ và thiếu niên trong việc dò xét tình hình. Ta bắt được một thiếu niên đã chỉ cho địch nơi cán bộ, du kích của ta ở, gồm tất cả 7 vụ và được địch thưởng 500đ².

Địch ra sức mỉa dân, lợi dụng tình cảm dân tộc, lợi dụng sự khó khăn của một số đồng bào mà chống phá cách

1,2. Xem: *Báo cáo cuối năm 1963 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi*. Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

mạng. Chúng cướp của ở nơi này đem cấp cho nơi kia chút ít để mua chuộc dụ dỗ đồng bào. Trong năm 1963 địch đã lôi kéo được 86 người về hàng chúng (nhiều nhất là ở Ba Tầng, Ba Dinh)¹.

Ở vùng chúng kiểm soát, chúng kìm kẹp đồng bào bằng chế độ quân quản với bộ máy bình định nông thôn và Ban an ninh dân sự.

Việc địch tăng cường đồn dân, lập ấp, truy quét lực lượng ta làm cho ta kiệt quệ về kinh tế, dẫn đến đời sống cán bộ, chiến sĩ và đồng bào gặp nhiều khó khăn. Nạn đói, đau, lạt muối, thiếu thốn giống và nông cụ đe dọa nghiêm trọng đến mọi mặt của đời sống và kháng chiến. Cả hai Đảng bộ (Ba Tơ và Sông Hề) đều xác định nhiệm vụ của mình trong thời gian này là hết sức nặng nề. Huyện uỷ hai huyện đã nhận định tình hình ta và địch một cách nghiêm túc và quyết tâm tiếp tục lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của đồng bào đến thắng lợi dù phải vượt qua những thử thách và hy sinh to lớn. Căm thù giặc cao độ, phát huy truyền thống ngoan cường, khắp các nơi trong huyện, đồng bào, chiến sĩ hưởng ứng lời kêu gọi của Đảng đã dũng cảm chịu đựng và vượt mọi khó khăn, thiếu thốn thể chiến đấu đến cùng với bè lũ cướp nước và bán nước. Từ cụ già đến em nhỏ trên đất Ba Tơ, ai cũng tích cực tham gia mọi mặt kháng chiến.

Tháng 2 năm 1963, tại xã Ba Điền, Đại hội Đảng bộ

1. Xem: *Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ I công tác Huyện uỷ* (C.29, Ba Tơ). Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Quảng Ngãi.

Ba Tư lần thứ nhất (trong kháng chiến chống Mỹ) được triệu tập. Các đại biểu về dự đại hội đều mang tinh thần của đồng bào Ba Tư quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ, bảo vệ và làm chủ quê hương. Đại hội đánh giá chặng đường đã đi qua và phân tích đúng mức những khó khăn, thuận lợi trong thời gian sắp đến. Toàn thể Đại hội nhất trí thông qua các nhiệm vụ chủ yếu của Đảng bộ nhiệm kỳ mới là:

1. Động viên chính trị toàn Đảng, toàn quân, toàn dân vươn lên xốc tới đánh bại mọi âm mưu của kẻ thù.

2. Phát động mạnh mẽ phong trào nhân dân du kích chiến tranh, tăng cường lãnh đạo công tác đấu tranh chính trị.

3. Giành quyền làm chủ toàn bộ vùng tranh chấp ở vùng cao của huyện.

4. Khôi phục và mở rộng phong trào diệt ác, phá kìm, giải phóng quê hương của nửa năm 1962 trở về trước.

5. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng bộ trong việc xây dựng mọi mặt ở vùng căn cứ, chuẩn bị thực lực sẵn sàng tấn công địch khi có thời cơ.

Đại hội đã bầu đồng chí Phạm Văn Sáu làm Bí thư.

Bước vào năm 1963, các lực lượng vũ trang và bán vũ trang Ba Tư đã trưởng thành nhanh chóng và đủ sức chống càn quét, tiêu hao nhiều sinh lực địch. Cán bộ và chiến sĩ thể hiện tinh thần hy sinh anh dũng và tiến bộ trong chiến đấu, được tỉnh đánh giá có nhiều thành tích. Ngày đêm cán bộ, chiến sĩ bám sát địch trên Đường số 5A, đánh phá giao thông. Lực lượng du kích và tự vệ mật hợp pháp kết hợp với công tác binh tế vận đẩy mạnh việc diệt

ác, phá kim, phá bung áp chiến lược. Ở vùng tự do, đồng bào cùng chiến sĩ, du kích của huyện, xã đã có kết quả trong chống càn, chống biệt kích do thám, bảo vệ sinh hoạt, đời sống và sản xuất của đồng bào. Đến cuối năm 1963, ở mỗi xã có một trung đội du kích, các xã phá kim kẹp có từ 1 trung đội trở lên, nơi nào có cơ sở là có tự vệ mật.

Từ ngày 25 đến ngày 27 tháng 3 năm 1963, đồng bào và chiến sĩ ta đã chống trả quyết liệt các trận càn của địch ở Ba Ngạc, Ba Gia, Ba Điền. Ta tiêu diệt tại chỗ 50 tên, bắt bị thương 26 tên, bắn rơi một máy bay (du kích bắn rơi bằng súng trường). Đến ngày 27 tháng 4 năm 1963, Đảng bộ huyện chỉ đạo lực lượng vũ trang đánh địch trên Đường số 5A từ Ba Tư di Giá Vụt. Ở trận này ta đã phá hủy 11 xe quân sự, thu 12 xe quân trang, quân dụng của địch, đánh nát 1 tiểu đoàn địch trong đó có 120 tên bị chết, bị thương và 60 tên đầu hàng. Số còn lại chạy rối loạn về cứ điểm Vạn Lý (Phổ Phong, Đức Phổ).

Từ đầu năm 1963, tại chốt Trường An (Ba Động) địch đã củng cố lại lực lượng, xây dựng công sự chắc chắn và cho một đại đội bảo an thường trực chốt giữ. Để tạo điều kiện cho dân đứng lên phá đồn dân để trở về quê cũ, Huyện uỷ chỉ đạo lực lượng vũ trang huyện kết hợp cùng du kích Ba Động mở đợt tấn công diệt chốt này vào tháng 6 năm 1963. Sau một thời gian tấn công quyết liệt ta đã tiêu diệt một số tên, thu 35 súng, phá vỡ các công sự. Cùng với diệt chốt ta san phẳng áp chiến lược Ba Lãnh, Ba Sơn. Đồng bào nổi dậy phá kèm chạy về làng cũ. Ở

huyện Sông Hôr ta phá bung ấp chiến lược Làng Trắng. Trong ấp chiến lược này ta có cơ sở theo dõi nắm chắc tình hình địch và làm công tác phát động quần chúng. Ta sử dụng một bộ phận lực lượng vũ trang địa phương kết hợp với du kích bao vây, bắn tỉa địch, làm công tác nghi binh, buộc địch phải rút về đồn, nằm im ở ấp chiến lược đó. Ta lãnh đạo đồng bào đốt phá ấp, đưa dân về vị trí đã chuẩn bị sẵn sàng và làm công tác bố phòng, chuyển nơi đó ngay thành làng chiến đấu. Tiếp theo ta tấn công buộc địch rút bỏ 2 cứ điểm khác và chớp thời cơ lãnh đạo đồng bào phá sạch 1 ấp, giải phóng liền 3 xã. Tổng cộng đến cuối năm 1963 ta phá sạch 4 ấp và đưa hơn 3.600 người ra khỏi ấp trở về chỗ cũ¹.

Song song với hoạt động vũ trang tiêu diệt địch, Đảng bộ 2 huyện lãnh đạo sâu sát phong trào đấu tranh chính trị. Trong tình hình địch khủng bố ác liệt, đời sống khó khăn, tư tưởng nhân dân diễn ra phức tạp, Đảng bộ hai huyện chủ trương đưa phong trào có bước nhảy vọt về lượng và chất. Lực lượng đấu tranh chính trị đã có hệ thống tổ chức, đội ngũ chỉ huy từ huyện đến xã. Nhân dân ngày ngày đấu tranh phá ấp, phá đồn, đòi trừng trị bọn ác ôn, đòi bồi thường nhân mạng, đòi mở các chợ (Ba Lãnh, Ba Động, Ba Lâm...), chống bắt lính, chống bắn và bắt trâu, bò. Địch đã phải bồi thường cho nhân dân một số tiền và hứa giải quyết nhiều yêu sách của đồng bào. Đồng bào ở

1. Xem: *Báo cáo cuối năm 1963 của Tỉnh uỷ Quảng Ngãi*. Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Quảng Ngãi.

ấp Làng Trắng vạch mặt âm mưu dụ dỗ, mua chuộc của địch. Quần chúng kêu gọi binh lính tố cáo tội ác của địch và nổi dậy giết chết tên ác ôn Trới Khát ở Ba Vì.

Những thành tích đạt được trong đấu tranh có phần đóng góp tích cực của công tác binh tế vận. Tỉnh đã đánh giá cao phong trào binh vận ở Ba Tư. Qua cơ sở, ta vận động binh lính đào, rã ngũ ngày càng nhiều và xây dựng được cơ sở nội ứng trong ngũ quân, ngũ quyền. Bằng các hình thức như đưa thư, rải truyền đơn, gọi loa, bí mật tập hợp binh lính để giáo dục chính sách... ta đã thu được một số vũ khí, quân trang, quân dụng và làm cho tư tưởng địch ngày càng lung lay. Trong năm đó ở Ba Tư và Sông Re có 580 lính cộng hòa, bảo an, dân vệ chạy về với nhân dân, với cách mạng¹.

Sau khi được học tập có kiểm điểm thực hiện Nghị quyết của Khu uỷ, chỉ thị về xây dựng hoạt động của lực lượng vũ trang và bán vũ trang, đẩy mạnh phong trào nhân dân du kích chiến tranh của Ban quân sự khu, Đảng bộ 2 huyện có chuyển biến mạnh mẽ trong lãnh đạo, chỉ đạo công tác này.

Hưởng ứng cuộc vận động toàn tỉnh "Hướng về phục vụ cho du kích, cho xã thôn chiến đấu", Đảng bộ đã vận dụng linh hoạt phương châm đấu tranh hai chân ba mũi trong lãnh đạo mọi mặt kháng chiến. Các cấp uỷ Đảng phân công người vào bộ máy quân sự. Hệ thống chính trị

1. Xem: *Báo cáo tổng kết 9 năm tại Đại hội đoàn kết dân tộc miền tây Quảng Ngãi lần thứ I (19-3-1964)*. Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Quảng Ngãi.

viên được hình thành từ huyện xuống xã đội, trung đội. Đảng bộ chủ trương tăng cường đảng viên, đoàn viên làm nòng cốt trong các lực lượng.

Từ năm 1963, một số xã thôn chiến đấu xuất hiện và chống càn, chống lùng sục có hiệu quả. Bằng các biện pháp cắm chông, đào hầm chông, gài bẫy, gài mang cung, ta đã làm cho địch bị tiêu hao nhiều sức và của. Trong báo cáo cuối năm 1963 của Tỉnh uỷ, công tác bố phòng của Ba Tơ và khu VI được đánh giá là khá nhất trong toàn tỉnh, cụ thể như sau:

(Số liệu trước của huyện Ba Tơ và khu VI, số liệu sau của toàn miền Tây).

- Cắm chông các loại 10.712.109 cây/27.515.629 cây.
- Đào hầm chông 99.714 hầm/120.221 hầm.
- Gài mang cung 11.119 chiếc/12.500 chiếc.
- Hầm trú ẩn 5.814 cái/6.500 cái.
- Hầm chống xe tăng 15 cái (ở khu VI).
- Cọc chống máy bay 37.010 cái¹.

Giữ vững và phát triển mọi mặt ở vùng căn cứ, vùng làm chủ, Đảng bộ 2 huyện bám sát việc chăm lo, cải thiện đời sống đồng bào và chiến sĩ, xây dựng chính quyền, đoàn thể vững mạnh. Năm 1963, trong điều kiện địch đánh phá ác liệt nhất từ trước đến nay, thiên tai xảy ra quanh năm, Đảng bộ đã phát động phong trào tăng diện tích sản xuất, trồng nhiều cây màu và đồng bào Ba Điện đã hưởng ứng tốt phong trào này. Việc sản xuất tự cung, tự cấp trong các

1. Xem: *Báo cáo cuối năm 1963 của Tỉnh uỷ*. Tài liệu đã dẫn.

cơ quan, lực lượng vũ trang được tăng cường. Nhờ sự giúp đỡ một phần của tỉnh và tinh thần vượt khó, vượt khổ của đồng bào, chiến sĩ, nạn đói ở Ba Tư bị đẩy lùi từng bước, đời sống dần dần được khôi phục, thoát khỏi nạn đói khủng khiếp nhất từ trước đến nay. Dù khó khăn, đói cơm nhạt muối, đồng bào Ba Tư vẫn làm tốt công tác động viên nuôi quân và được Tỉnh uỷ đánh giá cao. Nhiều gia đình ăn củ để đóng góp lúa gạo cho cách mạng. Trong 2 vụ (tháng 3 và tháng 8) đồng bào đã đóng góp 38.689 ang lúa và 41.000đ cho quỹ kháng chiến toàn tỉnh.

Đảng bộ đẩy mạnh việc phát triển giao lưu hàng hóa, khai thác lâm thổ sản, giải quyết nạn nhạt muối, thiếu vải mặc cho dân. Công tác y tế, giáo dục được thường xuyên chăm lo. Đời sống văn hóa, tinh thần được nâng cao, báo chí ở vùng giải phóng ngày càng nhiều. Ở cả 2 huyện có đội văn nghệ tập trung sau do điều kiện khó về kinh tế nên giải tán về làm nông cốt cho phong trào xã. Một số xã tổ chức được đội văn nghệ nhân dân lấy trường học, thiếu nhi làm nông cốt. Trình độ văn hóa của nhân dân được nâng lên rất nhiều. Đến cuối năm 1963, ở Ba Tư có 6 người có 1 người học chữ, trong khi đó trong thời Pháp thuộc tỷ lệ là 1 người/563 người, thời kháng chiến chống thực dân Pháp là 1 người/37 người. Số nữ đi học ngày càng nhiều. Việc học chữ đã đem lại kết quả tốt cho liên lạc bằng báo cáo, viết thư. Đã chấm dứt tình trạng cán bộ chạy chân, báo cáo miệng như trước¹.

1. Xem: *Báo cáo tổng kết 9 năm tại Đại hội đoàn kết dân tộc miền tây Quảng Ngãi lần thứ I (19-3-1964)*. Tài liệu đã dẫn.

Ngày 01 tháng 11 năm 1963, cuộc đảo chính của một số tướng lĩnh ngụy do Mỹ giật dây tại Sài Gòn đã làm sụp đổ chế độ gia đình trị Ngô Đình Diệm. Ngụy quân, ngụy quyền sau đảo chính hoang mang, rệu rã. Phong trào cách mạng miền Nam dâng lên cao, mọi lực lượng đấu tranh vì độc lập và thống nhất Tổ quốc chuẩn bị sẵn sàng giáng những đòn đau vào bè lũ cướp nước và bán nước.

Sự sụp đổ của chế độ gia đình trị Ngô Đình Diệm tại miền Nam đã làm cho ngụy quyền, ngụy quân ở Ba Tơ suy sụp tinh thần, rệu rã tư tưởng. Huyện uỷ Ba Tơ tiếp thu tinh thần chỉ đạo của Tỉnh uỷ về việc phát động mạnh hơn nữa mọi lực lượng cách mạng đánh thẳng vào quân thù, đã họp và phân công trách nhiệm cụ thể từng đồng chí cán bộ, đảng viên bám sát, kịp thời lãnh đạo các phong trào. Đồng bào khắp huyện đã nhất tề đứng lên đập tan chính quyền thôn xã của ngụy từng mảng lớn. Các tổ chức chính trị phản động tan rã. Đa số các ấp chiến lược của địch dựng lên bị nhân dân nổi dậy phá vỡ hoặc biến thành làng chiến đấu của mình. Việc càn quét, lùng sục của địch vào vùng ta bị đánh trả quyết liệt và ngày càng giảm dần.

Gặp phải khó khăn nghiêm trọng và bị ta đánh đau, hoạt động quân sự của địch mang tính chất nặng về phòng thủ. Chúng tìm cách xây lại những ấp chiến lược bị vỡ, co cụm cố thủ những vùng xung yếu như chung quanh Trường An, Giá Vụt. Tháng 3 năm 1964 tập đoàn binh định nông thôn được thành lập ở hai huyện dựa lưng bọn ngụy quân hoạt động tại các trọng điểm. Chúng tổ chức những toán sưu tầm (thuộc hệ thống tình báo trung ương)

đi sâu lòng vực vùng ta. Ở các vùng tranh chấp, chúng tổ chức các cuộc càn quét, khủng bố và thành lập các đoàn bình định. Bọn ngụy quân bám sát hành lang, nắm quy luật đi lại của ta và đồng bào để tổ chức phục kích. Ngụy quyền Ba Tơ tung nội gián vào cơ quan ta với ý đồ ăn cắp tài liệu, gây chia rẽ nội bộ. Chúng đẩy mạnh chiêu hồi, chiêu hàng bằng báo chí, tranh ảnh, truyền đơn, gọi loa từ máy bay và bằng cả việc khống chế lợi dụng thân nhân, bạn bè của đồng chí, đồng bào ta. Ở trung tâm quản lý và các xã còn kiểm soát được, địch tiến hành phân loại quần chúng, lập phiếu kiểm tra gia đình, lý lịch cá nhân để uy hiếp đồng bào.

Tháng 6 năm 1964, địch xây thêm 4 cứ điểm mới với kiến trúc kiên cố và trang bị mạnh: Gò Mạnh, Gò Tàu Bay, Đồn Gọi Dung, Đồn Dốc Đúng. Ở mỗi cứ điểm chúng đào công sự, đào ngầm sâu, xây lô cốt, rào thép gai, gài mìn, lựu đạn dày đặc ngoài chiến hào. Chúng tập trung sức xây dựng khu căn cứ Giá Vụt (đến năm 1966 Giá Vụt trở thành khu huấn luyện biệt kích). Tỉnh trưởng địch tổ chức những cuộc càn lớn. Tháng 8 năm 1964 chúng dùng hỏa lực, lực lượng bộ binh phối hợp với các binh chủng không quân, nhảy dù, chà đi xát lại ở các xã Ba Điền, Ba Giang, Ba Lang, Ba Sơn, Ba Khâm, Ba Bích, Ba Trang với lực lượng quân từ hai đại đội đến tiểu đoàn.

Trong càn quét, hành quân lòng vực, chúng đốt phá, cướp bóc tài sản của đồng bào, gây nên những tội ác dã man mà không trời đất nào có thể dung thứ được. Cùng với càn quét, cướp phá, Mỹ - ngụy sử dụng máy bay rải chất độc

hóa học khắp vùng cao, vùng làm chủ của ta. Cây cối hoa màu bị chết trụi, đồng ruộng, nương rẫy nhiều nơi hoang hóa, nặng nhất là Ba Điền, Ba Sơn, Ba Lang, Ba Lanh.

Sang năm 1965, địch vừa khẩn trương xây dựng lực lượng vừa tăng cường tấn công giành đất, giành dân với ta quyết liệt. Chúng mở chiến dịch "Chim ưng" đánh phá ta dữ dội nhằm ngăn chặn phong trào cách mạng ngày càng phát triển sâu rộng vào các vùng chúng kiểm soát. Chúng tổ chức các tổ "nhận mặt", "tổ săn", "tổ ám sát" nhằm đánh phá sâu hàng ngũ của Đảng, cơ sở cốt cán của ta trong quần chúng. Nửa cuối năm 1965, địch tổ chức chiến dịch "Trường Sơn" nhằm lấn chiếm vùng ta theo kế hoạch vết dầu loang. Bọn gián điệp hoạt động mạnh ở vùng ta bằng con đường hợp pháp như giả dạng buôn bán, thăm viếng, đi rẫy, đi rừng... Trong năm, ta đã phát hiện 40 tên ở Trà Bồng, Sơn Hà, Minh Long và Ba Tơ. Tính chung tài sản và người bị thiệt hại do địch gây nên trong 2 năm ở Ba Tơ (từ tháng 2 năm 1963 đến tháng 6 năm 1965) vào khoảng như sau:

- Nhà ở bị đốt phá 1.639 cái.
- Nhà ruộng bị đốt phá 959 cái.
- Số lúa bị đốt 1.609 ang.
- Nhà mả bị đốt 75 cái.
- Lúa bị cướp 20.380 ang.
- Gạo bị cướp 4.266 ang.
- Muối bị đốt và cướp 1.915 lon.
- Mỳ bị phá hủy 361.100 bụi.
- Trâu bị bắt và bị bắn chết 620 con.

- Heo bị bắt và bị bắn chết 4.376 con.
- Gà bị bắt và bị bắn giết 3.393 con.
- Số nổi bẫy bị cướp 214 chiếc.
- Số chinh bị cướp 32 bộ.
- Số ché bị cướp và bị đập vỡ 299 cái.
- Số cuốc bị cướp và bị phá hủy 49 lưỡi.
- Số cày bị cướp và bị phá hủy 151 lưỡi.
- Quần áo cà tu bị đốt 596 bộ.
- Ngựa bị giết 3 con.
- Radio bị cướp 1 cái¹.

Nhận định tình hình địch ngày càng sa vào khó khăn, không gượng dậy nổi và lực lượng ta lớn mạnh, Tỉnh uỷ Quảng Ngãi chủ trương nêu cao tinh thần tự lực, tự cường, kiên trì phương châm đấu tranh, xây dựng căn cứ miền núi vững mạnh, hỗ trợ cho phong trào cách mạng ở đồng bằng. Tiếp thu và chấp hành nghiêm chỉnh sự chỉ đạo, lãnh đạo của Tỉnh uỷ, Đảng bộ 2 huyện Ba Tơ và Sông Re phát động cuộc chiến đấu yêu nước toàn dân, toàn diện. Huyện uỷ hai huyện đẩy mạnh việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong mọi mặt của kháng chiến bằng việc thực hiện kiềng ba chân vững chắc. Hàng loạt cán bộ, đảng viên ngày đêm bám sát quần chúng, xây dựng cơ sở, xác định các phong trào. Đa số các đồng chí không ngại khó, ngại khổ thể sống chết bám chặt lấy quần chúng hoàn thành nhiệm vụ được giao.

1. Xem: *Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ công tác Huyện uỷ C.29*. Tài liệu đã dẫn.

Lực lượng vũ trang và bán vũ trang của huyện đã bắt đầu đánh được những trận tiêu diệt hàng trung đội hay liên đội bảo an, biệt kích của địch. Công tác bảo đảm xây dựng mạnh mẽ và vững chắc làng chiến đấu về thực lực bên trong được phát động đều khắp các xã. Tháng 8 năm 1964, du kích các xã Ba Động, Ba Lâm, Ba Cung đã phối hợp cùng một bộ phận của Tiểu đoàn 95 (Quân khu V) phục kích trên đoạn Đường số 5A từ Trường An đi Ba Tơ, tiêu diệt ba trung đội bảo an và một trung đội biệt kích, thu 49 súng các loại. Các xã dọc theo vùng tranh chấp đã hình thành những tuyến chiến đấu đối phó với càn quét, lùng sục của địch. Ở những nơi này, Đảng bộ chủ trương lãnh đạo công tác chống dồn dân, phá ấp chiến lược với phương châm 2 chân 3 mũi, giữ thế hợp pháp cho quần chúng. Ở vùng địch kiểm soát, ta đấu tranh thu hẹp phạm vi kiểm soát, phát triển cơ sở bên trong quần chúng, đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị, làm công tác binh vận tốt để phá lỏng thế kẹp của địch.

Lực lượng vũ trang của huyện lúc này có 3 trung đội (kể cả công binh). Các xã có từ 1 trung đội du kích trở lên. Bằng các đợt tiến công tiêu diệt địch, các chiến sĩ đã hỗ trợ có kết quả cho đồng bào các ấp, xã bị địch kẹp nổi dậy. Đồng bào đã phá hàng loạt ấp, đốt và dỡ hàng trăm nóc nhà ở Đá Bàn, Ba Tầng... kéo nhau về làng cũ. Các xã Ba Ngạc, Ba Xa, Ba Nam, Ba Tô, Ba Chi, Ba Giang, Ba Lễ, Ba Lục, Ba Bích... được giải phóng. Thế kẹp của nguy quân, nguy quyền ở Trường An, Suối Loai, Gò Chùa, Dốc Mốc, Đá Bàn, Tài Năng... ngày càng lỏng dần. Ngoài việc

phá đồn, hỗ trợ cho đồng bào trở về, các chiến sĩ ta ngày đêm bám các đồn bắn tỉa, bao vây địch. Có một số nơi bị ta bao vây chặt, địch phải tiếp tế cho quân giữ chốt, giữ đồn bằng máy bay.

Phong trào bắn máy bay ở huyện Ba Tơ đạt thành tích khá. Chỉ trong tháng 7 năm 1964 ta bắn rơi 3 máy bay của địch (trong đó có một đồng chí du kích bắn hạ 1 máy bay chỉ bằng 1 phát súng trường).

Trong đợt hoạt động xuân 1965, lực lượng vũ trang và du kích Ba Tơ đánh địch ở Ba Gia, Ba Tăng, Ba Động, giải phóng trên 3.000 dân.

Hưởng ứng chiến dịch Lê Độ giữa năm 1965 do khu mở ra để dim sâu nguy quân, nguy quyền vào vùng lầy, bằng những đòn tiến công mãnh liệt, quân chủ lực của tỉnh và lực lượng vũ trang, du kích địa phương giải phóng hoàn toàn 17 xã. Tỷ lệ dân số được giải phóng so với dân số toàn huyện chiếm trên 70%. 11 xã còn ở tình trạng tranh chấp và bị địch kẹp. Bộ máy nguy quyền nhiều xã tan rã hoàn toàn hoặc phải chạy đi nơi khác. Ở phần lớn các ấp còn lại chỉ có bọn dân vệ canh giữ ấp¹.

Phong trào đấu tranh chính trị của đồng bào phát triển mạnh cả mặt trực diện lẫn mặt không trực diện. Huyện uỷ đã xây dựng được tổ chức chỉ huy, chỉ đạo với đủ các bộ phận như liên lạc, trinh sát, binh vận... Trong đấu tranh chính trị hình thành những mũi chiến đấu dũng

1. Xem: *Báo cáo tổng kết chiến dịch Lê Độ ở Ba Tơ (từ 29-5 đến 20-8)*. Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Quảng Ngãi.

cảm. Cán bộ sống hợp pháp trong phong trào xuất hiện và biết vận dụng phương châm đấu tranh trong từng lúc, từng nơi. Có thể nói ở thời gian này đấu tranh chính trị cũng quyết liệt như đấu tranh vũ trang. Tính đến tháng 9 năm 1965, Huyện uỷ hai huyện đã lãnh đạo 26 cuộc đấu tranh lớn, nhỏ với 3.084 lượt người tham gia. Nổi lên trong đấu tranh chính trị là đồng bào Ba Chi bị dồn trong ấp nổi dậy đòi về chỗ cũ được 80 người. Đồng bào đấu tranh từ lẻ tẻ đến quy mô, có lúc có nơi dùng cả gậy gộc, giáo mác để đánh lại địch. Ở vùng căn cứ, vùng ta làm chủ, Huyện uỷ lãnh đạo và tổ chức nhiều cuộc biểu tình, mít tinh lớn. Nhiều cuộc biểu tình liên xã của đồng bào có vũ trang kéo đi dọc Đường chiến lược số 5A thị uy với địch. Đồng bào các xã còn tổ chức nhiều cuộc hội nghị học tập tố khổ, tố cáo tội ác của địch.

Công tác binh vận được gắn liền với đấu tranh chính trị và vũ trang. Ta đã có nhiều cơ sở nội ứng trong bọn ngụ quân, ngụ quyền. Trong năm 1965 ta vận động được 155 binh lính đào, rã ngũ mang súng về với nhân dân, hạn chế được một phần xương máu của đồng bào, chiến sĩ.

Đi đôi với tấn công phía trước, Đảng bộ lãnh đạo sâu sát việc xây dựng phía sau. Ở các xã ta làm chủ, tư tưởng, đời sống vật chất và văn hóa của đồng bào được ổn định và phát triển. Ở Ba Động đồng bào đã đào 2.000m giao thông hào và xây dựng ấp chiến đấu. Ở Gò Xút, Bến Buôn, Ba Lâm đồng bào tạo nên nhiều đồi công, bãi công. Ba Lãnh có lũy và tuyến chiến đấu. Dọc Đường số 5A các xã dựng

chương ngại vật dài 2 km ở nhiều điểm khác nhau, cấm dọc đường 2.783.559 công. Ở mỗi làng đồng bào đào hầm bí mật để cất giấu tài sản đề phòng địch càn tới cướp phá. Nhiều tấm gương chiến đấu, sản xuất phục vụ cho sự nghiệp cách mạng chung xuất hiện trong quần chúng. Ở thôn Nước Lá (Ba Lang) có cụ già bị mù cả hai mắt mà hàng ngày vót được cả nghìn công trở thành niềm tự hào của toàn dân trong huyện¹. Việc phát triển tăng gia sản xuất ở vùng ta làm chủ trở thành nhiệm vụ cấp bách và quan trọng. Mặc dù địch đánh phá liên tục với mức độ tàn ác, dã man làm cho cuộc sống đồng bào bị đói kém đe dọa nhưng sản xuất của nhân dân vẫn giữ được ổn định. Để chống đói và cứu đói, Huyện uỷ phát động đồng bào, chiến sĩ tăng diện tích sản xuất, cải tiến kỹ thuật gieo trồng, chăm sóc lúa và hoa màu. Phong trào làm cỏ bón phân ở vùng giải phóng, ở vùng ta làm chủ phát triển sâu rộng. Đồng bào khai thác các mặt hàng lâm thổ sản như mật ong, mây, trâu cau, chè để trao đổi hàng hóa và muối. Huyện mở các chợ Ba Lãnh, Ba Lâm, Ba Bích. Dù trong năm 1964 bị thiên tai nặng nhưng đời sống đồng bào được cải thiện hơn trước. Một số nghề thủ công được khôi phục và phát triển lại như dệt, rèn, chằm nón. Đến cuối năm 1965 ở huyện đồng bào 11 xã (5 xã khu Bắc, 4 xã khu Đông và Ba Động, Ba Lâm) có mức sống tương đối dễ chịu, đồng bào 17 xã không lâm vào tình trạng thiếu đói từ 1 đến 2 tháng (thời kỳ giáp hạt). Nạn đói triền miên trong

1. Đó là cụ Phan Văn Hề ở thôn Nước Lá (Ba Lang).

đồng bào được xóa bỏ. Thực hiện chính sách ruộng đất của Đảng, ở 3 xã Ba Động, Ba Lâm, Ba Điền, huyện đã chia 46 mẫu 6 sào đất cho 114 gia đình (gồm 606 nhân khẩu). Ngoài ra, 21 gia đình khác (gồm 166 nhân khẩu) được giảm tô 330 ang lúa. Cũng trong những năm này, phong trào chuyển nhà sàn thành nhà đất trở nên phổ biến trong đồng bào ở Ba Tầng và một số xã khác.

Đồng bào các dân tộc ở Ba Tư tiếp tục đóng góp xứng đáng sức người và của cho kháng chiến. Vụ tháng 3 năm 1965, Huyện đã đóng góp cho quỹ động viên nuôi quân toàn tỉnh 61.845 ang lúa, gạo và 30.739 đồng. Trong 2 năm 1964, 1965 đồng bào đã tiễn đưa trên 150 con em tòng quân.

Ngoài ra, hàng tháng, Huyện cử dân công ra chiến trường phục vụ giao thông, vận tải, xây dựng cơ sở cho khu và tỉnh.

Công tác y tế phát triển khá, phòng và chống kịp thời bệnh dịch. Phong trào vệ sinh phòng bệnh có tác dụng thiết thực nâng cao sức khỏe quần chúng. Ngành giáo dục đẩy mạnh việc dạy và học. Số học viên bình dân học vụ và học sinh phổ thông ngày càng nhiều. Đội ngũ giáo viên thường xuyên được đào tạo và bồi dưỡng ở tỉnh, huyện. Xã Ba Khâm trở thành xã đầu tiên của miền núi và là 1 trong 2 xã toàn tỉnh hoàn thành xóa nạn mù chữ, trở thành tấm gương điển hình trong phong trào phát triển giáo dục toàn tỉnh¹. Công tác thương binh xã hội được chú trọng. Một số

1. Xem: *Báo cáo tình hình miền tây Quảng Ngãi*. Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Quảng Ngãi.

anh em thương binh về xã bắt đầu tham gia các công tác ở thôn xã.

Các tổ chức quần chúng được củng cố hơn trước, phát huy được vai trò của mình. Bộ máy các đoàn thể thanh niên, phụ nữ, nông hội được xây dựng đến tận cơ sở. Toàn huyện có 775 đoàn viên thanh niên ở 25 chi đoàn, phụ nữ có 198 hội viên ở 17 ban, nông hội có 1.350 hội viên ở 13 ban, thanh niên tiên phong có 400 người ở 15 đội, hội viên mặt trận có 600 người ở 13 ban tự quản¹.

Trong vùng giải phóng, công tác an ninh, phòng gian bảo mật được tăng cường. Các cấp chính quyền từ huyện xuống thôn thực hiện tốt việc trấn áp bọn phản cách mạng, diệt tề trừ gian. Đồng bào được học tập đầy đủ các nội dung cảnh giác và chống lại những thủ đoạn do thám, moi móc tin tức của bọn gián điệp biệt kích.

Tiếp tục tăng cường năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ, trong suốt những năm tháng này huyện uỷ Ba Tơ (và cả Huyện uỷ Sông Hề) luôn luôn xem việc xây dựng Đảng bộ vững vàng, đủ sức thực hiện mọi nhiệm vụ mà nhân dân và phong trào cách mạng giao phó là vấn đề quan trọng trước mắt và lâu dài. Công tác tư tưởng lúc nào cũng được đặt lên hàng đầu trong toàn bộ công tác xây dựng Đảng. Phần lớn đảng viên tham gia học các lớp chỉnh huấn, các nghị quyết của các cấp bộ Đảng, đặc biệt là Nghị quyết tháng 1 năm 1961 của Trung ương Đảng,

1. Xem: *Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ công tác Huyện uỷ C.29*. Tài liệu đã dẫn.

Nghị quyết của Đại hội lần thứ nhất Đảng bộ huyện (2-1963), Nghị quyết của Khu uỷ về phát triển du kích chiến tranh và xây dựng làng xã chiến đấu ở miền núi. Riêng năm 1965, Đảng bộ hoàn thành 3 đợt chỉnh huấn của khu cho toàn Đảng bộ và cả quần chúng. Qua học tập và chỉnh huấn, hầu hết đảng viên tỏ rõ sự vững vàng lập trường tư tưởng, ý thức giai cấp, ý thức dân tộc. Các đồng chí đảng viên không ngại khó, ngại khổ, không tiếc xương máu, mồ hôi, luôn luôn đi đầu trong mọi mặt chiến đấu và xây dựng. Mỗi một đồng chí đảng viên của Đảng bộ không ngừng học tập, rèn luyện tự nâng cao trình độ hiểu biết và ý thức giữ gìn kỷ luật. Huyện uỷ bám sát được nhiệm vụ chính trị của từng giai đoạn cách mạng mà đề ra được những biện pháp, kế hoạch thích hợp trong việc giáo dục đảng viên, uốn nắn những biểu hiện lệch lạc của một số đồng chí. Huyện uỷ quán triệt đường lối đấu tranh cách mạng của Đảng, tuân thủ sự chỉ đạo của Tỉnh uỷ và đã thực hiện tốt việc động viên chính trị toàn dân tiến hành một cuộc chiến tranh yêu nước toàn dân, toàn diện và trường kỳ. Huyện uỷ phân công cán bộ, đảng viên bám sát nhiệm vụ mở rộng và xây dựng lực lượng vũ trang chính trị mạnh mẽ đánh bại mọi kế hoạch càn quét, gom dân lập ấp chiến lược của địch. Qua giáo dục tư tưởng, Huyện uỷ đã giữ vững và phát triển phong trào cách mạng, củng cố và mở rộng căn cứ, hành lang chiến lược và vùng giải phóng.

Việc xây dựng chi bộ vững mạnh, chi bộ tự động công

tác, khẩn trương đào tạo, cất nhắc, đề bạt cán bộ đủ sức đảm đương nhiệm vụ theo dõi và lãnh đạo mọi phong trào được Huyện uỷ xem là khâu then chốt. Huyện uỷ nắm vững nhiệm vụ trọng tâm trong công tác tổ chức của Đảng là xây dựng cơ sở Đảng (chi bộ và xã uỷ) vững vàng. Huyện uỷ đẩy mạnh việc củng cố lề lối làm việc của chi bộ, cấp uỷ. Phần lớn các chi bộ đã biết lãnh đạo công tác trong thôn, xã. Huyện uỷ tổ chức nhiều lớp học tập công tác xây dựng chi bộ để toàn thể đảng viên thông hiểu nhiệm vụ và quyền hạn của mình trong việc xây dựng chi bộ. Bên cạnh việc xây dựng chi bộ, Huyện uỷ còn đẩy mạnh công tác củng cố các tổ chức quần chúng.

Để tăng cường sức mạnh và mở rộng hàng ngũ Đảng, Huyện uỷ hai huyện có kế hoạch cụ thể về việc phát triển đảng viên mới, đào tạo cán bộ. Trong giai đoạn chống chiến lược "chiến tranh đặc biệt" của địch, Huyện uỷ đã kết nạp nhiều đảng viên mới từ các phong trào. Các chi bộ nắm vững phương châm tổ chức Đảng trong việc phát triển, nghiên cứu kỹ tiêu chuẩn đảng viên và làm đúng thủ tục phát triển. Huyện uỷ hai huyện luôn luôn quan tâm đến việc đào tạo cán bộ mới, uốn nắn, tập dượt cho cán bộ quen với công tác và chú ý việc kèm cặp, nâng cao trình độ cán bộ xã thôn.

Đến cuối năm 1965, Đảng bộ Ba Tư có 34 chi bộ, 517 đảng viên trong đó có 92 nữ, 474 đảng viên là người dân tộc Hrê. Các chi bộ đều có chi uỷ, có đủ cán bộ phụ trách công tác tư tưởng, tổ chức. Từng bước Huyện uỷ hai huyện chú trọng công tác kiểm tra Đảng, kịp thời xử lý

và chấn chỉnh những biểu hiện lệch lạc, dao động của một số đảng viên và quần chúng, bảo vệ tính trong sạch của Đảng bộ.

Bên cạnh những thành tựu, trong lãnh đạo của Đảng bộ vẫn còn tồn tại một số khuyết điểm. Việc giáo dục tư tưởng cho đảng viên và quần chúng chưa thật đều, chưa theo kịp với sự phát triển nhanh chóng của tình hình và nhiệm vụ. Sản xuất và tích lũy kinh tế chưa thật sự bảo đảm yêu cầu ngày càng cao của đời sống nhân dân, dự trữ cho kháng chiến lâu dài. Việc giao lưu và giá cả hàng hóa biến động từng lúc ảnh hưởng đến đời sống quần chúng. Trong tuyên truyền ta chưa kịp thời phát huy chiến thắng, cổ vũ, động viên quần chúng phấn khởi với nhiệm vụ cách mạng, chưa đập tan hoàn toàn các luận điệu tuyên truyền chiến tranh tâm lý và chiêu hồi của địch đến tận gốc rễ. Do chủ quan và thiếu cảnh giác nên trên đất Ba Tơ đã xảy ra một số vụ việc đáng tiếc (ở xã Ba Nam (1963), ở xã Ba Ngạc (1965), Huyện uỷ phải tốn rất nhiều thời gian và công sức mới giải quyết, ổn định được tình hình.

Nhìn chung, trong giai đoạn chiến đấu và đánh bại chiến lược "chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, Đảng bộ và đồng bào Ba Tơ đã trải qua một thời kỳ đấu tranh quyết liệt. Đồng bào Ba Tơ dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ luôn luôn mang trọng mình khí thế sôi nổi cách mạng, vùng lên chống lại địch có thể nói là liên tục. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, các phong trào cách mạng

ngày càng phát triển, vững vàng. Hết xã thôn này đến xã thôn khác, đồng bào lần lượt đứng lên dùng bạo lực cách mạng đánh đổ ngụy quyền và giải phóng quê hương. Đến khi địch bị phá sản hoàn toàn chiến lược "chiến tranh đặc biệt" thì trên vùng đất Ba Tơ, đồng bào đã giành được quyền làm chủ phần lớn làng xã, thôn, xóm trong huyện.

Chương IX: THAM GIA ĐÁNH BẠI CHIẾN LƯỢC "CHIẾN TRANH CỤC BỘ" CỦA ĐẾ QUỐC MỸ (1965 - 1968)

Đến giữa năm 1965, chiến lược "chiến tranh đặc biệt" của Kennơđi ở miền Nam căn bản bị thất bại. Thế và lực của cách mạng miền Nam được củng cố và phát triển vững chắc. Toàn Đảng, toàn quân, toàn dân nô nức phấn khởi trước thắng lợi của phong trào cách mạng miền Nam và những thành tựu trong xây dựng của miền Bắc xã hội chủ nghĩa.

Tiếp tục âm mưu thôn tính đất nước ta, đàn áp phong trào cách mạng khắp thế giới, tập đoàn thống trị Mỹ khẩn trương vạch ra kiểu chiến tranh mới thay cho chiến lược cũ đã bị phá sản. Tháng 3 năm 1965, quân đội Mỹ vào Đà Nẵng trực tiếp chiến đấu chống nhân dân ta. Ngày 9-7-1965, Tổng thống Giôn-xơn chuẩn y kế hoạch giành thắng lợi trong vòng từ hai năm đến hai năm rưỡi của tướng Oétmolen. Chiến lược "chiến tranh cục bộ" chính thức được áp dụng vào Việt Nam.

Mục tiêu của chiến lược "chiến tranh cục bộ" là nhằm

đánh gãy "xương sống Việt cộng" tức là tiêu diệt chủ lực của quân giải phóng và "bình định nông thôn", loại trừ vĩnh viễn những lực lượng cộng sản trong các vùng ở Nam Việt Nam, đồng thời áp dụng chiến lược leo thang bằng sức mạnh của không quân và hải quân, đánh ra miền Bắc nước ta theo kế hoạch có quy mô lớn gọi là "Sấm rền". Ở miền Nam, Mỹ sử dụng một lúc hai lực lượng chiến lược là quân Mỹ và quân ngụy Sài Gòn, trong đó quân Mỹ đóng vai trò nòng cốt. Biện pháp chúng dùng là tập trung từ 20 vạn đến nửa triệu quân Mỹ và chư hầu vào nhiệm vụ tìm diệt, liên tiếp mở hàng loạt cuộc hành quân quy mô lớn để tiêu diệt lực lượng quân giải phóng. Quân ngụy được sử dụng tập trung vào nhiệm vụ "bình định nông thôn", càn quét để giữ an ninh. Từ giữa năm 1965, lực lượng quân Mỹ và tay sai có mặt ở tỉnh ta với số lượng lớn. Chúng dùng mọi thủ đoạn man rợ, xảo quyệt nhất để đánh phá, tàn sát đồng bào ta. Hàng ngàn cán bộ, đảng viên, chiến sĩ, nhân dân bị tù đầy, chém giết, mổ bụng, moi gan, chôn sống...

Đến cuối năm 1965, ở huyện Ba Tơ, địch có 6 đại đội thuộc lực lượng đặc biệt, 1 đại đội bảo an, 2 trung đội Trường Sơn, 1 trung đội thanh niên tân trang, 5 trung đội dân vệ, 1 trung đội thám báo. Số cứ điểm giảm nhưng được phòng thủ vững chắc hơn, ngụy quân tăng cường hoạt động hơn trước nhằm bảo vệ đồn. Địch xây dựng phân khu Giá Vụt và biến nơi này thành trại huấn luyện biệt kích. Đồng thời chúng xúc tiến xây dựng căn cứ biệt kích Đá Bàn.

Chúng lùng lội, sục sạo vào vùng giải phóng, vùng ta làm chủ nhất là ở các xã Ba Tầng, Ba Cung, Ba Chùa, Ba Dinh, Ba Chi, Ba Dung, Ba Xa, Ba Nam... Nét mới trong càn quét của địch là sử dụng biệt kích trong mỗi trận càn. Chúng lùng lội vào vùng giáp ranh và phụ cận quận lỵ, cứ điểm, đường giao thông để ngăn chặn và khống chế mọi hoạt động của ta. Ở các xã vùng cao, chúng dùng HUIA, HUIB đổ quân xuống một điểm rồi loang ra sục sạo. Máy bay phản lực oanh tạc nhiều lần ở các thôn thuộc xã Ba Điền, Ba Sơn. Lực lượng biệt kích đánh úp vào trại du kích Ba Cung làm chết và bị thương 8 người, tập kích vào trại du kích Ba Xa làm chết và bị thương 3 người, đột nhập vào đội công tác Ba Tô giết chết đồng chí lãnh đạo xã... Ở các xã phía tây, bọn biệt kích thường xuyên phục kích những đường ta hay qua lại. Chúng tăng cường khống chế vùng ngoại vi Giá Vụt nhất là Ba Vi, Ba Tiêu, Ba Xa. Có lúc chúng thọc quân xuống đánh phá Ba Ngạc.

Trong đợt phản công "chiến dịch mùa khô" lần thứ nhất địch tiến hành càn kéo dài từ cuối tháng 11 năm 1965 đến tận giữa năm 1966. Ngoài lực lượng ngụy càn thường xuyên, ở Ba Tơ, quân Mỹ thực hiện 3 cuộc càn độc lập. Ngày 21-01-1966 trong chiến dịch càn "diều hâu đôi", chúng sử dụng một đại đội xuất quân từ quận lỵ Ba Tơ vào Ba Chùa, đi xuyên sơn thọc xuống Ba Cung đến sáng 23 tháng 01 rút về lại Ba Tơ. Đến ngày 30 và 31 tháng 01 chúng dùng hai tiểu đoàn phối hợp với 37 trực thăng đổ quân, 2 máy bay trinh sát, 6 máy bay phản lực bắn phá dữ dội dọc Đường số 5A (từ cây số 7 đến đèo Đá

Chát) sau đó đổ quân xuống chiếm các đồi Gò Mạnh, Gò Phú, Gò Tàu Bay, Đá Chát, Vực Liềm và cắt đứt đường đi lại của ta.

Đi đôi với càn quét, địch tích cực gài, cấy gián điệp vào các vùng ta làm chủ, tuyên truyền tâm lý chiến để lôi kéo dân từ vùng ta về vùng chúng. Chúng đem vải vóc, nông cụ, thuốc men, tiền bạc phân phát cho một số đồng bào để tăng bốc Mỹ - Thiệu - Kỳ nhằm mua chuộc dân. Với âm mưu này, chúng lôi kéo được một số dân Ba Bích chạy ra vùng chúng.

Đến cuối năm 1965, số ấp và khu đồn trên địa bàn huyện ta không thay đổi, nhưng dân lỏng lẻo nhiều. Ở Ba Tơ địch xây dựng một khu định cư lớn¹. Chúng ráo riết bắt lính trong các ấp để bù vào con số thiếu hụt trong đó bắt cả nữ và thiếu nhi từ 14 tuổi trở lên. Chúng mở nhiều lớp đào tạo, huấn luyện cho bọn ngụy quân, ngụy quyền.

Địch tăng mức độ hoạt động của phi pháo, ném bom lên rất cao so với trước. B52, B57 hoạt động ném bom ngày đêm vào khắp vùng ta. Chúng thả nhiều bom hạng nặng, phá hoại hoa màu, nương rẫy và nhà cửa, giết hại đồng bào, súc vật. Chất độc hóa học chúng rải xuống mảnh đất ta với mức độ khủng khiếp, hủy hoại sức sống của cây cối, ruộng vườn nhất là ở khu Bắc. Trong đồng bào có nhiều người nhiễm độc nặng. Việc sản xuất và đời sống của nhân dân vô cùng khó khăn.

Tháng 1 năm 1965, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ II

1. Ở miền tây Quảng Ngãi năm 1966 địch xây dựng 2 khu định cư lớn: 1 ở Ba Tơ, 1 ở Sơn Hà.

(trong kháng chiến chống Mỹ) được triệu tập. Đại hội tổng kết những kinh nghiệm của chặng đường đấu tranh vừa qua, phấn khởi trước những thắng lợi trong việc giải phóng phần lớn nông thôn của tỉnh, xây dựng căn cứ địa cách mạng và vùng giải phóng ngày càng vững chắc. Qua chặng đường đấu tranh này, Đảng bộ và quân dân của tỉnh được rèn luyện, thử thách và đạt nhiều thành tích lớn lao. Niềm tin yêu của dân đối với Đảng, với cách mạng tăng thêm nhiều. Xuất phát từ đó, Đại hội đã đề ra nhiệm vụ cụ thể và quan trọng: "Phát huy những thắng lợi cơ bản, khắc phục nhanh chóng những khó khăn trước mắt, động viên những nỗ lực phi thường của toàn Đảng bộ, toàn quân, toàn dân thừa thắng xông lên truy kích địch, liên tục nổi dậy bằng ba mũi giáp công, mạnh mẽ và đều khắp"¹.

Tiếp thu và quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ II, Đảng bộ Ba Tơ kịp thời phát động phong trào "toàn Đảng, toàn dân, toàn quân giữ vững quyết tâm, quyết đánh thắng giặc Mỹ trong bất cứ loại chiến tranh nào". Sau khi nhận xét, đánh giá đúng đắn tình hình địch, ta ở huyện, nhận rõ nhiệm vụ sắp đến, Huyện uỷ chủ trương tổ chức tập huấn cho cán bộ, đảng viên nhất là ở các thôn, xã nhằm củng cố thêm nhận thức và biện pháp tiến hành lãnh đạo các phong trào ở địa phương. Để theo dõi và giúp Huyện uỷ chỉ đạo, lãnh đạo kịp thời, phần lớn cán bộ, đảng viên luôn luôn đi sát các xã, thôn

1. Xem: *Báo cáo Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ II (1-1965)*. Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Quảng Ngãi.

để phát động phong trào và uốn nắn kịp thời những sai sót xảy ra.

Tháng 6 năm 1965, Đại hội lần thứ II Đảng bộ Ba Tơ được triệu tập tại Hoắc Lăng (Ba Sơn). Đại biểu Đại hội đã lắng nghe báo cáo tổng kết nhiệm kỳ I, thảo luận và đánh giá những thắng lợi và tồn tại trong thời gian qua. Trên cơ sở thế và lực của phong trào cách mạng địa phương, thể hiện ý chí của toàn dân, toàn Đảng bộ, Đại hội đã đề ra các nhiệm vụ chủ yếu như sau:

1. Phát động phong trào cách mạng của quần chúng, đồng bào, chiến sĩ trong toàn huyện lên bước phát triển mới.

2. củng cố và phát triển vững chắc phong trào nhân dân du kích chiến tranh thông qua tổ chức cho đảng viên, cán bộ và đông đảo quần chúng học tập nghị quyết hội nghị du kích chiến tranh toàn khu (3-1965) và Nghị quyết của Đại hội II Đảng bộ huyện.

3. Tăng cường chỉ đạo lực lượng vũ trang, bán vũ trang kiên trì bám địch, tiêu hao sinh lực địch, chống càn quét, chống bình định.

4. Xây dựng vùng căn cứ mạnh, phát triển mọi mặt kinh tế, văn hóa, đời sống... đóng góp nhiều công sức và của cải cho kháng chiến toàn tỉnh.

5. Xây dựng Đảng bộ mạnh mẽ về số lượng và chất lượng.

Đại hội đã bầu lại đồng chí Phạm Văn Sáu làm Bí thư Huyện ủy.

Cùng thời gian này, Đại hội Đảng bộ (Sông Re) lần thứ I được triệu tập tại Tà Noát (Ba Ngạc). Đại hội căn cứ

vào yêu cầu lãnh đạo phong trào cách mạng của huyện đã đề ra một số nhiệm vụ cơ bản trong thời gian tới. Trong đó nhiệm vụ giành giữ dân, tiêu diệt địch tại căn cứ Giá Vụt, phá ấp, phá đồn của địch là công tác trọng tâm. Đại hội đã bầu đồng chí Đinh Văn Lát làm Bí thư Huyện uỷ.

Phát huy những thắng lợi nửa đầu năm 1965, nhân dân Ba Tơ tiếp tục đẩy địch vào thế suy yếu nghiêm trọng. Tuy từng lúc, từng nơi địch tăng cường phản kích, gây khó khăn cho ta nhưng rõ ràng chúng đã lui dần vào thế phòng ngự, cố thủ và có xu thế bỏ xa vùng giải phóng của ta.

Góp phần cùng nhân dân cả tỉnh đánh bại cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ nhất (1965 - 1966), Huyện uỷ Ba Tơ lãnh đạo các đơn vị vũ trang của huyện và các xã liên tục chiến đấu tiêu hao sinh lực địch phía trước, mở rộng hướng giành dân, củng cố và phát triển đời sống nhân dân ở vùng phía sau. Hưởng ứng kế hoạch thi đua "Ba Tơ quyết thắng", chấp hành chỉ thị ngày 13-02-1966 của Tỉnh uỷ về việc tăng cường đấu tranh chính trị tập trung, trực diện, Đảng bộ Ba Tơ mở đợt phát động tư tưởng trong toàn Đảng bộ, toàn dân đẩy mạnh mũi đấu tranh chính trị lên cao. Để thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ, Đảng bộ đã vạch ra chương trình công tác của các đoàn phát động xây dựng và các đoàn thể quần chúng. Việc xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên trách phong trào đấu tranh chính trị được chú ý kỹ lưỡng hơn trước.

Trong 6 tháng đầu năm 1965, quân và dân Ba Tơ đã đánh tất cả 21 trận lớn tiêu diệt 263 tên địch trong đó có 149 tên Mỹ, bắt sống 8 tên trong đó có 2 tên Mỹ, thu 16

súng có 2 trung liên, thu 2.424 viên đạn, 2 máy bộ đàm, bắn rơi 3 máy bay. Niềm tự hào và phấn khởi của quân và dân Ba Tơ tăng lên vì cả hai tên Mỹ đầu tiên bị bắt sống ở miền núi tỉnh ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, đều trên mảnh đất Ba Tơ anh hùng. Cùng với các đơn vị vũ trang của tỉnh, lực lượng vũ trang địa phương và du kích xã đã diệt gọn một đại đội lính Mỹ trong cuộc hành quân từ ngày 28-01 đến ngày 05-2-1965 vào vùng ta. Đây là lần đầu tiên ở miền núi, quân và dân ta đánh tiêu diệt tan tác cả một lực lượng lớn quân Mỹ. Chiến thắng này làm nức lòng đồng bào miền núi tỉnh nhà và cổ vũ cho những thắng lợi mới trước kẻ thù hung bạo. Trong chống càn quét, hành quân của địch, lực lượng vũ trang địa phương và du kích các xã liên tục bám địch, quần nhau với địch, đánh đêm đánh ngày không cho địch nghỉ ngơi. Trong chiến đấu, nhiều tấm gương anh hùng, trung kiên xuất hiện. Đồng bào Ba Tơ thu được nhiều kết quả trong chống càn, nhất là chống Mỹ càn quét. Du kích nhiều xã (Ba Lang, Ba Chùa, Ba Lanh, Ba Điền, Ba Lâm, Ba Gia...) bám sát các đường chiến lược, bám sát các xóm làng chống Mỹ, cứu nước. Đồng bào trong vùng căn cứ, vùng ta làm chủ xây dựng được nhiều công sự bắn máy bay và đã bắn hạ một số máy bay của địch, hạn chế sự hoạt động trên không của chúng. Tỉnh uỷ đánh giá cao phong trào chống càn và bắn máy bay của nhân dân Ba Tơ.

Cùng với thắng lợi của phong trào đấu tranh chính trị, tiêu hao địch bằng hoạt động vũ trang, công tác giành dân ở huyện cũng thu được nhiều kết quả đáng phấn khởi.

Ta đã chuyển một số xã từ thế bị kìm kẹp sang thế làm chủ như Ba Đình, Ba Tiêu, Ba Tầng, Ba Cung với dân số 2.045 người. Dân Ba Bích, Ba Đình từ vùng dịch chạy về ta 253 người. Ta phá tan các ấp Ba Cung, Ba Tầng, Đá Bàn và tạo điều kiện cho nhiều đồng bào thoát ra khỏi ấp. Tỷ lệ dân làm chủ ở huyện là 78%¹.

Sau thất bại mùa khô lần thứ nhất và bị đẩy vào thế bị động, kẻ thù điên cuồng tìm mọi cách đánh phá phong trào cách mạng Ba Tơ. Cuối năm 1966 chúng tập trung sức ngoan cố mở đợt phản công chiến lược mùa khô lần thứ hai để giành lại thế chủ động trên chiến trường, hòng tiêu diệt lực lượng quân chủ lực và quân địa phương của ta. Nhiều đơn vị Mỹ được điều đến chiếm đóng, càn quét ở phía đông huyện Ba Tơ. Chúng đưa toàn bộ Lữ đoàn I của Sư đoàn 101 dù đến Đức Phổ và các xã Ba Trang, Ba Lương, Ba Khâm, dựa vào ưu thế của không quân, cơ giới mở càn quét, đánh phá, rải chất độc hóa học thực hiện chương trình khủng bố trắng, gây khủng khiếp trong dân. Trong hành quân càn quét, chúng thực hiện phối hợp liên kết giữa quân Mỹ và quân ngụy lấy quân Mỹ làm lực lượng xung kích. Đầu tháng 4 năm 1967 sau khi đưa bọn kỵ binh không vận và dù vào, chúng rải quân đóng nhiều nơi ở phía đông huyện và áp dụng chiến thuật "bủa lưới phóng lao"². Cùng với hành quân "bình định" ở Đức Phổ, từ 20

1. Xem: *Báo cáo tổng kết năm 1966 của Tỉnh uỷ Quảng Ngãi*. Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Quảng Ngãi.

2. Dùng trực thăng, xe bọc thép hòng đánh bật ta ra khỏi dân, thực hiện xức tát.

tháng 4 chúng mở cuộc càn Đắc Hao 8 chà xát vùng đông của huyện. Cuối tháng 4 năm 1967, chúng mở cuộc hành quân Maller dài ngày. Trong đợt phản công chiến lược mùa khô lần thứ hai (1966 - 1967) kẻ thù đã tàn phá dã man, gây ra những tội ác mà đồng bào muôn đời không quên. Mỹ - ngụy bắn chết 417 đồng bào và chiến sĩ, bắn bị thương 72 người, bắt nhốt tù và tra tấn man rợ 13 người, bắn chết 252 con trâu, đốt cháy 1.766 nóc nhà, đốt cháy sạch 10 chòi dựng lúa gồm 5.000 ang, cướp trắng 3.000 ang lúa, 3.110 ang gạo và 22 cái ché. Máy bay B52 của địch đã 54 lần rải bom xuống mảnh đất Ba Tơ, diệt sạch 3 xóm. Khắp nơi nơi trong huyện đầy những cảnh nhà cháy, làng thôn bị phá, ruộng đồng hoang tàn.

Song song với càn quét, lùng sục, địch sử dụng các trận địa pháo bắn phá hầu hết các vùng ở huyện để ổn định tinh thần binh lính và dọn đường cho các cuộc hành quân. Đồng bào ở vùng chúng kiểm soát bị o ép, khủng bố. Chúng gọi hầu hết thanh niên trong lứa tuổi từ 16 đến 33 đi trình diện để bắt lính. Thiếu nhi 15 tuổi phải làm thẻ căn cước.

Vui mừng trước những thành tích của mọi hoạt động đánh bại kẻ thù trong đợt chống lại chiến dịch phản công chiến lược mùa khô lần thứ nhất (1965 - 1966), Đảng bộ và toàn quân dân Ba Tơ tiếp tục xốc tới đánh rã nguy quân, nguy quyền. Sự tàn bạo của kẻ thù không làm cho nhân dân Ba Tơ sợ hãi. Đồng bào thể hiện lòng tin tưởng sắt đá vào chiến thắng, sẵn sàng đứng lên đánh địch, với khẩu hiệu "thề quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh". Đảng bộ

tiến hành học tập trong Đảng, trong quân chúng chỉ thị chống càn của Tỉnh uỷ đồng thời phát động căm thù địch trong toàn dân, thực hiện triệt để lánh cư, di tản trong dân và chuyển các cơ quan, kho tàng về khu vực an toàn. Ban chỉ huy chống càn các cấp được thành lập. Trong từng vùng, các đồng chí cấp uỷ được phân công lãnh đạo trực tiếp từng hoạt động của phong trào. Trong quý I năm 1967, ta giải phóng được xã Ba Tiêu khoảng 400 dân. Các lực lượng vũ trang và bán vũ trang ở huyện đánh lớn nhỏ 42 trận, diệt 154 tên (có 21 Mỹ), diệt gọn 2 trung đội, thu 16 súng, bắn rơi 2 máy bay. Lực lượng du kích ngày đêm bao vây chi khu Giá Vụt, nhiều tên địch bị bắn tía bỏ xác nên bọn nguy quân, nguy quyền khiếp sợ, hoang mang. Trong cuộc chống càn Đắc Hao 8, lực lượng vũ trang huyện và du kích địa phương đã tập kích vào Gội Tía (Ba Lãnh) đánh tan một trung đội biệt kích Mỹ trong đó diệt chết 8 tên, thu 4 súng. Bên ta hy sinh 2 đồng chí. Ở phía sau, Huyện uỷ giáo dục đồng bào nhận thức sâu sắc tinh thần một lòng một dạ bám lấy quê hương "một tấc không đi, một ly không rời". Đồng bào ở vùng cao, vùng ta làm chủ kéo về quản lý và các đồn bót đấu tranh chống rải chất độc hóa học, chống phi pháo, chống ném bom bừa bãi, đòi bồi thường, đòi cứu tế, đòi tự do đi lại buôn bán bình thường giữa 2 vùng. Huyện uỷ mở các đợt tấn công chính trị quy mô vào quản lý, đồn bót với nội dung chống càn, chống tàn sát, tố cáo tội ác Mỹ, đòi Mỹ rút về nước... Trong nhiều cuộc đấu tranh, đồng bào đem cơm, gạo ăn uống nằm tại chỗ buộc địch giải quyết những yêu cầu chính

đáng của dân. Ngụy quyền phải nhận tội, hứa can thiệp để Mỹ không rải chất độc hóa học và bồi thường thiệt hại cho dân...

Bị quân và dân ta đánh cho tơi bời trong hai chiến dịch phản công chiến lược mùa khô, Mỹ - ngụy rơi vào thế sa lầy. Bọn ngụy quân, ngụy quyền ở tỉnh ta ngày càng rệu rã tinh thần chiến đấu. Để vực bọn ngụy quân, ngụy quyền đứng dậy, từ ngày 6 tháng 8 đến ngày 28 tháng 8 năm 1967, Mỹ và bọn tay sai mở chiến dịch càn lớn vào miền núi tỉnh ta có tên là "chiến dịch càn sông Re". Mục đích của "chiến dịch càn sông Re" của Mỹ - ngụy là truy tìm và tiêu diệt các lực lượng quân chủ lực, quân địa phương của khu, của tỉnh nhằm cứu vãn tình thế của chúng ở miền núi. Trong trận càn lớn này, địch sử dụng lực lượng quân đội đông gồm nhiều binh chủng, phối hợp không quân với bộ binh đánh phá ác liệt vùng đất của ta, đánh thọc sâu vào vùng căn cứ của ta. 7 giờ 30 phút ngày 6 tháng 8 năm 1967, địch dùng 18 trực thăng, 4 tàu rọ, 4 máy bay trinh sát kết hợp với pháo từ Giá Vụt đánh phá dữ dội vùng Mò O, Nước Lầy và các cao điểm xung quanh. Đến 8 giờ 30 phút, 70 chiếc trực thăng cùng 6 máy bay phản lực yểm trợ đổ bộ lính ngụy xuống các vùng trong huyện Sông Hề và các xã phía tây Ba Tơ để càn quét và cướp phá.

Tỉnh uỷ kịp thời chỉ đạo cho các Huyện uỷ Ba Tơ, Sông Hề tổ chức chống càn, đánh phủ đầu vào các lực lượng ngụy quân và Mỹ. Huyện uỷ Ba Tơ và Sông Hề lập tức triển khai kế hoạch chống kẻ thù trên địa bàn mình,

phát động tinh thần hy sinh ngoan cường trong chiến đấu bảo vệ mảnh đất quê hương khắp các thôn, xã. Các lực lượng vũ trang địa phương và du kích xã, thôn sẵn sàng chờ đón và đánh tiêu diệt địch. Muôn người như một, đồng bào Ba Tư thể quyết làm cho Sông Re nổi sóng nhấn chìm kẻ thù. Bằng sức mạnh của quân chủ lực khu, tỉnh và lực lượng vũ trang địa phương và ý chí của toàn thể đồng bào, trong trận chống càn này, ta bắn rơi 13 trực thăng, 2 khu trục, bắn hỏng 16 chiếc khác, tiêu diệt hoàn toàn 1 đại đội Mỹ. Bên ta hy sinh 1 đồng chí, bị thương 3 đồng chí. Riêng lực lượng vũ trang huyện và du kích Giá Vụt trong 21 ngày lịch sử ấy đã đánh tất cả 9 trận, diệt 32 tên (có 22 Mỹ), hạ 6 máy bay, thu nhiều súng đạn, thu được cả máy ảnh. Du kích xã Ba Ngạc bắn rơi 1 HU-1A, diệt 6 Mỹ. Du kích Ba Liên diệt 7 tên (có 4 Mỹ), du kích Ba Xa bắn rơi 1 tàu rọ¹.

Chiều ngày 28 tháng 8 năm 1967, địch phải rút khỏi địa bàn Sông Re. Kế hoạch tìm diệt và bình định của chúng không thực hiện được. Trong đánh giá trận chống càn Sông Re, Tỉnh uỷ biểu dương cán bộ Ba Tư đã nêu được những bài học về bám dân rất quý giá². Qua lãnh đạo nhân dân chống càn quét, các đồng chí cán bộ, đảng viên nêu cao được tinh thần gương mẫu, đi đầu trong mọi công tác và quan trọng nhất là lúc nào cũng gắn bó với đồng bào cùng nhau đánh kẻ thù.

1,2. Xem: *Báo cáo tổng kết chống càn Sông Hre (6-8 đến 28-8-1967)*. Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Quảng Ngãi.

Đồng bào bị xúc tác một số nơi dồn về quận lỵ đã lần lượt nổi dậy trở về làng cũ. Ta làm chủ được nhiều xã giáp ranh với quận lỵ, nắm được hầu hết đồng bào trong huyện.

Sang năm 1968, với chiến thuật cố giữ những vùng còn kiểm soát được, địch tăng cường phòng thủ với lực lượng lớn. Chúng dồn dân, lập ấp với các thủ đoạn tàn bạo hơn nhiều so với trước. Chúng gây ra những cuộc tàn sát đẫm máu điển hình như giết người hàng loạt ở Ba Chùa, càn quét cướp sạch tài sản và bắt người ở Ba Điền, Ba Gia, Ba Giang, Ba Chùa, Ba Dinh... Bọn biệt kích được tổ chức theo kiểu Mỹ (mà ta gọi là biệt kích Mỹ). Chúng lấy Giá Vụt, Đá Bàn làm trung tâm huấn luyện. Cứ điểm được củng cố kiên cố hơn trước. Ở các ấp chiến lược chúng tăng số rào vi (ấp Hoàn Đôn có 13 lớp rào). Ở quận lỵ địch đào thêm hầm ngầm, xây dựng bót gác, xây lô cốt ở ngõ các ấp và đồn, sử dụng từ 2 tiểu đội đến 1 trung đội canh gác ở mỗi ấp, đồn.

Tính chất lòng sục, càn quét quay lại quy mô nhỏ từ trung đội đến đại đội bằng trực thăng đổ quân. Biệt kích tăng cường đi sâu vào vùng giải phóng, chặn hành lang, làm trở ngại giao thông, giao lưu. Địch bố trí một phần ba biệt kích giữ cứ điểm, hai phần ba nằm rừng, chia thành từng nhóm từ 1 tiểu đội đến 1 trung đội thay phiên nhau trong 7 ngày, lùng vào những vùng hẻo lánh từ trước đây chúng không dám đến như Gội Re (Ba Xa), Hùỵ Tương (Ba Điền). Ngụy quân ở Giá Vụt thường xuyên xuống Ba

Ngạc phá hoại sản xuất và thu hoạch của đồng bào. Bọn lính Mỹ ở Đức Phổ thường sục sạo lâu ngày ở vùng giáp ranh Đức Phổ - Ba Tơ.

Tháng 10 năm 1967, Đại hội Đảng bộ Ba Tơ lần thứ III được triệu tập tại Gò P.Lũ (Ba Sơn). Đại hội tổng kết chặng đường đấu tranh chống bè lũ cướp nước và bán nước từ tháng 5 năm 1965 đến thời gian hiện tại. Các đại biểu dự Đại hội đã thảo luận, quán triệt các chủ trương, đường lối do cấp trên đề ra sau hai đợt phản công chiến lược mùa khô của địch. Đại hội đặt ra nhiệm vụ chủ yếu trong thời gian tới ở địa phương là tích cực chuẩn bị mọi lực lượng chờ thời cơ khởi nghĩa giành chính quyền.

Đại hội đã bầu lại đồng chí Phạm Văn Sáu làm Bí thư Huyện uỷ.

Sau Đại hội, Đảng bộ Ba Tơ tổ chức cho đảng viên, cán bộ và quần chúng học tập Nghị quyết Đại hội và tiếp tục phát động đợt động viên chính trị trong Đảng bộ và quần chúng cách mạng, ra sức đẩy mạnh đấu tranh quân sự, đấu tranh chính trị, tích cực binh vận đưa phong trào cách mạng của huyện lên một bước mới.

Đánh giá đúng thắng lợi to lớn của quân và dân miền Nam và thất bại, khó khăn của Mỹ - ngụy, tháng 12 năm 1967 Bộ Chính trị đã họp và ra nghị quyết phát động toàn quân, toàn dân mở chiến dịch tổng tấn công và nổi dậy xuân Mậu Thân - 1968, giành thế chủ động trên chiến trường miền Nam. Tỉnh uỷ Quảng Ngãi nhanh chóng tổ chức cho các Huyện uỷ học tập, quán triệt chủ trương của Trung ương và chuẩn bị mọi thực lực cách mạng.

Với khẩu hiệu "tất cả để chiến thắng, tất cả để giành toàn bộ chính quyền về tay nhân dân", Đảng bộ Ba Tơ và Sông Re phát động phong trào bước vào xuân 1968 với khí thế vươn lên xốc tới đánh quy quân thù. Huyện uỷ hai huyện tổ chức học tập chỉnh huấn và củng cố, xây dựng lại các đơn vị vũ trang huyện và du kích xã, thôn. Mỗi xã đều có từ 1 đến 2 trung đội du kích, ở các thôn đều có tổ du kích. Số lượng đảng viên, đoàn viên trong các lực lượng vũ trang, bán vũ trang được tăng cường. Chuẩn bị cho quần chúng đấu tranh chính trị, Huyện uỷ hai huyện mở nhiều lớp huấn luyện có nội dung phục vụ cho yêu cầu chiếm lĩnh, chỉ huy hợp pháp, liên lạc và trinh sát. Từ ngày 20 tháng 12 đến ngày 30 tháng 12 năm 1967, Huyện uỷ kiểm tra lại đội ngũ, đưa quần chúng xuống đường tập dượt việc chiếm lĩnh.

Chấp hành lệnh tổng tấn công của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, ngày 31-01-1968, quân và dân ta tổ chức tấn công địch khắp nơi. Đảng bộ hai huyện lãnh đạo cuộc chiến đấu đầu năm với việc triển khai ba mũi giáp công nhíp nhàng. Lực lượng vũ trang và bán vũ trang của huyện bám sát quận lỵ, đánh liên tục các vùng kế cận và 2 lần tấn công trung tâm, khu trọng điểm.

Vào lúc 1 giờ ngày 31 tháng 01, lực lượng vũ trang huyện được sự nội ứng của cơ sở trong lực lượng quân nguy, đột nhập vào khu vực lính Trường Sơn đóng giữ ấp Hoàn Đồn cách quận lỵ Ba Tơ 200 mét về phía Bắc. Sau 15 phút chiến đấu, ta đánh sập 1 khu nhà lính Trường Sơn và làm hư hại 12 khu nhà khác, giết chết 48 tên trong

đó có 3 ác ôn. Sáng ngày 03 tháng 02, hơn 3.000 quần chúng bưng bưng khí thế tiến vào quận lỵ đấu tranh.

Sau khi ta đánh quận lỵ, một trung đội nghĩa quân dân tộc Hrê do Trung sĩ Đinh Bí chỉ huy nổi dậy diệt ác ôn, mang toàn bộ vũ khí gồm 29 súng trở về với cách mạng. Tiếp theo, đêm 18 tháng 2, một tiểu đội nghĩa quân khác cũng nổi dậy diệt 8 tên ác ôn mang toàn bộ súng trong đó có một trung liên, một bộ đàm về với ta.

Lực lượng ta ở Giá Vụt chống càn, đánh biệt kích có kết quả, diệt 1 lần 20 tên, bắn rơi được máy bay. Trong đại hội dũng sĩ diệt Mỹ của tỉnh, lực lượng vũ trang Giá Vụt được nhận cờ luân lưu.

Đồng bào ở Ba Tơ, Sông Re trong các ấp, khu đồn cũng phối hợp với bên ngoài đập phá đồn, ngõ quận, nổi dậy giành chính quyền. Đến tháng 3 năm 1968 có 1.669 người tham gia đấu tranh với địch. Tinh thần đấu tranh của đồng bào rất ngoan cường. Địch bắn xối xả, quần chúng vẫn tiếp tục đấu tranh với địch. Chị Mai đã xông vào đồn dõ và nâng nòng súng trung liên bắn lên trời cho đồng bào xông lên. Bọn địch ngoan cố tập trung 2 súng trung liên nhả đạn, chị lại xông vào giằng co với 2 tên ác ôn, bóp cổ, giật 2 khẩu trung liên đó.

Lực lượng vũ trang và bán vũ trang hỗ trợ cho quần chúng phá các ấp Đá Bàn, Ba Tầng, Ba Cung, giải phóng gần 3.000 dân. Sau chiến dịch Mậu Thân, 350 dân Ba Lâm bị xúc tát năm 1967 trở về làng cũ. Ở ấp B (Giá Vụt), đồng bào Ba Tơ đấu tranh đòi trở về chỗ cũ, số lượng tham gia đấu tranh lên tới trên 1.000 người.

Với chiến thắng xuân Mậu Thân - 1968, Đảng bộ và nhân dân Ba Tơ góp phần đáng kể cùng toàn tỉnh lập nên những chiến công to lớn, đánh bại chiến lược "chiến tranh cục bộ" của Mỹ - ngụy, đẩy địch vào thế xuống thang quân sự và ngoại giao. Huyện uỷ đã động viên được toàn quân, toàn dân liên tục tấn công nổi dậy thắng lợi, thắng lợi sau củng cố thắng lợi trước và đưa mọi phong trào phát triển sâu về chất ở địa phương mình.

Tiếp tục tiêu diệt địch, phát huy sức mạnh của cách mạng, trong đợt hoạt động cao điểm N (từ 22-5 đến 25-5-1968), quân giải phóng cùng lực lượng vũ trang huyện đã tiến công vào quận lỵ Ba Tơ, trung tâm Đá Bàn, khu nhà thờ, khu vực bọm Trường Sơn cùng nhiều bót gác xung quanh quận lỵ. Đêm 23 tháng 8 phối hợp với các chiến trường chung của tỉnh, ta đột nhập đánh đồn Trường Sơn và buộc bọn này rút vào quận. Ta làm chủ đến 4 giờ sáng rồi kéo xuống chiếm lĩnh 2 ấp Ba Cung, Ba Tầng phát động quần chúng.

Trong đấu tranh chính trị, đồng bào tấn công địch mạnh mẽ, đều khắp. Đa số các cuộc đấu tranh của đồng bào buộc địch phải nhượng bộ, giải quyết các yêu sách. Điều đáng chú ý là đồng bào đã mạnh dạn trực diện đấu tranh với Mỹ - ngụy.

Qua các đợt hoạt động tiêu diệt sinh lực địch, Đảng bộ vận dụng tốt phương châm hai chân ba mũi giáp công, góp phần to lớn vào thắng lợi chung của tỉnh. Binh lính ngụy tuy được hà hơi tiếp sức nhưng tinh thần ngày càng rệu rã, chờ thời cơ là đào ngũ hoặc chạy theo cách mạng.

Nhiều binh lính đồng tình và tham gia các cuộc đấu tranh của quần chúng. Phong trào lính ngụy đào ngũ, rã ngũ từng trung đội, đại đội có xu thế phổ biến. Ta xây dựng được một số cơ sở tình báo trong ngụy quân, ngụy quyền¹.

Nhận định đúng vai trò của phía sau, Huyện uỷ lãnh đạo công tác xây dựng và bảo vệ vùng căn cứ, vùng ta làm chủ. Hầu hết du kích xã, thôn đủ sức đánh tiêu diệt địch càn quét, lùng sục. Nhiều du kích xã đạt danh hiệu dũng sĩ diệt Mỹ. Đội ngũ lão du kích, thiếu niên trưởng thành.

Càng thất bại, địch càng đánh phá dữ dội nên đời sống cán bộ, đồng bào vùng giải phóng gặp khó khăn. Nhiều nơi có lúc 3, 4 tháng liền địch phá dữ dội, ruộng vườn không làm được, có xã không còn trâu, bò, đồng bào phải ăn rau, củ chuối để sống. Thêm vào đó thiên tai liên tiếp xảy ra nên đời sống đồng bào Ba Tư khó khăn. Đầu năm 1968, số người đói ở huyện đã tính đến trên 6.000 người, trong đó có 961 người đói kiệt, hơn 30 người chết đói và 64 người khác do đói sinh ra bệnh tật². Khắc phục khó khăn, Đảng bộ hai huyện khẩn trương phát động phong trào sản xuất rộng khắp toàn dân, trong các cơ quan và lực lượng vũ trang nhất là trồng hoa màu phụ tăng vọt để kịp thời cứu đói. Diện tích sản xuất năm 1968 tăng gấp đôi năm 1967, trong đó vụ hè thu tăng gấp 3 lần. Đảng bộ

1. 1 cảnh sát ở ấp Hoàn Đồn, ấp trưởng Ba Dung, 1 tình báo biệt kích, 9 an ninh bí mật ở khắp các ấp chiến lược.

2. Xem: *Báo cáo kiểm điểm công tác xây dựng Đảng ở miền núi Quảng Ngãi năm 1968*. Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Quảng Ngãi.

tăng cường chỉ đạo sản xuất chăn ruộng, chăn rẫy. Năm 1968, Huyện phát triển thêm được 62 tổ vòng đổi công, hợp tác lao động. Nhân dân ăn cơm ghế, hạn chế nấu và uống rượu, không nuôi heo bằng cơm. Về cải tiến kỹ thuật có nơi đồng bào biết dùng cối xay để xay lúa, biết ngâm ủ chọn giống tốt. Ở khu Đông, trước kia mỗi xã có đến 300 con trâu, nay chỉ còn lại khoảng 5, 6 con trâu, thiếu sức kéo nghiêm trọng, đồng bào lấy sức mình thay trâu để sản xuất. Có chị trong một vụ một mình cuốc đất gieo trồng được 7 ang giống, có gia đình chỉ có 3 khẩu ngoài trồng lúa còn sản xuất được 10.000 gốc mì.

Khắp các thôn xã tinh thần của đồng bào Ba Tơ "sản xuất như giết giặc" được biểu hiện rõ nét và ngoan cường. Đa số đồng bào bám trụ lại quê hương, kiên trì sản xuất, với ý chí địch phá một ta làm hai và đào cả hầm ngoài rẫy để sản xuất ngày đêm. Công tác thủy lợi, làm cỏ bón phân, phong trào vòng công hợp tác được đẩy mạnh. Lời phát biểu của đồng bào Ba Tơ "Còn lá rừng còn ăn, còn đánh giặc Mỹ và tay sai, nắm chắc tay súng đến thắng lợi hoàn toàn" trở thành lời thề son sắt của đồng bào trong tỉnh. Nhờ đẩy mạnh sản xuất, khôi phục dần việc giao lưu hàng hóa và tỉnh giúp cho 30 tấn gạo, nạn đói ở Ba Tơ được đẩy lùi. Đến tháng 8 năm 1968, nạn đói cơm, lạt muối đã căn bản chấm dứt. Đến cuối năm 1968 bình quân chất bột trên đầu người ở Ba Tơ là 363 kg (trong khi của tỉnh là 360 kg)¹.

1. Xem: *Báo cáo tổng kết năm 1968 của Tỉnh uỷ*. Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Quảng Ngãi.

Mặc dù gặp nhiều khó khăn, đồng bào Ba Tơ vẫn tích cực đóng góp cho cách mạng. Đảng bộ 2 huyện tổ chức học tập phát động đóng góp nuôi quân. Hầu hết nhân dân tham gia học tập, các xã phía bắc tham gia học đầy đủ. Huyện đã đưa nhiều con em lên đường nhập ngũ. Đoàn viên thanh niên thường xuyên có mặt trên đường vận chuyển vũ khí, làm đường, làm cầu. Riêng ở huyện Sông Hâm, lực lượng thanh niên xung phong vượt chỉ tiêu so với kế hoạch tỉnh giao. Lương thực, thực phẩm đóng góp cho nuôi quân ngày càng nhiều. Bình quân mỗi người dân Ba Tơ đóng góp cho kháng chiến 60 kg chất bột. Các hình thức sinh hoạt văn hóa, không khí vui tươi và lành mạnh ngày càng lan rộng khắp nơi trong huyện. Công tác giáo dục ở Ba Tơ lúc này rất sôi nổi. Phát huy tấm gương của xã Ba Khâm, nhân dân các xã thi đua học tập và quyết tâm xóa nạn mù chữ. Ở huyện có 10 lớp phổ thông cho thiếu nhi (gần 150 em). Trường bổ túc văn hóa huyện liên tục mở các lớp cho học viên (3 khóa, 160 người). Ngành y tế kịp thời phòng chống, chữa bệnh cho người và gia súc. Cán bộ y tế thường xuyên được bồi dưỡng nghiệp vụ.

Chính quyền vững mạnh và thực hiện tốt mọi nhiệm vụ. Trong đợt bầu cử Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân vùng giải phóng, nhân dân hăng hái tham gia bầu cử, có nơi đạt 90,98% cử tri. Nhiều xã đạt danh hiệu "Xã 4 vững mạnh", "Xã anh dũng kiên cường", "Xã anh dũng kháng chiến", "Gia đình vẻ vang". Công tác phòng gian, bảo mật, cảnh giác kẻ thù, làm sạch nội bộ được phát động thường xuyên.

Trong giai đoạn cùng cả tỉnh, cả nước đánh bại chiến lược "chiến tranh cục bộ" của Mỹ, Đảng bộ Ba Tư và Sông Hề đã thể hiện vai trò lãnh đạo của mình ở mọi nơi mọi lúc, quán triệt đường lối, chủ trương cấp trên. Hai Đảng bộ đã kịp thời phát động, chỉ đạo và kiểm tra mọi mặt hoạt động đồng thời tổ chức quán triệt đường lối, phương hướng, phương châm, nhiệm vụ chung qua đó lãnh đạo nhân dân toàn huyện đánh bại các thủ đoạn của địch trong "chiến tranh cục bộ", giữ vững và mở rộng vùng giải phóng, củng cố thế và lực cách mạng ở địa phương.

Vì cuộc chiến tranh giữa ta và địch diễn ra ác liệt do đó tư tưởng trong Đảng và trong quần chúng có lúc cũng biểu hiện khá phức tạp. Song nhờ có sự chỉ đạo sâu sát và liên tục của Tỉnh uỷ, Huyện uỷ hai huyện luôn luôn lãnh đạo công tác giáo dục đảng viên và quần chúng theo hướng tích cực, nên đã đẩy lùi được các tư tưởng tiêu cực. Hầu hết đảng viên và quần chúng nòng cốt được học tập các nghị quyết, chỉ thị, các lớp chuyên đề về công tác Đảng. Tháng 4 năm 1967 khi Tỉnh uỷ ra nghị quyết về xây dựng căn cứ miền núi và tháng 10 năm 1967 khi có đợt phát động phong trào xây dựng huyện uỷ, chi bộ 4 tốt, ngành giới gương mẫu, xã 4 vững mạnh, thì đảng viên và đồng bào đều tham gia hưởng ứng tích cực, sôi nổi.

Những biểu hiện hữu khuynh, cố thủ có lúc đã chi phối khá nghiêm trọng trong Đảng bộ đã được Đảng bộ liên tục giải quyết nên các hiện tượng đó ngày càng bị đẩy lùi. Qua học tập và chỉnh huấn, đa số các đồng chí đảng viên nhận thức rõ ràng âm mưu xảo quyệt, thủ đoạn

ngoan cố của địch và sự suy yếu, thất bại của chúng trong mọi mặt. Đảng bộ nhận thức được vai trò của từng đồng chí và khả năng của quần chúng nên quyết tâm thực hiện tốt nhiệm vụ bám sát lãnh đạo quần chúng. Lập trường cách mạng, ý chí chiến đấu của từng đồng chí đảng viên được củng cố và đã biểu hiện bằng các kết quả thắng lợi trên mọi lĩnh vực hoạt động. Mỗi một đồng chí đảng viên thể hiện rõ tinh thần chiến đấu dũng cảm, gương mẫu xung phong. Huyện uỷ quán triệt phương châm cách mạng, chủ trương, đường lối của Trung ương, Tỉnh uỷ, kiên định lãnh đạo, chỉ đạo quân và dân kết hợp tốt ba mũi giáp công giành từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Về mặt biện pháp, Huyện uỷ lấy công tác xây dựng chi bộ 4 tốt, đảng viên 4 tốt làm điều kiện củng cố tư tưởng mỗi đồng chí, lấy giác ngộ chính trị để giải quyết tư tưởng, thường xuyên kiểm tra tư tưởng đảng viên trên cơ sở thực hiện các tiêu chuẩn đề ra. Trong đấu tranh tư tưởng, Đảng bộ phát huy tính dân chủ trong nội bộ, phân tích và phê bình nghiêm minh các biểu hiện lệch lạc, nâng cao nguyên tắc, tính sắc bén trong đấu tranh tư tưởng, đề cao tinh thần kỷ luật và tự giác của từng đồng chí đảng viên. Huyện uỷ thường xuyên phát động trong đảng viên lấy căm thù giặc làm đòn bẩy, phát huy thắng lợi để động viên, phát huy truyền thống và chủ nghĩa anh hùng cách mạng để khích lệ tinh thần mỗi đồng chí.

Công tác tổ chức dần dần đi vào nền nếp. Cán bộ các cấp được bồi dưỡng, đào tạo đủ sức thực hiện vai trò của mình. Bí thư các xã được theo học lớp chính huấn của tỉnh

mở 2 đợt (tháng 1 năm 1967 và tháng 5 năm 1968). Đảng bộ luôn luôn thúc đẩy việc xây dựng và kiện toàn tổ chức. Cơ sở Đảng tập trung mọi hoạt động thực hiện nhiệm vụ đưa chi bộ tiến lên có khả năng tự động lãnh đạo toàn diện các mặt công tác ở cơ sở và đạt yêu cầu 4 tốt. Đa số các chi bộ đã thực sự trở thành hạt nhân lãnh đạo phong trào quần chúng. Mục tiêu xây dựng chi bộ cơ sở mà Đảng bộ chỉ đạo và bám sát là làm cho chi bộ trở thành pháo đài vững chắc, chi uỷ trở thành bộ tham mưu sáng suốt, tổ Đảng là thành viên cốt cán của chi bộ, đảng viên trở thành chiến sĩ xung kích kiên cường. Các chi bộ Đảng ở Ba Tơ ngày càng thực hiện có kết quả việc lãnh đạo các công tác ở xã, thôn theo nguyên tắc trực tiếp tuyệt đối và toàn diện. Phần lớn các chi bộ đã lãnh đạo và gương mẫu thực hiện tốt nhiệm vụ 3 bám, liên tục tấn công địch theo phương châm 2 chân 3 mũi giáp công, đẩy mạnh sản xuất và bảo vệ sản xuất. Các chi bộ gắn bó với quần chúng, làm tốt công tác vận động quần chúng, xây dựng và củng cố các đoàn thể, lãnh đạo tốt việc chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho đồng bào. Chi bộ thường xuyên tăng cường sự đoàn kết nhất trí.

Quán triệt nhiệm vụ phát triển đảng viên, Huyện uỷ luôn định hướng cho các chi bộ nhận thức đầy đủ tầm quan trọng của việc phát triển đảng viên mới. Các chi bộ ra sức phát triển đảng viên hợp pháp trong đấu tranh chính trị, binh địch vận. Ở vùng giải phóng, Đảng bộ đặt nặng việc phát triển đảng viên mới ở các nơi hẻo lánh còn chưa có đảng viên, trong các tổ vòng công, đổi công nhằm

đẩy mạnh việc xây dựng căn cứ. Trong việc phát triển đảng viên mới, Đảng bộ chú trọng nhiều đến lớp trẻ, giới nữ trưởng thành từ các phong trào. Đồng thời, Đảng bộ luôn tuân thủ phương châm: củng cố đi đôi với phát triển.

Đến cuối năm 1968 số lượng đảng viên ở hai huyện tăng 54,88%, trong đó số nữ tăng 33,17%. 14 chi bộ đạt danh hiệu 4 tốt (7 chi bộ xã, 6 chi bộ cơ quan, 1 chi bộ lực lượng vũ trang). Nổi bật là Chi bộ Ba Gia biết lãnh đạo nhân dân vận động cứu đói, có nhiều thành tích xuất sắc đã được Tỉnh uỷ tuyên dương như sau:

"Xã Ba Gia ở Ba Tơ là một xã yếu, có nạn đói trầm trọng, tình hình diễn biến phức tạp, mọi hoạt động cách mạng hầu như tê liệt, giải quyết nạn đói là bức xúc nhưng các đồng chí đã cố vận động hợp cho được chi bộ, phát động tư tưởng trong chi bộ, làm cho đảng viên thấy rõ nhiệm vụ của Đảng, quyết tâm cứu đói, giữ phong trào, đăng ký làm đảng viên 4 tốt"¹.

Công tác kiểm tra Đảng được chú trọng, đã kịp thời uốn nắn một số tư tưởng lệch lạc trong Đảng và trong quần chúng, góp phần giữ gìn phẩm chất của cán bộ và đảng viên.

Bộ máy Đảng đã có đủ các đồng chí chuyên trách từng mặt công tác.

Trong việc củng cố và tăng cường sức lãnh đạo của Đảng bộ, Huyện uỷ hai huyện đã mạnh dạn đề bạt cán bộ

1. Trích: *Báo cáo bổ sung về công tác xây dựng Đảng ở Đại hội lần thứ III (10-1968) của Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi*. Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Quảng Ngãi.

trẻ, cán bộ nữ vào các cấp uỷ và các ngành, giới của huyện. Bên cạnh việc tăng thành phần trẻ trong các cấp uỷ, Huyện uỷ quan tâm bồi dưỡng và sử dụng hợp lý cán bộ cũ, tạo nên sự đoàn kết nhất trí giữa cán bộ cũ và mới, giữa nam và nữ, đả thông tư tưởng hẹp hòi, bản vị, công thần cục bộ trong suy nghĩ của một số đồng chí.

Tuy vậy, có lúc có nơi một số đồng chí, đồng bào còn hoài nghi cuộc chiến đấu lâu dài của ta. Sự lãnh đạo của Đảng bộ có lúc chưa sâu sát, kịp thời tình hình ở cơ sở. Do thiếu cảnh giác, chủ quan với âm mưu thâm độc của kẻ thù nên ta để địch lợi dụng phong tục tập quán lạc hậu mê tín của nhân dân gây ra vụ tên Ghia (1967) làm tan rã chi bộ Ba Hrê, lập bộ máy ngục quyền xã có chủ tịch, an ninh. Ta phải khó khăn lắm mới giải quyết xong. Đời sống nhân dân có cải thiện nhưng chưa được nhiều. Nạn đói cơ bản chấm dứt nhưng vẫn còn đe dọa.

Trong đấu tranh với kẻ thù và xây dựng quê hương, Đảng bộ Ba Tơ và Sông Hrê cùng nhân dân gắn với nhau làm một. Đảng tin vào sức mạnh của nhân dân, dân một lòng một dạ đi theo Đảng. Sự hy sinh to lớn của hàng nghìn đồng bào ta ngày càng tô đậm thêm truyền thống đấu tranh của đất Thánh Ba Tơ - cái nôi của cách mạng tỉnh nhà từ những ngày đầu năm 1945.

Tại Đại hội lần thứ III (10-1968) của Tỉnh Đảng bộ Quảng Ngãi, Đảng bộ và nhân dân Ba Tơ được trang trọng tuyên dương như sau:

"Đối với miền núi, Đảng bộ Ba Tơ đã trải qua nhiều càn quét, chất độc hóa học, đảng viên vẫn bám trụ lãnh

đạo quân chúng vượt muôn vàn khó khăn, giải quyết nạn đói phục hồi phong trào và đã đóng góp phần xứng đáng trong đồng khởi đầu năm"¹.

"Đảng bộ Sông Hrê lãnh đạo phong trào sản xuất có nhiều tiến bộ, nhiều xã đạt và vượt chỉ tiêu về diện tích, tích cực vận động quần chúng đóng góp nhân tài vật lực cho cách mạng. Du kích diệt được nhiều giặc, Đảng bộ lãnh đạo được quần chúng trụ bám"².

Chương X: THAM GIA ĐÁNH BẠI CHIẾN LƯỢC "VIỆT NAM HÓA CHIẾN TRANH" CỦA ĐẾ QUỐC MỸ, GIẢI PHÓNG HUYỆN BA TƠ (1969 - 1972)

Bị thất bại thảm hại trong năm 1968, Mỹ - Thiệu gặp khó khăn nghiêm trọng và chúng phải chuyển chiến lược từ "bình định và tìm diệt" sang "quét và giữ". Tháng 12 năm 1968, chúng phải ngồi vào đàm phán với ta tại Pari. Mặt khác, chúng âm mưu xuống thang trên thế mạnh thông qua việc điều chỉnh lực lượng và ổn định tình hình ở miền Nam.

Năm 1969, sau khi lên cầm quyền ở Mỹ, Níchxơn đã thay đổi chiến lược "chiến tranh cục bộ" của Giônxơn bằng chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh". Mục tiêu của chiến lược này là giành quyền kiểm soát dân và làm cho chiến tranh cách mạng "tàn lụi dần". Về lực lượng quân sự chiến

1,2. Trích: *Báo cáo bổ sung về công tác xây dựng Đảng ở Đại hội lần thứ III (10-1968) của Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi*. Tài liệu đã dẫn.

lược, Níchxơn không cưỡng lại được xu thế phải rút quân Mỹ về nước, nhưng âm mưu rút quân nhỏ giọt để tiếp tục kéo dài chiến tranh. Chúng tiếp tục sử dụng đội quân viễn chinh Mỹ làm chỗ tựa cho cuộc chiến tranh mới, đồng thời ra sức xây dựng quân đội ngụy trở thành xương sống cho chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh", thay màu da trên xác chết cho quân Mỹ. Về biện pháp, chúng lấy "bình định nông thôn" làm chủ yếu. Một lúc chúng tiến hành ba cuộc chiến tranh đối phó với phong trào cách mạng của đồng bào ta: "chiến tranh giành dân", "chiến tranh hủy diệt", "chiến tranh bóp nghẹt".

Đầu năm 1969, ở địa bàn Ba Tơ, Sông Re có một đại đội Mỹ chốt ở đèo Ông Huyện, 8 đại đội đặc biệt quân chủ lực ngụy, 2 đại đội bảo an, 10 trung đội nghĩa quân, 102 tên phòng vệ dân sự, 2 đoàn Trường Sơn, 2 toán thám báo. Ngoài điểm chốt của Mỹ ở đèo Ông Huyện, địch còn đóng 7 đồn bốt, cứ điểm.

Để thay dần quân Mỹ, chúng ráo riết bắt lính từ 15 tuổi đến 45 tuổi. Ở huyện có 2 em thiếu niên cầm súng trong quân đội của chúng. Chúng đưa nhiều đồng bào vào bộ máy chính quyền, cảnh sát, gián điệp. Chúng tổ chức cái gọi là "về quê", cho từng trung đội dân vệ trả súng về giả làm ăn để theo dõi hoạt động của ta. Chúng thực hiện đôn quân từ dưới lên, tăng cường cho mỗi ấp có một trung đội dân vệ.

Trọng điểm đánh phá của địch ở huyện Ba Tơ là vùng giải phóng, vùng giáp ranh, các hành lang ở phía đông bắc

huyện, nhằm khống chế Đường chiến lược số 5A để bảo vệ cho căn cứ Mỹ ở Gò Hội (Đức Phổ).

Chúng liên tục mở các cuộc hành quân cảnh sát lùng sục, thanh lọc quần chúng, đánh bật cơ sở ta. Chúng tổ chức cho đồng bào học tập, phân loại để theo dõi, khủng bố, đàn áp. Để củng cố ngụy quyền, chúng xúc tiến bầu cử bịp bợm, cưỡng bách nhân dân vào phòng vệ dân sự, củng cố lực lượng bán vũ trang giữ ấp và khu đồn. Chúng hay vây ráp các ấp vào ban đêm để bắt lính.

Địch bắn pháo vào vùng ta rất nhiều. Bọn biệt kích ngày đêm đánh phá các vùng ruộng đông dân ở đông bắc huyện. Trong thực hiện "bình định cấp tốc" chúng đẩy mạnh càn quét các vùng ta mới phá kềm. Chỉ trong vòng 10 ngày đầu năm (từ 29-01 đến 05-02) có 6 lần biệt kích lùng sục chung quanh quận lỵ Ba Tơ, có lúc đi cách quận lỵ 10 cây số để phục kích ta. Chúng tiếp tục thực hiện càn liên kết vào vùng căn cứ ta. Hầu hết các xã khu bắc, đông nam và khu trung bị địch càn nhiều lần trong năm. Một số nơi đồng bào không còn nhà ở, trâu bò. Tính riêng Ba Điền trong vụ càn đầu xuân 1969 bị đốt trên 380 nóc nhà, 400 ang lúa, 83 trâu cày bị bắn chết và phần lớn nông cụ bị phá hủy. Ở thôn Nước Sung và Hóc Đô (Ba Lang), địch bắn chết 185 trâu cày.

Nửa năm cuối 1969, địch thực hiện chiến dịch "Phượng hoàng" càn phá dữ dội vùng đông bắc. Từ đánh phá tràn lan chúng chuyển sang đánh phá có trọng điểm. Từ xúc tát dân vào các khu đồn lớn chúng chuyển sang bình định tại chỗ, phòng thủ từ xa. Chúng đánh phá các nơi đông

dân, dọc Đường số 5A từ Ba Dinh xuống đèo Đá Chát, dùng rọ và trục thẳng đánh liên tục các xã đông bắc. Lực lượng biệt kích trước đó được đưa đi huấn luyện nay trở lại chặn đánh các hành lang.

Tính cả năm 1969, địch tiến hành ở 2 huyện Ba Tư và Sông Hrê trên 90 trận càn. Trong đó chúng tiến hành những thủ đoạn man rợ, đầy tội ác như ở Ba Động ngày 2 tháng 4 chúng bắn chết 1 phụ nữ, 2 em thiếu nhi rồi đốt xác sau đó lùng tiếp bắn 4 em khác nữa. Ở Ba Lang, chúng bắt một em thiếu niên trói, bắn chết xong mổ bụng, đâm nát cả người. Chúng càn sâu vào Ba Ngạc đốt phá, cướp tài sản và giết trong một đêm ở thôn Cà Rênh 16 người, đa phần là phụ nữ và trẻ em.

Tháng 10 năm 1968, Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ III được triệu tập. Đại biểu về dự đại hội nhận định công tác xây dựng Đảng bộ trong những năm qua đã thu được những thắng lợi rất lớn. Qua chiến đấu, thử thách đội ngũ cán bộ, đảng viên đã trưởng thành nhanh chóng cả chất và lượng, đảm bảo cho việc tiếp tục hoàn thành nhiệm vụ. Đứng trước nhiệm vụ lịch sử được giao phó hết sức nặng nề nhưng hết sức vẻ vang, Đại hội đã nêu ý chí quyết tâm của toàn thể quân dân tỉnh nhà: tập trung mọi cố gắng cao nhất, tổ chức động viên cán bộ, chiến sĩ và đồng bào tiến lên vượt mọi khó khăn gian khổ để giành cho kỳ được thắng lợi quyết định trong thời kỳ tới.

Quán triệt Nghị quyết Đại hội lần thứ III (10-1968) và Nghị quyết I của Tỉnh uỷ, Đảng bộ Ba Tư, Đảng bộ

Sông Hrê phát động mạnh mẽ lòng yêu nước, chí căm thù giặc của đồng bào, phát huy thắng lợi của năm 1968 đẩy mạnh mọi mặt công tác, tiếp tục lãnh đạo đồng bào huyện nhà đẩy địch vào thất bại hoàn toàn. Đồng thời trong giai đoạn mới, Đảng bộ huyện xác định việc cần thiết phải bảo đảm cơ sở vật chất cho cuộc kháng chiến chống Mỹ - nguy trên huyện nhà đạt được thắng lợi hoàn toàn.

Tháng 12 năm 1968, Đại hội Đảng bộ Ba Tư lần thứ IV được triệu tập tại Nước Vượt (Ba Gia). Đại hội phấn khởi trước thắng lợi to lớn của Đảng bộ và đồng bào trong việc đánh bại chiến lược "chiến tranh cục bộ" của địch trên huyện nhà. Căn cứ trên thế và lực của cách mạng, đặc điểm riêng của địa phương, Đại hội đã đề ra nhiệm vụ chủ yếu của giai đoạn mới là: nỗ lực đẩy mạnh 3 mũi giáp công, công kích và nổi dậy, ra sức xây dựng thực lực cách mạng, phát động quần chúng nổi dậy cả 3 vùng, đánh bại âm mưu bình định của địch, diệt ác phá kìm, làm chủ đại bộ phận đất đai và đồng bào, xây dựng vùng ta vững mạnh.

Đại hội đã bầu lại đồng chí Phạm Văn Sáu làm Bí thư Huyện uỷ.

Đầu năm 1969, thấm sâu lời dạy của Bác "Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào", Đảng bộ phát động nhiều đợt động viên chính trị trong Đảng và trong đồng bào, quyết tâm lập thành tích xuất sắc trong mọi mặt chiến đấu và xây dựng để tỏ lòng kính yêu Bác. Đảng bộ triển khai học tập nghị quyết xây dựng miền tây của tỉnh, nắm vững phương châm đấu tranh trong thời kỳ mới dựa theo

nội dung "xây dựng căn cứ 4 vững mạnh" (chính trị, quân sự, sản xuất, văn hóa xã hội).

Qua học tập, đảng viên và quần chúng ổn định tư tưởng, khắc phục gian khổ, khó khăn, tiếp tục đóng góp sức người, sức của cho kháng chiến.

Lực lượng vũ trang và bán vũ trang của ta được trang bị thêm vũ khí mới và được rèn luyện, tập dượt thường xuyên. Trong du kích xã, đảng viên nữ chiếm 16%, đoàn viên chiếm 33%. Các xã tổ chức bố phòng tốt và nhiều xã đạt tiêu chuẩn "4 vững mạnh". Cả năm 1969, đồng bào đã cấm 972.876 chông, đào 682 hầm chông.

Từ ngày 22 tháng 2 đến ngày 31 tháng 3 năm 1969, hưởng ứng cùng toàn tỉnh mở chiến dịch xuân 1969 (chiến dịch Z), 74 thanh niên Ba Tơ, Sông Re đăng ký tòng quân trong đó có 42 chiến sĩ bổ sung cho Tiểu đoàn 20. Ta đánh toàn bộ 7 trận, diệt 84 tên trong đó có 6 ác ôn, thu nhiều súng và bắn rơi 1 máy bay. Ta đánh tan 1 đại đội biệt kích tại thôn Tài Năng. Bị thua và tổn thất nặng giữa tháng 3, Mỹ phải giao Giá Vụt lại cho quân ngụy.

Đồng bào các ấp mở hội nghị, mít tinh, hiệp lực cùng du kích truy bắt ác ôn, phá ấp. Trong đợt tấn công này huyện đạt chỉ tiêu giành dân cao nhất trong toàn tỉnh (125%). Ta mở ra giành 1.700 dân ở 2 xã Ba Tầng, Ba Cung và thôn Tài Năng (Ba Đình), làm chủ khối dân cư gồm 2.769 đồng bào. Đồng bào Ba Lâm đấu tranh với địch được làm nhà ở, nhà chứa lúa nơi thôn xóm cũ.

Trong chiến dịch này Ba Tơ, Sông Re vận động được 108 binh lính rã ngũ và đánh phá làm thiệt hại nặng kho

tàng, súng đạn của địch. Trong hội nghị tổng kết ngành binh vận của tỉnh, Ba Tư được tuyên dương là huyện có thành tích khá nhất ở miền núi về công tác binh vận.

Huyện uỷ tiếp tục đẩy mạnh 3 mũi giáp công, bao vây và tấn công ngụy quân, ngụy quyền ở quận lỵ, chuẩn bị mọi điều kiện sẵn sàng mở từng đợt công kích lớn đánh địch. Hoạt động của các đơn vị vũ trang của tỉnh và huyện đã tiêu diệt và làm tan rã rất nhiều đại đội, trung đội ngụy quân, đồng thời tiêu hao một phần sinh lực của Mỹ. Du kích Ba Điền đã diệt được quân Mỹ bằng vũ khí tự tạo, hầm chông, cạm bẫy.

Giữa lúc phong trào cách mạng đang lên cao, khí thế đấu tranh của đồng bào sôi nổi thì ngày 02 tháng 9 năm 1969, tại Hà Nội, Bác Hồ kính yêu qua đời. Đảng bộ và đồng bào Ba Tư, Sông Re nhận được tin Bác mất lòng đau xót và thương tiếc vô hạn. Nỗi đau thương, sự mất mát to lớn đè nặng lên trái tim mỗi người dân. Đảng bộ hai huyện tổ chức lễ truy điệu Bác trọng thể và xúc động. Đồng bào hứa với Bác dù gian khổ, khó khăn đến mấy cũng quyết tâm thực hiện hoàn thành những lời dạy của Bác.

Trong đợt tuần 100 ngày của Bác, du kích xã Ba Điền đã chặn đánh bọn biệt kích từ Minh Long sang đèo Nai diệt 4 tên, tổ du kích đồng chí Trỏ bắn rơi 1 máy bay HUIA tại chỗ. Các xã khu Bắc diệt 49 tên, bắn bị thương 30 tên, bắn rơi 1 HUIA.

Ngày 15 tháng 12 năm 1969, dưới sự chỉ đạo của Ban Thường vụ Huyện uỷ Sông Hrê, một bộ phận của lực lượng vũ trang và du kích tấn công vào khu đồn Ba Tiêu

cách phía bắc trung tâm Giá Vụt 1 cây số đã tiêu diệt 15 tên địch thu được súng, đồng thời pháo kích vào trung tâm Giá Vụt. Đây là lần đầu lực lượng và du kích địa phương đánh sâu, diệt được địch, bồi dưỡng ta, thể hiện tinh thần quyết tâm của chiến sĩ và chỉ đạo của cấp uỷ. Tỉnh uỷ đã gửi điện khen ngợi quân và dân huyện Sông Hề, biểu dương Đảng bộ huyện Sông Hề đã lập thành tích xuất sắc trong việc đánh tiêu diệt địch.

Tháng 12 năm 1969, Đại hội lần thứ II Đảng bộ huyện Sông Hề tiến hành tại Gò Oi (Sơn Ba - Sơn Hà). Các đại biểu về dự Đại hội đánh giá cao những thành tích trong năm đầu chống chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của địch. Đại hội ra nghị quyết tăng cường sự đoàn kết trong dân, trong Đảng, thực hiện lời dạy trong *Di chúc* của Bác Hồ là dù khó khăn gian khổ đến mấy cũng tiếp tục đánh giặc Mỹ và giành thắng lợi cuối cùng. Đồng chí Phạm Văn Hà được bầu lại làm Bí thư Huyện uỷ.

Sang năm 1970, địch củng cố lại 3 cứ điểm ở Ba Tư và 5 cứ điểm chốt ở Giá Vụt. Quận Mỹ hoàn toàn rút khỏi Giá Vụt. Còn ở Ba Tư có 1 đại đội chốt đèo Ông Huyện, 2 tên cố vấn ở trung tâm Đá Bàn (giảm 16 cố vấn). Số lượng quân chính quy và địa phương quân của địch tăng vọt. Địch chuyển quân biệt kích thành các tiểu đoàn biệt động biên phòng, tăng cường trang bị cơ động. Chúng tổ chức nhiều cuộc càn từ 1 đến 2 tiểu đoàn cộng hòa phối hợp với bọn biệt động biên phòng, bảo an, Trường Sơn, bọn ác ôn và có Mỹ theo kèm càn sâu vào căn cứ, vùng giải phóng của ta. Trong càn quét, chúng thực hiện lê lếch để

tiêu diệt lực lượng ta và cướp phá của cải của đồng bào. Càn tới đâu dịch phá và cướp sạch của cải, giết hại gia súc đến đó. Chúng phá cả rau lang và mạ ngoài đồng, bắt dân trong ấp đi gặt lúa rồi dùng máy bay trực thăng cướp lấy, chở đi. Một số nhóm biệt động biên phòng (từ 2 trung đội đến 1 đại đội) hay càn xuyên sơn, phục kích không theo quy luật ở khu Bắc, đường Ba Điền đi Nghĩa Hành, có lúc nằm lì ngăn chặn vận chuyển của ta cả tháng.

Máy bay trinh sát, tàu rọ, HU1A bay khắp nơi, bay thấp để bắn phá làm cho dân không sản xuất được. Có thôn không còn trâu, có thời gian dịch tập trung phi pháo bắn phá vùng giải phóng của ta dữ dội trong 2, 3 ngày đêm. Máy bay B52 rải bom tàn phá các xã, thôn xóm của ta. Dịch rải chất độc hóa học nhiều nơi với mức độ dày đặc kinh khủng. Khắp mọi nơi đồng ruộng hoang hóa, cây xanh chết dần.

Những năm này đời sống nhân dân, cán bộ, chiến sĩ gặp khó khăn nhất trong suốt giai đoạn chống Mỹ, cứu nước. Dịch đẩy mất trận sản xuất nông nghiệp của ta vào hoàn cảnh ngặt nghèo. Tình trạng thiếu trâu cày, thiếu nước vì mương đập bị phá không được củng cố kịp thời, cấy không đúng thời vụ, có sản xuất nhưng dịch không cho gặt... làm ta thất thu mấy vụ liên tiếp. Sản lượng lương thực sụt dài không đạt một nửa chỉ tiêu đề ra. Như xã Ba Lành, Ba Động vào vụ tháng 3 năm 1969 mất trên 60%, vụ tháng 8 chỉ thu được 85 ang. Ở Ba Điền vụ tháng 8 sụt 368 ang. Trong năm 1969 chất độc hóa học làm ta mất trắng trên 8.000 ang giống. Ngoài ra dịch còn đốt phá,

cướp đi hàng ngàn ang lúa ở khu Bắc. Rau mau đất trồng
suất thấp, hầu hết khoai lang rẫy bị ru. Năm 1970 có tới
cả 2 vụ, tư tưởng quân chúng hoang mang. Nạn đói
thường xuyên đe dọa nhất là ở khu Đông và khu Nam. Sĩ
người đói kiệt trong những tháng giáp hạt lên đến 1.200
người. Các xã khu Trung, khu Nam lạt muối nghiêm trọng.
Một số đồng bào bỏ ruộng lên làm rẫy. Một số cán bộ,
chiến sĩ bỏ công tác về nhà làm ăn hoặc chạy ra vùng địch.

Đứng trước khó khăn và ác liệt do địch đẩy mạnh
chiến tranh hủy diệt, trong hội nghị tổng kết tháng 12
năm 1969, Tỉnh uỷ nghiêm túc kiểm điểm việc lãnh đạo
và chỉ đạo phong trào cách mạng miền núi. Tỉnh uỷ nhận
định tình hình các huyện miền núi trở nên phức tạp, đời
sống cán bộ chiến sĩ và nhân dân đang trải qua những thử
thách cực kỳ gian khổ. Tỉnh uỷ đề ra nhiệm vụ cấp bách là
phải quan tâm thật đúng mức đến phong trào cách mạng ở
miền núi, tạo mọi điều kiện cứu đói, cứu đau cho đồng bào
và giữ vững được vùng giải phóng. Tiếp thu chủ trương
trên, Đảng bộ Ba Tơ và Sông Hề duy trì và phát triển
phong trào du kích chiến tranh, phát động khắp nơi đánh
biệt kích đi càn, bắn rơi máy bay. Du kích nhiều nơi đào
hầm gài chông, cài mìn cung để sát thương địch.

Ngày 8 tháng 4, khi phát hiện một đại đội biệt kích
đi lùng sục đang cụm lại nấu cơm, tắm giặt cách trung
tâm Đá Bàn 2 km, lực lượng vũ trang huyện gồm 20 đồng
chí nhanh chóng chia làm 3 mũi bí mật vận động tiếp cận
địch và bất ngờ nổ súng tiêu diệt chúng.

Sau 7 phút chiến đấu, ta làm chủ hoàn toàn chiến

trường, diệt gọn 1 đại đội biệt kích, giết và làm bị thương 67 tên (chỉ có 2 tên chạy thoát), thu 1 máy PRC10, 3 súng AR15, 10 ngàn viên đạn, 23 ba lô và một số đồ dùng quân sự, phá hủy 48 súng (có 1 đại liên)¹.

Du kích khu Bắc đánh mìn tự tạo tiêu diệt một số tên địch di càn. Trong phong trào bắn máy bay, lực lượng ta chú ý bắn diệt tàu rọ và HU1A di rải chất độc hóa học. Tính đến tháng 9 năm 1970 quân dân huyện Ba Tư đánh 56 trận, diệt 248 tên, bắn bị thương 52 tên, bắn rơi 5 máy bay và bắn hỏng 3 chiếc khác. Cán bộ, chiến sĩ ở huyện Sông Hrê trong 6 tháng đầu năm đánh 6 trận, diệt 69 tên, thu 5 súng.

Phong trào đấu tranh chính trị phát triển mạnh. Đảng bộ 2 huyện thường xuyên tổ chức học tập, bồi dưỡng cho quần chúng các biện pháp đấu tranh. Qua học tập, bồi dưỡng, đồng bào đã đấu tranh khôn khéo với địch. Nhiều cuộc đấu tranh của đồng bào đòi cứu đói, cứu đau, đòi về chỗ cũ, đòi bồi thường, nổ ra quyết liệt. Địch nhiều lần hứa giải quyết. Nhiều chị em Ba Tư tuyên thệ dưới cờ giải phóng hứa làm tròn nhiệm vụ, khi chưa xong thì quyết chưa về. Nhiều người chỉ mang theo củ mì, chuối già theo ăn để đấu tranh suốt 4, 5 ngày liền.

Bộ máy làm công tác binh vận ở xã, huyện được kiện toàn. Cơ sở nội ứng trong hàng ngũ binh lính có tác dụng lớn. Đặc biệt ở huyện ta đồng bào xây dựng được cơ sở trong các loại phụ quân, biệt động. Ta giáo dục một số cơ

1. Xem: *Tin chiến thắng - Mặt trận Quảng Ngãi*, số 4 ngày 22 tháng 4 năm 1970.

sở diệt ác có kết quả. Ở vùng giải phóng, ta thường tổ chức hội nghị gia đình binh sĩ, ngụy quyền, phát động thân nhân đăng ký gọi con em về, không chịu đi lính cho giặc. Tinh thần chiến đấu của ngụy quân ngày càng bạc nhược. Nhiều lính chống đôn quân, chống ra trận, lính ngụy phản chiến bằng tự sát hai vụ. Nhiều ngụy quân, nhân viên ngụy quyền hoang mang, có tên mua sẵn thuốc độc mang trong mình. Tình trạng xung đột nội bộ địch xảy ra thường xuyên.

Vượt qua mọi khó khăn, khắc phục thiên tai địch họa, Đảng bộ Ba Tư lãnh đạo sản xuất kịp thời cứu đói, chống lụt muỗi... Từ đầu năm 1969, Đảng bộ triển khai nghị quyết sản xuất của Tỉnh uỷ, tổ chức cho đồng bào, đồng chí học tập chỉ thị của Trung ương về việc tăng gia sản xuất. Ban sản xuất huyện cử cán bộ về tận xã, thôn phát động phong trào. Tỉnh cấp cho huyện 100.000 đồng và 1.000 kg gạo. Việc sản xuất ở các cơ quan, lực lượng vũ trang mạnh gấp đôi so với trước. Các xã chân rẫy khẩn trương trồng các loại hoa màu ngắn ngày để chống đói giáp hạt. Riêng xã Ba Dinh trồng mì, tự chống đói cho mình và còn ủng hộ cho các xã bạn và các cơ quan. Đảng bộ huyện phát động phong trào trồng khoai riêng với khẩu hiệu "coi khoai riêng ngang mì". Nhân dân sản xuất được nhiều khoai riêng.

Thực hiện phương hướng chung của miền núi "giữ vững và phát triển đàn gia súc hiện có. Chăm sóc tốt đàn nghé sơ sinh, bảo vệ đàn trâu phục vụ sức kéo...", đồng bào khắp các nơi vùng giải phóng và làm chủ được phát động

tăng cường chăn nuôi gia súc và phòng tránh bệnh cho trâu, heo. Đảng bộ hai huyện kết hợp chặt chẽ giữa lãnh đạo và thực hiện việc xây dựng xã 4 vững mạnh và đã phát động nhiều đợt thi đua sản xuất sôi nổi. Đảng bộ lấy việc đẩy mạnh sản xuất làm trọng tâm công tác xây dựng thực lực cách mạng. Nhờ vậy đồng bào sản xuất với tinh thần địch phá một ta làm hai, ba. Mọi giới, mọi lứa tuổi liên tục ra quân trên mặt trận sản xuất. Phong trào tương trợ lao động sản xuất thể hiện khắp các xã qua việc điều hòa sức kéo đổi công cuộc ruộng.

Nhờ sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời của Huyện uỷ về tăng gia sản xuất cứu đói, nhờ sự giúp đỡ to lớn của tỉnh và tinh thần vượt khó, vượt khổ của đồng bào và chiến sĩ, bước vào Đông Xuân 1970 - 1971, nạn đói đã dịu bớt. Cuộc sống ở vùng giải phóng dần dần được ổn định.

Cuối năm 1969, Uỷ ban nhân dân Cách mạng lâm thời tỉnh Quảng Ngãi được thành lập. Đầu năm 1970 Uỷ ban nhân dân Cách mạng huyện Ba Tư được Uỷ ban nhân dân Cách mạng lâm thời tỉnh chỉ định do đồng chí Phạm Đức Trinh làm Chủ tịch và có một số ban như Ban Tài mậu, Ban Sản xuất, Ban Giao thông, Ban An ninh, Ban Dân y. Uỷ ban nhân dân Cách mạng lâm thời là chính quyền điều hành các mặt phục vụ tiền phương, sản xuất, ổn định đời sống nhân dân, xây dựng vùng giải phóng. Đến năm 1972 khi tổ chức bầu cử Hội đồng nhân dân Cách mạng và Uỷ ban nhân dân Cách mạng Ba Tư thì Uỷ ban nhân dân Cách mạng được chỉ định bàn giao nhiệm vụ cho Uỷ ban nhân dân Cách mạng mới.

Nhận định địch đang trong thế xuống thang và ngày càng lún sâu vào thế phòng ngự chiến lược, tháng 11 năm 1970, Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ IV đã ra nghị quyết xác định nhiệm vụ trung tâm của Đảng bộ trong thời gian tới là: "tập trung sức chỉ đạo, kiên quyết đánh bại kế hoạch bình định đặc biệt của địch" đồng thời ra sức diệt ác phá kệp mở ra giành dân làm chủ từng vùng rộng lớn, đưa lên tranh chấp và lỏng kệp những vùng còn lại... khẩn trương xây dựng vùng ta làm chủ vững mạnh về mọi mặt chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội"¹. Học tập và quán triệt tinh thần nhiệm vụ do Đại hội Tỉnh Đảng bộ đề ra, Huyện uỷ hai huyện tiếp tục phát động toàn quân toàn dân đẩy mạnh 3 mũi giáp công, giữ vững vùng ta làm chủ, đánh diệt các chốt, khu đồn, đưa dân về vùng giải phóng. Ở vùng giải phóng, Huyện uỷ coi trọng việc tăng cường chỉ đạo công tác kinh tế, tài chính, chăm lo đời sống nhân dân, khôi phục và phát triển sản xuất, văn hóa, giáo dục, đẩy mạnh giao lưu hàng hóa giữa 2 vùng, giải quyết yêu cầu cấp thiết về đời sống cho đồng bào. Từ ngày 12-2 đến ngày 15-2-1971, Huyện uỷ họp mở rộng và ra nghị quyết về tình hình và nhiệm vụ sắp tới, trong đó nhấn mạnh phải triệt để giải quyết những khó khăn về tư tưởng, về trụ bám của cán bộ và nạn đói cơm, lạt muối của đồng bào. Đảng bộ lập ban cán sự chỉ đạo hoạt động phía trước, tăng cường phân công cán bộ bám

1. Trích: *Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ IV của Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi*. Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Quảng Ngãi.

xây dựng cơ sở phía sau, thực hiện tốt công tác phát triển vùng căn cứ, đưa dân về trụ bám chỗ cũ và phát triển sản xuất.

Đến cuối năm 1971, lực lượng vũ trang và bán vũ trang của huyện có 150 đồng chí, trong đó có 16 đảng viên, 72 đoàn viên, 659 du kích xã, 809 du kích thôn, 8 đội công tác gồm 62 đồng chí¹. Các chiến sĩ ta liên tục ngày đêm bám phía trước đánh địch. Bằng ý chí cách mạng và sức mạnh của chiến tranh du kích, quân và dân Ba Tơ buộc Mỹ phải bỏ cứ điểm đèo Ông Huyện và một số chốt điểm khác. Qua tấn công, ta xây dựng phía trước được 127 cơ sở hành động (32 binh vận, 32 đấu tranh chính trị, 17 an ninh, 9 cơ sở nội tuyến trong ngục quân, 11 trong ngục quyền...). Trong lãnh đạo phong trào đấu tranh chính trị, Huyện uỷ đã có phương án và kế hoạch nổi dậy chủ động, tổ chức tập hợp được nhiều đồng bào. Cùng với mũi vũ trang, phong trào đấu tranh chính trị và binh địch vận đã đóng vai trò quan trọng trong chống địch bình định và phát động đồng bào nổi dậy diệt ác, phá kìm. Trong đấu tranh trực diện, đồng bào kiên quyết chống địch xúc tát, kiên quyết trụ bám "Một tác không đi, một ly không rời". Quân chúng bị xúc, bị dồn đã đấu tranh đòi ra ngoài ấp, bung về sản xuất ở chỗ cũ. Huyện uỷ giữ vững và phát huy được các nội dung phong phú trong phong trào đấu tranh buộc địch phải nhượng bộ. Qua đấu tranh chính trị kết hợp với binh vận, được sự hỗ trợ của đấu tranh vũ trang,

1. Xem: *Báo cáo công tác xây dựng Đảng năm 1971 của G.70*. Tài liệu lưu tại Văn phòng Huyện uỷ Ba Tơ.

ta đưa nhiều đồng bào trở về làng cũ. Số còn lại phần lớn chuyển lên thế tranh chấp giữa ta và địch.

Tháng 7 năm 1971, Đại hội lần thứ III Đảng bộ huyện Sông Hrê diễn ra tại Hoãn Gà (Sơn Ba - Sơn Hà). Đại hội đã tổng kết những bước phát triển của phong trào cách mạng huyện nhà. Trên cơ sở các thành tích đạt được và rút kinh nghiệm trong chỉ đạo hoạt động, Đảng bộ huyện đề ra nhiệm vụ tiếp tục lãnh đạo quân, dân thực hiện nhiệm vụ trọng tâm: Ra sức diệt ác, phá kệp mở ra giành dân, giữ lấy vũ trang làm đòn xeo cho hoạt động. Đại hội đã bầu lại đồng chí Phạm Văn Hà làm Bí thư Huyện uỷ.

Ngày 06-11-1971, Đại hội lần thứ V Đảng bộ Ba Tơ được triệu tập tại Gò Vin (Ba Sơn). Đại hội nhận định tình hình chung ở huyện phát triển thuận lợi cả 3 vùng. Ở vùng nông thôn, ta chống bình định thắng lợi. Thế kệp ở các khu đồn, ấp chiến lược đã lỏng nhiều. Ở vùng ta, phong trào nhân dân du kích chiến tranh, xây dựng lực lượng và sản xuất đạt nhiều kết quả, căn cứ vững mạnh mọi mặt. Đại hội đề ra nhiệm vụ quan trọng là cố sức thực hiện một vài đợt cao điểm nổi dậy lớn (lớn hơn năm 1964, 1965 và 1968). Đại hội lần thứ V Đảng bộ Ba Tơ quyết tâm trong nhiệm kỳ này giải phóng quê hương khỏi ách thống trị, kìm kẹp của Mỹ - ngụy.

Đại hội đã bầu đồng chí Quốc A Soa làm Bí thư Huyện uỷ.

Bị thất bại nặng nề, năm 1972, Mỹ - ngụy phải ngồi lại vào bàn đàm phán với ta tại Pari. Mặt khác, chúng cố gắng bám lấy những địa bàn chiến lược. Ở Ba Tơ và Sông

Hrê, chúng ra sức phòng thủ các chốt điểm còn lại, đào và xây dựng các hầm ngầm kiên cố, công sự tác chiến nhiều nơi, mở rộng và rào thêm nhiều lớp quanh công sự. Chúng gài mìn dày đặc xung quanh cứ điểm, có nơi gài cách xa rào từ 50 mét đến 100 mét như ở sông Re. Chúng cho lính canh phục kích sát chiến hào. Có nơi chúng bắt phụ nữ canh gác ấp. Chúng xuyên tạc chính sách binh vận của ta. Chúng tăng cường đưa bọn nguy quân ác ôn vào chính quyền.

Đối với quần chúng trong ấp chiến lược, chúng ra sức kìm kẹp, bắt học tập tổ cộng, bắt di dân, tra tấn đánh đập những người chúng nghi là cơ sở ta. Chúng quấy rối bằng phi pháo không cho dân yên tâm sản xuất. Chúng bắt một số thanh thiếu nhi đưa đi đào tạo biệt kích, thám báo ở Hòa Cầm sau thả vào vùng giải phóng. Một số tên ở Sông Hrê giả dạng đầu thú về tích cực tham gia công tác, chui rúc đánh phá lâu dài trong nội bộ ta.

Lực lượng thám báo địch thọc sâu, phục các hành lang như đốc Chơm Chơm, Đèo Nai, đốc Ba Lang, Ba Điền, Bến Buôn, đường đi Ba Xa, Ba Tiêu, Ba Tô... Chúng phát hiện và tập kích vào bộ đội, du kích tập trung.

Ngày 17 tháng 01, tại xã Ba Tô, chúng đánh úp vào lực lượng vũ trang huyện làm ta hy sinh 2 đồng chí, mất 4 súng. Tháng 2, chúng tập kích xã Ba Giang làm ta hy sinh một đồng chí. Tháng 7, chúng đánh vào Ba Tiêu làm ta hy sinh 12 đồng chí, vào Ba Xa làm ta hy sinh 3 đồng chí trong đó có một xã đội phó. Địch dùng lực lượng nhỏ tập

kích Ba Ngạc làm chết 10, bị thương 9 đồng bào. Pháo tầm xa của địch tăng cường bắn phá bờ bãi nhất là sau đợt tấn công tháng 5 của ta. Chúng dùng B52, B57 rải 61 lượt bom xuống những vùng nghi ta trú quân và cả trong ấp chiến lược. Tháng 6, B57 rải bom tiêu diệt Ba Xa, Ba Tiêu, Ba Vi.

Quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết lần thứ III Đảng bộ Sông Hề, Đại hội lần thứ V Đảng bộ Ba Tơ, quân dân hai huyện gấp rút chuẩn bị mọi mặt chờ thời cơ ở phía trước. Đồng thời Đảng bộ 2 huyện củng cố phía sau vững chắc, nhất là sau khi Hội nghị Tỉnh uỷ đầu tháng 3 ra nghị quyết xây dựng căn cứ miền núi. Phong trào sản xuất được khôi phục và phát triển tốt, quần chúng phấn khởi xuống đồng ruộng sản xuất. Thanh niên hăng hái đi dân công, phục vụ tiền tuyến. Hành lang tuy bị địch đánh phá, ngăn chặn nhưng ta vẫn giữ được giao lưu hàng hóa.

Một số cán bộ đảng viên lâu nay bỏ công tác đến thời gian này trở lại nhận kỷ luật và xin được tiếp tục tham gia cách mạng.

Trong quý I năm 1972, Ban lãnh đạo khởi nghĩa ở huyện và xã, ban cán sự thôn, ấp được thành lập. Ta đã phá kẹp đưa 500 người và 15 con trâu về chỗ cũ, đưa 2.050 dân khỏi ấp về làm ăn, đưa 103 gia đình tuy còn sống trong ấp nhưng đã về làm ăn ở ruộng rẫy cũ. Hầu như nguy quyền cơ sở mất tác dụng, nằm im không dám hoạt động. Lực lượng du kích tập kích vào ấp A Giá Vực mà lâu nay địch cho là an toàn nhất làm rung động tinh thần sĩ

quan, binh lính. Du kích mật đánh một trận giữa thị trấn Ba Tơ giết chết 2 tên và làm bị thương 7 tên trong lúc bọn này đang đánh bạc.

Nửa cuối tháng 5 năm 1972, với ý chí, tinh thần kiên quyết giành thắng lợi quyết định trong việc tiêu diệt nhiều sinh lực địch, củng cố niềm tin vào thắng lợi mới của quân và dân, được sự chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh uỷ, Huyện uỷ Ba Tơ lãnh đạo lực lượng vũ trang và bán vũ trang của huyện, phong trào đấu tranh chính trị và binh vận tiến công mạnh mẽ vào ngụy quân, ngụy quyền trong huyện.

Vào lúc 3 giờ 30 sáng ngày 18 tháng 5, các lực lượng vũ trang của tỉnh, huyện đồng loạt tấn công vào mọi cứ điểm và áp chiến lược ở quận lỵ Ba Tơ. Đến 6 giờ 30 sáng ta làm chủ 5 ấp. Đến 15 giờ 30 ta đã hỗ trợ cho 3.430 người phá banh các ấp bung về chỗ ở cũ. Quân chúng với khí thế phấn khởi, sôi nổi nổi lại trục đường Đường số 5A và các vùng trắng. Hầu hết mọi nơi đều có dân cư ở. Ở những xã làm chủ, ta triệt hạ chính quyền địch và ra mắt chính quyền nhân dân. 10 giờ 30 ngày 18 tháng 5, địch dùng 4 trực thăng (có 2 trực thăng chiến đấu) chở 4 cố vấn Mỹ hạ xuống quận, ta bắn cháy tại chỗ một chiếc. Lực lượng vũ trang huyện diệt gọn ở chốt cây đa một trung đội dân vệ. Ngày 19 và 20 tháng 5 ta bao vây chặt quận lỵ và căn cứ Đá Bàn. Địch phản ứng lại bằng cách ném bom hủy diệt. Một trung đội tân trang dân vệ cùng với 750 quân chúng ở ấp Cây Duối đã nổi dậy đốt sạch khu đồn, kéo về vùng giải phóng ở Ba Tơ, Giá Vụt. Tính đến ngày 23 tháng 5 ta làm chủ hết số dân của 6 ấp gồm 5.089 người.

Ở Giá Vụt, sau ngày 18 tháng 5, ta phối hợp các lực lượng vũ trang của tỉnh và địa phương mở đợt tấn công lớn vào toàn bộ hệ thống cứ điểm, bót đồn của địch và tiêu diệt hết vòng ngoài của chúng.

Sau đợt tấn công này của ta, ở quận lỵ Ba Tơ, địch chỉ còn khu vực hầm ngầm của bọn ác ôn và tên Đinh Ênh, hầm cố thủ của bọn lính biệt động tại Đá Bàn. Nguy quân, nguy quyền lún sâu vào phòng thủ và có nguy cơ bị tiêu diệt hoàn toàn. Bọn địa phương quân, phòng vệ dân sự và dân vệ bị xóa phiên hiệu.

Tóm lại, địch thiếu hụt nghiêm trọng quân số và tinh thần chiến đấu của chúng giảm sút. Chương trình bình định của địch coi như bị phá sản. Chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" ở huyện căn bản bị đánh quỵ. Chúng đã không còn sức để thực hiện các âm mưu đề ra từ năm 1969.

Khắp các chiến trường trong khu, trong tỉnh, các lực lượng quân chủ lực và địa phương của ta tiếp tục đánh mạnh và giành được những chiến thắng lớn. Chiến thắng mọi nơi có ảnh hưởng rất thuận lợi cho phong trào cách mạng của huyện, tạo điều kiện cho Đảng bộ và quân dân Ba Tơ tiến lên tiêu diệt hoàn toàn kẻ thù, giải phóng quê hương thân yêu.

Nhận định chính xác địch đang lâm vào thế thua, rối loạn và sụp đổ không gượng nổi, dựa vào chủ trương của Khu uỷ phải giải phóng Ba Tơ trước các địa phương khác, Tỉnh uỷ Quảng Ngãi chỉ đạo lực lượng vũ trang của tỉnh phối hợp với một bộ phận quân chủ lực của khu đánh dứt

điểm, giải phóng quận lỵ Ba Tơ. Tỉnh uỷ chỉ đạo Huyện uỷ Ba Tơ tập trung mọi sức người và của, kiên quyết giành thắng lợi cuối cùng. Huyện uỷ tổ chức cho cán bộ, đảng viên học tập nắm được phương châm, phương hướng của Chiến dịch tổng hợp sau Thu của Tỉnh uỷ nhằm đánh đuổi hoàn toàn kẻ thù ra khỏi huyện. Các đồng chí đảng viên và cán bộ của huyện đã đi sâu sát, phát động mạnh mẽ khí thế cách mạng của đồng bào, huy động toàn bộ nhân lực khắc phục mọi khó khăn, nỗ lực vượt bậc, ngày đêm vận chuyển lương thực, vũ khí về các vị trí tập kết của các lực lượng vũ trang. Trước ngày chiến dịch nổ súng, đồng bào Ba Động mở được hành lang cho xe dưới đồng bằng chở lương thực, thực phẩm lên theo Đường số 5A. Nhân dân các vùng chung quanh đào hầm, dùng cây rừng để làm công sự chống B52 ném bom và chuẩn bị mọi điều kiện nếu trận đánh kéo dài. Đồng bào cũng sẵn sàng thực hiện kịp thời công tác chuyển tải thương binh từ chiến trường về hậu phương an toàn.

Chiến dịch tổng hợp sau Thu của Tỉnh uỷ mở màn ngày 15-9-1972. Ở Ba Tơ, mở đầu chiến dịch tuy có gặp khó khăn do trời mưa to, bão lụt nhưng nhờ quyết tâm nỗ lực phi thường của bộ đội chủ lực, lực lượng địa phương, du kích và đồng bào nên ta vượt qua được mọi khó khăn, đồng loạt nổ súng đều khắp và mạnh mẽ. Bằng sức mạnh quân sự to lớn của Trung đoàn 52, đặc công Quân khu V, quân chủ lực của tỉnh (D20), toàn bộ lực lượng vũ trang và bán vũ trang của huyện, quân và dân ta đã tiêu diệt, bao vây, bức rút bọn ngụy quân, bọn ngụy quyền trong các mục

tiêu đánh chiếm. Trong 3 ngày đầu của chiến dịch ta dội bão lửa vào quận lỵ và các cứ điểm xung quanh quận lỵ Ba Tơ, đánh chiếm các chốt Hòn Cú, Hang Én, ấp Hoàn Đôn, ấp Con Dung, ấp Ruộng Con, đánh thiệt hại nặng Tiểu đoàn 69 của địch. Đến 21 giờ 45 phút ngày 18 tháng 9 ta đã chiếm lĩnh hoàn toàn quận lỵ Ba Tơ và bao vây chặt khu biệt kích Đá Bàn. Tên quận trưởng Bửu Tương tự tử.

Địch không thể tiếp viện được cho Đá Bàn vì ta bao vây chặt. Súng đạn, lương thực từ máy bay thả xuống bị ta thu hết. Tất cả đồng bào bị địch dồn đều bung về làng cũ và cùng bộ đội, du kích chuẩn bị đánh trả địch phản kích. Sau 45 ngày đêm vừa tiêu diệt địch vừa chống trả phản kích, chống các đợt đánh phá của địch bằng máy bay B52 ở vòng ngoài, xiết chặt vòng vây khu trung tâm Đá Bàn, ta đánh tan quân chi viện của Liên đoàn biệt động số 11 và các Trung đoàn 4, 5 của Sư đoàn 2 ngụy, diệt và đánh thiệt hại nhiều tiểu đoàn địch, phá hủy nhiều công sự, pháo hạng nặng. Những ngày cuối tháng 10 mưa tầm tã gây lũ lớn, tình hình chiến sự diễn ra hàng ngày gay go ác liệt, nhưng thế chủ động thuộc về ta hoàn toàn, lực lượng ta đã được bổ sung, sẵn sàng chiến đấu và chiến thắng, chiến công nối tiếp chiến công, ta đánh đuổi bọn cứu viện ra khỏi khu vực Ba Tơ. Các trận địa pháo của ta dồn dập bắn phá cứ điểm pháo binh địch ở đèo Ông Huyện, khống chế địch ở đây. Đúng 23 giờ 45 phút ngày 29-10-1972 ta mở đợt tấn công bằng hỏa lực mạnh. Đến ngày 30-10-1972, ta tiêu diệt trung tâm biệt kích Đá Bàn, diệt dứt điểm Tiểu đoàn 69 biệt động cố thủ Đá Bàn, đánh dạt một bộ

phận nhỏ tàn quân nguy về phía Minh Long. Trong số địch bị diệt có tên Trung tá Trần Văn Sỹ chỉ huy trưởng khu biệt kích Đá Bàn, cũng là Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 69 biệt động quân. Phần ta cũng có sự hy sinh tổn thất. Kể từ sau khi ta giải phóng Ba Tơ cho đến khi Hiệp định Pari được ký kết, B52 và B57 của địch liên tục dội bom xuống mảnh đất này. Cả trong những giây cuối cùng khi Hiệp định Pari có hiệu lực, địch vẫn trút bom đạn xuống Ba Tơ.

Cuộc chiến đấu diễn ra vô cùng ác liệt suốt 45 ngày đêm, thời tiết rất khắc nghiệt, bão lụt liên tiếp xảy ra ngay những ngày đầu chiến dịch nên làm hạn chế khả năng tiến công của quân ta. Ta phải thay đổi chiến thuật, tổ chức lại lực lượng đánh từng phần giành từng tấc đất, từng bước xiết chặt vòng vây và liên tục tiến công. Với quyết tâm ngay từ đầu, từ Bộ Tư lệnh Mặt trận đến cán bộ, chiến sĩ các đơn vị quân dân địa phương đã kiên trì tổ chức chiến đấu linh hoạt dũng cảm bất kể trời mưa, nắng hay bão lụt. Ta huy động một lực lượng lớn dân công hỏa tuyến tiếp đạn, tải lương... Du kích và lực lượng vũ trang địa phương phối hợp với lực lượng trên giành nhiều thắng lợi giòn giã.

Như vậy, sau 45 ngày đêm (từ ngày 15-9 – 30-10-1972) liên tục chiến đấu, quyết đánh và quyết thắng quân thù, quân và dân Ba Tơ đã dũng cảm kiên cường phối hợp chặt chẽ với bộ đội chủ lực liên tục tấn công và giành thắng lợi hoàn toàn.

Bốn mươi lăm ngày đêm chiến đấu trải qua gian khổ,

hy sinh, ác liệt đã đưa đến thắng lợi huy hoàng: giải phóng hoàn toàn quận lỵ Ba Tơ. Chiến dịch giải phóng Ba Tơ kết thúc, ta đã tiêu diệt:

- Ba chốt cứ điểm cỡ đại đội và trung đội.
- Toàn bộ cụm quận lỵ và chi khu quân sự.
- Toàn bộ khu trung tâm biệt kích Đá Bàn.
- Diệt và bắt sống trên 1.800 tên địch, có 01 trung tá quận trưởng, 01 trung tá trung đoàn trưởng, 01 trung tá tiểu đoàn trưởng và tiểu đoàn phó.
- Diệt gọn và đánh thiệt hại 5 tiểu đoàn, 08 đại đội, 28 trung đội lính dân vệ, lính Trường Sơn, cảnh sát dã chiến.
- Bắt và tiêu diệt hàng trăm tên ác ôn nguy quyền, thu toàn bộ phương tiện kìm kẹp tra tấn đồng bào, đồng chí mà lâu nay bọn địch sử dụng, san bằng các khu đồn dân, nhà tù và toàn bộ trụ sở nguy quân, nguy quyền.

Như vậy: chiến thắng Ba Tơ đã ghi thêm vào lịch sử tỉnh nhà một chiến công vang dội. Trận đánh tiêu diệt chi khu quận lỵ Ba Tơ và trung tâm biệt kích Đá Bàn là trận đánh tiêu diệt lớn, đánh diệt gọn cứ điểm lớn bao gồm cả quận lỵ, chi khu phòng thủ rất kiên cố của địch. Ta đã giáng một đòn đau, làm rung chuyển hệ thống phòng ngự chiến thuật của địch, góp phần giải phóng hoàn toàn một huyện đầu tiên trong tỉnh. Chiến thắng Ba Tơ là hoa chiến công làm rạng rỡ thêm truyền thống kiên cường bất khuất của quân dân tỉnh ta¹. Chiến thắng giải phóng hoàn

1. Xem: *Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ V (8-1973)*. Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Quảng Ngãi.

toàn Ba Tơ có ý nghĩa to lớn, góp phần thay đổi cục diện quân sự toàn Khu V ngày càng có lợi cho ta mở hành lang cho các lực lượng ta từ đây vào giải phóng Bình Định, Tây Nguyên và các tỉnh phía Nam. Qua chiến thắng này, Khu uỷ, Tỉnh uỷ rút được nhiều kinh nghiệm quý báu trong việc đánh địch, giải phóng một vùng đất rộng lớn. Chiến thắng Ba Tơ đã làm rung chuyển toàn bộ hệ thống ngục quân, ngục quyền trên chiến trường Khu V, mặc dù chúng được đế quốc Mỹ chi viện rất lớn.

Trong chiến dịch này ngoài quân và dân Ba Tơ, rất nhiều chiến sĩ, lực lượng thanh niên xung phong, dân công hỏa tuyến từ mọi miền đất nước đã hy sinh anh dũng vì sự nghiệp giải phóng Ba Tơ. Những con người đó đã trở thành máu thịt của quê hương và đồng bào các dân tộc ở Ba Tơ. Không bao giờ các thế hệ con em Ba Tơ quên công lao và sự hy sinh to lớn đó.

Nhiệm vụ trọng tâm của phong trào đấu tranh chính trị năm 1972 mà Đảng bộ hai huyện nêu ra là bồi dưỡng phương thức hoạt động của các đội công tác, khẩn trương xây dựng lực lượng bên trong. Đồng bào hai huyện đã đấu tranh phối hợp bên trong, bên ngoài, giữa ta và một số binh sĩ, nhân dân ngục quyền. Tháng 4 năm 1972, một số đồng bào trong các ấp, khu đồn đã mạnh dạn đứng lên tố cáo tội ác của địch và nổi dậy gồng gánh chinh ché, lúa gạo, dất trâu bò, heo trở về chỗ ở cũ trước mắt bọn ngục quân, ngục quyền. Trong hai đợt tấn công tháng 5 và tháng 9 được lực lượng vũ trang hỗ trợ, toàn bộ đồng bào trong các khu đồn, ấp chiến lược nổi dậy đốt phá khu đồn,

áp và kéo về vùng giải phóng làm ăn, tham gia kháng chiến (Ba Tơ gồm 4.000 người, Sông Re gồm 3.700 người).

Từ đầu năm 1972, bộ máy binh vận từ huyện đến xã được bổ sung đủ người, được bồi dưỡng về phương thức hoạt động. Đảng bộ hai huyện tổ chức học tập rộng rãi 10 điểm trong chính sách của Mặt trận. Điều đáng chú ý là từ năm 1972 tại Ba Tơ đã xuất hiện nhiều vụ binh biến phản chiến làm địch khiếp sợ. Tháng 4-1972, nguy quân Tiểu đoàn 69 Biệt động chống đi cứu viện, đòi thất cổ tự tử tại sân bay Đá Bàn có sự hỗ trợ của hàng trăm đồng bào và gia đình binh sĩ buộc bọn chỉ huy phải co lại. Một số binh lính khác khi có lệnh đi càn thì ra rừng ở hết hạn mới về. Như vậy trong chiến tranh cách mạng, Đảng bộ Ba Tơ và Sông Hrê lãnh đạo tốt việc kết hợp giữa tấn công và phản công, lấy tấn công làm chính. Đảng bộ luôn luôn nắm vững tư tưởng chủ động tấn công địch phía trước để bẻ gãy càn của địch phía sau. Ta buộc địch từng bước lúng túng, bị động và co cụm về phòng thủ, đồng thời lãnh đạo tốt phía sau chống lấn chiếm. Đảng bộ gắn chặt giữa tấn công với xác định, củng cố với phát triển lực lượng, mọi hoạt động được đảm bảo liên tục suốt các chiến dịch. Như vậy, trong năm 1972 ta giải phóng toàn bộ gồm hơn 5.000 đồng bào Ba Tơ khỏi bị kìm kẹp của kẻ thù, ở huyện Sông Hrê ta giải phóng 8.025 trên tổng số 11.825 dân.

Huyện uỷ Ba Tơ, Sông Hrê bên cạnh việc tiến công tiêu diệt địch phía trước đã xem yêu cầu xây dựng hậu phương vững chắc là một trong những nhiệm vụ trung tâm. Những năm đầu chống lại chiến lược "Việt Nam hóa

chiến tranh" của địch, do điều kiện khách quan và chủ quan nên phần lớn đồng bào chạy dạt lên rẫy, đời sống khó khăn liên tục trong 2 năm. Với tinh thần tự lực tự cường, Đảng bộ hai huyện liên tục đặt vấn đề khẩn trương giải quyết đời sống cho nhân dân. Được tỉnh ủng hộ cho một số nông cụ, trâu bò, nhân dân vùng giải phóng dần dần ổn định đời sống, khôi phục và phát triển sản xuất. Từ sau vụ tháng 8-1970, phong trào thi đua sản xuất có tính rộng rãi đều khắp huyện. Đồng bào bám chặt ruộng nà. Phát triển rẫy mì, lang, riềng, bắp và trồng tăng diện tích các loại hoa màu ngắn ngày. Sản xuất mì năm 1971 tăng gấp 3 năm 1969. Các cơ quan huyện giải quyết được một phần tự túc lương thực và có dự trữ cứu đói. Công tác bảo vệ sản xuất được chú trọng. Du kích, thanh niên nêu cao khẩu hiệu "Thà bảo vệ sản xuất chết giữa đồng, còn hơn chết đói". Công sự bắn máy bay rải chất độc hóa học được đào đắp khắp nơi và việc phân công trực chiến của anh em du kích được thực hiện hàng ngày.

Sau hội nghị xây dựng căn cứ miền núi của tỉnh (1-1972), Đảng bộ và các Hội đoàn thể hai huyện phát động phong trào đưa dân xuống bám ruộng, nà để sản xuất. Công tác khai hoang vỡ hóa, tăng diện tích trồng trọt được đẩy mạnh khắp nơi. Đồng bào đã sử dụng hầu hết giống lúa mới để gieo, cấy. Ngoài ra, ở nhiều nơi, đồng bào còn chú trọng khai thác các loại lâm thổ sản để trao đổi hàng hóa và trồng lại các loại cây lưu niên trong vườn rẫy.

Ban nông vận 2 huyện chỉ đạo sát phong trào làm ăn tập thể. Đến cuối năm 1972 toàn huyện có 99 tổ đổi công

thường xuyên gồm 2.510 lao động, 17 tổ hợp tác. Để lãnh đạo phong trào, hai huyện mở các lớp đào tạo được 117 tổ trưởng, tổ phó.

Tiếp tục đóng góp sức người sức của cho kháng chiến chống Mỹ - nguy, đồng bào Ba Tơ từ trẻ em 12 tuổi đến cụ già 60 tuổi hăng hái tham gia vận chuyển vũ khí lương thực, thuốc men... đạt và vượt chỉ tiêu trên giao, 280 thanh niên tòng quân bổ sung vào các lực lượng của khu, tỉnh, huyện, 157 thanh niên xung phong phục vụ ở các tuyến đường, công trường. Đồng bào đi dân công phục vụ chiến đấu và xây dựng được 88.862 công, vận chuyển được 742.488 kg hàng các loại.

Công tác y tế ở vùng giải phóng ngày càng phát triển sâu rộng trong quần chúng. Ban Y tế hai huyện hướng dẫn nhân dân xây dựng lại xóm làng cũ, xây dựng nhà cửa sạch sẽ và đa số đồng bào biết dùng chén đĩa ăn cơm. Bệnh xá huyện được củng cố và mở rộng, thực hiện chế độ chính sách tốt hơn trước. Việc xây dựng Ban dân y xã được chỉ đạo sát sao. Huyện mở 2 lớp bồi túc văn hóa cho cán bộ, đảng viên, mở lớp đào tạo giáo viên phổ thông. Riêng ở Sông Re ta mở một lớp vừa học vừa làm gồm 33 học viên. Các lớp phổ thông, bình dân học vụ được duy trì và phát triển. Công tác văn hóa văn nghệ trong vùng giải phóng có đóng góp tích cực đến đời sống tinh thần của chiến sĩ và đồng bào.

Thời gian này công tác giao vận được đẩy mạnh với các chủ trương mở hành lang, tu sửa các tuyến đường. Ta huy động 7.500 công mở được đường xe thô đi từ Ba Tơ

đến Khu uỷ Khu V. Ở các bến dò ngang, dọc, Ban Giao vận tổ chức người thường xuyên trực đưa, đón khách.

Nhìn chung lại, từ cuối năm 1969 đến năm 1972, Mỹ - ngụy tập trung đánh phá hết sức quyết liệt địa phương suốt ngày đêm. Không có mảnh đất nào của Ba Tơ, Sông Re không có bom đạn Mỹ đào xới, không có ngọn núi nào, khu rừng nào, tàu rọ, HUIA không bắn phá hủy diệt. Ruộng, rẫy trở nên hoang vu, cỏ dại mọc đầy, xóm làng chỉ còn lại cảnh xơ xác, đổ nát. Khắp các nơi trong huyện đâu đâu cũng thấy loang lổ những hố bom xen lẫn màu cỏ cây bị tàn úa do chất độc hóa học gây ra. Cuộc sống của đồng bào ở đây lúc bấy giờ có ai từ ngoài đến nhìn thấy cứ tưởng chừng như bế tắc. Song, sức sống bên trong của đồng bào Ba Tơ vẫn vươn lên mãnh liệt. Cán bộ chiến sĩ và đồng bào một lần nữa phát huy cao độ lòng yêu nước và tinh thần khắc phục khó khăn vượt qua mọi trở lực tiến lên giành thắng lợi quyết định.

Trong những năm tháng khó khăn nhất của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước kiên định với phương châm, phương pháp đấu tranh do trên chủ trương và linh hoạt vận dụng trong thực tiễn tại địa phương, Đảng bộ Ba Tơ đã lãnh đạo tốt mọi mặt hoạt động của cách mạng huyện nhà, gắn chặt giữa tấn công địch với xây dựng hậu phương mọi mặt mà trong đó lấy tấn công là chính. Đảng bộ lãnh đạo phong trào nhân dân du kích chiến tranh khá, đánh địch liên tục và đều khắp, làm nổi rõ vai trò của mọi lực lượng cách mạng.

Về công tác giáo dục tư tưởng, Huyện uỷ đẩy mạnh

các đợt sinh hoạt chính trị trong Đảng, học tập, thảo luận tình hình nhiệm vụ mà nghị quyết các cấp uỷ đề ra. Ngoài các cuộc chỉnh huấn và sinh hoạt chính trị, Huyện uỷ luôn luôn chú ý mở các lớp bồi dưỡng về lập trường quan điểm, xác định mục tiêu chiến đấu cụ thể của mỗi đảng viên. Huyện uỷ có kế hoạch chỉ đạo cụ thể cho các chi bộ cơ sở mở các lớp cho đảng viên học tập và kiểm tra, kịp thời uốn nắn sai sót.

Các chi bộ giữ việc sinh hoạt thường kỳ và bất thường, lấy tự phê bình và phê bình để nâng cao chất lượng Đảng, xây dựng được tư tưởng tiến công, tính tiên phong gương mẫu của đảng viên.

Qua việc tổ chức học tập chỉnh huấn bồi dưỡng kiến thức, giáo dục tư tưởng trong Đảng, Huyện uỷ Ba Tư và Sông Hề kịp thời giải quyết các vướng mắc trong suy nghĩ, việc làm của đại đa số các đồng chí đảng viên. Đảng viên, cán bộ ta có đánh giá rõ ràng về thất bại toàn diện và nặng nề của địch, cho đây là sự giã giụa điên cuồng của chúng. Đồng bào còn nhận rõ thời cơ chiến lược năm 1972 mà quyết tâm thực hiện thắng lợi kế hoạch giải phóng huyện nhà. Có thể nói rằng, thắng lợi của quân và dân huyện Ba Tư trước hết là thắng lợi về công tác chính trị và công tác xây dựng Đảng, xây dựng tư tưởng của Đảng bộ.

Đi đôi với công tác xây dựng Đảng về tư tưởng, việc xây dựng Đảng về tổ chức cũng được chú ý đúng mức, luôn gắn chặt với công tác tư tưởng và nhiệm vụ chính trị của Đảng. Vai trò chi bộ ngày càng rõ ràng. Các chi bộ bám sát

và lãnh đạo được quần chúng trong chiến đấu và xây dựng. Việc sinh hoạt Đảng từ cấp uỷ đến chi bộ, tổ đảng được giữ vững, chú ý đẩy mạnh đấu tranh nội bộ, thường xuyên kiểm tra kết quả nâng cao chất lượng đảng viên, lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị của chi bộ và từng đảng viên để đánh giá chất lượng. Huyện uỷ đã làm cho toàn Đảng bộ thấy rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong việc xây dựng Đảng, xem xây dựng tổ chức Đảng vững mạnh là nhiệm vụ cơ bản. Đến tháng 10 năm 1972, con số Chi bộ 4 tốt của 2 huyện là 18.

Công tác phát triển đảng viên mới cũng được chú ý thường xuyên. Trong giai đoạn này, Đảng bộ đã kết nạp được vào đội ngũ mình những phần tử ưu tú đã được thử thách trong các phong trào đấu tranh cách mạng, tăng cường thêm sức chiến đấu của Đảng bộ. Việc phát triển đảng viên được nhằm vào đối tượng chủ yếu là trẻ và nữ. Qua học tập, bồi dưỡng lực lượng cảm tình, đối tượng quán triệt và thấu hiểu lý tưởng, nhiệm vụ của người đảng viên. Số lượng đảng viên mới tăng lên nhiều trong các cơ sở hợp pháp. Năm 1972 hai huyện phát triển được 78 đảng viên mới. Tổng số đảng viên của hai Đảng bộ là 627 đồng chí. Ở Ba Tơ tỷ lệ lãnh đạo của đảng viên đối với quần chúng 1/52. Ở Sông Hề, trong vùng giải phóng là 1/24, trong vùng địch kìm là 1/382¹.

Đảng bộ mở các lớp đào tạo cán bộ để nâng cao sức lãnh đạo, xem đó là khâu then chốt trong công tác xây

1. Xem: *Thống kê tổng hợp trong báo cáo xây dựng Đảng 1972*. Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Quảng Ngãi.

dựng Đảng. Công tác cán bộ trong thời gian qua có bước tiến bộ mới. Nhận rõ vấn đề cán bộ là một khâu quan trọng trong việc lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị, Huyện uỷ quan tâm rất lớn việc xây dựng đội ngũ cán bộ Đảng. Cả hai huyện đã mở được 3 lớp cho 49 đồng chí chi uỷ xã, đồng thời đưa một số đồng chí đi học sơ cấp và bí thư xã ở Trường Đảng tỉnh. Đi đôi với công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ mới, Huyện uỷ chú ý đúng mức việc kèm cặp, đề bạt, cân nhắc nhiều cán bộ trẻ, nữ đồng thời quan tâm đến cán bộ cũ nhờ đó đã đoàn kết được cán bộ, phát huy được khả năng và tinh thần trách nhiệm của cán bộ trong mọi lĩnh vực công tác Đảng. Huyện uỷ tiến hành kiện toàn tổ chức các ban, ngành, tăng cường thêm cán bộ chuyên môn và chỉ đạo cho các ngành để phát huy được vai trò chức năng của các ban ngành giúp cấp uỷ chỉ đạo được tốt. Huyện uỷ cũng quan tâm đúng mức đến việc bồi dưỡng, chăm sóc sức khỏe đời sống cán bộ. Nhiều cán bộ già yếu bệnh tật được đi an dưỡng, hoặc đưa ra miền Bắc chữa bệnh. Một số con em của cán bộ, thương binh liệt sĩ được đi ra miền Bắc để học tập và đào tạo. Nói chung trong những năm tháng đó, Đảng bộ Ba Tơ, Sông Hề đã làm hết sức mình để đội ngũ cán bộ của Đảng ngày càng đông đảo và trưởng thành.

Bộ máy các cơ quan, ngành giới, đoàn thể được củng cố, đi vào nền nếp. Đoàn thanh niên nhân dân cách mạng đi đầu trong phát động tòng quân. Thanh niên xung phong cả hai huyện có 570 đoàn viên, trong đó có 36 hợp pháp ở Sông Re. Hội đoàn kết sản xuất được xây dựng có

120 hội gồm 2.670 người. Hội phụ nữ giải phóng có 1.690 hội viên.

Cả hai huyện từ đầu năm 1972 đã hoàn thành bầu cử Hội đồng nhân dân cách mạng và Ủy ban nhân dân cách mạng. Hơn 90% đồng bào tham gia bầu cử. Công tác an ninh vùng giải phóng được giữ vững, việc quản lý nhân dân theo giấy tờ được tiến hành chặt chẽ hơn. Ban An ninh Ba Tơ được tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

Bên cạnh những thành tựu trong chiến đấu và xây dựng, phong trào cách mạng của huyện vẫn còn tồn tại một số nhược điểm trong lãnh đạo và thực hiện. Biểu hiện nặng nề nhất là tư tưởng ngại ác liệt, sợ hy sinh, cầu an tiêu cực trong thời gian đầu của giai đoạn ác liệt nêu trên. Những tồn tại trong công tác xây dựng Đảng thời kỳ này cần được khắc phục là sự nhận thức mục tiêu lý tưởng của đảng viên chưa đầy đủ, lãnh đạo chưa thấy hết được nhiệm vụ lâu dài mà phần nhiều lo chạy theo công tác trước mắt. Việc phát triển Đảng so với yêu cầu là chậm và đáng chú ý là thời gian dự bị của một số đồng chí quá lâu (có 57 đồng chí kéo dài quá thời hạn từ năm tháng đến hai năm)¹. Sinh hoạt chi bộ chưa thường xuyên, công tác kiểm tra Đảng còn có lúc xem nhẹ, phân công đảng viên làm nhiệm vụ nhiều khi còn chưa hợp lý. Số đảng viên và đồng bào chạy về vùng địch, bỏ công tác cách mạng thậm chí có

1. Xem: *Báo cáo công tác xây dựng Đảng của huyện Sông Hề*. Tài liệu đã dẫn.

người đầu hàng địch ở Ba Tơ giai đoạn này có nhiều hơn so với các giai đoạn trước¹.

Thắng lợi vĩ đại của quân và dân Ba Tơ trong năm 1972 có ý nghĩa quyết định tạo ra bước ngoặt lịch sử mới trong đấu tranh và xây dựng của hai huyện. Kẻ thù đã phải cúi đầu chấp nhận thất bại nhục nhã trên mảnh đất Ba Tơ anh hùng. Quân và dân huyện bước vào cuộc chiến đấu mới. Khí thế cách mạng lên cao hơn bao giờ hết.

Chương XI: XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ QUÊ HƯƠNG; CHỐNG ĐỊCH LẤN CHIẾM; THAM GIA GIẢI PHÓNG HUYỆN SÔNG HRÊ, GIẢI PHÓNG TOÀN TỈNH VÀ TOÀN MIỀN NAM (1973 - 1975)

Đến cuối năm 1972, với thắng lợi vang dội của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, cách mạng Việt Nam chuyển sang giai đoạn mới: hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam, bảo vệ vững chắc hậu phương miền Bắc, thực hiện toàn vẹn độc lập và thống nhất đất nước.

Ngày 27 tháng 01 năm 1973, chính quyền Níchxơn buộc phải ký Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh và lập lại hòa bình ở Việt Nam. Hiệp định được ký kết trên cơ sở đế quốc Mỹ phải chấm dứt xâm lược Việt Nam, rút hết quân Mỹ và quân chư hầu ra khỏi miền Nam, cam kết tôn trọng các quyền cơ bản của nhân dân Việt Nam là độc lập,

1. Xem: *Báo cáo tổng kết xây dựng Đảng từ năm 1954 đến năm 1973 của Đảng bộ huyện Ba Tơ*. Tài liệu đã dẫn.

chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, cam kết tôn trọng quyền tự quyết của nhân dân miền Nam, chấm dứt mọi dính líu quân sự và can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam, thừa nhận thực tế ở miền Nam có hai chính quyền, hai quân đội, hai vùng kiểm soát và ba lực lượng chính trị.

Ngày 02 tháng 3 năm 1973, Hiệp định Pari lại được định ước của Hội nghị quốc tế về Việt Nam long trọng xác nhận và ủng hộ.

Ngày 29 tháng 8 năm 1973, đơn vị cuối cùng của quân đội Mỹ và chư hầu đã phải cuốn cờ rút khỏi miền Nam.

Tuy nhiên, kẻ thù không dễ đầu hàng trước phong trào cách mạng của đồng bào ta. Chúng tính toán, vạch ra những âm mưu, thủ đoạn mới để trả thù cho thất bại nhục nhã của chúng, tiếp tục chủ trương kéo dài chiến tranh bằng biện pháp sử dụng quân đội Sài Gòn do Mỹ tổ chức, trang bị, huấn luyện và trực tiếp chỉ huy thông qua hệ thống cố vấn. Mục tiêu trước mắt và lâu dài của Mỹ là hoàn chỉnh vùng chính quyền Sài Gòn kiểm soát, xóa bỏ thế "da báo" xen kẽ, cải biến thế bị uy hiếp, từng bước làm suy yếu ta, làm thay đổi cục diện miền Nam để tiến tới thôn tính hoàn toàn các vùng đất bị mất. Lực lượng không quân và hải quân Mỹ tuy rút khỏi miền Nam nhưng tiếp tục hoạt động từ Thái Lan và ngoài khơi vùng biển của Việt Nam, đóng vai trò làm chỗ dựa tinh thần cho quân đội Sài Gòn và làm lực lượng răn đe ta.

Kế hoạch chiến tranh mới của Mỹ - Thiệu dựa trên hai biện pháp chiến lược chủ yếu: lấn chiếm và bình định.

Chương trình bình định giai đoạn mới do Tomxơn, nguyên Toàn quyền Anh ở Malaixia, nay là cố vấn đặc biệt của Nhà Trắng vạch ra, được đưa lên vị trí trung tâm của chiến lược mới.

Vì vậy "Cuộc chiến tranh của nhân dân ta ở miền Nam còn phải vượt qua nhiều khó khăn trở ngại. Những thế lực quân phiệt, phát xít, công cụ của chủ nghĩa thực dân mới, đi ngược lại nguyện vọng của dân tộc ta vẫn chưa từ bỏ những âm mưu phá hoại hòa bình, ngăn trở con đường độc lập, tự do của nhân dân ta"¹.

Trước những âm mưu và thủ đoạn ngoan cố của kẻ thù, nhân dân các dân tộc ở Ba Tơ mặc dù đã được giải phóng, đã có điều kiện bắt đầu khôi phục và ổn định mọi mặt của đời sống và phát huy sức mạnh đóng góp vào phong trào chung, song vẫn chưa thể buông lơì mất cảnh giác trước những hành động chống phá của các thế lực đế quốc thù địch. Cụ thể, sau khi mất Ba Tơ, địch ra sức tìm cách đẩy mạnh thực hiện chiến tranh tâm lý, mua chuộc, móc nối và bắt bớ ở các cửa khẩu và ở một số cao điểm chúng còn đóng giữ. Chúng tung bọn thám báo, biệt động cải trang người đi buôn, giả danh cán bộ vào Ba Tơ nhằm lũng sục kho tàng, nơi đóng quân, các tuyến giao thông chủ yếu để gọi phi pháo phá hủy. Chúng gây khó khăn trong sản xuất, phá hoại sự đoàn kết của đồng bào như

1. Trích: *Lời kêu gọi của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ngày 28-1-1973*. Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

gây nghi ngờ giữa dân vùng giải phóng cũ và dân mới về. Ngoài ra, chúng còn rải chất độc hóa học vào Ba Lế và một số nơi làm chết lúa, mì.

Từ đầu năm 1973, tại Ba Tư dịch vẫn còn một số quân của Trung đoàn 4, Sư đoàn 2, Tiểu đoàn 69 biệt động chốt giữ các cao điểm 402, 513, 416, 339, 317 và 252 để làm bàn đạp đánh lấn ra vùng ta. Chúng dùng phi pháo bắn phá, ném bom B52, B57, đổ nhiều tiểu đoàn quân cộng hòa và biệt động trong tháng 1 nhằm chiếm lại quận lỵ.

Bọn biệt động ở Tiểu đoàn 61 (đóng ở Minh Long) cũng thường xuyên đánh nống ra Ba Điền, Ba Lãnh, đèo Eo Chim, Gội Tĩa, núi Tai Mèo. Bọn biệt động Tiểu đoàn 70 ở Giá Vụt lấn dần xuống Ba Tô, Ba Chi, chốt ở Trà Nô. Những đợt tấn công lấn chiếm của địch đều bị ta đẩy lùi. Đến tháng 4 năm 1973, địch buộc phải rút bỏ các cao điểm 317, 339, 252. Binh lính địch hoang mang dao động. Tuy vậy bọn chỉ huy vẫn ngoan cố chống trả, kèm chặt các binh sĩ bằng mọi cách để thực hiện lấn chiếm.

Tính chung, trong 5 tháng đầu năm 1973 địch tổ chức 22 vụ hành quân lấn chiếm với quân số từ đại đội đến 2 tiểu đoàn vào địa bàn huyện, 8 vụ trinh sát cỡ trung đội thăm dò ở Ba Điền, Ba Lãnh, Ba Lâm. Chúng gây ra 29 vụ bắn pháo cối gồm 14.000 quả ĐKZ vào Ba Động, Ba Lãnh, Ba Lang, Ba Lâm, Ba Tầng, Ba Chùa, Ba Dinh và trung tâm huyện, tiến hành 12 vụ ném bom của máy bay AD6 và T28, sử dụng HU1A bắn rốc két và đại liên vào các cao điểm 317, 339, 252 và Đèo Lâm.

Chúng dùng B52 rải bom vào vùng ta 45 phi vụ, B57 đánh 16 phi vụ làm chết 25 thường dân. Riêng số dân chết do bị pháo bắn và địch tập kích vào bệnh xá D11 ở Ba Lanh là 11 người, bị thương 9 người, 6 nhà bị đốt và nhiều tài sản bị cướp. Địch còn tập kích ở Ba Lanh giết chết 1 người dân, bị thương 2. Chúng bắt ở Ba Lanh 7 người, bắn pháo vào Ba Lang làm chết một số trâu¹.

Phát huy thắng lợi, quân và dân Ba Tư với lòng trung thành vô hạn và tin tưởng sắt đá vào sự lãnh đạo của Đảng, đã tiếp tục xây dựng địa phương vững mạnh và cùng cả tỉnh, cả nước hoàn thành cuộc kháng chiến đánh đổ bè lũ cướp nước và bán nước ở miền Nam. Tháng 1 năm 1973, Đại hội lần thứ VI Đảng bộ huyện Ba Tư được triệu tập tại Nước P.Lũ (Ba Sơn), Đại hội tuyên dương thành tích của toàn Đảng bộ, toàn quân, toàn dân huyện nhà đã làm tròn lời hứa tại Đại hội lần thứ V: Quyết tâm giải phóng huyện khỏi bè lũ bán nước và cướp nước. Đại biểu về dự đại hội đồng tâm nhất trí nhận định cuộc kháng chiến chống Mỹ - Thiệu của địa phương chuyển sang trang sử mới. Đó là: Bảo vệ những thành quả đã giành được, xây dựng Ba Tư giàu mạnh, phát triển mọi mặt đời sống của đồng bào. Đại hội đã đề ra những nhiệm vụ mới:

1. Quyết tâm giữ vững huyện nhà, đánh bại mọi âm mưu, thủ đoạn lấn chiếm của kẻ thù; xây dựng đời sống mới, giữ vững trật tự an ninh địa phương; xây dựng, củng cố vững chắc chính quyền và các đoàn thể.

1. Xem: *Báo cáo tổng kết năm 1973 của G70*. Tài liệu lưu tại Văn phòng Huyện uỷ Ba Tư.

2. Lãnh đạo lực lượng vũ trang và bán vũ trang bám sát bảo vệ Đường số 5A, hành lang khu Bắc, bảo đảm giao thông liên lạc, hỗ trợ cho các huyện chung quanh, góp phần giải phóng các xã còn lại của huyện Sông Hâm và toàn tỉnh.

3. Phát động phong trào toàn dân phát triển sản xuất tự túc, tự cấp, phát triển mạnh giao lưu hàng hóa, đời sống tinh thần của đồng bào.

4. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trên mọi mặt.

Đại hội đã bầu lại đồng chí Phạm Văn Sáu làm Bí thư Huyện uỷ.

Trước những diễn biến phức tạp của tình hình do hoạt động phá hoại ngoan cố của kẻ thù, đại bộ phận đồng bào, chiến sĩ trong huyện vẫn giữ vững niềm tin tưởng, phấn khởi, khí thế cách mạng sôi nổi, song vẫn không tránh khỏi còn một số trường hợp tiêu cực xảy ra như tư tưởng xả hơi, ngại khó ngại khổ, ngại ác liệt, hữu khuynh. Ở mấy tháng đầu năm 1973, do địch cố sức đánh phá hòng chiếm lại Ba Tơ nên một số đảng viên, đồng bào nghi ngờ vào thắng lợi cuối cùng giải phóng toàn tỉnh. Nạn mê tín dị đoan bị dập tắt từ trước nay lại có nguy cơ khôi phục trở lại.

Quán triệt nghị quyết Đại hội lần thứ VI của Đảng bộ huyện, Huyện uỷ mở đợt sinh hoạt chính trị trong toàn Đảng, toàn dân, phát động phong trào quần chúng làm theo lời Bác dạy. 100% cán bộ, đảng viên ở huyện, 90% cơ sở cách mạng được học tập Nghị quyết 7 và 8 (khóa VI), Nghị quyết 1 (khóa V) của Tỉnh uỷ, 6 quan điểm của

Đảng. Đảng bộ bằng nhiều hình thức, liên tục tuyên truyền, giáo dục những chủ trương chính sách của Đảng cho cán bộ, chiến sĩ, đồng bào. Huyện tổ chức lễ mừng chiến thắng ký Hiệp định Pari ở khu Bắc với 3.000 người tham dự, lễ kỷ niệm khởi nghĩa Ba Tơ với 2.500 người tham dự, lễ mừng sinh nhật Bác với 1.000 người tham dự. Phong trào viết khẩu hiệu, truyền đơn, làm cổng chào, áp phích được phổ biến rộng rãi trong toàn huyện.

Qua việc thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng bộ, đảng viên và quần chúng đánh giá đúng thực chất địch và ta. Khối đoàn kết toàn dân được củng cố vững chắc. Các đảng viên của Đảng bộ có ý thức xây dựng cho mình lập trường vững chắc và đạo đức trong sáng. Các biểu hiện tiêu cực, cá nhân chủ nghĩa được kịp thời khắc phục. Tính đến cuối năm 1973, số đảng viên thực hiện 6 quan điểm, 4 yêu cầu, 7 nhiệm vụ đạt 66% phần đầu tốt, 25% trung bình và 9% kém¹. Các ngành, đoàn thể giải quyết được tư tưởng lưng chừng, lạc hậu trong quần chúng nên đã thúc đẩy được các hoạt động cách mạng lên rõ rệt. Quần chúng thấy được nhiệm vụ đi làm đường, đi thanh niên xung phong, xây dựng và củng cố lực lượng vũ trang, bán vũ trang, phát triển giáo dục, y tế, thực hiện nếp sống mới, tăng gia sản xuất... là quan trọng và cấp bách để giữ quê hương nên đã hăng hái tham gia.

Sinh hoạt chi bộ được tiến hành đều đặn, có chất lượng. Chi uỷ được tăng cường cả số lượng lẫn chất lượng.

1. Xem: *Báo cáo công tác xây dựng Đảng 1974 của G70*. Tài liệu lưu tại Văn phòng Huyện uỷ Ba Tơ.

Toàn huyện đến cuối năm có 20 chi bộ xã và 8 chi bộ cơ quan. Đảng viên tăng 38 đồng chí, bị kỷ luật 2 đồng chí. Tổng số đảng viên là 331 đồng chí chính thức và 104 đồng chí dự bị¹.

Công tác kiểm tra đảng được tiến hành tốt hơn để chấn chỉnh, uốn nắn các biểu hiện lệch lạc trong hoạt động của tổ chức và đảng viên, nâng cao sức chiến đấu của các cơ quan. Bộ máy Đảng được bổ sung đầy đủ các đồng chí chuyên trách bám sát phong trào.

Để chống trả các hành động lấn chiếm của địch, bảo vệ vùng ta, lực lượng vũ trang và bán vũ trang được tăng cường. Đến cuối năm huyện có 1 đại đội vũ trang gồm 139 đồng chí (có 13 nữ), có các bộ phận trinh sát, liên lạc, quân ký, quân báo. Trong lực lượng vũ trang có 2 chi bộ Đảng gồm 13 đảng viên (có 2 nữ). Toàn huyện có 478 du kích, trong đó mỗi xã đều có 1 trung đội từ 20 đến 35 người². Lực lượng vũ trang và bán vũ trang của huyện làm nòng cốt cho việc tổ chức bố phòng, xây dựng công sự chiến đấu chống địch lấn chiếm đất, giành dân với ta.

Trong 4 tháng đầu năm, ta giết chết 85 tên địch, thu 6 súng AR15, 7 ba lô, bắn rơi 1 máy bay, giữ vững vùng giải phóng. Đến cuối năm 1973 các cứ điểm địch chốt ở 339, 317, 252 bị ta bức rút hết, chỉ còn ở các cao điểm 416, 513 và 402.

Đảng bộ Ba Tư chỉ đạo các cấp dùng nhiều hình thức

1. Xem: *Báo cáo công tác xây dựng Đảng 1974 của G70*. Tài liệu lưu tại Văn phòng Huyện ủy Ba Tư.

2. Xã Ba Đình còn yếu, chỉ có 1 tiểu đội gồm 6 du kích.

tuyên truyền như máy ghi âm, loa phóng thanh, truyền đơn, áp phích trong công tác binh tế vận. Ta tuyên truyền, giải thích thắng lợi của ta và thất bại của địch trong việc ký kết Hiệp định Pari, giải thích 10 điểm của chính sách hòa hợp dân tộc. Cả năm, ta tiến hành 85 đợt tuyên truyền giáo dục được 865 binh sĩ, thực hiện 17 đợt loa phóng thanh (51 ngày), rải và dán 4.495 truyền đơn, áp phích, phát ra 04 tài liệu về Hiệp định, 20 tài liệu về 10 chính sách, 35 thư tay. Lực lượng binh vận của ta trực tiếp tấn công, tuyên truyền cho 9 đại đội, giáo dục 15 chỉ huy trung đội, 6 trung úy đại đội trưởng, 4 trung úy tâm lý chiến. Binh lính rã ngũ tập thể 2 vụ (vào ngày 29-3 và 18-8). Binh lính chống lệnh hành quân 3 vụ, bỏ ngũ 108 người, chống không bắn pháo vào huyện lỵ 2 lần lúc ta đang làm đường, v.v.. Ta còn trung lập được 3 tiểu đoàn của Liên đoàn 11 biệt động, 40 binh lính về vùng giải phóng, 173 người về gia đình ở vùng địch. Ta thu được một số vũ khí, quân trang, quân dụng. Ban binh vận huyện kéo dân về vùng giải phóng 95 người, hỗ trợ cho các gia đình binh sĩ đấu tranh 7 vụ đòi chồng con, 4 vụ đòi xác, bắt địch bồi thường thiệt hại. Trong vùng giải phóng, ta tổ chức học tập cho gia đình binh sĩ 44 lần với 128 người dự.

Trong số 168 người binh lính cũ có 150 người tham gia du kích. Ta phóng thích 48 tù binh của các huyện mà ta giam giữ¹.

Hội nông dân đóng góp vai trò tích cực trong phong

1. Xem: *Báo cáo công tác xây dựng Đảng 1974 của G70*. Tài liệu đã dẫn.

trào đoàn kết sản xuất, tương trợ lao động, củng cố xây dựng Hội, tổ đoàn kết, tổ đổi công và vòng công. Toàn huyện có 80 tổ đoàn kết sản xuất gồm 2.350 hội viên ở 74 thôn. Các hội viên tích cực giúp đỡ tương trợ cho các gia đình chiến sĩ, thương binh, liệt sĩ, các gia đình neo đơn. Một số xã của huyện Ba Tơ, huyện Sông Hrê đã tiến hành thí điểm xây dựng nghĩa trang liệt sĩ.

Huyện mở hai lớp tập huấn công tác xây dựng Hội trong 10 ngày có 37 người tham gia.

Hội phụ nữ huyện đóng vai trò quan trọng trong làm và sửa chữa đường sá, động viên chồng con, thanh niên, bộ đội, thăm hỏi tình cảm các gia đình, phục vụ các ngày lễ, các kỳ họp. Phụ nữ huyện là lực lượng chính trong công tác binh vận và đấu tranh chính trị. Chị em đã tổ chức đấu tranh với địch trên các chốt điểm 28 lượt gồm 128 người tham gia, đóng góp thăm thương binh, bộ đội 46.000 đồng và các loại đường, nếp, trà... Chị em phục vụ hội nghị 558 công công củi, 112 công công rau. Trên các công trường tỉnh, huyện có 234 chị túc trực.

Thanh niên đóng vai trò xung kích trong mọi công tác xây dựng và chiến đấu. Trong năm có 65 thanh niên tòng quân, 410 thanh niên đi xung phong 6 tháng (trong đó có 110 nữ) gồm 24.000 ngày công. Từ tháng 9 đến cuối năm có 150 thanh niên thường trực sửa đường từ Trường An đi Gò Cọp. Toàn huyện có 26 chi đoàn với 159 đoàn viên.

Từ khi huyện được giải phóng đến cuối năm 1973, phong trào học phổ thông, bổ túc văn hóa, bình dân học vụ phát triển mạnh. Huyện mở 13 lớp phổ thông từ vỡ lòng

đến lớp 3 cho 273 em, 5 lớp bình dân học vụ ở các xã với 75 học viên, lớp tại chức cho 22 học viên và có 50 người theo học tại trường bổ túc công nông huyện.

Năm 1973, dịch cúm, sởi phát triển lan nhanh làm chết một số người. Đảng bộ và chính quyền phát động công tác phòng bệnh, dập tắt, chữa trị kịp thời cho cán bộ, chiến sĩ, đồng bào. Bệnh xá huyện đã điều trị 1.042 người. Cả năm có 8.793 lượt người được điều trị.

Ban dân y huyện phát động phong trào thực hiện làng 3 sạch. Một số nơi đồng bào làm hố xí hai ngăn. Huyện mở lớp đào tạo y tá hai đợt được 50 người, gửi đi học ở tỉnh 7 người.

Do hậu quả chiến tranh và thiên tai, Ba Tơ bị mất từ 70% đến 80% số trâu bò, nhiều ruộng đất bỏ hoang lâu không cày cấy được. Đồng bào gặp khó khăn nhiều trong sản xuất và sinh hoạt. Đảng bộ quán triệt tinh thần chỉ thị của khu và tỉnh về phương hướng xây dựng miền núi, lấy phát triển kinh tế làm nhiệm vụ trung tâm, đã chỉ đạo khôi phục và phát triển sản xuất bằng các biện pháp đẩy mạnh khai hoang vỡ hóa, cải tiến giống, kỹ thuật gieo trồng, làm thủy lợi, phát triển chăn nuôi trâu và súc vật...

Nhân dân cấy tăng diện tích, trồng thêm các loại cây lương thực và hoa màu. Cả năm 1973 với 4.302 lao động chính, đồng bào Ba Tơ cấy 938 ha và thu hoạch được 870 ha, còn 68 ha bị mất do dịch bệnh, nạn chuột và dịch đánh phá. Tổng sản lượng thu được 1.018,6 tấn. So với năm 1972 diện tích cấy tăng 113%, sản lượng tăng 222%, diện

tích trồng các loại màu tăng 245%. Đàn trâu trong năm 1973 có 719 con, đàn bò có 34 con, heo có 1.621 con, gà và vịt có 11.710 con.

Để giúp cho nhân dân sớm khắc phục khó khăn, ổn định lại cuộc sống, huyện đã xuất một số vốn dự trữ cho đồng bào vay.

Điều đáng chú ý là sau khi Ba Tơ được giải phóng, toàn bộ dân trong các khu dồn bung về vùng giải phóng cũ bước đầu gặp khó khăn, một số bị nạn đói đe dọa. Đảng bộ chủ trương lập ban cứu đói, phân công từng đoàn công tác xuống xã. Từ tháng 1 đến tháng 8 huyện xuất 59.640 kg lúa, gạo cho đồng bào 8 xã ăn và làm giống sản xuất, 820 kg muối, 175 bộ quần áo, 228.500 đồng. Đến cuối năm hầu hết dân đã ổn định.

Chính quyền các cấp bám sát, theo dõi kịp thời việc phát triển kinh tế, chính trị xã hội của địa phương. Quy ước nông thôn được thực hiện nghiêm chỉnh. Bộ máy an ninh huyện, xã, thôn làm tốt việc bảo vệ trật tự trị an, tiến hành giáo dục được số binh lính ngụy quyền mới về có tư tưởng chưa an tâm trong làm ăn và sinh sống. Đồng bào khắp các nơi nêu ý chí quyết tâm bám trụ quê hương. Đồng bào Ba Tơ lấy họ Phạm của đồng chí Phạm Văn Đồng làm họ của mình.

Bước sang năm 1974, địch tiếp tục tung biệt kích, do thám, gián điệp, dùng phi pháo để đánh phá sản xuất và giao thông của ta (7 vụ hoạt động biệt kích và 17 vụ phi pháo gồm 97 quả đạn). Chúng bám lấy các chốt còn lại. Ta tiếp tục tấn công cả bằng chính trị, binh vận và thương

xuyên pháo kích ngăn chặn việc tiếp tế bằng đường không của địch từ Đức Phổ lên. Tháng 3-1974 chúng rút chạy khỏi cao điểm 416 và 513. Ngày 9-5-1974, bị ta tiến công bức rút, chúng buộc phải rút bỏ các chốt cuối cùng, ở 402 (đèo Ông Huyện). Như vậy trên đất Ba Tư đã sạch bóng quân thù.

Trong mọi hoạt động, Đảng bộ đều đưa công tác tư tưởng phát triển lên bước mới: Tấn công mạnh vào kẻ thù, vào những tư tưởng sai lầm, vào sự nghèo nàn lạc hậu. Đảng bộ mở 7 đợt sinh hoạt chính trị tư tưởng và động viên chính trị với 100% đảng viên cán bộ, công nhân viên trong các lực lượng và cơ quan được học tập, 75% đồng bào được phát động về nhận thức. Công tác tuyên truyền giữ vai trò quan trọng trong động viên chính trị. Huyện tổ chức các buổi lễ kỷ niệm các ngày lễ lớn như mừng giải phóng Ba Tư 11-3, 19-5, 19-8, 2-9, 14 năm thành lập Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

Nhiều đoàn phim ảnh của tỉnh, khu và các đơn vị bộ đội đã chiếu 18 đêm phim cho trên 20.000 lượt người xem. Không khí vui tươi lành mạnh lan truyền khắp nơi.

Lực lượng đấu tranh chính trị của huyện liên tục tấn công địch, kéo dân về vùng ta, Huyện phối hợp với 2 huyện Sông Hâm, Minh Long đưa các cơ sở hợp pháp xuống tận Nghĩa Hành, tuyên truyền được 104 dân của Minh Long, 225 dân của Nghĩa Hành, 425 dân của Giá Vực về Ba Tư¹.

1. Xem: *Báo cáo sơ kết 6 tháng đầu năm 1974 của G70*. Tài liệu lưu tại Văn phòng Huyện ủy Ba Tư.

Sang năm 1974, ở các thôn có thêm Ban nhân dân cách mạng thôn. Các cơ quan ở huyện bước đầu làm công tác trực cơ quan, thực hiện kịp thời và mang tính pháp lý những vụ vi phạm quy ước, nghi cấm đồ...

Phong trào làm ăn tập thể bước đầu được thực hiện ở Ba Trang, Ba Lương. So với năm 1973, năm 1974 diện tích gieo trồng đạt 128%, sản lượng đạt 103,3%, chăn nuôi đạt 131%. Đồng bào cấy được 1.376,4 ha, trồng được 1.634.400 gốc mì cách mạng, 4.924.400 gốc mì nhân dân, 43,7 ha bắp. Ruộng mới vỡ hóa thêm được 72 ha, đất nà được 4,7 ha. Cả huyện huy động 10.646 công làm đập mương nước cho lúa. Đến năm 1974 có thể nói về căn bản nạn đói lâu năm đã chấm dứt.

Toàn huyện nỗ lực cải tiến nếp sống mới trong nhân dân. Nhiều tập tục cũ bị xóa bỏ. Đồng bào một số nơi biết uống nước sôi để nguội. Các xã khá trong phong trào giáo dục, y tế là Ba Động, Ba Đình, Ba Lâm, Ba Tầng. Ở hai xã Ba Lâm, Ba Lãnh có làng đạt danh hiệu ba sạch.

Tiếp tục đóng góp sức mình vào kháng chiến chung của toàn tỉnh, Đảng bộ và nhân dân Ba Tư quán triệt và làm tốt những chủ trương do Tỉnh uỷ đề ra. Cùng với đồng bào các huyện miền núi, nhân dân Ba Tư đã cử nhiều thanh niên nam nữ tham gia việc mở đường qua Dốc Cọp. Đây là công trình giao thông hết sức quan trọng của tỉnh nhằm thông suốt hành lang di chuyển lực lượng đánh vào tận đầu não của bọn ngụy quyền ở các huyện xung quanh Ba Tư. Ngày đêm không kể nắng mưa, thiếu thốn, thanh

niên và đồng bào Ba Tơ gắng sức hoàn thành nhiệm vụ và chỉ tiêu trên giao. Tháng 5 năm 1974, Tỉnh uỷ ra chỉ thị huy động nhân lực tiếp tục mở đường ô tô. Ba Tơ huy động 300 người, làm được 6.000 công. Tháng 6, có 150 thanh niên Ba Tơ xung phong 1 tháng làm đường tại công trường 2 (Trà Nâu - Nước Dầu). Đến tháng 7 chấp hành chỉ thị tiếp tục mở đường ô tô mới từ làng Trê đi Ba Điền, huyện đã huy động 350 người làm 1.500 ngày công.

Tháng 6 năm 1974, Đại hội lần thứ VII Đảng bộ huyện được triệu tập tại Cà La (Ba Lâm). Đại hội tổng kết những thắng lợi mà quân và dân huyện giành được sau gần 2 năm giải phóng. Đại hội nhận định đời sống cán bộ, chiến sĩ đồng bào được nâng lên rất nhiều, huyện nhà được giữ vững và ngày càng được xây dựng vững chắc. Đại hội đề ra nghị quyết tiếp tục giữ vững huyện, chấm dứt hoàn toàn nạn đói, nâng cao đời sống vật chất, văn hóa và tinh thần của nhân dân, góp phần tích cực vào việc giải phóng các xã còn lại của huyện Sông Hề và giải phóng toàn tỉnh.

Đại hội đã bầu đồng chí Phạm Văn Sáu làm Bí thư Huyện uỷ nhiệm kỳ mới.

Ở huyện Sông Hề, sau khi Hiệp định Pari được ký kết, ngụy quyền buộc phải thi hành một số điều khoản của Hiệp định. Mặt khác chúng lợi dụng địa bàn Giá Vụt lấn chiếm xuống Ba Tô, Ba Chi, Ba Tiêu, Ba Xa. Trên địa bàn huyện còn 1 chi khu, 1 sân bay, 6 chốt điểm, 3 khu đồn, 3 ấp chiến lược, 2 pháo 105 ly, 2 cối 106 ly, 3 cối 81 ly, 21 đại

liên, 2 ĐK57, 2 ĐK75. Lực lượng địch có 400 tên gồm 1 trung đội biệt động, 1 trung đội dân vệ, 3 trung đội phòng vệ dân sự, một trung đội thám sát.

Thực hiện âm mưu tràn ngập lãnh thổ, địch gây 25 vụ vi phạm trên đất ta bằng các cuộc càn nong, đánh phá ác liệt vùng căn cứ. Chúng củng cố lại Ủy ban hành chính phân khu, ổn định lại ấp trưởng, xã trưởng. Ở các ấp A, B, C, D, khu đồn Mân Leo, khu đồn Cha Bách, đồng bào ta còn bị chúng kẹp trên 2.000 người.

Tháng 12 năm 1972, Đại hội lần thứ IV Đảng bộ huyện được triệu tập tại Cà Diêu (Ba Ngạc). Đại biểu đại hội vô cùng vui mừng trước thắng lợi của đồng bào ở Ba Tơ và những thành tích của quân dân huyện nhà. Nhiệm vụ cụ thể của Đảng bộ trong nhiệm kỳ này là:

1. Đồng bào hai vùng tăng cường đoàn kết, đề cao cảnh giác trước mọi âm mưu của địch, giữ vững hòa bình ở vùng giải phóng, bảo vệ huyện Ba Tơ.

2. Vượt qua những khó khăn phức tạp quyết đánh thắng hoàn toàn kẻ thù, giải phóng huyện nhà.

3. Nhân dân vùng giải phóng muôn người như một đoàn kết cùng nhau xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội.

Đại hội đã bầu đồng chí Phạm Văn Hà làm Bí thư Huyện uỷ Sông Hề.

Đảng bộ lãnh đạo quần chúng đấu tranh với địch bằng nhiều hình thức phong phú, có hiệu quả. Ta chủ động tiếp xúc với binh lính và gia đình của họ để giải thích tuyên truyền những điều khoản của hiệp định, chính sách

của ta. Đã có hàng trăm binh lính án binh bất động tỏ rõ sự đồng tình với ta.

Đầu năm 1973, Huyện uỷ Sông Hrê tổ chức Đại hội đại biểu đoàn kết hòa hợp dân tộc có sự tham dự của cơ sở nội tuyến và đồng bào, binh lính từ vùng địch ra dự. Đại hội này đã có tác dụng rất lớn đến tư tưởng của đồng bào và binh lính trong vùng địch kẹp. Họ thấy được những điểm tốt đẹp của chính sách hòa hợp dân tộc và ưu việt của đời sống ở vùng giải phóng.

Lực lượng vũ trang và bán vũ trang của huyện lớn mạnh. Ở vùng giải phóng số lượng du kích đạt 10% dân số, ở vùng kẹp đạt 2%. Lực lượng ta trong năm 1973 tấn công địch liên tục 32 trận. Bằng 3 mũi giáp công, ta trung lập 1 trung đội biệt động, phá rã 1 trung đội Trường Sơn và một trung đội biệt động khác. Đến tháng 8 năm 1973, trên 1.000 quần chúng các xã (nhiều nhất là ở Ba Tô, Ba Chi) lần lượt trở về làng cũ.

Sang năm 1974, địch tăng cường phòng ngự, củng cố đồn ấp, không cho quần chúng ra vùng ta. Chúng tổ chức các cuộc hành quân đánh thọc sâu vào vùng giải phóng, các đường thồ, các trục hành lang, phục kích phá hoại cơ quan, lực lượng ta. Ngày 12 tháng 4, chúng bắn bị thương hai du kích xã Ba Hrê. Cuối tháng 4, chúng tăng cường thêm 100 quân đánh phá ác liệt vùng tranh chấp, giáp ranh. Tháng 5, chúng tung biệt động thọc sâu đánh phá bất ngờ lúc quân dân ta đang làm rẫy ở Nước Ca Lờ (Ba Vi). Chúng phục kích đường về của du kích ở Vã Ro ngày 23

tháng 7, bắn chết đồng chí Tất (giao bưu). Chúng cho các loại máy bay trinh sát L19, OV10, HUIA trinh sát các trục hành lang và dọc sông Re. Chúng dùng pháo bắn vào các vùng tranh chấp (thôn 1, 2 của Ba Tô, Ba Xa...) 52 lần với hơn 450 quả đạn pháo.

Chúng thường xuyên thanh lọc, kiểm soát gắt gao dân trong ấp. Cứ từ 2 đến 3 ngày, chúng vây ráp lùng sục dân một lần và không cho tập hợp từ 5 đến 7 người. Chúng khủng bố, bắt giam những người có liên quan với cách mạng. Tháng 4 năm 1974, chúng dùng xẻng chém chết vợ một lính rã ngũ ở Ba Tiêu để uy hiếp binh lính và đồng bào.

Do ta chủ quan lúc vừa chuyển sang giai đoạn mới, chưa nhận thức đầy đủ tình hình, chưa đánh giá hết âm mưu và thủ đoạn chống phá của địch, còn nhiều ảo tưởng hòa bình, hữu khuynh phát triển, coi nhẹ tấn công bằng quân sự nên địch có lần chiếm được gần hết vùng giải phóng Ba Tô, Ba Chi. Đảng bộ đã kịp thời uốn nắn những lệch lạc ấy, kịp thời củng cố và phát triển phong trào cách mạng.

Qua tình hình thực tế, nhận thức của Đảng bộ về địch, ta ngày một rõ ràng. Nhất là từ sau Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V, Đảng bộ chuyển biến mạnh tư tưởng chỉ đạo tấn công địch bằng vũ trang, thu hồi từng vùng bị địch lấn chiếm. Ở vùng giải phóng, đời sống nhân dân có nhiều thay đổi tích cực. Nhân dân đi lại làm ăn dễ dàng nhiều hơn trước. Việc giao lưu hàng hóa giữa hai vùng thuận lợi.

Đến giữa năm 1974, ở huyện Sông Hrê có 10 tổ hợp tác gồm 142 hộ với 664 người, 124 tổ đổi công gồm 1.596 hộ với 7.086 người. Đồng bào cấy được 6.405 ang lúa giống, vơ hóa cấy được 465 ang giống (tương đương 46,5 ha), cấy giống mới được 1.023 ang. Mì trồng được 2.520.200 gốc, 992 lợn dây lang và tía 300 kg bắp giống¹. Phong trào làm cỏ bón phân, làm đập thủy lợi phát triển khá. Đến giữa năm 1974, ở Huyện Sông Hrê đã nuôi được 850 trâu (trong đó có 222 con nghé).

Nhiều đội văn nghệ của các xã và của các cơ quan đã góp phần làm không khí làng xóm vui tươi, sôi động. Các tổ, nhóm tuyên truyền kịp thời phổ biến, đưa tin khắp nơi đến đồng bào. Ở huyện đã có dân 6 xã bắt đầu học bình dân (124 người), học phổ thông (343 em). Lực lượng vũ trang huyện mở được 1 lớp học chữ cho 18 chiến sĩ.

Tập trung mọi cố gắng trong chiến đấu và xây dựng, Đảng bộ và nhân dân Sông Hrê hướng đến mục tiêu đánh đuổi hoàn toàn kẻ thù khỏi Giá Vụt và các xã của huyện. Trong gần hai năm 1973, 1974 quân và dân Sông Hrê chuẩn bị sẵn sàng, chờ thời cơ tiêu diệt dứt điểm địch.

Được sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh uỷ và sự hỗ trợ to lớn của đồng bào các huyện anh em Ba Tơ, Sơn Hà, Minh Long, đúng 6 giờ 30 sáng ngày 19 tháng 9 năm 1974, các lực lượng vũ trang tỉnh và huyện bắt đầu nổ súng tiêu diệt chi khu Giá Vụt. Pháo ta đồng loạt nhả đạn chính xác vào

1. Xem: *Báo cáo 6 tháng đầu năm 1974 của Tỉnh uỷ Quảng Ngãi*. Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Quảng Ngãi.

các chốt điểm chung quanh chi khu và vào khu trung tâm, đập nát phần lớn công sự, lô cốt, hầm ngầm kiên cố của địch. Đến 9 giờ 20 sáng, ta chiếm lĩnh các chốt Hoen Ta, Hoen Líp, Hoen Mồm, Hoen Bao, Hoen Bà Non, Hoen Răng và ấp A. Riêng tại chốt Hoen Líp, ta diệt 80 tên, bắt sống 8 tên. Sáng ngày 20 tháng 9 ta tiếp tục tấn công vào khu trung tâm tiêu diệt các chốt điểm của địch còn lại. Đến 12 giờ trưa ta chiếm lãnh toàn bộ khu trung tâm, giải phóng toàn huyện Sông Hrê.

Trong chiến dịch, ta đã diệt 290 tên địch (trong đó có tên tiểu đoàn phó, 1 đại đội trưởng, bắt sống 223 tên trong đó có tên trung tá Ngọc - liên đoàn phó liên đoàn biệt động quân số 11, tên thiếu tá Khái - tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn biệt động 70) và 13 sĩ quan từ chuẩn úy đến trung úy. Ta hủy 2 pháo 105 ly, 1 cối 106 ly, thu trên 200 súng và rất nhiều đạn, thu trên 20 tấn gạo. Riêng lực lượng vũ trang huyện và du kích diệt 90 tên, bắt sống gần 100 tên, thu 138 tên.

Trên 3.000 đồng bào Kinh, đồng bào Hrê bị chính quyền Sài Gòn dồn vào các ấp nay thoát khỏi kìm kẹp, phần khởi gồng gánh của cải, lừa trâu bò trở về làng cũ¹.

Như vậy, từ ngày 20 tháng 9 năm 1974, trên mảnh đất quê hương thân yêu hoàn toàn sạch bóng quân thù. Đảng bộ Ba Tơ, đồng bào Ba Tơ đã làm tròn nhiệm vụ vẻ vang của mình "Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào".

1. Xem: *Tin chiến thắng*, số 15 ra ngày 25-9-1974. Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

Và hơn bao giờ hết, nhân dân Ba Tơ và Sông Hrê có đủ điều kiện tốt để góp phần cùng cả tỉnh, cả nước giải phóng tỉnh nhà và miền Nam.

Sau khi đánh đuổi được kẻ thù, hai Huyện uỷ tổ chức học tập chính huấn trong đảng viên và cán bộ về tình hình và nhiệm vụ mới. Qua học tập mọi đồng chí đảng viên và cán bộ đều được nâng cao một bước giác ngộ tư tưởng, nhận thức được trách nhiệm của mình trong thời kỳ mới.

Đảng bộ Sông Hrê và Ba Tơ tập trung sức lãnh đạo đồng bào khôi phục kinh tế và đời sống, giải quyết các vướng mắc do chiến tranh để lại. Nửa cuối năm 1974, đồng bào hai huyện khai hóa được 400 ha. Các phong trào tòng quân, đi thanh niên xung phong, đi dân công được phát động mạnh.

Đảng bộ hai huyện đã giải quyết tốt nơi ăn, chốn ở tạm thời cho đồng bào, binh lính mới về. Phong trào văn hóa văn nghệ, giáo dục mang màu sắc mới.

Trong công tác xây dựng đảng, việc xây dựng chi bộ là khâu then chốt được tiếp tục đẩy mạnh. Các chi bộ nói chung đủ sức hoàn thành các nhiệm vụ mà Tỉnh uỷ, Huyện uỷ đề ra. Nguyên tắc tập trung dân chủ trong chi bộ nhiều nơi thực hiện tốt. Đội ngũ cán bộ trưởng thành nhanh chóng và có nhiều kinh nghiệm. Nhiều cán bộ mới, cán bộ trẻ (hầu hết là cán bộ người Hrê) đã xuất hiện trong các phong trào. Nhiều đồng chí đã được bầu bổ sung vào cấp uỷ, các ban chấp hành ngành giới và đoàn thể.

Trong năm 1974, cả hai huyện phát triển được 37 đảng viên. Tổng số đảng viên đến tháng 01 năm 1975 ở

hai huyện là 685 đồng chí. Nhiều thôn trắng đã có đảng viên. Tuy nhiên trong lãnh đạo chiến đấu và xây dựng, Đảng bộ Ba Tư và Sông Hề còn chưa khắc phục được một số nhược điểm. Một số đồng chí cán bộ đảng viên còn mang tư tưởng chủ quan, thỏa mãn với thắng lợi, có biểu hiện bảo thủ. Một số đồng chí chưa nắm vững đường lối, nhiệm vụ chính trị trung tâm. Đã xuất hiện sự so bì, kèn cựa địa vị. Có một số đảng viên chưa thật sự hòa mình vào quần chúng, chưa làm tốt công tác tuyên truyền phát triển đảng. Cấp uỷ chưa quan tâm đúng mức công tác phát triển đảng viên mới. Quần chúng chưa được nhận thức sâu sắc về việc vào Đảng. Ở một số xã, số lượng đảng viên không tăng mà chỉ đủ bù vào số thoái hóa, biến chất (Ba Lế, Ba Khâm). Đảng bộ chưa chú ý nhiều đến việc xây dựng và lãnh đạo các đoàn thể. Trình độ văn hóa, trình độ lý luận chính trị của đội ngũ cán bộ còn chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ. Còn một số đồng chí mù chữ.

Tháng 12 năm 1974, Đại hội lần thứ V Đảng bộ huyện Sông Hề được triệu tập tại Cà Rây (Ba Tiêu). Đại hội đánh giá toàn bộ chặng đường kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của đồng bào huyện nhà và hướng về sự nghiệp giải phóng toàn tỉnh để quyết tâm đóng góp nhiều sức và của.

Đại hội bầu lại đồng chí Phạm Văn Hà làm Bí thư Huyện uỷ.

Bước sang năm 1975 trong thế đường cùng, không còn quân Mỹ ở bệ, chính quyền tay sai Nguyễn Văn Thiệu điên cuồng tăng cường mọi hoạt động quân sự, chính trị để

đánh phá ta. Đối với hai huyện ta, chúng tìm mọi cách phá hoại trật tự và gây khó khăn cho ta trong việc giao lưu hàng hóa, chi viện cho các huyện bạn. Trong tháng 1, tháng 2 chúng cấm ngặt việc trao đổi hàng hóa làm cho một số đồng bào hoang mang. Chúng dùng máy bay bắn rốc két, thả bom vào huyện, bắn pháo dọc các hành lang và sử dụng bọn gián điệp đột nhập, moi móc tin tức. Chúng tuyên truyền xuyên tạc cách mạng, hô hào sẽ chiếm lại những nơi đã mất. Chúng tung biệt kích rừng về lén lút hoạt động ở khu vực quanh huyện lỵ.

Với khí thế chiến thắng, bước vào xuân 1975, Đảng bộ hai huyện phát động chiến dịch ra quân sản xuất và bảo vệ quê hương. Từ tháng 1 đến tháng 3, hai Đảng bộ tổ chức đợt động viên chính trị trong Đảng và quần chúng học tập Nghị quyết 4 (khóa V) của Tỉnh uỷ. Đợt học này kéo dài 3 ngày, có 678 cán bộ quân, dân, chính xã, thôn, hầu hết đảng viên và 3.704 đồng bào tham gia.

Hai Đảng bộ tổ chức học tập chỉnh huấn toàn Đảng, học tập các nghị quyết của Huyện uỷ. Qua học tập, việc đoàn kết nội bộ được duy trì và củng cố. Những tư tưởng so bì, tính toán được uốn nắn kịp thời.

Diện tích sản xuất 3 tháng đầu năm 1975 tăng gấp đôi so với cùng kỳ năm trước. Nhân dân tích cực đẩy mạnh thâm canh, đề phòng sâu bệnh cho cây trồng, giải quyết căn bản nhu cầu lương thực và thực phẩm trong huyện. Nạn đói trong đồng bào chấm dứt. Một số đồng bào mua được hàng, trả được nợ và bán được lúa gạo cho cách mạng.

Công tác cải tạo ngục quân, ngục quyền, truy quét bọn tàn quân, trấn áp bọn phản động, được tiếp tục đẩy mạnh. Các gia đình binh sĩ đã yên tâm với cuộc sống và tham gia cách mạng. Năm 1974 - 1975 có 44 lớp phổ thông gồm 637 học sinh, 5 lớp bổ túc gồm trên 100 học viên đã khai giảng ở Ba Tơ. Phong trào xóa nạn mù chữ được quan tâm trở lại. Phong trào thực hiện làng 3 sạch, phòng chống bệnh tật, làm chuồng trâu kiểu mới, làm hố xí, đào giếng nước trở nên phổ biến.

Đóng góp cho chiến dịch xuân 1975 giải phóng toàn tỉnh, toàn miền Nam, đồng bào Ba Tơ đã cử 80 người con của mình vào các lực lượng cơ quan huyện, tỉnh. 150 thanh niên xung phong lên đường làm các tuyến giao thông phục vụ cho các chiến dịch. Tính đến tháng 2 năm 1975, đồng bào đóng góp và bán 176.910 kg gạo cho quỹ kháng chiến của tỉnh, vớt được trên 2.000 cây chông phục vụ việc bố phòng ở huyện và giúp các huyện khác.

Ngày 23 tháng 3 năm 1975, Tỉnh uỷ ra chỉ thị "Đẩy mạnh tổng công kích và khởi nghĩa toàn tỉnh", lực lượng vũ trang và đồng bào toàn tỉnh đã vùng lên xốc tới giáng những đòn quyết định vào bộ máy ngục quân, ngục quyền trong tỉnh. Ngày 24 tháng 3 năm 1975 tỉnh Quảng Ngãi hoàn toàn được giải phóng.

Cuộc kháng chiến trường kỳ suốt 21 năm chống kẻ thù tàn bạo và quỷ quyết đã kết thúc thắng lợi bằng chiến dịch Hồ Chí Minh giải phóng toàn miền Nam ngày 30 tháng 4 năm 1975. Chặng đường chiến đấu và xây dựng

đầy gian khổ và vinh quang đã khép lại. Cùng cả tỉnh, cả nước, nhân dân Ba Tơ bước vào kỷ nguyên mới của lịch sử dân tộc, với niềm tự hào to lớn và truyền thống đấu tranh cách mạng vẻ vang, càng thêm tin tưởng vào sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng.

KẾT LUẬN

Quá trình xây dựng, chiến đấu và trưởng thành của Đảng bộ huyện Ba Tư thuộc Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi qua các giai đoạn cách mạng từ ngày có Đảng (3-2-1930) đến khi cả nước được hoàn toàn giải phóng cả Bắc - Trung - Nam đều sạch bóng quân thù, chúng ta càng thấy rõ Đảng bộ và nhân dân huyện Ba Tư đã tạo dựng cho mình một truyền thống cách mạng kiên cường. Truyền thống vẻ vang này của Ba Tư xứng đáng được ghi công vào sổ vàng lịch sử của địa phương, của Quảng Ngãi cũng như của các phong trào cách mạng trên đất nước ta.

Nói cho đầy đủ, truyền thống này đã khơi nguồn từ chiều sâu lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc. Bằng chứng là ngay từ trước những năm 30 thế kỷ XX, các phong trào đấu tranh chống áp bức bóc lột và cường quyền của các tầng lớp nhân dân thuộc các dân tộc ở Ba Tư đã từng nổ ra liên tiếp, trong đó nổi bật là phong trào khởi nghĩa Tây Sơn. Nghĩa quân Tây Sơn đã từng có mặt ở Ba Tư và từng coi Ba Tư là một trong những căn cứ địa trọng yếu của mình. Đương nhiên, từ khi Đảng ra đời, trong cuộc đấu tranh lâu dài và quyết liệt chống lại ách thống trị của chủ nghĩa thực dân - trước là đế quốc Pháp kể đến

đế quốc Mỹ xâm lược - với địa thế hiểm yếu của núi non trùng điệp "voi phục hổ ngồi", Ba Tơ không những được coi là một căn cứ địa trọng yếu mà hơn thế nữa còn được coi là một "cái nôi" của phong trào cách mạng ở miền Trung. Hẳn chúng ta còn nhớ và như lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi đã ghi: ngay khi Đảng Cộng sản Việt Nam dưới sự lãnh đạo của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc ra đời vào ngày 3 tháng 2 năm 1930, thì sau đó chừng một tháng những người cộng sản ở Quảng Ngãi đã tuyên bố thành lập chi bộ cộng sản đầu tiên ở Quảng Ngãi (tháng 3 năm 1930) và thành lập Tỉnh uỷ lâm thời - Tỉnh uỷ ra đời vào loại sớm nhất so với các địa phương trong cả nước. Trong những nhiệm vụ được Tỉnh uỷ quan tâm trước hết là xây dựng và mở rộng các cơ sở cách mạng ra toàn tỉnh, trong đó Ba Tơ được coi là trọng điểm. Nhiều cán bộ cốt cán của Đảng bộ tỉnh đã được cử lên Ba Tơ hoạt động và chấp nối với nhiều địa phương khác, đặc biệt là chấp nối với các tù chính trị bị thực dân Pháp đày lên Ba Tơ tại các nhà tù với các tên gọi là các "căng an trí". Họ biến nhà tù của bọn thực dân thành những trung tâm đào tạo và rèn luyện cán bộ cách mạng về chính trị, về lý luận Mác - Lênin, về đường lối vận động cách mạng của Đảng, về các hình thức và biện pháp đấu tranh với địch, giáo dục và tổ chức quần chúng trong đồng bào các dân tộc thiểu số như Hrê, Co, thậm chí cả biện pháp phân hóa lực lượng kẻ thù như khơi dậy tinh thần yêu nước trong hàng ngũ binh lính địch người bản xứ và những phần tử thức thời trong tầng lớp trên của các dân tộc ở các buôn làng thuộc các huyện vùng cao Trà

Bồng, Tây Trà và Ba Tơ, v.v.. Qua đó xây dựng tình đoàn kết giữa đồng bào các dân tộc anh em sống trên địa bàn đấu tranh theo phương thức lấy "gậy ông đập lưng ông" đối với bọn thực dân. Nhờ có trận địa "ý Đảng lòng dân" luôn luôn được giữ vững và không ngừng củng cố nên trải qua các thời kỳ cách mạng 1930 - 1931, 1932 - 1935, 1936 - 1939, 1939 - 1945, nhất là thời kỳ 1954 - 1975 dưới ách kìm kẹp và khủng bố trắng cực kỳ ác liệt của đế quốc Mỹ và chính quyền bù nhìn của bọn Việt gian phản động tay sai, Đảng bộ và nhân dân Ba Tơ vẫn luôn luôn vững vàng vượt qua mọi thử thách, giành được hết thắng lợi này đến thắng lợi khác, vẫn đẩy tới phong trào đấu tranh trên tất cả các mặt trận bất chấp mọi gian khổ, hy sinh, bất chấp mọi "mưu ma chước quỷ" của kẻ thù. Trong những thành tích ấy nổi lên một chiến công tiêu biểu, vang dội cả nước, mãi mãi được nhắc đến như một chiến công hào hùng, đó là cuộc khởi nghĩa Ba Tơ thành công vào tháng 3 năm 1945. Cuộc khởi nghĩa được bắt đầu bằng việc tập hợp quần chúng nhân dân đội ngũ chính tề tiến hành cuộc mítting lớn tại sân vận động Ba Tơ sau biến thành một cuộc biểu tình thị uy với khí thế sôi sục cách mạng của quần chúng bao vây châu ly, đồn binh địch buộc binh lính và bọn tay sai ở châu ly đầu hàng. Toàn bộ ngục quyền của châu Ba Tơ buộc phải giao nộp vũ khí, giấy tờ, con dấu cho quân khởi nghĩa. Chính quyền địch ở châu ly nhanh chóng tan rã. Ủy ban nhân dân cách mạng Ba Tơ chính thức ra đời. Đội quân Du kích Ba Tơ là lực lượng vũ trang tại chỗ giữ vai trò xung kích trong nhiệm vụ trấn áp địch,

bảo vệ cách mạng, bảo vệ chính quyền và mọi mặt đời sống của nhân dân, trở thành một bộ phận quan trọng trong lực lượng vũ trang cách mạng góp phần quan trọng đưa đến thắng lợi của cuộc tổng khởi nghĩa Cách mạng Tháng Tám.

Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Ba Tơ còn là một minh chứng đầy sức thuyết phục cho tính đúng đắn và sáng tạo của Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 8 của Đảng, tháng 5 năm 1941 dưới sự chủ trì của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc họp tại Pác Bó - Cao Bằng liên quan đến việc xác định "nhiệm vụ chủ yếu trước mắt của cách mạng là giải phóng dân tộc". Nghị quyết này đã được Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi quán triệt trong chỉ đạo phong trào cách mạng tại địa phương và được Đảng bộ huyện Ba Tơ trực tiếp vận dụng và thực hiện thành công tư tưởng chỉ đạo của Nghị quyết Trung ương 8: "Cuộc cách mạng Đông Dương phải kết liễu bằng một cuộc khởi nghĩa vũ trang"... và "với lực lượng sẵn có, ta có thể lãnh đạo một cuộc khởi nghĩa từng phần trong từng địa phương cũng có thể giành thắng lợi mà mở đường cho một cuộc Tổng khởi nghĩa to lớn".

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thắng lợi, đã đem lại độc lập tự do cho nhân dân Việt Nam, trong đó có nhân dân các dân tộc ở huyện nhà. Nhưng chẳng bao lâu, với dã tâm xâm lược nước ta một lần nữa, thực dân Pháp đã tiến hành ráo riết đánh chiếm nước ta. Để bảo vệ nền độc lập và chế độ mới, nhân dân ta đã nhất tề đứng dậy theo "Lời kêu gọi" của Bác Hồ. Quán triệt và vận dụng sáng tạo

đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, dựa vào sức mình là chính, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Ba Tơ đã góp phần xứng đáng vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1954).

Tháng 7 vào năm 1954, thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và việc ký kết Hiệp định Giơnevơ đã tạo điều kiện cho nhân dân Việt Nam nói chung, nhân dân Quảng Ngãi nói riêng, trong đó có nhân dân Ba Tơ được hưởng một cuộc sống tốt đẹp trong hòa bình và thống nhất. Song với bản chất xâm lược, thay chân thực dân Pháp, đế quốc Mỹ lại tiến hành một cuộc chiến tranh xâm lược mới trên đất nước ta. Đồng bào miền Nam kể từ vĩ tuyến 17 trở vào trong đó có Quảng Ngãi và Ba Tơ lại phải tiếp tục đương đầu với cuộc chiến tranh thực dân mới ở miền Nam.

Ỗ vào thế lăm sừng, nhiều tiền và những thủ đoạn mới rất tinh vi và xảo quyệt, đế quốc Mỹ định bóp chết cách mạng miền Nam bằng máu lửa trong vòng 18 tháng: lúc đầu là "chiến tranh đặc biệt" với cố vấn Mỹ và quân ngụy tay sai, sau phải đôn lên thành "chiến tranh cục bộ" với lực lượng trực tiếp là quân lính Mỹ và quân các nước chư hầu, tiếp đó lại đến chiến tranh "Việt Nam hóa" để "thay màu da trên xác chết" trước những thất bại liên tiếp của chúng trên tất cả các loại hình chiến tranh của chủ nghĩa thực dân mới cùng với mọi chiến lược chiến thuật quân sự "tân kỳ" như "trục thẳng vận", "thiết xa vận", như bom từ trường, hàng rào điện tử, chất độc hóa học và ném bom rải thảm bằng pháo đài bay B52, v.v. hòng khuất

phục nhân dân miền Nam Việt Nam. Song với khí thế "Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước", "hễ còn một tên xâm lược trên đất nước ta thì ta còn phải chiến đấu quét sạch nó đi", với quyết tâm "không có gì quý hơn độc lập tự do", với tinh thần "miền Nam gọi miền Bắc đáp lời", "cả nước muôn người như một quyết đánh giặc Mỹ và thắng giặc Mỹ", v.v. một lần nữa truyền thống quật cường của dân tộc lại được phát huy đến cao độ, nhân dân và Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi nói chung, Đảng bộ cùng nhân dân các dân tộc anh em ở Ba Tơ nói riêng, là một bộ phận máu thịt của miền Nam tiền tuyến lớn "đi trước về sau", lại xốc tới với quyết tâm của người ở tuyến đầu chống Mỹ, cứu nước, góp phần đánh bại mọi hành động xâm lược dã man và độc ác của kẻ thù. Sự hy sinh về của về người là không sao kể hết. Chỉ có một điều không bao giờ lay chuyển và phai nhạt, đó là truyền thống cách mạng quật cường trong giữ nước và giải phóng dân tộc là không bao giờ thay đổi dù hoàn cảnh, điều kiện có thay đổi thế nào đi nữa. Tinh thần của khởi nghĩa Ba Tơ vẫn luôn luôn tiếp thêm sức mạnh cho những người cộng sản, đồng bào và chiến sĩ Ba Tơ hoàn thành bất cứ nhiệm vụ gì được giao. Truyền thống cách mạng Ba Tơ ngày càng được bồi đắp, trở thành một tài sản tinh thần vô giá mà các thế hệ con em Ba Tơ phải tiếp tục giữ gìn và phát huy.

Trong 45 năm đấu tranh giành độc lập rồi kháng chiến để bảo vệ độc lập và chế độ mới (1930 - 1975), Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Ba Tơ đã trải qua những thử thách vô cùng to lớn, chịu đựng hy sinh đầy xương máu để

giành và giữ quê hương. Qua đấu tranh và xây dựng Đảng bộ và đoàn kết các dân tộc trong huyện nhà đã hiện lên những tấm gương anh dũng, bất khuất, trung kiên mà muôn đời sau con cháu còn khắc ghi. Một số đồng bào, chiến sĩ các địa phương trong tỉnh, trong cả nước đã ngã xuống vì mảnh đất Ba Tư đời đời được toàn thể nhân dân các dân tộc Ba Tư thành kính biết ơn.

Trong các thời kỳ: đấu tranh giành chính quyền, hai cuộc kháng chiến lâu dài, khó khăn có nhiều, tổn thất và hy sinh rất lớn, nhưng Đảng bộ Ba Tư đã lãnh đạo phong trào cách mạng của đồng bào các dân tộc Ba Tư không chỉ bằng tinh thần dũng cảm kiên cường, lòng nhiệt tình yêu nước mà còn không ngừng tìm tòi, sáng tạo phương thức lãnh đạo đấu tranh sát hợp với tình hình địa phương có hiệu quả.

Từ những thành công và cả những hạn chế tồn tại, Đảng bộ có thể rút ra một số kết luận:

1. Linh hoạt, vận dụng sáng tạo đường lối chiến tranh toàn dân, toàn diện, tự lực cánh sinh của Đảng sát hợp với điều kiện cụ thể của địa phương trong từng giai đoạn cách mạng

Đảng bộ Ba Tư dựa trên cơ sở chủ trương, đường lối của Đảng và sự chỉ đạo của Đảng bộ cấp trên, đã định ra được sự chỉ đạo linh hoạt, sát hợp với hoàn cảnh của mình để đối phó có hiệu quả với âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù trong từng điều kiện cụ thể. Đảng bộ không chỉ bảo vệ được mà còn phát triển lực lượng cách mạng ngày càng

cao, tạo điều kiện khi có thời cơ là tiến lên giành thắng lợi quyết định. Từng nơi, từng lúc, Đảng bộ thực hiện sáng suốt đường lối đấu tranh toàn diện, vận dụng sức mạnh tổng hợp của cách mạng tạo nên thế trận chiến tranh nhân dân vững chắc. Bằng sự kết hợp thông minh và chủ động với các mũi đấu tranh (chính trị, quân sự, binh tế vận...), với các hình thức phù hợp, Đảng bộ lãnh đạo nhân dân các dân tộc Ba Tơ làm nên những chiến công lịch sử, xứng đáng với truyền thống đấu tranh bất khuất của các thế hệ cha anh để lại.

Để đạt được những thành công đó, Đảng bộ đã nắm chắc và kết hợp nhuần nhuyễn những yếu tố sau:

- Nắm vững chủ trương, đường lối, phương châm kháng chiến của Đảng và sự chỉ đạo của cấp trên.

- Nắm vững tính chất, đặc điểm của địa phương, đánh giá đúng âm mưu của địch từng thời kỳ.

- Chủ động, linh hoạt, dám nghĩ, dám làm và dám chịu trước Đảng và nhân dân các dân tộc sống trên mảnh đất Ba Tơ anh hùng.

2. Dựa vào nhân dân các dân tộc Ba Tơ, xây dựng khối đoàn kết toàn dân tộc, tạo cơ sở chính trị vững mạnh cho sự nghiệp giành chính quyền, cho hai cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện mà lực lượng vũ trang địa phương là nòng cốt

Đảng bộ Ba Tơ đã xác định mọi phong trào cách mạng ở địa phương chỉ có thể giành được thắng lợi khi dựa chắc được vào dân mà đồng đảo là đồng bào dân tộc Hre.

Đảng bộ Ba Tơ đánh giá đúng sức mạnh của nhân dân các dân tộc anh em, xem đó là chỗ dựa của phong trào cách mạng. Do đó, Đảng bộ không ngừng củng cố, mở rộng mặt trận đoàn kết; chống lại âm mưu chia rẽ, các thủ đoạn lôi kéo quần chúng của kẻ thù; phát huy cao độ truyền thống yêu nước của đồng bào các dân tộc anh em. Đảng bộ luôn luôn chăm lo đến đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào các dân tộc anh em, thực hiện đúng đắn các chủ trương, chính sách của Đảng đối với họ.

Chính vì vậy, Đảng bộ đã huy động được sức mạnh của đông đảo đồng bào, tập hợp được mọi tầng lớp nhân dân các dân tộc giành được thắng lợi vĩ đại trong công cuộc đấu tranh giành chính quyền, xây dựng nên cơ sở vững chắc cho công cuộc kháng chiến lâu dài. Trong kháng chiến, Đảng bộ chú ý xây dựng lực lượng vũ trang địa phương làm nòng cốt cho mọi hoạt động cách mạng. Đồng thời với việc tấn công địch phía trước, Đảng bộ còn chăm lo xây dựng và củng cố hậu phương ngày càng vững mạnh, đáp ứng mọi nhu cầu về sức người, sức của cho kháng chiến thắng lợi ở quê hương và toàn tỉnh.

3. Không ngừng xây dựng Đảng bộ vững mạnh, đủ sức làm hạt nhân lãnh đạo và tổ chức thắng lợi công cuộc kháng chiến

Quá trình đấu tranh giành chính quyền, kháng chiến chống thực dân Pháp, chống đế quốc Mỹ xâm lược diễn ra gay go, phức tạp đòi hỏi Đảng bộ phải vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Đảng bộ Ba Tơ đã phát huy cao độ

năng lực, vai trò của các cấp uỷ đảng từ huyện xuống cơ sở. Vì vậy, Đảng bộ đã giáo dục cho hầu hết đảng viên quán triệt đường lối chiến tranh nhân dân của Đảng, nắm chắc được tư tưởng chỉ đạo, các chủ trương, chính sách của Trung ương và Đảng bộ cấp trên. Đồng thời các đồng chí đảng viên của Đảng bộ nắm được nội dung công tác trong hoàn cảnh địa phương. Đảng bộ từng bước nâng cao sự hiểu biết về lý luận cách mạng, bồi dưỡng về phương pháp đấu tranh cho đảng viên và cán bộ. Đảng bộ thường xuyên giáo dục, rèn luyện ý chí phấn đấu, phẩm chất cách mạng cho từng đồng chí mà trước hết là lòng trung thành tuyệt đối với lý tưởng cộng sản. Đại đa số đảng viên của Đảng bộ có ý chí khắc phục khó khăn, sẵn sàng hy sinh vì sự nghiệp cách mạng, nêu cao tinh thần đoàn kết giữa Đảng với dân, nêu cao ý thức tổ chức kỷ luật.

Về tổ chức, Đảng bộ hết sức coi trọng việc xây dựng cơ sở Đảng và đội ngũ cán bộ các cấp, chú ý các địa bàn trọng yếu. Đặc biệt, Đảng bộ Ba Tơ chú ý xây dựng đội ngũ cán bộ trẻ, lực lượng vũ trang trong đồng bào các dân tộc thiểu số nhất là trong thế hệ trẻ và lực lượng phụ nữ.

Đảng bộ quan tâm sâu sắc đến việc khắc phục những lệch lạc về nhận thức tư tưởng, chính trị, thường xuyên củng cố chặt chẽ về tổ chức, đề cao kỷ luật Đảng. Nhờ đó, Đảng bộ trong những lúc khó khăn nhất, đã thể hiện được chất lượng lãnh đạo, vai trò tiên phong gương mẫu của cán bộ, đảng viên.

Nhân dân các dân tộc Ba Tơ từ trước đến nay, luôn luôn thể hiện lòng yêu quê hương đất nước, yêu dân tộc và

có ý chí chống ngoại xâm mạnh mẽ. Với niềm tin yêu vào Đảng, vào Bác Hồ và cách mạng, toàn thể đồng bào các dân tộc Ba Tơ từ lớn đến nhỏ, từ nam đến nữ đều đoàn kết một lòng một dạ đi theo tiếng gọi của Đảng. Sự hy sinh, mất mát to lớn của thế hệ cha anh đã làm rạng rỡ lịch sử đấu tranh và xây dựng của mảnh đất Ba Tơ.

Những truyền thống đấu tranh cách mạng quý giá mà Đảng bộ và nhân dân Ba Tơ để lại, kể từ khi có Đảng đến khi kết thúc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, có thể đúc kết thành ba vấn đề như sau:

- Đoàn kết, sáng tạo trong thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng.
- Kiên cường, bất khuất trong đấu tranh với kẻ thù.
- Tuyệt đối trung thành, tin tưởng ở sự lãnh đạo của Đảng.

Truyền thống đó đã từng được hun đúc từ những thời kỳ cách mạng trước đây, qua hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược đã được phát huy, tô thắm thêm và truyền lại cho những thời kỳ cách mạng tiếp theo, cho các thế hệ ngày hôm nay đang cùng nhân dân Quảng Ngãi và cả nước đưa công cuộc đổi mới, với trọng tâm là công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đang diễn ra trên mọi miền đất nước trong bối cảnh có hội nhập kinh tế quốc tế và kinh tế tri thức đến thắng lợi. Nhân dân ta nói chung, nhân dân các dân tộc Ba Tơ nói riêng, dưới ánh sáng đường lối của Đảng được vạch ra và ngày càng cụ thể hóa qua các Nghị quyết của Đại hội VI, VII, VIII và IX, cần tiếp tục vươn lên mạnh mẽ hơn nữa trong tư cách

người chủ của một nước có độc lập tự do đang phấn đấu thoát khỏi nghèo nàn lạc hậu để từng bước trở thành một nước có chế độ chính trị tiến bộ, có kinh tế phát triển, có nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, có đời sống xã hội văn minh hạnh phúc. Đây là một sứ mạng rất vẻ vang song cũng rất khó khăn.

Trong bối cảnh cách mạng cả nước vừa có nhiều thuận lợi vừa đứng trước nhiều thách thức khó khăn ấy, để đưa công cuộc đổi mới toàn diện ngày càng sâu sắc tại quê hương Quảng Ngãi, mà trước hết là tại ngay mảnh đất Ba Tư anh hùng, thì Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Ba Tư cần tiếp tục vươn lên đưa truyền thống cách mạng tốt đẹp đã được hun đúc trong trường kỳ lịch sử vào cuộc sống hôm nay trên mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội và an ninh quốc phòng, với nhiệm vụ chung nhất là đưa miền căn cứ địa cách mạng xưa tiến kịp miền xuôi, đưa cuộc sống của đồng bào các dân tộc ở địa phương ngày càng hạnh phúc về cả vật chất lẫn tinh thần, khối đoàn kết Kinh - Thượng ngày càng gắn bó keo sơn theo đường lối đổi mới toàn diện của Đảng và tư tưởng Bác Hồ.

Trong điều kiện công cuộc đổi mới đang được đẩy mạnh trên phạm vi cả nước hiện nay, ngoài những khó khăn chung, Đảng bộ và nhân dân Ba Tư còn có những khó khăn riêng gắn liền với đặc điểm của vùng căn cứ địa cách mạng thuộc vùng sâu vùng xa, có suối sâu đèo cao, có núi non hiểm trở, có khí hậu khắc nghiệt, v.v. từng đóng vai trò "rừng che bộ đội, rừng vây quân thù" trong kháng

chiến chống quân xâm lược, thì sau giải phóng có hòa bình xây dựng, bao nhiêu điều kiện được coi là thuận lợi ấy đều có thể dễ trở thành những khó khăn cho mở mang kinh tế, phát triển văn hóa, xây dựng hạ tầng kinh tế - kỹ thuật của xã hội mới, cho chuyển dịch cơ cấu mùa vụ cây trồng vật nuôi, đẩy mạnh sản xuất hàng hóa, thúc đẩy giao lưu với các địa phương khác trong vùng, trong tỉnh và nói rộng ra với cả nước, v.v.. Những tàn dư của quá khứ mà cụ thể là của nền kinh tế manh mún mang nặng tính tự nhiên, tự cấp tự túc, trình độ học vấn còn thấp, những tàn dư của lối sống du canh du cư cũng như một số phong tục tập quán lạc hậu trong một bộ phận không nhỏ cư dân đang sinh sống ở đây chưa phải đã khắc phục được nhiều. Thêm vào đó, các thế lực thù địch vẫn luôn luôn tìm cách lợi dụng những khó khăn của đồng bào để tuyên truyền xuyên tạc đường lối, chính sách của Đảng và Chính phủ, gây chia rẽ giữa tộc người này với tộc người khác, chia rẽ Kinh - Thượng và dùng mê tín dị đoan hoặc lợi dụng lòng tin tôn giáo của đồng bào để lôi kéo quần chúng, v.v.. Vì vậy, cuộc đấu tranh để xây dựng đời sống mới cũng như cuộc đấu tranh để bảo vệ Tổ quốc luôn luôn đòi hỏi Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Ba Tơ không ngừng biến truyền thống cách mạng kiên cường của ngày hôm qua thành hành động kiên cường vươn lên vượt khó, đưa công cuộc xây dựng quê hương không ngừng phát triển của ngày hôm nay. Ý nghĩa của việc bảo vệ, phát huy và không ngừng bồi đắp truyền thống chính là bắt nguồn từ nhận thức đúng đắn đó.

Ngày nay, truyền thống cách mạng kiên cường, nghị lực phi thường trong vượt khó, trí sáng tạo trong chiến thắng bất cứ kẻ thù nào mà kẻ thù cơ bản trước mắt là "nghèo nàn và lạc hậu", v.v. được Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Ba Tơ nhận thức ngày một sáng tỏ, ngày một cụ thể, sát hợp với thực tiễn địa phương. Nội dung các nghị quyết các kỳ Đại hội của Đảng bộ huyện kể từ khi thực thi đường lối đổi mới của Đảng, cho thấy quá trình trần trở và vươn lên trưởng thành của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Ba Tơ. Cứ đọc lại một phần nội dung của Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Ba Tơ lần thứ XV nhiệm kỳ 2000 - 2005 là thấy rõ điều vừa nêu. Nghị quyết đánh giá: "Qua 5 năm tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIV, mặc dù còn gặp nhiều khó khăn, nhưng với sự nỗ lực của toàn Đảng bộ, quân và dân huyện nhà nên đã đạt được những mục tiêu Nghị quyết đề ra, nền kinh tế tiếp tục phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên, cơ sở hạ tầng kinh tế và xã hội được tăng cường, bộ mặt nông thôn miền núi có nhiều đổi thay; sự nghiệp giáo dục, văn hóa, xã hội tiếp tục phát triển, quốc phòng an ninh được giữ vững; quản lý điều hành của Nhà nước được nâng lên, hoạt động của Dân vận, Mặt trận và các đoàn thể ngày càng sát cơ sở và phong phú; vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng được nâng cao, lòng tin của nhân dân đối với Đảng ngày một tăng...".

Mặc dù kết quả nêu trên mới chỉ là bước đầu, còn rất

nhieu phần khiêm tốn và chưa vững chắc, song Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Ba Tơ có đủ cơ sở để tin rằng trước kia trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Ba Tơ đã giương cao ngọn cờ cách mạng trong cứu nước, thì trong giai đoạn đổi mới hiện nay ngọn cờ ấy vẫn sẽ tiếp tục được giương cao trong sự nghiệp xóa bỏ nghèo nàn và lạc hậu, xây dựng quê hương ngày một văn minh, giàu mạnh.

**SỐ LIỆU TỔNG HỢP HUÂN, HUY CHƯƠNG,
THƯƠNG BINH, LIỆT SĨ, GIA ĐÌNH CHÍNH SÁCH,
ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN ĐƯỢC PHONG TẶNG DANH HIỆU
ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN,
ANH HÙNG LAO ĐỘNG
(TỪ NĂM 1930 ĐẾN NĂM 2005)**

I- SỐ LIỆU TỔNG HỢP HUÂN, HUY CHƯƠNG:

1. Huân chương Hồ Chí Minh	: 01
2. Huân chương Thành đồng	: 02
3. Huân chương Độc lập	: 27
4. Huân chương Lao động hạng I	: 01
5. Huân chương Lao động hạng II	: 02
6. Huân chương Lao động hạng III	: 11
7. Huân chương Giải phóng	: 52
8. Huân chương Kháng chiến (các hạng)	: 6.784
9. Huân chương Quân công hạng III	: 01
10. Huân chương Chiến công hạng III	: 01
11. Huy chương Kháng chiến (các hạng)	: 7.895
12. Bằng khen Kháng chiến	: 2.341

13. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ : 24
14. Bằng khen của Bộ, ngành Trung ương
và Quân khu V : 110
15. Bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh
và các sở, ngành : 564
16. Cờ thi đua của Thủ tướng Chính phủ : 12
17. Cờ thi đua của bộ, ngành Trung ương
và Quân khu V : 92
18. Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh : 47

II- SỐ LIỆU TỔNG HỢP LIỆT SĨ, THƯƠNG BINH, GLA ĐÌNH CHÍNH SÁCH

1. Tổng số liệt sĩ : 1.559
2. Tổng số gia đình liệt sĩ : 1.509
3. Tổng số thương binh : 496
4. Tổng số bệnh binh : 272
5. Tổng số gia đình chính sách : 829

III- SỐ LIỆU ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN ĐƯỢC PHONG TẶNG DANH HIỆU ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN, ANH HÙNG LAO ĐỘNG, BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG

1. Danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân

- Đơn vị : 19
- Trong đó: + Xã, thị trấn : 17
- + Huyện Ba Tơ : 1
- + Ban An ninh huyện (Công an huyện) : 1
- Cá nhân : 03

2. Danh hiệu Anh hùng lao động

- Đơn vị : 02

Trong đó:

+ Trong xây dựng xã hội chủ nghĩa (1975 - 1985)

Công ty Thương nghiệp Tổng hợp huyện

+ Trong thời kỳ đổi mới (1995 - 2004)

Nhân dân và cán bộ huyện Ba Tư

- Cá nhân : 0

3. Danh sách các Bà mẹ Việt Nam Anh hùng

Số TT	Họ và tên	Xã, thị trấn
1	Phạm Thị Trân*	Ba Thành
2	Phạm Thị Hia*	Ba Thành
3	Phạm Thị Nhi	Ba Thành
4	Phạm Thị Dãy	Ba Thành
5	Phạm Thị Ứ	Ba Thành
6	Phạm Thị Phúa	Ba Thành
7	Phạm Thị Rúi	Ba Thành
8	Phạm Thị Nau	Ba Thành
9	Phạm Thị Giải*	Ba Chùa
10	Phạm Thị B Lũa	Ba Chùa
11	Phạm Thị Rô	Ba Chùa
12	Phạm Thị CRí	Ba Chùa
13	Phạm Thị Kia	Ba Động
14	Nguyễn Thị Tầm	Ba Động
15	Nguyễn Thị Rốt	Ba Động
16	Nguyễn Thị Nữa	Ba Động

17	Trần Thị Long	Ba Động
18	Võ Thị Phục	Ba Động
19	Phạm Thị Nái*	Ba Điền
20	Phạm Thị Thị Táy*	Ba Liên
21	Phạm Thị Mà	Ba Liên
22	Phạm Thị Ngươi	Ba Liên
23	Phạm Thị Riêm	Ba Liên
24	Phạm Thị Meo	Ba Liên
25	Trần Thị Xuân	Ba Liên
26	Phạm Thị Cửa	Ba Dinh
27	Phạm Thị Nãi	Ba Tiêu
28	Phạm Thị Niễn*	Ba Vinh
29	Phạm Thị Lìa	Ba Vinh
30	Phạm Thị Nây	Ba Vinh
31	Phạm Thị Bằng	Ba Vinh
32	Phạm Thị Nhân	Thị trấn Ba Tơ
33	Phạm Thị Ngôn	Ba Xa
34	Tô Thị Thông	Đức Phổ
35	Huỳnh Thị Nho	Đức Phổ
	Tổng cộng:	35
	Trong đó:	- Còn sống: 06 (có đánh dấu *) - Đã mất: 29

DANH SÁCH CÁC ĐỒNG CHÍ BÍ THƯ HUYỆN ỦY, CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

I- BÍ THƯ

A. Giai đoạn 1930 - 1945

1. Trần Hàm¹
2. Trần Toại
3. Nguyễn Quang Mao

B. Giai đoạn 1945 - 1954

4. Huỳnh Thận
5. Nguyễn Trí
6. Lê Phó
7. Nguyễn Tiến Cang
8. Hồng Kỳ
9. Nguyễn Quyết
10. Đồng Xuân Liêu

C. Giai đoạn 1954 - 1975

11. Trương Quang Bích
12. Đình Cày (Lãnh)²

1. Bí thư Chi bộ Bãi Ri.

2. Bí thư Huyện uỷ Khu VI (Sông Hrê).

13. Đinh Mô (Mười)¹
14. Nguyễn Quang Lưu
15. Đinh Xuân Trâm
16. Đinh Văn Lát²
17. Phạm Văn Sáu
18. Phạm Văn Hà³
19. Quốc A Soa

II- CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

A. Giai đoạn 1945 - 1954

1. Huỳnh Thanh
2. Đinh Khanh

B. Giai đoạn 1954 - 1975

3. Phạm Đức Trinh (huyện Ba Tơ)
4. Phạm Văn Đơn (huyện Sông Hề).

1. Bí thư Huyện uỷ Ba Minh.
2. Bí thư Huyện uỷ Khu VI Sông Hề.
3. Bí thư Huyện uỷ Khu VI.

PHÂN THƯỞNG TRONG NGÀY LỄ AN DÂN TẠI XÃ BA XA (12-01-1951)

1. Dân quân Ba Tiêu đánh lui được phiến loạn tiến vào xã mình thưởng 1 trâu mặt*.

2. Ủy ban Kháng chiến hành chính xã Ba Tiêu nắm chặt được nhân dân trong lúc Già Kiêu tuyên truyền thưởng 1 trâu mặt.

3. Ủy ban Kháng chiến hành chính và dân quân xã Ba Ngạc có công nắm chặt được nhân dân thưởng 1 trâu mặt.

4. Ủy ban Kháng chiến hành chính và dân quân xã Ba Tô có công nắm chặt được nhân dân và tham chiến tích cực, thưởng 1 trâu mặt.

5. Chị Nam vợ Đinh Boon xã Ba Chi đã kêu chồng là rể Già Kiêu, được thưởng 1 cây tư xanh 20 thước.

6. Chị Mua (Ba Tô) có chồng ở Ba Xa về báo tin Già Kiêu làm loạn và cho biết trước nhất tình hình Ba Xa, được thưởng 1 cây tư xanh** 20 thước.

7. Đinh Va trung thành với Chính phủ trong lúc bị

* Trâu mặt: là con trâu dực to, béo.

** Cây tư xanh: cây tư vải xanh.

giặc uy hiếp, mọi cách đắc lực dẫn đường cho bộ đội trong trận đánh, thưởng 2 trâu mặt.

8. Đình Nứt nông nô của Già Kiêu trốn về không chịu di lĩnh súng ở đồn Công Plông và chỉ các hầm chôn hàng của chủ cho ta, thưởng 2 trâu mặt.

9. Đình Nach dẫn đường cho bộ đội bắt được Già Kiêu, thưởng 2 trâu mặt.

10. Đình Para Hương đưa thư cho đầu sỏ Vọt Rang, lấy tin tức báo cáo tình hình Ba Xa, thưởng 1 trâu mặt.

11. Đình Nia xã Ba Tô, trung thành, tận tụy giúp ta trước và sau trận đánh, thưởng 1 trâu mặt.

12. Đình Huya, Đình Nhép, Đình Ren, Đình Ricon ở Ba Vì mỗi người 2 chiếc bẫy*.

Tổng cộng: 12 trâu mặt, 2 cây tư xanh, 8 chiếc bẫy.

30-01-1951

TM. BAN PHỤ TRÁCH

MẶT TRẬN MIỀN TÂY

Chỉ huy trưởng

Đã ký: PHẠM KIỆT

* Chiếc bẫy: nổi bẫy.

LỜI TUYÊN CÁO CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CÁCH MẠNG BA TỶ

Thưa toàn thể đồng bào Việt Nam thân ái. Nước ta hơn 80 năm mất về tay quân Pháp; đồng bào ta hơn 80 năm sống kiếp đọa đầy; quân Pháp quá tham lam, chúng hút máu chúng ta như đĩa đổi. Nước Pháp vừa bị mất, tên phản quốc Pétain liền đầu hàng bọn quốc xã Hitler thì ở Đông Dương thằng Decoux, đồ đệ trung thành của nó cũng quy hàng theo Nhật, làm tay sai cho phát xít Nhật hoàng.

Chúng nó toa rập nhau bóc lột đồng bào ta đến tận xương tủy; nào tăng gia sưu thuế, quốc trái lạc quyền, tịch thu xe ngựa, hạn chế tất cả các thứ nhu cầu làm cho đồng bào ta sống dở chết dở.

Đến giờ đây cuộc chiến đấu dân chủ chống phát xít đã bước vào giai đoạn mới, quân Đồng minh Anh, Mỹ, Nga đã quét sạch phát xít Đức, Ý ở Âu châu, tấn công ráo riết ở Á, Úc châu; chiếm cứ gần hết căn cứ quan trọng của Nhật, đánh ngay vào đất Nhật làm cho phát xít Nhật không kịp trở tay, lực lượng Nhật đến ngày tan vỡ, hơn nữa cộng hòa dân chủ DeGaulle thành lập ảnh hưởng đến thời cuộc Viễn Đông làm cho bọn phát xít ở Đông Dương muốn lợi chiếm độc quyền cũng âm mưu chống Nhật, sợ thừa Anh, Mỹ đổ

bộ, phát xít Pháp hưởng ứng bên trong nên Nhật cũng chẳng ngại gì nuôi ong tay áo.

Ngày 25 tháng giêng là ngày mở màn để diễn trò hề thay thầy đổi chủ ở xứ này, phát xít Nhật lột khí giới phát xít Pháp, nhờ bọn Việt gian ủng hộ, Nhật nắm chắc về mọi phương tiện kinh tế, chính trị cũng như quân sự, ngoại giao để chúng tha hồ động viên nhân lực, tài lực chống phe dân chủ. Thế là nước ta từ nay hoàn toàn đã nằm trong tay phát xít Nhật, xứ ta ngày nay đã chính thức biến thành ra bãi chiến trường ghê gớm, đồng bào ta phải đổ máu chết chóc với bom đạn Đồng minh và diệt vong này, hai mươi triệu đồng bào chẳng lẽ ngồi yên chờ chết?

Không, quyết không, Ủy ban nhân dân cách mạng Ba Tơ theo tiếng gọi của giang sơn, nhận thấy nhiệm vụ nặng nề lịch sử phó thác đã mạnh mẽ tiên phong phát cờ khởi nghĩa tiếp tục hưởng ứng đồng bào Nam Kỳ và đội du kích Bắc Sơn dựng lên chính quyền cách mạng Ba Tơ. Chính quyền cách mạng Ba Tơ là một bộ phận khăng khít của chính quyền cách mạng toàn quốc, là phần tử chống phát xít của mặt trận dân chủ của thế giới.

Chính quyền cách mạng Ba Tơ thi hành những nhiệm vụ của cuộc dân tộc giải phóng đánh đuổi phát xít Nhật, tẩy sạch phát xít Pháp ở Đông Dương làm cho nước Việt Nam hoàn toàn độc lập, dựng lên Chính phủ Tân dân chủ do toàn dân bầu ra để bảo vệ và ban bố các quyền tự do dân chủ cho tất cả các tầng lớp nhân dân.

Ủy ban cách mạng xin kêu gọi toàn thể đồng bào sẵn sàng ủng hộ chính quyền cách mạng Ba Tơ, mau mau

chuẩn bị lực lượng cho kịp thời cơ để tổng cổ quân Nhật ra khỏi nước nhà, tình thế đã cấp bách, cơ hội đã đến rồi, lực lượng quân đội Đức, Ý rồi Nhật đã đến lúc diệt vong. Đồng minh Anh, Mỹ, Nga đã đến ngày toàn thắng, Mặt trận Kháng chiến Trung Hoa đã đến ngày rực rỡ, cách mạng Việt Nam đã đến ngày thành công.

Hỡi đồng bào! Lúc này hơn lúc nào hết, đồng bào hãy mau mau đoàn kết lại không phân biệt già trẻ, gái trai, không phân biệt giàu nghèo sang hèn, không phân biệt tôn giáo đảng phái nào, hễ ai là dòng giống máu mủ của Việt Nam, phải chung lưng đấu cật góp tài góp sức tham gia cuộc chiến đấu giải phóng để đem lại độc lập chân chính cho nước nhà.

Chúng tôi Ủy ban nhân dân cách mạng Ba Tơ, xin đứng thề trước đồng bào, cố noi theo vết chân của tiền nhân, rửa hờn cho giống nòi, báo thù cho Tổ quốc.

Một lần nữa, Ủy ban chúng tôi xin kêu gọi đồng bào gia nhập vào các hội cứu quốc, tiếp tục hưởng ứng bạo động, ủng hộ chính quyền cách mạng Ba Tơ, cùng nhau hô to và thực hành 6 khẩu hiệu:

1. Đánh đuổi phát xít Nhật.
2. Tẩy sạch phát xít Pháp Đông Dương.
3. Trừng trị bọn Việt gian thân Nhật.
4. Bắt tay Anh, Mỹ.
5. Liên minh với Tàu.
6. Việt Nam hoàn toàn độc lập.

BẢN KỶ LUẬT ĐỘI DU KÍCH BA TƠ

- Người nào phản bội du kích cứu quốc.
- Đào ngũ.
- Lúc đánh trận hay hành quân mà chống lại mệnh lệnh của cấp chỉ huy.
- Cướp phá tiền của, tài sản vật của dân chúng, dùng võ lực bắt buộc dân làm việc cho mình.
- + Mấy điều kỷ luật:
 - Bất kỳ lúc nào cũng phải luôn luôn chú ý đến những tiếng còi hiệu và phải lập tức thi hành.
 - Giờ chào cờ phải hết sức nghiêm trang.
 - Khi ra một mệnh lệnh gì phải có sự đồng ý của chỉ đạo viên.
 - Trong lúc canh gác không được ca hát, hút thuốc, chuyện trò hay làm việc khác, nhất là không được bỏ chỗ gác, không được rời vũ khí.
 - Trong quân ngũ có điều gì bất bình, có thể đưa ra toàn thể xét xử, cấm không được nói xấu vắng mặt.
- + Những điều cốt yếu của người lính du kích:
 - Hy sinh dũng cảm, hăng hái, siêng năng để phụng sự Tổ quốc.

- Tuyệt đối phục tùng chỉ đạo viên.
- Kiên nhẫn chịu đựng mọi điều cực khổ, ăn nói có lễ độ với tất cả mọi người.
- Không được lấy của công làm của riêng.
- Luôn luôn giúp đỡ dân chúng, khi đóng quân cũng như rút quân, phải giữ nhà cửa của dân chúng cho sạch sẽ.
- Mua bán phải giữ lẽ công bằng, không được lấy không của ai dù là một cây kim sợi chỉ. Khi mượn ai vật gì, lúc đi phải trả lại đủ, làm hư hỏng phải bồi thường minh bạch.
- Không được hút sách say sưa...

PHEN NÀY TA QUYẾT ĐỨNG LÊN

Trần Toại

*Điều thú lâm cùng du quất trát,
Huống chi người lửa hận quạt vào gan?
Bảy mươi năm kế quỷ mưu gian,
Đế quốc Pháp bạo tàn thêm rõ mặt.
Ách áp bức ngày càng hà khắc:
Máu xương ta nạo vét đã tiêu khô!
Đất nước ta dôn tới chỗ cùng đồ!
Kêu xin thì nó hành hồ thẳng tay.
"Văn minh" chỉ lăm hời bay?
Gặm xương hút máu nhân loài gớm ghê?
Đốt nhà phá xóm thảm thê,
Khảo tra bắn giết không hề nể nang.
Làm cho thân nát xương tan,
Thịt da rời rã máu tràn thây phơi.
Bây ý có quân bấy, súng đội,
Bủa vây lòng lợi khắp thôn quê.
Bắt người nọ giết người kia,
Lừa bòn cướp gạo mang về uống ăn,
Phá chùa, đập phật, hiếp dân.
Văn minh của kiểu thực dân trị vì.*

Bắt ta khuất khúc thuận quy,
Chúng ta càng phải nghĩ suy thế nào?
Nó thì thành rộng lầu cao,
Tài nguyên của cải vơ vào trong tay.
Còn mình nằm giữa chông gai,
Gia đình tan nát hình hài nổi trôi.
Biết bao sóng dập gió dồi,
Làm thân nô lệ nghĩ thôi đoạn trường!
Cuộc đời lâm cảnh tang thương,
Bởi quân cướp nước với phường buôn dân.
Phen này ta quyết đứng lên,
Phá tan xiềng xích dựng nên cơ đồ.
Hỡi anh chị em! Hãy tung hô:
Hướng theo cờ Đảng tự do tung hoành.
Đánh cho lũ giặc tan tành,
Nước nhà độc lập, gia đình ấm no!

(Cuối năm 1930)

XẢ THÂN VÌ NGHĨA

Nguyễn Quang Mao

*Lẳng lẳng mà nghe
Cái vẻ phong, thực
Ai mạnh thì được
Ai yếu thì thua
Không mất tiền mua
Thắng tay cướp, giết*

*Giờ ta phải biết:
Tự cứu lấy mình
Cứu lấy non sông:
Con Hồng cháu Lạc
Noi gương bất khuất
Nổi gót ông cha
Tái tạo sơn hà
Xoay trời đất lại
Xả thân vì nghĩa
Dẹp lũ tham tàn
Quét sạch xâm lăng
Thoát vòng cương tỏa
Bền gan sắt đá*

*Gian khổ không sờn
Thề quyết hy sinh
Theo cờ của Đảng
Đường đi đã sáng
Mở rộng đất trời
Nổi dậy khắp nơi
Tơ bời khói lửa
Vua quan khiếp sợ
Đế quốc kinh hoàng
Khắp cả xóm làng
Về tay Cách mạng
Thuế máu đàn ông
Tô tức phải lùi
Tăng công cấy cày
Nâng lương thuyền thợ
Bãi công bỏ chợ
Đi lại cũng ngừng
Hoãn chuyện học hành
Không vào tuần đình
Không làm binh lính
Quay súng trở về
Giữ trọn tình quê
Con dân nước Việt
Lập ra Xôviết
Của công nông binh
Theo nước Xô Liên
Dựng nền cộng sản
Trời xuân lồng lộng*

*Hạnh phúc đủ đầy
Áp bức tiêu trừ
Lâm than tiêu diệt
Sống tình đoàn kết
Chung sức chung lòng
Kẻ mạnh góp công
Người già góp trí
Đua tài gắng chí
Xây dựng ngày mai
Rạng rỡ tương lai
Đời người lao động
Nước nhà hưng vượng
Thế giới đại đồng
Không có chiến tranh
Không còn bóc lột
Cất cao tiếng hát
Dào dạt tình thương
Rộng cảnh thiên đường
Thái bình cộng hưởng
Con dân Núi Ấn
Tắm mát sông Trà
Sống mãi không già
Cùng trời đất Việt
Mấy lời tha thiết
Phân rõ thiệt hơn
Gửi anh chị em
Đồng bào đồng chí
Ta nên nghĩ kỹ*

*Nghĩa vụ thiêng liêng
Dũng cảm xông lên
Theo lời Đảng gọi
Tổ quốc mong đợi
Sức mạnh chúng mình
Chuyển núi dời sông
Tiến lên hơn nữa
Mặc địch trả đũa
Khủng bố hành hung
Cướp của phá làng
Bắn giết tràn lan
Ta không lùi bước
Nó càn lấn lướt
Trong cuộc hơn thua
Nhiều trận gió mưa
Mới thành lụt bão
Đời chưa tanh ráo
Máu lửa còn dâng
Nhiều trận ra quân
Cuối cùng tất thắng
Trời đã hùng sáng
Càng rạng chí hùng
Thêm hăng chiến đấu
Tới! Mau tiến tới
Hỡi anh chị em mình!*

(Cuối năm 1930)

(Bài này tác giả làm trong cao trào 1930 - 1931)

CHÀO ĐẢNG TA RA ĐỜI

Trần Toại

*Giữa lúc non sông ứa mạch sâu
Nào nùng tiếng Cuộc đời canh thâu
Vùng hồng vụt sáng chân trời mới
Tay trắng vùng lên bắt nhịp cầu
Thiên đấng Cộng sản cao Xôviết!
Mạch sống dân quyền cuộn ngũ châu!
Giấc mộng nghìn thu giờ đã rạng
Bờ tre góc phố dậy cao trào!
Cao trào cờ phất trống rền vang
Cuồn cuộn dâng lên hận nước tràn
Bước chân lẫm đất vùng liềm búa
Ngọn bút hoen bùn đội thép gang
Lưỡi lê hòng súng đều ngã gục
Áo mao cân đai thấy cúi hàng
Cơm no áo ấm tuy chưa toại
Một ngày tự chủ thật là sang!*

(Năm 1930)

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
<i>Lời nói đầu</i>	7
 <i>Phần mở đầu</i>	
ĐẶC ĐIỂM ĐỊA LÝ - KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ TRUYỀN THỐNG QUÊ HƯƠNG BA TƠ ANH HÙNG	11
I- Đặc điểm địa lý - kinh tế - xã hội	11
II- Truyền thống cần cù trong lao động và kiên cường bất khuất trong đấu tranh	21
 <i>Phần thứ nhất</i>	
SỰ RA ĐỜI TỔ CHỨC ĐẢNG Ở BA TƠ; NHÂN DÂN BA TƠ DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG BỘ BA TƠ TRONG THỜI KỲ ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930 - 1945)	29
<i>Chương I: Đảng bộ Ba Tơ ra đời lãnh đạo nhân dân tham gia cao trào cách mạng 1930 - 1931</i>	29
<i>Chương II: Đảng bộ Ba Tơ lãnh đạo nhân dân đấu tranh trong phong trào chống phản động thuộc địa, đòi hòa bình, dân sinh và dân chủ trong những</i>	41

năm 1932 - 1939

Chương III: Khởi nghĩa Ba Tơ - khởi nghĩa giành chính quyền trong cao trào Cách mạng Tháng Tám (1939 - 1945)	54
---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----------

Phần thứ hai

ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN BA TƠ TRONG GIAI ĐOẠN CÙNG CẢ TỈNH, CẢ NƯỚC ĐƯA CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP ĐẾN THẮNG LỢI (8-1945 - 7-1954)	57
-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----------

Chương IV: Năm đầu xây dựng chế độ mới, chuẩn bị tham gia kháng chiến (8-1945 - 12-1946)	87
-------------------------------------------------------------------------------------------------	-----------

Chương V: Xây dựng và bảo vệ căn cứ địa cách mạng, đóng góp sức người, sức của cho thời kỳ đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1947 - 1949)	99
--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----------

Chương VI: Ổn định và bảo vệ hậu phương vững chắc, đánh bại âm mưu lấn chiếm của địch, tích cực góp phần đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đến thắng lợi hoàn toàn (1950 - 7-1954)	111
--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------

Phần thứ ba

ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN BA TƠ TRONG GIAI ĐOẠN KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC (7-1954 - 4-1975)	135
---------------------------------------------------------------------------------------------------	------------

Chương VII: Đấu tranh chính trị đòi địch thi hành Hiệp định Giơnevơ; bảo vệ và xây dựng lực lượng cách mạng; chống "tố cộng", "diệt cộng", tiến đến diệt ác, trừ gian,	135
-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------

làm chủ vùng cao (7-1954 - 1959)

<i>Chương VIII:</i> Tham gia đánh bại chiến lược "chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ (1960 - 1965)	166
<i>Chương IX:</i> Tham gia đánh bại chiến lược "chiến tranh cục bộ" của đế quốc Mỹ (1965 - 1968)	202
<i>Chương X:</i> Tham gia đánh bại chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của đế quốc Mỹ, giải phóng huyện Ba Tư (1969 - 1972)	228
<i>Chương XI:</i> Xây dựng và bảo vệ quê hương; chống địch lấn chiếm; tham gia giải phóng huyện Sông Hrê, giải phóng toàn tỉnh và toàn miền Nam (1973 - 1975)	261
Kết luận	286
Phụ lục	301

Chịu trách nhiệm xuất bản:

TRỊNH THỨC HUỲNH

Chịu trách nhiệm nội dung:

TS. LÊ MINH NGHĨA

Biên tập nội dung:

ĐÌNH LỤC

NGUYỄN MINH HƯỜNG

Trình bày, bìa:

PHÙNG MINH TRANG

Chế bản vi tính:

BÙI THỊ TÁM

Sửa bài, đọc sách mẫu:

NGUYỄN MINH HƯỜNG

In 2.000 cuốn, khổ 14,5 x 20,5cm, tại Công ty in Thái Nguyên.

Giấy phép xuất bản số: 167-1329/CXB-QLXB, cấp ngày 12-8-2005.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 9 năm 2005.

Giá: 55.000d



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ Q

24 Quang Trung - Hà Nội

ĐT: 9422008

FAX: 84-4-9421881

E-mail: nxbctqg@hn.vnn.vn

Website: www.nxbctqg.org.vn

TÌM ĐỌC

Đảng Cộng sản Việt Nam

**- VĂN KIẾN ĐẠI HỘI ĐẢNG THỜI KỲ ĐỔI MỚI
(ĐẠI HỘI VI, VII, VIII, IX)**

60 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2 - 9

**- CÁCH MẠNG THÁNG TÁM TRONG TIẾN TRÌNH
LỊCH SỬ DÂN TỘC**

Đảng Cộng sản Việt Nam

Ban Chấp hành Trung ương

**- MỘT SỐ QUY ĐỊNH CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ
CỦA CÁC ĐẢNG BỘ, CHI BỘ CƠ SỞ**